



THÔNG TIN DẠY & HỌC

CHÀO MỪNG:

- ❁ 80 NĂM THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22.12.1944 - 22.12.2024); 35 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22.12.1989 - 22.12.2024)
- ❁ 69 NĂM TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH (26.12.1955 - 26.12.2024)



81
12 - 2024

TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH
Lưu hành nội bộ



Ban Chỉ đạo:

Ban Thường vụ Đảng ủy Trường Sĩ quan Công binh

Ban Biên tập:

Đại tá, TS Nguyễn Duy Cảnh
 Đại tá, ThS Trần Thanh Khôi
 Đại tá, ThS Trần Việt Hùng
 Đại tá, TS Vũ Công Hoàng
 Đại tá, ThS Đào Mạnh Cảnh
 Đại tá, TS Phạm Nguyễn Ngọc Anh
 Thượng tá, ThS Nguyễn Đức Sứ
 Đại tá, TS Phạm Đình Phô
 Thượng tá, ThS Hoàng Anh Tuấn
 Đại tá, TS Phan Thanh Cầu
 Thượng tá, ThS Trần Huy Hùng

Ban Thư kí:

Thượng tá, ThS Trần Huy Hùng
 Trung tá, KS Phan Huy Anh
 Trung tá, ThS Vương Khả Thanh
 Thiếu tá QNCN Thân Văn Quyết

MỤC LỤC

<i>Nội san 81</i>		<i>Trang</i>
TRẦN THANH KHÔI	Nhà trường là nền tảng; học viên là trung tâm; thầy cô là người dẫn dắt, lan tỏa và truyền cảm hứng	3
NGUYỄN ĐỨC SỨ	Tự hào truyền thống 80 năm Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng	9
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH		
PHẠM VĂN DUY	Nhận diện, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc trên không gian mạng	15
HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH		
NINH VĂN DÂN TẠ VĂN QUYẾT	Giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về "Đức" và "Tài" trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay	22
TRẦN THANH HỮU	Bồi dưỡng phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên ở các nhà trường quân đội	26
MÔ HÌNH, CÁCH LÀM HAY; GƯƠNG NGƯỜI TỐT VIỆC TỐT		
NGUYỄN VĂN HÀ	Tấm gương sáng từ mô hình "đôi bạn cùng tiến"	30
NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI		
PHẠM NGUYỄN NGỌC ANH	Tăng cường hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng Nhà trường vững mạnh toàn diện, "mẫu mực, tiêu biểu"	32
NGUYỄN ĐÌNH ANH PHAN HOÀNG VŨ	Nguồn gốc lịch sử và nét văn hoá tốt đẹp của Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	37
NGUYỄN VĂN VÂN NGUYỄN THẾ HUỖNH	Thực trạng và giải pháp tăng cường luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay	40

NGUYỄN PHÚ NGUYỄN NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	Khái quát về triết lí giáo dục và đề xuất yêu cầu, quy trình xây dựng triết lí giáo dục ở Nhà trường hiện nay	44
HUỶNH DŨ CƯỜNG TRẦN HUY HÙNG	Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay	53
TRƯƠNG VĂN HẬU NGUYỄN SĨ THUẬN	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đóng quân canh phòng ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay	57
TRẦN XUÂN HOÀ	Phòng chống UAV, vũ khí công nghệ cao của tiểu đoàn bộ binh vận động tiến công ở địa hình miền Đông Nam Bộ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	61
LŨ SỸ NGUYỄN	Một số kinh nghiệm trong nâng cao năng lực “chủ trì về chính trị” của chính trị viên đại đội ở Trường Sĩ quan Công binh	66
BUI ĐÌNH UYÊN	Những tiêu chí cơ bản trong đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên Trường Sĩ quan Công binh	71
HOÀNG MINH HÙNG NGUYỄN ĐẠI PHONG	Một số nội dung cần nắm vững để hoàn thành tốt nhiệm vụ đạo diễn quân sự trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cho học viên sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học tại Trường Sĩ quan Công binh	75
TRẦN ĐẠI DŨNG VŨ QUANG HUY	Giải pháp kĩ thuật gia cố nền đường quân sự	81
TRẦN HỮU CHUNG LÊ VĂN HIẾU	Bộ đội Công binh xây dựng công trình biển đảo	87
HOÀNG KỶ NAM HOÀNG VIỆT NAM	So sánh máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK trong công tác đo đạc trắc địa	94
NGUYỄN HUY HIẾU PHẠM XUÂN HOÀ	Phân tích ổn định đường đất đắp sau mố cầu	100
ĐẶNG VĂN LONG ĐÀO NGỌC TOÀN	Nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện chiến thuật chuyên ngành xe máy công binh	105
NGUYỄN HAI YÊN NGUYỄN LẠI BÊ	Kết nối toàn cầu và ứng dụng trong quân sự	110
LÊ SỸ HÀ	Một số kinh nghiệm để học tốt các môn cơ sở ngành tại Trường Sĩ quan Công binh hiện nay	113
NGUYỄN TRƯỜNG SƠN NGUYỄN TẤT HỒNG	Nghiên cứu ứng dụng một số biện pháp mới về khảo sát địa chất công trình trong xây dựng đường ô tô	117
TRẦN QUANG KIẾN ĐẶNG TRUNG TUẤN	Tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp phân đội trình độ đại học năm thứ Nhất tại Trường Sĩ quan Công binh: Kinh nghiệm và một số giải pháp	123
LƯƠNG TRUNG KIẾN	Dự báo đối tượng tác chiến trong phân công chiến lược trên chiến trường Đông Nam Bộ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	128

Ảnh bìa 1: Đảng uỷ Ban Giám hiệu Nhà trường tặng hoa chúc mừng các nhà giáo ưu tú, nhà giáo lão thành nhân kỉ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2024.

- In tại: Xưởng in Trường Sĩ quan Công binh.
- Số lượng: 180 cuốn.
- Bìa in tại: Xưởng in Quân khu 7.
- In xong ngày 20.12.2024.

**NHÀ TRƯỜNG LÀ NỀN TẢNG; HỌC VIÊN LÀ TRUNG TÂM;
THẦY CÔ LÀ NGƯỜI DẪN DẮT, LAN TOẢ VÀ TRUYỀN CẢM HỨNG**

*Đại tá, ThS Trần Thanh Khôi
Chính ủy Nhà trường*

Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, Trường Sĩ quan Công binh đã đào tạo ra hàng vạn cán bộ, sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho quân đội và đất nước. Suốt chiều dài lịch sử, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường thường xuyên quán triệt sâu sắc, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Quân ủy Trung ương về công tác giáo dục, đào tạo. Nhà trường luôn chú trọng đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhà giáo cả về số lượng và chất lượng. Đồng thời, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học; đào tạo ra những cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”, vững vàng về phẩm chất chính trị, đạo đức; giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ cách mạng qua các thời kì.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có những biến đổi nhanh, phức tạp, khó dự báo. Khoa học kỹ thuật quân sự phát triển nhanh, mạnh như vũ bão, cùng với sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo (AI), các nền tảng mạng xã hội, Internet kết nối vạn vật... Trước yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa, Trường Sĩ quan Công binh quyết tâm thực hiện thắng lợi phương châm: **“Nhà trường là nền tảng; học viên là trung tâm; thầy cô là người dẫn dắt, lan tỏa và truyền cảm hứng”**. Phương châm trên phản ánh một cách khoa học, đầy đủ về bản chất, quy luật của quá trình giáo dục, đào tạo trong các nhà trường quân đội hiện nay. Đồng thời, phương châm cũng chỉ rõ ba trụ cột để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; đó là nhà trường - giảng viên - học viên.

Nhà trường là nơi mà các hoạt động giáo dục, đào tạo được tổ chức và thực hiện, giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong quá trình dạy học, đóng vai trò là nền tảng. Nhà trường là một khái niệm rộng, bao hàm các yếu tố thuộc về góc độ tổ chức và thể chế, đứng đầu là Ban Giám hiệu, các khoa giáo viên, các cơ quan chức năng như: Đào tạo; Chính trị; Hậu cần - Kỹ thuật; Khoa học quân sự; Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo; các đơn vị quản lý học viên,... tất cả tạo nên một chỉnh thể thống nhất, phối kết hợp nhịp nhàng, hoạt động theo Luật Giáo dục và Điều lệ Công tác nhà trường trong Quân đội. Bên cạnh đó, nhà trường là không gian mở, bao hàm những yếu tố thuộc về địa lí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, giảng đường, thao trường, bãi tập, phòng thí nghiệm, thư viện... Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương đã xác định: **“Gắn Nhà trường với chiến trường và đơn vị; đào tạo, bồi dưỡng với sử dụng; coi chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”**¹. Đặc biệt, nhà trường chính là không gian văn hóa sư phạm quân sự, bao gồm tổng thể các

¹ Quân ủy Trung ương, Nghị quyết số 1657 - NQ/QUTW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới, ngày 20 tháng 12 năm 2022, Hà Nội

mối quan hệ như lãnh đạo, chỉ huy, tổ chức quản lí, mối quan hệ thầy - trò, cấp trên, cấp dưới, đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp và các các thiết chế văn hóa khác. Tất cả những thành tố này tạo nên nền tảng về văn hóa, chính trị, tinh thần, các mối quan hệ xã hội của quá trình dạy học là trụ cột tạo ra không gian, sân chơi, môi trường học tập, rèn luyện và phấn đấu của người học viên.

Trụ cột thứ hai của nhà trường chính là học viên. Đây vừa là chủ thể, vừa là đối tượng, là trung tâm của của quá trình giáo dục, đào tạo ở nhà trường. Bởi lẽ, tất cả các yếu tố của quá trình giáo dục, đào tạo trong các nhà trường quân đội như: Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học; nhà trường, gia đình và cả xã hội đều hướng tới làm thay đổi người học từ chỗ chưa hoàn thiện đến chỗ hoàn thiện và phát triển. Sự phát triển của một nhà trường, chất lượng của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí, sự vững mạnh của các cơ quan, đơn vị, khoa giáo viên; các tổ chức Đảng, Đoàn, Hội... đều hướng vào phục vụ cho mục đích “Tất cả vì mục tiêu, yêu cầu, đào tạo, tất cả vì học viên thân yêu”. Trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, cùng cấp ủy, chỉ huy các cấp, thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của học viên; đặc biệt là chất lượng giáo dục, đào tạo. Điển hình như năm học 2023 - 2024: “Kết quả học tập: Tổng 1.379 đ/c, kết quả đạt Giỏi 78 đ/c = 5,66%; Khá: 841 đ/c = 60,99%; Trung bình khá: 401 đ/c = 29,08%; Trung bình: 11 đ/c = 0,80%. Tỷ lệ Giỏi, Khá đạt 66,64%”. Kết quả rèn luyện: “Tổng 1.379 đ/c, kết quả đạt Tốt: 1.300 đ/c=94,27%; Khá 69 đ/c =5,00%; Trung bình khá 10 đ/c = 0,73%. Đạt 99,27% Tốt và Khá; Kết quả huấn luyện, kiểm tra ngoại khóa: Tổng 430 đ/c; đạt Giỏi: 49 đ/c = 11,34%; Khá: 317 đ/c = 73,72%; Trung bình: 64 đ/c = 14,88%; tỉ lệ 85,12% Khá, Giỏi”. (Trích Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, Trường Sĩ quan Công binh).

Trụ cột thứ ba của nhà trường là giảng viên, với vai trò là đạo diễn, chủ thể của hoạt động giáo dục, đào tạo. Đặc biệt giảng viên ở các nhà trường quân đội phải: Bồi dưỡng phương pháp tự tìm kiếm, tăng cường tri thức, hình thành năng lực tự học và hợp tác; chú trọng truyền cảm hứng, xây dựng lòng say mê học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện suốt đời cho học viên. Do vậy, giảng viên phải yêu nghề, say mê với nghề, hi sinh cho nghề, có đạo đức trong sáng, lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, phải là “tấm gương sống” cho học viên học tập và noi theo. Trong thực hành nghề nghiệp sư phạm, giảng viên phải có năng lực sư phạm cao, mỗi khi lên lớp, giảng bài, người giảng viên như là “nghệ sĩ”, “diễn viên”, “nhà khoa học”... điều này có sức cảm hóa và thu hút rất lớn đối với học viên, làm cho học viên có động cơ học tập mãnh liệt hơn, hứng thú học tập cao hơn. Trong thời gian qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai xây dựng kế hoạch và nghiêm túc thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo”. Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục cả về số lượng và chất lượng, có cơ cấu hợp lí, có kiến thức và năng lực, có trình độ sư phạm đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo của Nhà

trường. Đội ngũ nhà giáo được phát triển toàn diện, có kiến thức chuyên môn sâu, có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình tài liệu, tâm huyết nghề nghiệp, ham học và cầu tiến bộ, có kinh nghiệm thực tiễn.

Tổng số giảng viên của Nhà trường là 168 đồng chí, trong đó trình độ tiến sĩ 17 đồng chí, thạc sĩ 125 đồng chí, đại học 26 đồng chí; Nhà trường tạo mọi điều kiện để giảng viên được học tập nâng cao trình độ cả trong nước và nước ngoài: Số đang đi đào tạo, bồi dưỡng là 33 đồng chí, trong đó đào tạo nghiên cứu sinh 10 đồng chí, đào tạo thạc sĩ 13 đồng chí, đào tạo dài hạn 02 đồng chí, đào tạo giáo viên 04 đồng chí, đào tạo ngắn hạn 04 đồng chí.

Trong năm học 2023 - 2024, đã tổ chức cho 03 lượt cán bộ đi thực tế tại các đơn vị cơ sở, 19 lượt cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng (*đào tạo cấp trung đoàn: 01, văn bằng 2 giáo viên: 01, cao học 05, nghiên cứu sinh: 01, chuyển loại cán bộ chính trị: 04, bồi dưỡng: 07*); 42 đồng chí được công nhận Giảng viên giỏi cấp cơ sở, 02 đồng chí Giáo viên dạy giỏi cấp Bộ Quốc phòng, 01 nhà giáo tiêu biểu, 21 đồng chí được công nhận chức danh Giảng viên và 07 đồng chí được công nhận chức danh Giảng viên chính. Cử 34 nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi tham quan, học tập tại đơn vị. Cử 23 cán bộ, học viên đi tham quan, học tập nghiên cứu tại Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1. Kết quả giảng dạy trong năm học, tổng số 168 giảng viên, giảng dạy 58.354 tiết, bình quân 347 tiết/giảng viên; 100% các giờ giảng đạt Khá và Giỏi.

Trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi phương châm **“Nhà trường là nền tảng, học viên là trung tâm, thầy cô là người dẫn dắt, lan tỏa và truyền cảm hứng”**, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, các cơ quan, các khoa giáo viên, các đơn vị và tất cả các lực lượng sư phạm trong nhà trường cần quán triệt, thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện phương châm.

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu nhằm thống nhất tư tưởng và hành động cho các chủ thể trong thực hiện phương châm. Bởi lẽ, nhận thức là cơ sở cho hành động, nhận thức càng đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc thì hành động càng tự giác và đạt hiệu quả cao. Do vậy, lãnh đạo, chỉ huy các khoa, cơ quan, đơn vị cần quán triệt, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nắm chắc nội dung phương châm **“Nhà trường là nền tảng, học viên là trung tâm, thầy cô là người dẫn dắt, lan tỏa và truyền cảm hứng”**. Thông qua công tác quán triệt, giáo dục để đội ngũ cán bộ, giảng viên hiểu được tầm quan trọng của việc thực hiện phương châm, từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với việc thực hiện phương châm trên ở Nhà trường hiện nay. Đồng thời, cần hướng dẫn cho cán bộ, giảng viên chú trọng đến việc thực hiện tốt nội dung, mục đích, yêu cầu của phương châm; xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng khoa, cơ quan đơn vị và từng cá nhân. Đồng thời, các cấp ủy, chỉ huy các cấp thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, thực hiện có hiệu quả phương châm trên từng trụ cột cụ thể.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong thực hiện phương châm.

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp, xây dựng các chủ trương, giải pháp phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng học viên, từng chuyên ngành đào tạo, từng đơn vị, từng giai đoạn đào tạo đó chính là nhân tố quyết định đến chất lượng, hiệu quả thực hiện phương châm. Đồng thời kịp thời ra nghị quyết lãnh đạo thường kì, nghị quyết chuyên đề có trọng tâm, trọng điểm lãnh đạo thực hiện tốt phương châm. Cấp ủy, chỉ huy các cấp có kế hoạch cụ thể để cử cán bộ, giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở các học viện nhà trường; đi thực tế các đơn vị trong Binh chủng để tăng cường số lượng cán bộ, giảng viên qua thực tiễn, gắn nhà trường với đơn vị, thực hiện tốt phương châm: "*Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị*". Bên cạnh đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương châm trên, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm. Trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện phải xác định những việc khó, những khâu trọng yếu để có đầu tư công sức, trí tuệ vào thực hiện phương châm, biến phương châm thành mệnh lệnh hành động của tất cả các cơ quan, khoa giáo viên và các đơn vị trong toàn trường. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải dân chủ bàn bạc, phát huy trí tuệ tập thể để tìm ra các chủ trương, giải pháp tối ưu nhất, hiệu quả nhất. Tập trung xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; Nhà trường vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu".

Ba là, hình thành, phát triển nhu cầu, động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn; phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện của học viên.

Nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện quy định hành vi, thái độ học tập, rèn luyện của học viên; là động lực bên trong có ý nghĩa quyết định tới tính tích cực của học viên trong học tập và rèn luyện. Để hình thành nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện đúng đắn cho học viên, cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hình thành nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện cho học viên; nắm chắc chất lượng hình thành nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện cho học viên để đề xuất những chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ hình thành nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện cho học viên. Tổ chức đảng, đoàn và hội đồng quân nhân cần xây dựng kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện hoạt động hình thành nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện lồng ghép với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Các cơ quan xác định rõ chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, tích cực chỉ đạo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, xây dựng nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện cho học viên. Đội ngũ giảng viên phải tích cực định hướng hành động, gắn lí luận với thực tiễn, lí thuyết với thực hành, liên hệ nội dung bài học với quá trình phấn đấu học tập và rèn luyện của bản thân học viên.

Cùng với hình thành nhu cầu, động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn là phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong tự nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chung của từng môn học, học kì, khóa học; nội dung, kế hoạch huấn luyện của Nhà trường, quỹ thời gian, trình độ và đặc điểm nhận thức của bản thân; dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ quản lí, học viên phải chủ động xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện theo tiến độ đào tạo của Nhà trường để nâng cao trình độ kiến thức mọi mặt, thực hiện học tốt đi đôi với rèn nghiêm và kiên quyết thực hiện theo kế hoạch đó. Nội dung kế hoạch phải thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức, phương pháp học tập, rèn luyện gắn với các chỉ tiêu rõ ràng, cụ thể, vừa sức. Quá trình thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân, học viên phải thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo mục đích, chỉ tiêu đã đặt ra; phát huy tính trung thực, thẳng thắn, nghiêm túc, biết sửa chữa, khắc phục những sai lầm trong học tập, rèn luyện; nghiêm túc rút kinh nghiệm, loại bỏ những thái độ, hành vi thiếu tích cực trong học tập, rèn luyện. Tự tranh luận với bản thân, tự so sánh, phân tích, lí giải để thấy rõ tính chân lí, mục đích của việc làm và thái độ đối với nhiệm vụ học tập, rèn luyện; so sánh đối chiếu kết quả học tập, rèn luyện của mình với các đồng chí, đồng đội khác; điều chỉnh ý thức, hành vi của mình trong học tập, rèn luyện; kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện, hành vi ngại học, ngại rèn, tự thoả mái, dừng lại...

Bốn là, đổi mới hình thức, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập cho học viên.

Để thực hiện đổi mới hình thức dạy học, mỗi giảng viên cần phải chuẩn bị kĩ lưỡng hệ thống các kiến thức cơ bản và kiến thức mở rộng cho một bài giảng. Bài giảng phải được thiết kế công phu, nghiêm túc và giảng viên phải thuần thục “kịch bản” nội dung đã chuẩn bị với hệ thống các vấn đề câu hỏi theo một kết cấu hợp lí, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm của đối tượng người học. Trong mỗi bài giảng, giảng viên cần coi trọng và tích cực áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên.

Quá trình dạy học, giảng viên phải sử dụng các phương pháp tích cực như: Nghiên cứu tình huống thực tiễn, bài tập nhận thức, thảo luận nhóm, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại truy vấn, giao nhiệm vụ học tập. Cần phát huy tối đa tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học viên, hình thành và phát triển cho học viên kĩ năng sử dụng sách giáo khoa, nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin... trên cơ sở đó, trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy.

Nhà trường cần sử dụng kiểu đánh giá quá trình (3 lần đánh giá trong môn học). Trong đó, tập trung đánh giá về năng lực nhận thức, năng lực vận dụng kiến thức môn học của học viên trong xử lí các tình huống gắn với thực tiễn trong quản lí, chỉ huy của người cán bộ sĩ quan sau này.

Năm là, xây dựng môi trường văn hoá sư phạm mẫu mực, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị kĩ thuật phục vụ cho học tập và rèn luyện của học viên.

Để xây dựng Nhà trường vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quán triệt sâu sắc, giáo dục cho mọi cán bộ, giảng viên, học viên, viên chức

quốc phòng nhận thức đầy đủ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ thị số 79/CT-BQP ngày 22-7-2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; nắm chắc các nội dung, tiêu chuẩn và biện pháp xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Đội ngũ giảng viên phải thường xuyên xác định rõ vị trí, vai trò của mình, nêu cao trách nhiệm thực hiện tốt vai trò nêu gương, dẫn dắt, lan toả, truyền cảm hứng cho người học, đảm bảo cho mối quan hệ giảng viên với học viên chặt chẽ, phát triển theo hướng tích cực. Quá trình dạy học, giảng viên cần chọn lọc đưa ra hệ thống tác động phù hợp với đặc điểm, trình độ đào tạo, nhu cầu, kinh nghiệm, vốn sống của người học và đòi hỏi của hoạt động nghề nghiệp, cụ thể hóa mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường vào từng môn học, bài học.

Thường xuyên bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý cách thức kiểm tra, tác động có hiệu quả tới việc thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện của học viên. Nâng cao trách nhiệm, bám sát học viên, nắm chắc nội dung học tập, rèn luyện của học viên, duy trì nghiêm túc nền nếp, chế độ tự học. Tổ chức định kì các hội nghị sơ tổng kết, rút kinh nghiệm về chất lượng học tập, rèn luyện của học viên một cách khoa học, hiệu quả; kịp thời rút ra những bài học kinh nghiệm để có các biện pháp tác động nhằm nâng cao chất lượng, kết quả học tập, rèn luyện của học viên.

Đảm bảo hệ thống tài liệu, những điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho học tập, rèn luyện của học viên. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay càng phải chú trọng cho học viên được tiếp cận nhanh với các tiến bộ của khoa học, công nghệ, thông tin và làm chủ các phương tiện đó; phải hình thành nhận thức đúng đắn cho học viên về tầm quan trọng của các điều kiện đảm bảo cho học tập, rèn luyện đối với chất lượng học tập, rèn luyện của học viên; học viên phải chủ động, tích cực khắc phục mọi khó khăn, trở ngại trong thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện; huy động sự nỗ lực, cố gắng của các lực lượng trong nhà trường tham gia vào nâng cao chất lượng, kết quả học tập và rèn luyện của học viên.

Bảo đảm tốt các trang thiết bị phục vụ quá trình học tập và rèn luyện của học viên; tích cực sửa chữa, nâng cấp thao trường, giảng đường, bãi tập, thư viện, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn bảo đảm quá trình dạy học đạt hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, phải thường xuyên xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa của môi trường sư phạm. Xây dựng mối quan hệ đoàn kết thống nhất, trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt; xây dựng mối quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng đội, trong sáng, chân thành và mẫu mực./.

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.114 -115.

[2] Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, Trường Sĩ quan Công binh.

[3] Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết về đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới, số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022, Hà Nội, tr.8.

TỰ HÀO TRUYỀN THỐNG 80 NĂM QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM ANH HÙNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM ANH HÙNG

*Thượng tá, ThS Nguyễn Đức Sĩ
Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Nhà trường*

Trong những ngày này, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang ra sức thi đua lập thành tích chào mừng kỉ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024) và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2024). Trải qua 80 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành với những chiến công vang dội mãi được khắc ghi vào lịch sử dân tộc như những biểu tượng, mốc son chói ngời về một Quân đội của Nhân dân, từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu, mang bản chất và truyền thống cao quý “Bộ đội Cụ Hồ”. Thành tích và chiến công của Quân đội Nhân dân Việt Nam luôn gắn liền với truyền thống cách mạng, truyền thống dân tộc. Đó chính là truyền thống của một quân đội anh hùng, của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Ngày 22/12/1944, tại khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập theo Chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trong Chỉ thị, Người ghi rõ: “Tên Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”²; “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đề của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”³. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được Trung ương Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh ủy nhiệm tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, tuyên bố thành lập Đội, gồm 34 người, biên chế thành 3 tiểu đội do đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Xích Thắng làm Chính trị viên, có chỉ bộ Đảng lãnh đạo. Ngày 22/12/1944 được lấy làm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngay sau ngày thành lập, 17 giờ ngày 25/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã mưu trí, táo bạo, bất ngờ đột nhập vào đồn Phai Khắt và 07 giờ sáng hôm sau (26/12) lại đột nhập đồn Nà Ngần (đều đóng tại châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), tiêu diệt hai tên đồn trưởng, bắt sống toàn bộ binh lính địch, thu vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần mở đầu cho truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 4/1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Đảng đã quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang cách mạng trên cả nước thành Việt Nam giải phóng quân. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam giải phóng quân đã cùng lực lượng vũ trang các địa phương và Nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Sđd, tr. 356.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Sđd, tr. 357.

công, Việt Nam giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc đoàn, rồi Quân đội quốc gia Việt Nam (1946), từ năm 1950 được gọi là Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai từ năm 1945 đến năm 1954, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, Quân đội ta đã xây dựng, phát triển không ngừng, đã chiến đấu và chiến thắng nhiều chiến dịch làm quân thù khiếp đảm. Ngay trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến cuối năm 1946, quân và dân ta đã đánh hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Mùa xuân năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ lên Việt Bắc, nơi đây trở thành trung tâm chỉ đạo kháng chiến của cả nước. Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp huy động hơn một vạn quân tinh nhuệ có máy bay, tàu chiến hỗ trợ, bất ngờ tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta. Sau hơn hai tháng mở chiến dịch phản công từ ngày 07/10/1947 đến ngày 20/12/1947, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 7.000 tên địch. Đây là chiến dịch phản công quy mô lớn đầu tiên giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta; đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn và làm phá sản chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp; bảo toàn và phát triển bộ đội chủ lực, bảo vệ cơ quan đầu não và căn cứ địa của cả nước. Từ đầu năm 1948 đến giữa năm 1950, bộ đội ta liên tiếp mở trên 20 chiến dịch nhỏ trên các chiến trường. Trong nhiều trận đánh, quân ta đã tiêu diệt từng đại đội đến tiểu đoàn địch ở ngoài công sự và tiêu diệt cứ điểm có trên dưới một đại đội địch đóng giữ. Trong các năm 1948, 1949 và đầu năm 1950, lực lượng vũ trang ta không ngừng phát triển và ngày càng lớn mạnh. Chiến dịch Biên giới từ ngày 16/9/1950 đến 14/10/1950, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên địch, giải phóng khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập (Lạng Sơn), căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố, phá vỡ thế bao vây, khai thông liên lạc với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, kết nối cách mạng nước ta với cách mạng thế giới. Trong vòng 6 tháng từ tháng 12/1950 đến tháng 6/1951, ta đã liên tiếp mở ba chiến dịch mang tên: Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung. Đây là những chiến dịch quy mô lớn đầu tiên đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Ta đã diệt hơn một vạn tên địch, trong đó gần một nửa là quân cơ động. Chiến dịch Hoà Bình diễn ra từ ngày 10/12/1951 đến ngày 25/2/1952, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên địch ở mặt trận Hòa Bình và hơn 15.000 tên địch ở mặt trận địch hậu. Trong chiến dịch này, bộ đội ta có bước tiến bộ mới về trình độ chiến thuật, kĩ thuật, về khả năng chiến đấu liên tục dài ngày, về sự phối hợp tác chiến giữa ba thứ quân. Chiến dịch Tây Bắc từ ngày 14/10/1952 đến ngày 10/12/1952, ta đã tiêu diệt và bắt hơn 6.000 tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn ở địa bàn chiến lược quan trọng, nối thông vùng giải phóng Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc và Thượng Lào, giữ vững thế chủ động tiến công, làm thất bại âm mưu mở rộng chiếm đóng của địch. Tháng 9/1953, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954. Thực hiện chủ trương đó, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh cho các đơn vị chủ lực phối hợp mở đợt tiến công mạnh mẽ trên các chiến trường. Ta đã hình thành năm đòn tiến công chiến lược tại Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia, Tây Nguyên và Thượng Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, buộc chúng phải căng ra đối phó ở khắp nơi. Sau khi thực dân Pháp đổ quân đánh chiếm Điện Biên

Phủ, trước thời cơ thuận lợi, ngày 06/12/1953, Bộ Chính trị họp quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ từ ngày 13/3/1954 đến ngày 07/5/1954, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên địch, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay; thu toàn bộ vũ khí, kho tàng, cơ sở vật chất kỹ thuật của địch ở Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược, buộc thực dân Pháp phải kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. Chiến dịch Điện Biên Phủ là một điển hình xuất sắc, là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp; đồng thời là minh chứng cho sự phát triển vượt bậc của Quân đội ta sau 10 năm xây dựng, chiến đấu và chiến thắng vẻ vang (1944 - 1954).

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, tháng 3/1957, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (mở rộng) ra Nghị quyết về vấn đề xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng đã chỉ rõ: “Phương châm xây dựng Quân đội của chúng ta là tích cực xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh tiến dần từng bước đến chính quy hoá và hiện đại hoá”⁴. Đến năm 1960, Quân đội ta đã có bước trưởng thành mới, từ lực lượng chủ yếu là bộ binh với tổ chức chưa thật thống nhất, vũ khí, trang bị còn thiếu thốn đã trở thành Quân đội chính quy, ngày càng hiện đại, gồm các lực lượng: Lục quân, Hải quân, Phòng không - Không quân. Đây là bước phát triển rất quan trọng, tạo nền móng cho xây dựng Quân đội tiến tới chính quy, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ mới của cách mạng ở cả hai miền cùng cố, xây dựng ở miền Bắc và chiến đấu chống Mỹ - Ngụy ở miền Nam. Ngày 15/02/1961, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất các lực lượng vũ trang nhân dân ở miền Nam; đây là bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp hoạt động trên chiến trường miền Nam. Chiến thắng Ấp Bắc tháng 01/1963 đã mở đầu cho sự thất bại của chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của quân ngụy Sài Gòn; đồng thời mở ra phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” sôi nổi khắp miền Nam. Sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” ngày 5/8/1964, các lực lượng của ta đã dũng cảm chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương 2 chiếc khác, bắt 1 phi công. Trận đầu đánh thắng không quân Mỹ đã cổ vũ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân dân cả nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam kéo dài hơn hai thập niên (1954 - 1975) là cuộc chiến tranh dài ngày, ác liệt nhất, quy mô lớn nhất thời đại. Trong cuộc đọ sức đầu lịch sử này, Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, nêu cao tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, cùng toàn Đảng, toàn dân không quản hi sinh, gian khổ, liên tiếp tiến công địch, qua 46 chiến dịch khác nhau, trong đó có những chiến dịch tiêu biểu như: Chiến dịch Bình Giã (từ 02/12/1964 đến 03/01/1965); Chiến dịch Ba Gia (từ 28/5/1965 đến 20/7/1965); Chiến dịch Đồng Xoài (từ 10/5/1965 đến 22/7/1965); Chiến dịch Plây Me (từ 19/10/1965 đến 26/11/1965); Chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng (từ 12/11/1965 đến 27/11/1965). Đã đánh bại và làm phá sản các loại hình chiến tranh của Mỹ: “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965); “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965-1968); “Việt Nam hóa chiến tranh” và cuộc tập kích bằng không quân, hải quân lần thứ hai vào

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 18, Sdd, tr. 287.

miền Bắc của đế quốc Mỹ (1969-1972). Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Song song với các cuộc tiến công trên bộ giành thắng lợi, thực hiện chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân chủng Hải quân đã khẩn trương chuẩn bị lực lượng, tranh thủ thời cơ, mưu trí, táo bạo, bất ngờ tiến công lần lượt giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa: Đảo Song Tử Tây ngày 14/4/1975; Đảo Sơn Ca ngày 25/4/1975; Đảo Nam Yết ngày 27/4/1975; Đảo Sinh Tồn ngày 28/4/1975; Đảo Trường Sa ngày 29/4/1975. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia ở quần đảo Trường Sa thiêng liêng của Tổ quốc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy với Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975 kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra kỉ nguyên mới cho cách mạng Việt Nam: Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời tác động sâu sắc đến phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước chưa được bao lâu, quân và dân ta phải bước vào cuộc kháng chiến mới, cuộc kháng chiến chống chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước. Ở biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, trước hành động xâm lược của quân Pôn Pốt và đáp lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đã thực hiện cuộc phản công, tiến công mạnh mẽ, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào ngày 07/01/1979, tiến tới giải phóng toàn bộ đất nước Campuchia. Trong 10 năm (1979 - 1989), Quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam đã phát huy tinh thần quốc tế trong sáng, cùng quân dân Campuchia truy quét tàn quân Pôn Pốt, củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, hồi sinh đất nước. Ở biên giới phía Bắc, trong thời gian Quân tình nguyện Việt Nam cùng với các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đang truy quét tàn quân Khome Đỏ, ngày 17/02/1979, Trung Quốc đã huy động 60 vạn quân tiến công trên toàn tuyến biên giới 6 tỉnh phía Bắc. Trước sức chiến đấu mạnh mẽ của quân và dân ta, đồng thời bị dư luận quốc tế kịch liệt phản đối, từ ngày 06/3/1979, quân Trung Quốc vừa đánh vừa rút, đến ngày 16/3/1979 kết thúc việc rút quân, nhưng trên thực tế tình hình biên giới phía Bắc căng thẳng kéo dài đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX. Như vậy, tiếp theo chiến công vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thắng lợi của quân và dân ta trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, làm thất bại âm mưu thâm độc của các thế lực phản động, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, tạo môi trường hòa bình để phát triển đất nước; toàn dân và toàn quân ta bước vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bước vào công cuộc đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo từ tháng 12/1986 đến nay, Quân đội thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã

hội chủ nghĩa. Gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Quân đội luôn thực hiện tốt chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất, đóng góp xứng đáng vào thành tựu chung của đất nước. Thường xuyên nắm chắc và dự báo đúng tình hình, chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước đề ra đối sách phù hợp, xử lý linh hoạt, thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ về chiến lược, ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc “từ sớm”, “từ xa”, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm sự ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; duy trì nghiêm nền nếp, chế độ quy định; nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, nhất là tình hình trên không, trên biển, biên giới, nội địa, ngoại biên, không gian mạng, kịp thời xử trí khi có tình huống, không để bị động, bất ngờ. Chủ động và kiên quyết đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch. Phối hợp với các lực lượng bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Triển khai xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội; xây dựng Đảng bộ Quân đội và các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn quân trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu gắn với xây dựng các cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”. Triển khai có hiệu quả chủ trương xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh; tổ chức thực hiện tốt công tác hậu cần, kỹ thuật và các mặt công tác khác. Đặc biệt, công nghiệp quốc phòng được phát triển theo hướng hiện đại, lưỡng dụng; đã nghiên cứu làm chủ công nghệ chế tạo và sản xuất được một số vũ khí, trang bị kỹ thuật mới, hiện đại mang thương hiệu Việt Nam. Công tác hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng đạt nhiều kết quả nổi bật trên cả bình diện song phương và đa phương; tích cực tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, khắc phục hậu quả chiến tranh, được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động cách mạng, nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tích cực giúp Nhân dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, cán bộ, chiến sĩ Quân đội đã không quản ngại gian khổ, hi sinh, xung kích trong phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ, để bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân; nhiều cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống trong thực hiện nhiệm vụ cao cả này. Hình ảnh cán bộ, chiến sĩ Quân đội luôn có mặt ở những nơi xung yếu, hiểm nguy để giúp đỡ Nhân dân ứng phó với thiên tai, dịch bệnh đã làm ngời sáng thêm bản chất tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân tin tưởng, đánh giá cao. Tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới; xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng trong tham gia phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở các địa bàn chiến lược, đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo. Tham gia xây dựng nhiều công trình trọng điểm quốc gia, công trình hạ tầng phục vụ dân sinh, đóng góp đáng kể vào thu nhập quốc dân, bảo đảm an sinh xã hội; tham gia thực hiện có hiệu

quả các Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Toàn quân đã chú trọng tăng gia sản xuất, góp phần cải thiện đời sống của bộ đội. Trải qua 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành, Quân đội ta đã xây đắp nên truyền thống rất vẻ vang, được khái quát cô đọng trong lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”⁵. Truyền thống đó được thể hiện cụ thể đó là: Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng; Gắn bó máu thịt với Nhân dân, quân với dân một ý chí; Đoàn kết nội bộ; cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu, giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động; Kỷ luật tự giác, nghiêm minh; Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, cần, kiệm xây dựng Quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công; Lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan; Luôn luôn nêu cao tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ, ứng xử chuẩn mực, tinh tế; Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình. Tự hào với truyền thống 80 năm Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng, mỗi cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Công binh nói chung, cán bộ, học viên, chiến sĩ Trường Sĩ quan Công binh nói riêng phải ra sức phấn đấu, hoàn thành thành tốt mọi nhiệm vụ; đẩy mạnh phong trào thi đua: “Tự hào truyền thống, viết tiếp chiến công, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”, góp phần tô thắm thêm truyền thống “Mở đường thắng lợi” của Binh chủng Công binh Anh hùng, truyền thống 70 năm xây dựng, phát triển của Trường Sĩ quan Công binh anh hùng.

Kỉ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để chúng ta ôn lại lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam; bản chất, truyền thống tốt đẹp và những chiến công oanh liệt, oai hùng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Từ đó, khơi dậy khát vọng cống hiến, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; bồi dưỡng, khơi dậy và phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần “**Tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc**”, đưa dân tộc Việt Nam bước vào “**Kỉ nguyên mới - Kỉ nguyên vươn mình của dân tộc**”. Đồng thời, cần tích cực, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong những năm tới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Trước hết, cần quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kì mới./.

⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 435.

**NHẬN DIỆN, ĐẤU TRANH VỚI NHỮNG LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC
BÀI XÍCH VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC
TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

*Trung tá, TS Phạm Văn Duy
CNBM - Khoa KHXH&NV*

Văn hóa truyền thống là hồn cốt của dân tộc, được coi như giá trị thương hiệu, quyền lực mềm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Tuy nhiên, lợi dụng xu thế toàn cầu hóa, giao lưu, tiếp biến văn hóa của Đảng, Nhà nước, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi phương thức, thủ đoạn chống phá văn hóa truyền thống, sử dụng không gian mạng để du nhập, cô xúy cho văn hóa ngoại lai, độc hại. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc bài xích do các thế lực thù địch tiến hành trên không gian mạng nhằm xây dựng giải pháp đấu tranh, bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống là vấn đề mang tính cấp bách và rất cần thiết hiện nay.

1. Nhận diện âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc do các thế lực thù địch tiến hành trên không gian mạng

Trong xu thế toàn cầu hóa, để phát triển nhanh và bền vững, mỗi quốc gia, dân tộc đều phải biết phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làm động lực tinh thần, nguồn lực nội sinh để tận dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài và biến các nguồn lực đó trở thành sức mạnh cho sự phát triển bền vững. Ở Việt Nam, Đại hội Đảng lần thứ XII xác định: Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “Tập trung nghiên cứu, triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam...”⁽¹⁾. Như vậy, văn hóa truyền thống của dân tộc đã, đang và sẽ đóng vai trò quan trọng, tạo đà cho sự phát triển, duy trì sự phát triển bền vững, đồng thời, điều tiết có hiệu quả sự phát triển đó trên đất nước ta.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, những tinh hoa, giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã được hun đúc, vun đắp và trở thành truyền thống quý báu đó là: “lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”⁽²⁾. Những giá trị văn hóa truyền thống này đã cổ kết những người dân nước Việt thành một cộng đồng thống nhất trong mọi hoạt động sống, lao động, bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Những năm gần đây, thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện Chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn hóa truyền thống. Sự chống phá này đã tạo ra hệ lụy không hề nhỏ, là một thứ “giặc nội xâm” đã và đang làm băng hoại thuần phong mỹ tục, giá trị truyền thống của dân tộc mà biểu hiện của nó được thể hiện qua các nội dung như: Tệ sính ngoại, coi thường những giá trị văn hóa truyền thống; đề cao lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích vật chất cá nhân; ham muốn làm giàu, ham muốn quyền lực cực đoan,... Chúng

triệt để lợi dụng các phương tiện truyền thông và mạng xã hội trên Internet. Do vậy, để đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống do các thế lực thù địch tiến hành trên không gian mạng cần phải nhận diện rõ những âm mưu, thủ đoạn của chúng trên các khía cạnh cụ thể sau:

Xét về mục tiêu và lực lượng tiến hành

Mục tiêu của các thế lực thù địch trên lĩnh vực văn hóa bao gồm hai điểm chính, đan xen, hỗ trợ và có quan hệ chặt chẽ với nhau đó là:

Thứ nhất: Truyền bá, tiêm nhiễm các sản phẩm văn hóa ngoại lai có tính chất xấu độc, làm xói mòn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để tác động vào tâm lý, sở thích, kích thích những ham muốn vật chất của mỗi công dân; từng bước làm thay đổi các thang giá trị xã hội, đạo đức, lối sống, làm cho một bộ phận nhân dân thiếu ý thức xã hội; chạy theo lợi ích vật chất, chỉ biết đến “cái tôi” mà quên đạo nghĩa, quay lưng lại với truyền thống và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Thứ hai: Từng bước phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, coi văn hóa là tự do sáng tạo, không cần tính định hướng và xa rời chính trị; từ lĩnh vực văn hóa chuyển hóa dần sang lĩnh vực chính trị, hình thành ý thức chống đối về chính trị, phản bội Đảng, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa. Những biểu hiện cho xu hướng này khá đa dạng, có chiều hướng gia tăng, mà một trong những ví dụ điển hình là sản phẩm của Mai Duy Minh rất phản cảm và gây tranh cãi gần đây:

Lực lượng tiến hành những luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc trên không gian mạng là các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị, bất mãn, thoái hóa biến chất. Chúng vừa dùng các lực lượng, phương tiện từ bên ngoài, vừa tận dụng phát triển các lực lượng và phương tiện ở trong nước, tạo ra sự chống đối từ xã hội, từng bước làm cho nhân tố chống đối bên trong phát triển để tập hợp lực lượng phá ta từ bên trong nội bộ Đảng và xã hội ta.

Xét về mặt nội dung và đối tượng tác động

Về nội dung xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc do các thế lực thù địch tiến hành trên không gian mạng có sự tương đồng và thống nhất với mục đích của chúng, cụ thể là: Tập trung phá hoại văn hóa truyền thống của dân tộc, văn hóa cách mạng, các chuẩn mực đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa, tìm mọi phương thức để du nhập các sản phẩm văn hóa độc hại, đồi trụy, phản động, nhằm đầu độc nhân dân nói chung, thế hệ thanh niên nói riêng, làm chuyển đổi giá trị thẩm mỹ, thị hiếu nghệ thuật, các thang bậc giá trị của xã hội theo chiều hướng xấu; âm mưu biến thế hệ trẻ thành công cụ và lực lượng xã hội chủ yếu của “diễn biến hòa bình” và chống phá quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trên lĩnh vực văn hóa.

Đối tượng tác động mà chúng hướng tới là quần chúng nhân dân, trước hết là thế hệ trẻ sinh ra trong thời bình, đang trong quá trình phát triển, hoàn thiện nhân cách, dễ dàng chạy theo cái mới, bản lĩnh chính trị chưa vững vàng, còn ít kinh nghiệm sống. Chúng dùng nhiều thủ đoạn tinh vi, chiêu trò thâm hiểm; đặc biệt là chiến thuật “tâm công” theo phương châm “mưa dầm thấm lâu” để đánh vào lòng người được thể hiện cụ thể qua các hình thức và thủ đoạn dưới đây:

Về hình thức và thủ đoạn tiến hành

Theo số liệu thống kê được tham khảo từ *Statista.com* năm 2021, Việt Nam có số lượng dùng mạng xã hội vào khoảng 73,6 triệu người, sấp xỉ 74% dân số, xếp thứ 6 ở châu Á và thứ 17 trên thế giới. Trong đó: người dùng Facebook là 65,56 triệu; YouTube khoảng 66,63 triệu người; TikTok có số lượng khoảng 16,69 triệu người; người dùng Instagram đạt khoảng 7,98; dùng của LinkedIn lên tới 3,75 triệu; dùng Zalo đạt 62 triệu người, Zalo là một ứng dụng tin nhắn nhanh và là một trong những công ty công nghệ thành công nhất trong nước. Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và dịch vụ Internet ở Việt Nam như hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đã triệt để sử dụng không gian mạng để xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc với rất nhiều hình thức và thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt.

Trên nền tảng của mạng xã hội, các thế lực thù địch đã thành lập các trang website, các chương trình phát thanh, phát hình bằng tiếng Việt qua các kênh như BBC, VOA, RFA, RFI; lập hàng nghìn Blog, trang Facebook, twitter, youtube, zalo để livestream, tung clip, đăng tải các nội dung xuyên tạc, bài xích; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm trực tuyến hoặc qua tiếp xúc với các cá nhân, cơ quan trong nước. Các kênh phát thanh, phát hình trên không gian mạng được chúng *tạo giao diện như thật*, mô phỏng theo các kênh chính thống của Đảng, Nhà nước như VTV; VOV, VTC,... nhằm lập lờ, lộn sòng đen trắng, nhào nặn trộn lẫn các thông tin đúng - sai, thật - giả; viết bài, livestream để tán dương, cổ vũ lẫn nhau trong một “thế trận” có “kịch bản”, đánh vào nhận thức, tâm lý “đám đông” theo kiểu “mưa dầm thấm lâu”, “góp gió thành bão”; đưa thông tin giật gân, lấp lửng giật tít, “câu view” nhằm đánh trúng tâm lý tò mò của nhiều người, gây tâm lý bi quan, hoài nghi, hoang mang trong dư luận.

Trong tập hợp lực lượng, các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị thường đội nột “người yêu nước”; “nhân danh nhân dân”; “yêu văn hóa” và có trách nhiệm xã hội để đưa ra góc nhìn phiến diện, bình luận, chê bai, đả kích các hoạt động, thiết chế liên quan đến văn hóa truyền thống; cổ xúy, tôn vinh các sản phẩm văn hóa có “tư tưởng chống đối” ở trong nước và các sản phẩm văn hóa ngoại lai thiếu lành mạnh. Chúng dùng nhiều thủ đoạn rất nham hiểm và thường qua 4 bước gồm: (1). *Đồng cảm*: chúng đóng vai “một người lạ” để tiếp xúc với một bộ phận người nghèo, lao động thất nghiệp, những phần tử thoái hóa biến chất, cơ hội chính trị và cả những người đã từng vi phạm pháp luật, rồi giả nhân, giả nghĩa, vờ đồng cảm, tự cho mình “đại diện” để nói lên tiếng nói cho họ, dựng lên bức tranh bi thảm về một xã hội bất công rồi kích động người dân đấu tranh với chính quyền để đòi công bằng. (2). *Tôn vinh*: Chúng vờ coi những người có tư tưởng bất mãn, chống đối ở lĩnh vực văn hóa là những người đứng đắn, cấp tiến, đại diện của nền văn hóa hiện đại, rồi tổ chức tọa đàm, livestream để tôn vinh hoặc trao những “giải thưởng” thiếu kiểm duyệt và không có giá trị để cổ vũ, tôn vinh. (3). *Dụ dỗ, mua chuộc*: sau khi vờ đồng cảm và tôn vinh, các thế lực thù địch sẽ tìm mọi cách để dụ dỗ, mua chuộc đối tượng mà chúng hướng tới. Sự dụ dỗ, mua chuộc được thực hiện bằng cả vật chất, tinh thần, cũng như những viễn cảnh tốt đẹp do chúng tạo dựng lên. (4). *Khống chế*: sau khi bị dụ dỗ, mua chuộc, những đối tượng này sẽ bị các phần tử phản động từng

bước không chệ, nói và làm theo ý muốn của chúng kẻ cả những hành vi chống đối, đi ngược lại quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa truyền thống của dân tộc.

2. Giải pháp đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc trên không gian mạng

Phát triển Internet trong điều kiện Cách mạng công nghiệp 4.0 là một trong những điều kiện tiên quyết nhằm tạo nên những bước tiến đột phá trong các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tuy nhiên, bên cạnh những tiện ích do Internet mang lại thì trên thực tế hiện nay, không gian mạng đã và đang trở thành công cụ hàng đầu, “mảnh đất màu mỡ” mà các thế lực thù địch lợi dụng để tiến hành chiến lược ‘diễn biến hòa bình’, chống phá cách mạng nước ta. Để nâng cao hiệu quả, góp phần đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn và luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc trên không gian mạng, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhất là đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa về mục tiêu, định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Nền văn hóa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ, trong đó, giá trị cốt lõi là lí tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội. Tiên tiến là vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của nhân dân trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân với cộng đồng. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, bền vững, những tinh hoa văn hóa thống nhất mà đa dạng của cộng đồng 54 dân tộc đang sinh sống ở Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước.

Văn hoá là hồn cốt của dân tộc, văn hoá còn thì dân tộc còn, văn hóa nói lên bản sắc của dân tộc. Phát triển văn hoá là một trong những vấn đề trọng tâm, nội dung nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng với quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nền văn hoá và con người Việt Nam,... kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Để thực hiện tốt biện pháp này, trước hết cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lí của các cơ quan, tổ chức trên lĩnh vực văn hoá để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hoá, xây dựng con người Việt Nam trong thời kì phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cấp uỷ, tổ chức đảng và tổ chức hành chính các cấp cần nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hoá, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hoá. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp,

chú ý đến tính đặc thù của hoạt động văn hoá, nghệ thuật. Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ các nguồn lực cho phát triển văn hoá, chú trọng đầu tư vào dòng chủ lưu của văn hoá cách mạng để làm nòng cốt và dẫn dắt, truyền cảm hứng chủ đạo trong việc bồi dưỡng tư tưởng, tâm hồn, tình cảm trong sáng, lành mạnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội.

Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa và quần chúng nhân dân, cần nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng và những giá trị quý báu của văn hóa truyền thống đối với sự phát triển của đất nước. Theo chức năng, nhiệm vụ của mình tích cực trong hoạt động và cống hiến cho Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất, phản biện, thẩm định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa; sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa hay, đặc sắc phục vụ nhu cầu thụ hưởng của xã hội; phát huy, tài năng, tâm huyết với Nhân dân, với Đảng, với Tổ quốc và tương lai của dân tộc. Đồng thời, làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa đến với quần chúng nhân dân, góp phần định hướng dư luận, giúp các cấp ủy, chính quyền địa phương phát triển.

Hai là, thực hiện có hiệu quả các giải pháp công nghệ, giáo dục ý thức sử dụng và xử lý nghiêm các vi phạm trên không gian mạng

Phát triển và ứng dụng dịch vụ Internet, không gian mạng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Việt Nam là một xu thế tất yếu, mang lại nhiều giá trị đích thực. Song, những mặt trái, tiêu cực của không gian mạng cũng đặt ra yêu cầu và thách thức không nhỏ cho công tác quản lý. Trên thế giới hiện nay, một số quốc gia đã dựng lên các “biên giới ảo” để kiểm soát “lãnh thổ” của mình ở lĩnh vực Internet. Đối với Việt Nam, song hành cùng các giải pháp nhận diện, đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc do các thế lực thù địch tiến hành trên không gian mạng, thì cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp công nghệ, như: cung cấp thông tin chính thống; bảo vệ thông tin cá nhân, xây dựng các tài khoản ảo bình luận pha loãng thông tin; kỹ thuật phát tán thông tin trên không gian mạng; kỹ thuật dự báo, phân tích điều tra, ngăn chặn, bóc gỡ, khóa tài khoản của đối phương có vị trí vô cùng quan trọng, góp phần quyết định đến thắng lợi trong đấu tranh phòng, chống quan điểm sai trái trên không gian mạng hiện nay.

Bên cạnh đó, cần giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân khi tham gia mạng xã hội, cần tỉnh táo trong tiếp cận thông tin để tránh bị lợi dụng tiếp tay cho kẻ xấu. Có thể ví không gian mạng như một cái chợ mà ở đó người ta bán đủ thứ thông tin, hình ảnh mà ít được kiểm chứng, kiểm duyệt, có cả hàng thật lẫn hàng giả, hàng nhái; hàng tươi ngon lẫn cả với hàng ôi thiu. Mỗi người dân hãy trở thành những người “tiêu dùng thông thái” khi tham gia vào chợ thông tin này. Hãy giữ cho mình tác phong thận trọng và luôn mang tâm thế của người hiểu biết, tỉnh táo, rèn luyện thói quen, kỹ năng kiểm chứng, thẩm định thông tin; hình thành văn hóa ứng xử trên mạng xã hội cho thanh niên, thói quen like & share có trách nhiệm. Nếu không nắm bắt được bản chất của vấn đề, người tham gia mạng xã hội sẽ tiếp xúc luận điệu xuyên tạc, tin giả hoặc để

bị dẫn dắt theo chủ đích của kẻ xấu, rất dễ tự biến mình thành “cột thu phát” một cách vô ý thức.

Kiên quyết xử lý nghiêm minh, hiệu quả, có tính răn đe cao đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật khi tham gia mạng xã hội. Kết hợp với tăng cường hoạt động quản lý, kiểm soát mạng xã hội và tuyên truyền giáo dục Luật An ninh mạng năm 2018. Siết chặt kỉ cương, kỉ luật trong Đảng, nếu thông tin xấu do các thế lực thù địch tiến hành có nguy hại một thì các thông tin xấu do chính những kẻ biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội thì còn nguy hại gấp nhiều lần. Bởi vậy, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, nếu cần thiết thì đưa ra khỏi tổ chức những cán bộ, đảng viên cơ hội, thực dụng, có vi phạm nghiêm trọng để làm trong sạch đội ngũ. Cấp ủy, tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm kỉ luật phát ngôn; nghiêm cấm để lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, lan truyền những thông tin sai lệch hoặc tán phát những nội dung xấu, xuyên tạc, vu khống, kích động trên không gian mạng.

Ba là, chủ động hợp tác quốc tế, thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm quản lí mạng xã hội với các nước trên thế giới

Cơ quan chức năng cần chủ động hợp tác quốc tế, nắm tình hình, phát hiện sớm hoạt động chống phá trên mạng xã hội của các tài khoản, máy chủ ở nước ngoài để đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch chống phá cách mạng Việt Nam trên mạng xã hội như: phát hiện các trang web, blog, “diễn đàn” thường xuyên đăng tải những nội dung xấu, thù địch; phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động tuyên truyền chống phá; kịp thời nhận diện những phương thức, thủ đoạn mới; phát hiện cá nhân, tổ chức sở hữu, quản lí, điều hành các trang mạng xã hội thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh, video tuyên truyền chống phá các nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Triều Tiên, Cuba, Lào và Việt Nam.

Chủ động hợp tác, nắm bắt và yêu cầu các tập đoàn truyền thông như Google, Youtube, Facebook, Twitter,... cần tuân thủ pháp luật Việt Nam khi tham gia hoạt động trên đất nước ta. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lí nhà nước với các dịch vụ mạng xã hội gỡ bỏ các clip, bài viết với nội dung xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của Việt Nam trên không gian mạng. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lí giữa các cơ quan chức năng, lực lượng nòng cốt chuyên sâu trong đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên Internet và mạng xã hội với các nước trên thế giới, nhất là với Trung Quốc, Lào, Triều Tiên, Cuba là các quốc gia có hệ thống chính trị tương đồng với Việt Nam. Tính toán sử dụng các giải pháp về công nghệ để ngăn chặn các tin tức xấu độc trên các trang mạng. Có thể chủ động sử dụng các biện pháp kĩ thuật nghiệp vụ để xâm nhập, chiếm quyền quản trị, điều hành các trang web, blog, diễn đàn mạng xã hội, xóa dữ liệu, vô hiệu hóa hoặc ngăn chặn việc truy cập vào các trang mạng có nội dung “độc hại” trong một thời gian nhất định.

Trên đây là một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống của dân tộc trên không gian mạng. Mỗi giải pháp đều có cơ sở khoa học, vai trò, vị trí riêng, nhưng là một hệ thống, tác động

qua lại lẫn nhau. Do vậy, việc vận dụng các giải pháp cần mang tính đồng bộ, khách quan, lấy hiệu quả để đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hiện nay.

KẾT LUẬN

Văn hóa là sản phẩm của lịch sử và là phương thức tồn tại của một dân tộc. Văn hóa luôn mang trong mình các yếu tố lịch sử, truyền thống, tâm lí gắn với các biểu tượng, phong tục, tập quán của một cộng đồng dân tộc. Vì vậy, khi các giá trị văn hóa truyền thống không được giữ gìn, bản sắc dân tộc bị đánh mất, thì dân tộc đó cũng không có nội lực cho phát triển. Nền văn hóa Việt Nam không chỉ là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường trong dựng nước và giữ nước của cộng đồng 54 dân tộc, mà còn là kết quả của sự giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn hóa, văn minh nhân loại. Những giá trị truyền thống của nền văn hóa ấy vẫn còn nguyên sức sống, đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người Việt Nam, tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho xã hội ta trong thời đại ngày nay. Nhận diện với những luận điệu xuyên tạc, bài xích văn hóa truyền thống do các thế lực tiến hành trên không gian mạng là hết sức cần thiết, có giá trị về học thuật và thực tiễn sâu sắc, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Xây dựng thành công một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm vẻ vang giống nòi “con Lạc, cháu Hồng”, tạo ra sức mạnh vô song để xây dựng Tổ quốc ta ngày càng cường thịnh, Nhân dân ta ngày càng hạnh phúc, đất nước ta ngày càng phồn vinh, xứng đáng với truyền thống ngàn năm văn hiến của một dân tộc anh hùng, sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới./.

Trích dẫn:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, sđd tr. 82.

(2) Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Phạm Văn Sơn (Chủ biên, 2021), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

[4]. Trần Hoài Trung, Nguyễn Kim Lâm (Đồng chủ biên, 2016), *Hiểm họa từ mặt trái của Internet*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Bá Vinh, Nguyễn Bình Phương (Đồng chủ biên, 2017), *Phòng chống “diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực văn học nghệ thuật*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “ĐỨC” VÀ “TÀI” TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH HIỆN NAY

*Thượng tá, ThS Ninh Văn Dân - CNBM Khoa KHXH&NV
Trung tá, ThS Tạ Văn Quyết - GV Khoa KHXH&NV*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” của người cán bộ là một nội dung giữ vị trí quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải có yếu tố “đức” và “tài” trong mỗi con người nói chung và mỗi cán bộ, đảng viên nói riêng. Trước yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, cần có những con người phát triển toàn diện trên tất cả các mặt đạo đức và tài năng, trong đó đạo đức là “gốc”, là “nền tảng” của người cán bộ cách mạng. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trên, cần phải có những giải pháp đồng bộ, đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

1. Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” của người cán bộ cách mạng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ về mọi mặt. Theo Người, cán bộ là những người đem chính sách của Đảng và Chính phủ giải thích cho quần chúng hiểu rõ và thi hành, đồng thời cũng là người đem tình hình dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ để đặt ra chính sách cho đúng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [2;309], “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [2;X], theo Người: cán bộ tốt là người có phẩm chất toàn diện về mọi mặt, có phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống, trình độ hiểu biết, chuyên môn, nghiệp vụ. Những phẩm chất đó được Hồ Chí Minh khái quát trong hai chữ “đức” và “tài”. “Đức” và “tài” trở thành những tiêu chuẩn, giá trị cơ bản để mỗi người cán bộ phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện. Đức và tài là những tiêu chuẩn cơ bản để xem xét, đánh giá, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ của Đảng và Nhà nước ta.

Đề cập sự thống nhất “đức” và “tài” của người cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Có tài phải có đức”. Theo Người, “đức” và “tài” gắn bó chặt chẽ, thống nhất với nhau trong nhân cách người cán bộ cách mạng, được biểu hiện trên kết quả công tác. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, người cán bộ cách mạng trước hết phải có đạo đức cách mạng, bởi vì đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Người khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [2;292] và “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thâm nhuần đạo đức cách mạng hay là không” [2;354].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “tài” của người cán bộ có vị trí đặc biệt quan trọng để họ hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, đạt chất lượng và hiệu quả cao trong công việc. Tài của người cán bộ cách mạng là năng lực của họ, được biểu hiện bằng hiệu suất, hiệu quả hoạt động trong một lĩnh vực thực tiễn nào đó. Tài năng của người cán bộ là kết quả của một quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm của mỗi người. Bởi vậy, trong sử dụng

cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy phải biết tùy tài mà dùng người. Theo Người, để có được tài năng, người cán bộ cách mạng cần phải tích cực học tập, kiên trì rèn luyện, phải thực hiện lời dạy của Lênin: “Học, học nữa, học mãi” [2;631].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “đức” và “tài” luôn gắn bó chặt chẽ, quan hệ biện chứng với nhau trong nhân cách của người cán bộ cách mạng. Trong mỗi quan hệ đó, “đức” phải được đặt lên hàng đầu: “Đức phải có trước tài”, đức là gốc. Nếu có tài mà không có đức là vô dụng, vì “Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nước” [2;346]. Bên cạnh đó, Người cũng chỉ rõ: “Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai” [2;346].

“Đức” và “tài” trong tư tưởng Hồ Chí Minh có mối quan hệ khăng khít với nhau, là hai mặt cơ bản của người cán bộ. Trong đó “đức” là “gốc”, nhưng “tài” là quan trọng và Người luôn nhắc nhở chúng ta không được xem nhẹ mặt nào, Người ví: “Có đức mà không có tài thì không khác ông Bụt, không làm gì hại ai, nhưng cũng không làm được gì có ích cho mọi người. Ngược lại có tài mà không có đức thì sẽ trở thành kẻ phá hoại” [2;346]. Người nhấn mạnh vai trò của đạo đức, nhưng không tuyệt đối hóa, bên cạnh đó Người cũng đặc biệt xem trọng tài năng, coi đó là nhân tố cần thiết không thể thiếu của người cán bộ.

2. Giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay

Trường Sĩ quan Công binh là trung tâm đào tạo Sĩ quan chỉ huy tham mưu Công binh cho toàn quân; trong những năm vừa qua, Nhà trường đã đào tạo được nhiều thế hệ cán bộ có chất lượng cao cho Binh chủng Công binh và Quân đội. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở Nhà trường đã đạt được những kết quả tích cực. Chất lượng đội ngũ cán bộ Nhà trường ngày càng được nâng lên, hoàn thành khá, tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội, Binh chủng Công binh.

Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ, một bộ phận đội ngũ cán bộ cấp phân đội còn bộc lộ những hạn chế nhất định về cả đạo đức, năng lực, phương pháp, tác phong công tác. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” ở Nhà trường trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có thời điểm chưa sát, cụ thể, vì vậy, đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục xác định: “Xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội hiện đại” [1;157-158]. Binh chủng Công binh tiếp tục được đầu tư để xây dựng lực lượng Công binh hiện đại, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm Công binh cho toàn quân. Trước yêu cầu đó Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chủ trương tập trung: “Xây dựng Trường Sĩ quan Công binh theo mô hình nhà trường thông minh tiếp cận cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; Nhà trường trở thành trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học có uy tín, chất lượng cao trong Quân đội” [3]. Do vậy, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở Nhà trường là một đòi hỏi khách quan, mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, Nhà trường cần chú trọng công tác rèn luyện, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ “đức” và “tài”, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Trong đó, cần tập trung thực hiện đồng bộ một số nội dung biện pháp sau:

Một là, quán triệt, giáo dục nâng cao nhận thức cho các chủ thể về tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới.

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, có vai trò chủ đạo, xuyên suốt, tác động, chi phối đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay. Các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở cần phải nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” trong đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng cán bộ; trong đó, coi trọng việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức làm gốc cho tài năng phát triển là việc làm thường xuyên mà mọi cấp ủy, tổ chức đảng phải nắm vững.

Trong thực hiện, cần nắm vững giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về “đức” và “tài” để gắn kết chặt chẽ với việc quán triệt và thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Đồng thời, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, nhất là cán bộ trẻ; kiên quyết đấu tranh với quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc; kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng với luân chuyển, đi thực tế ở các đơn vị, tạo điều kiện để cán bộ được rèn luyện trong thực tiễn,... Qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức, đề cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, đề xuất, xây dựng kế hoạch, tiến hành công tác cán bộ đảm bảo nguyên tắc, có hiệu quả, đúng đường lối công tác cán bộ của Đảng.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ của các cấp ủy đảng.

Để thực hiện hiệu quả, các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung lãnh đạo, triển khai đồng bộ các biện pháp; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, phát hiện, tháo gỡ khó khăn; kịp thời chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ. Nội dung quản lý phải toàn diện: cả số lượng và chất lượng; từng người và cả đội ngũ, từng loại cán bộ, từng cấp, từng ngành; cả phẩm chất và năng lực, sức khỏe và kiến thức chuyên môn; lịch sử chính trị với quá trình hoạt động thực tiễn và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên tại cơ quan, đơn vị; nắm chắc tình hình gia đình, hậu phương và các mối quan hệ xã hội của cán bộ,... Trên cơ sở đó, xem xét, đánh giá đúng từng cán bộ và cả đội ngũ; đề ra chủ trương, kế hoạch, biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, bảo đảm chính xác, thiết thực, hiệu quả cao.

Cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp, cần thông qua quá trình sinh hoạt và trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách của từng người, nắm chắc ưu điểm và hạn chế, làm cơ sở để đánh giá, xem xét cán bộ; kết hợp chặt chẽ việc quản lý cán bộ với quản lý đảng viên; phối hợp giữa các cấp, ngành, cơ quan, tổ chức để quản lý cán bộ. Phát huy trách nhiệm quản lý của cán bộ chủ trì các cấp đối với cán bộ thuộc quyền, đề cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức đảng, cơ quan chính trị và các cơ quan chuyên trách, tổ chức

quản chúng trong việc quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nền nếp, chế độ công tác quản lý hồ sơ cán bộ.

Ba là, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ, giúp họ vươn lên chiếm lĩnh tri thức, làm chủ khoa học công nghệ, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ.

Đây là vấn đề hết sức cấp thiết trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Có làm tốt vấn đề này, chúng ta mới có thể xây dựng một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bên cạnh việc xây dựng phẩm chất chính trị, đạo đức thì việc nâng cao trình độ, năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ cũng là một nội dung quan trọng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “Đức” và “Tài” của đội ngũ cán bộ ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay.

Trong quá trình vận dụng cần bám sát quan điểm Hồ Chí Minh về tài năng của người cán bộ cách mạng, bám sát yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội, Binh chủng Công binh và Nhà trường để giáo dục, nâng cao năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ. Trong đó, tập trung vào: khả năng nắm bắt, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, chỉ thị của cấp trên; phân công, tổ chức thực hiện kế hoạch. Kiến thức, năng lực quản lý, chỉ huy, nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Công binh và năng lực tổ chức, bảo đảm Công binh trong các nhiệm vụ. Năng lực khai thác, làm chủ các trang bị kỹ thuật hiện có trong biên chế và khả năng nghiên cứu, tiếp cận khai thác khí tài, trang bị kỹ thuật mới. Có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo cương vị, chức trách đảm nhiệm.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đội ngũ cán bộ và kiên quyết xử lý cán bộ, giảng viên sai phạm, tiêu cực.

Đây là giải pháp quan trọng nhằm làm trong sạch đội ngũ cán bộ. Để thực hiện tốt vấn đề này, các cấp ủy, tổ chức đảng cần quán triệt sâu sắc các quan điểm, nguyên tắc của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần nhận thức rõ: cán bộ là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng, khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng; mọi vấn đề về công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp ủy, tổ chức đảng, được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Cấp ủy, chỉ huy các phòng, ban, khoa giáo viên, tiểu đoàn tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của trên về công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ ở các khâu, các bước. Kiên quyết xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật, lợi dụng quyền lực để thực hiện những hành vi sai trái trong công tác cán bộ. Quán triệt, thực hiện tốt Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Căn cứ các quy định, quy chế của Trung ương, Quân ủy Trung ương, từng cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng quy chế, quy định chặt chẽ và thực hiện nghiêm quy trình công tác cán bộ; trong đó, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong công tác cán bộ. Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng

trong tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, nhằm kiểm soát chặt chẽ, sàng lọc kỹ càng, thay thế kịp thời những người năng lực hạn chế, uy tín thấp, không đủ sức khỏe, có sai phạm, không thể hết nhiệm kì, hết thời hạn bổ nhiệm hoặc đến tuổi nghỉ hưu; không lấy việc bố trí chức vụ, phong, thăng quân hàm, nâng lương để thực hiện chính sách cán bộ.

Tóm lại, Tư tưởng Hồ Chí Minh về người cán bộ có đủ “đức” và “tài” luôn là định hướng cơ bản, quan trọng, soi đường chỉ lối việc xây dựng con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng đó, hiện nay Trường Sĩ quan Công binh quyết tâm xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp phát triển toàn diện cả “đức” và “tài”. Các giải pháp có vị trí, vai trò khác nhau, nhưng là chỉ dẫn giúp cho các lực lượng tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ bảo đảm kết quả tốt nhất. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng các mặt công tác của Nhà trường nói chung, công tác giáo dục, đào tạo nói riêng, từ đó từng bước đáp ứng mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ giáo dục, đào tạo trong tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 5, 9, 10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2011.

[3] Đảng uỷ Trường Sĩ quan Công binh (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường lần thứ XXIV (nhiệm kì 2020-2025)*, Bình Dương.

[4] Quân uỷ Trung ương (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI*, nhiệm kì 2020 - 2025.

[5] Bộ Chính trị (2021), Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” Hà Nội.

**BỒI DƯỠNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC KHOA HỌC CỦA HỒ CHÍ MINH
CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI**

*Thiếu tá, CN Trần Thanh Hữu
GV - Khoa KHXH&NV*

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành việc làm thường xuyên, liên tục của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ cần phải có phương pháp làm việc khoa học. Đây là một yếu tố quan trọng để giúp tiến độ công việc đạt hiệu quả. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã đề cập tới phong cách làm việc với nhiều cách diễn giải khác nhau, phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh cụ thể, đồng thời, chính bản thân Người đã trở thành một tấm gương sáng về phong cách làm việc khoa học với mục đích và hiệu quả đặt ra rất rõ ràng. Vận dụng phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh sẽ góp phần hình thành phong cách làm việc đúng đắn, khoa học đối với cán bộ, đảng viên trong các nhà trường quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh được thể hiện rõ ở một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, làm việc phải có tính mục đích, tính sát thực, khoa học của chương trình, kế hoạch và thực hành sáng tạo, làm đến nơi, đến chốn trong thực hiện các nhiệm vụ.

Theo Hồ Chí Minh, trước khi thực hiện nhiệm vụ, bất kể việc gì, từ lớn đến nhỏ, người cán bộ đều phải xác định rõ mục đích, yêu cầu nội dung, chương trình, kế hoạch. Người cho rằng, tính khoa học thể hiện ở sự quý trọng thời gian giờ nào, việc ấy, chấp hành đúng giờ giấc, biết tôn trọng thời giờ của người khác, tránh lối làm việc tùy tiện, “được chăng hay chớ”; làm việc cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, không chung chung, dàn trải và phải có sự phân công trách nhiệm cụ thể. Người thường nhắc nhở cán bộ: “Nội dung một, kế hoạch mười, quyết tâm phải hai mươi”; muốn lãnh đạo đúng thì phải “... tổ chức sự thi hành cho đúng”⁶, “Cách mạng cũng như một bộ máy, phải có phân công, người làm việc này, người làm việc khác, nhưng việc nào cũng cần thiết, cũng quan trọng”⁷.

Thứ hai, khi xem xét và quyết định mọi việc đều phải tiến hành điều tra, nghiên cứu và phân tích toàn diện, phải tôn trọng quy trình ra quyết định, tranh thủ ý kiến của tập thể lãnh đạo và quần chúng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động, là tấm gương sáng ngời về phương pháp làm việc khoa học, khách quan, dân chủ, trung thực, sáng tạo. Người chỉ rõ: “Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi: Vì sao có vấn đề này? Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao? Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gặp sao làm vậy”⁸ và “Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn”⁹. Khi ra các quyết định phải có thông tin đầy đủ và bảo đảm có phương án thực thi hiệu quả, không chủ quan duy ý chí, phải xây dựng thói quen tôn trọng thực tế khách quan, không bóp méo sự thật, làm việc với tầm nhìn xa, trông rộng trên cơ sở dự báo khoa học về tình hình có liên quan để tránh bị động, bất ngờ và tránh sa vào công việc mang tính sự vụ thiển cận. Người đã phê phán gay gắt những cán bộ mắc “Bệnh cận thị - Không trông xa thấy rộng. Những vấn đề to tát thì không nghĩ đến mà chỉ chăm chú những việc tỉ mỉ... Những người như vậy, chỉ trông thấy sự lợi hại nhỏ nhen mà không thấy sự lợi hại to lớn”¹⁰.

Thứ ba, làm việc phải thường xuyên đi sâu thực tế, bám sát cơ sở, nắm chắc toàn diện tình hình, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, lắng nghe ý kiến và học hỏi kinh nghiệm của Nhân dân.

Phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh còn là sự sâu sát kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới và quần chúng, thường xuyên chú ý rút kinh nghiệm. Người yêu

⁶ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.325.

⁷ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.180.

⁸ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.279.

⁹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.307.

¹⁰ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.297-298.

cầu cán bộ, đảng viên làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình, “Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng”¹¹; mỗi cán bộ, đảng viên phải sâu sát, nắm tới “cái ăn, cái mặc”; nắm tâm tư, nguyện vọng, niềm vui, nỗi buồn của Nhân dân; muốn vậy, cán bộ ở cơ quan hay ở cơ sở phải luôn cụ thể, tỉ mỉ, phải kết hợp giữa “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Nhiều nơi cán bộ chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị, sau đó, thì họ không biết gì đến nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những sự khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế mà đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị mà công việc vẫn không chạy...”¹² Người đã nghiêm khắc phê phán các cán bộ tự coi mình là “quan cách mạng”, “quan nhân dân”, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời Nhân dân. Cán bộ cần thực hiện “lời nói đi đôi với việc làm”, ngoài ra khi làm xong một công việc, dù thành công hay thất bại, đều phải tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, thực hiện các nhiệm vụ được tốt hơn. Về phần mình, để nắm tình hình, Người không chỉ dựa vào bộ máy giúp việc, mà còn trực tiếp đi xuống cơ sở, khi về với dân rất ít khi Người báo trước, bởi Người muốn nắm người thật, việc thật, thông tin thật từ cơ sở. Về với địa phương, những nghi thức rườm rà và những nghi lễ đón tiếp trang nghiêm, khẩu hiệu chào mừng, đoàn xe hộ tống, hàng rào danh dự... như một thứ xa lạ đối với Người. Người lên án mọi thói che đậy, bung bít sự thật, cho đó là đối trá với dân, đối trá với Đảng, có tội với Đảng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc học tập và làm theo phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nói chung và các nhà trường quân đội nói riêng đã tích cực, chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và rèn luyện cho cán bộ, đảng viên phong cách làm việc khoa học. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng toàn diện, tập trung vào bồi dưỡng phong cách làm việc sâu sát quần chúng, dân chủ, tập thể, khoa học, cụ thể, kĩ lưỡng, nêu gương, nói đi đôi với làm. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng phong phú, linh hoạt, sáng tạo, như: phát tin truyền thanh; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, kể chuyện, học tập chính trị chuyên đề; nói chuyện thời sự, sinh hoạt, diễn đàn, tọa đàm thanh niên về Chủ tịch Hồ Chí Minh... Qua đó, “Bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của Quân đội được giữ vững và phát huy; phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” tiếp tục tỏa sáng, là điểm tựa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu”¹³; góp phần hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, năng lực của mọi cán bộ, đảng viên; chất lượng công tác đảng, công tác chính trị ở các nhà trường quân đội từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, việc học tập và làm theo phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh ở các nhà trường quân đội thời gian qua vẫn còn có những hạn chế nhất định như: “Chất lượng thực hiện các chế độ ở một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa tốt, còn biểu hiện bệnh thành tích, giấu giếm khuyết điểm. Có cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, nói chưa đi đôi với làm”¹⁴, chưa coi trọng tính

¹¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.54.

¹² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.637.

¹³.⁹ Tổng cục Chính trị Quân đội. *Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*. H. Nxb Quân đội nhân dân, 2020, tr. 37, 56.

nguyên tắc, tính khoa học nên hiệu quả công tác chưa cao; còn hiện tượng đi muộn về sớm; làm không đến nơi, đến chốn, đối phó với kiểm tra của trên...

Hiện nay, trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Quân đội trong tình hình mới, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhiệm vụ xây dựng nhà trường quân đội vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu” đòi hỏi phải tăng cường bồi dưỡng phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các nhà trường quân đội. Vì vậy cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:

Một là, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong các nhà trường quân đội cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên nhất là đội ngũ cán bộ chủ trì, nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh. Nội dung giáo dục phải toàn diện, trong đó coi trọng giáo dục về phương pháp, tác phong công tác, cách thức làm việc khoa học theo tinh thần “7 dám”: dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn thử thách và dám hành động vì lợi ích chung.

Hai là, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị cần chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực, rõ ràng, đúng mực, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế; phù hợp với khả năng thực hiện của cán bộ, chiến sĩ; tránh đặt ra kế hoạch thiếu tính thực tế, thiếu cơ sở khoa học và không khả thi.

Ba là, thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chính trị với chủ đề “Tự soi, tự sửa”. Xây dựng đội ngũ cán bộ có tác phong làm việc khoa học, gương mẫu trong lời nói và việc làm; luôn tận tâm, tận tụy với công việc được giao, biết quý trọng thời gian làm việc. Khuyến khích tinh thần tự học của cán bộ, đảng viên “lấy tự học làm cốt”.

Bốn là, kịp thời rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng những điển hình tiên tiến, các tập thể, cá nhân có cách làm hay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm trong công tác bồi dưỡng, xây dựng phương pháp làm việc khoa học cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các nhà trường quân đội.

Phong cách làm việc khoa học là nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh, là di sản quý báu, thể hiện phong cách làm việc của một lãnh tụ chính trị thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, một chiến sĩ cách mạng tiêu biểu và là một “công bộc” của Nhân dân. Hiện nay, học tập phương pháp làm việc khoa học của Người có ý nghĩa hết sức to lớn trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, là một cách để mỗi cán bộ, đảng viên thiết thực thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Vì vậy, cần tiếp tục nhân rộng phong cách ấy trong mỗi cán bộ, đảng viên ở các nhà trường quân đội hiện nay./.

TÁM GƯƠNG SÁNG TỪ MÔ HÌNH “ĐÔI BẠN CÙNG TIẾN”

*Trung tá, ThS Nguyễn Văn Hà
Trưởng ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị*

Mỗi học viên kèm một học viên để giúp nhau cùng tiến bộ, đó là ý nghĩa thiết thực từ mô hình “Đôi bạn cùng tiến”. Trong những năm qua, mô hình “Đôi bạn cùng tiến” được triển khai sâu rộng trong các đoàn cơ sở tại Trường Sĩ quan Công binh, mang lại hiệu quả thiết thực, tạo điều kiện cho học viên giúp nhau cùng học tập, rèn luyện tốt hơn. Với phương châm “Xóa yếu, giảm trung bình, tăng khá giỏi”, từ mô hình đã có nhiều học viên trung bình phấn đấu, vươn lên giành kết quả cao trong học tập, rèn luyện, tiếp tục trở thành điểm tựa cho đồng chí, đồng đội noi gương, làm theo.

Đến với giờ tự học của Đoàn cơ sở Tiểu đoàn 5, chúng tôi đều được cán bộ, học viên hết mực khen ngợi về gương sáng Hạ sĩ Nguyễn Văn Hiếu, đoàn viên Phân đoàn 2, Chi đoàn Đại đội 8.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình làm nông tại xã Bạch Lưu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua theo dõi trang Fanpage “Đại học Ngô Quyền” những hiểu biết về Trường Sĩ quan Công binh đã nung nấu trong Hiếu ước mơ được trở thành học viên của Nhà trường ngay từ những năm đầu Trung học cơ sở. Miệt mài học tập trong những năm học phổ thông, năm 2023, Hiếu quyết tâm đăng kí tuyển sinh quân sự và trúng tuyển vào Trường Sĩ quan Công binh với số điểm 24,2. Đó không chỉ là niềm vui của bản thân mà còn là niềm vinh dự của gia đình, dòng họ, là món quà em muốn gửi tới cha mẹ ngày đêm tảo tần trên ruộng đồng với mong muốn Hiếu có một tương lai tươi sáng.

Bằng sự cố gắng, quyết tâm cao, thích ứng nhanh với môi trường học tập quân đội, Nguyễn Văn Hiếu đã đạt 7,79 điểm trong năm học thứ nhất và được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến. Để tiếp tục phấn đấu đạt kết quả cao trong năm tiếp theo, Hiếu đã tự tìm tòi xây dựng cho mình phương pháp học tập, rèn luyện khoa học, thường xuyên học thầy, hỏi bạn, tăng cường tìm tòi tư liệu tại thư viện Nhà trường để bổ sung kiến thức. Bước sang học kì I năm học thứ hai, tinh thần hăng say, miệt mài trong học tập của Hiếu không hề sụt giảm, hiện tại Hiếu đang đạt mức điểm giỏi 8,37.

Với thành tích, kết quả đã đạt được và những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quá trình học tập của bản thân, Hiếu bộc bạch: “Vấn đề quan trọng hàng đầu là bản thân phải xác định rõ động cơ phấn đấu, không chỉ học cho bản thân, mà còn học cho gia đình, học vì tập thể, học để vững bước vào con đường binh nghiệp tương lai; phải kiên trì, bền bỉ phấn đấu ở từng môn học, từng nội dung rèn luyện, không ngại khó, ngại khổ, luôn tự giác trong mọi việc. Trong học tập phải có phương pháp học tập phù hợp, tích cực nghiên cứu tài liệu mở rộng kiến thức...; đoàn kết, giúp đỡ đồng chí đồng đội cũng là chìa khóa thành công”.

Không chỉ có thành tích học tập tốt, Hiếu còn là đoàn viên rất năng nổ trong hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh niên, với đôi tay tài hoa, Hiếu đã trực tiếp tham gia xây dựng nhiều công trình thanh niên của Tiểu đoàn 5, góp phần xây dựng cảnh quan đơn vị sáng, xanh, sạch, đẹp. Đặc biệt hơn, Hiếu còn là người học viên tiêu biểu về tinh thần hết lòng giúp đỡ đồng chí, đồng đội trong học tập, sinh hoạt và công tác. Ngoài cương vị là một tiểu đội trưởng gương mẫu, có phương pháp chỉ huy rành rọt, quyết đoán, Hiếu còn là tổ trưởng tổ phương pháp các môn: Toán, Vẽ Kỹ thuật, Lí, Hóa... của đơn vị. Say mê học tập trên giảng đường để nắm chắc kiến thức, miệt mài trong các giờ hoạt động phương pháp buổi tối của đơn vị để hướng dẫn, hỗ trợ những học viên tiếp thu bài chưa tốt đã trở thành phương châm, mục tiêu hằng ngày của Hiếu. Ngoài giờ hoạt động phương pháp chung, Hiếu thường xuyên thức khuya để cùng ôn bài, hướng dẫn cho những đồng đội có lực học trung bình để giúp bạn cùng tiến bộ, và tên gọi trừu mến “Hiếu phương pháp” đã trở thành điểm tựa, tấm gương sáng cho nhiều học viên Tiểu đoàn 5 học tập, noi theo.



Hạ sĩ Nguyễn Văn Hiếu trong một buổi hoạt động phương pháp tại đơn vị

Càng cảm phục Nguyễn Văn Hiếu hơn bởi đức tính khiêm tốn, giản dị, luôn đặt lợi ích của tập thể lên hàng đầu. Được biết, trong sơ, tổng kết các phong trào, đợt thi đua của đơn vị, dù được tập thể tin nhiệm đề nghị khen thưởng, nhưng Hiếu lại rất khiêm tốn, nhiều lần không tự nhận thành tích về mình; Hiếu suy nghĩ, thành tích của cá nhân chỉ là phần nhỏ bé đóng góp vào thành công của tập thể, kết quả trong mỗi hoạt động đều có công sức của đồng chí, đồng đội, chứ không chỉ của riêng mình.

Tuy mới là học viên bước vào năm thứ hai, nhưng những suy nghĩ “trước tuổi”, những việc làm, hành động đẹp của Hạ sĩ Nguyễn Văn Hiếu đã để lại dấu ấn, hình ảnh khó phai trong đồng đội, cán bộ quản lí và các thầy, cô giáo. Chúc Nguyễn Văn Hiếu sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành tích trong học tập, rèn luyện, phấn đấu không ngừng để trở thành người cán bộ vừa hồng, vừa chuyên trong tương lai./.

TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG XÂY DỰNG NHÀ TRƯỜNG VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN, “MẪU MỰC, TIÊU BIỂU”

*Đại tá, TS Phạm Nguyễn Ngọc Anh
Chủ nhiệm Chính trị*

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng xây dựng Quân đội về chính trị và tiến hành công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT) trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Người nhấn mạnh: “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”¹⁵. Có thể khẳng định, CTĐ, CTCT là “linh hồn, mạch sống”, một bộ phận rất quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, một mặt công tác cơ bản của cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, chỉ huy các cấp. Bài viết này, nhìn lại kết quả hoạt động CTĐ, CTCT của Nhà trường trong thời gian qua, đề xuất nội dung, giải pháp để tăng cường hiệu lực, hiệu quả CTĐ, CTCT trong xây dựng Nhà trường vững mạnh toàn diện, “mẫu mực, tiêu biểu”.

Những năm qua, hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường Sĩ quan Công binh có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vị thế, uy tín trong hệ thống các Học viện, Trường quân đội. Hoạt động CTĐ, CTCT luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, các cấp ủy, chỉ huy cơ quan, khoa, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động CTĐ, CTCT không ngừng nâng lên. Do đó, dù trong bất kì hoàn cảnh nào, Nhà trường luôn kiên trì định hướng chính trị, sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng được giữ vững và tăng

cường, vai trò đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì được phát huy, chất lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị có nhiều thành tựu, đổi mới và sáng tạo.

Năm học 2023-2024 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Binh chủng Công binh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường lần thứ XXIV. Quán triệt phương châm: “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Công binh, mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm kỳ 2020-2025, năm học và nhiệm vụ được giao của Nhà trường, hoạt động CTĐ, CTCT được triển khai toàn diện, nền nếp, đạt chất lượng, hiệu quả, kết quả cụ thể:

Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của Quân ủy Trung ương, của Đảng ủy Binh chủng, trọng tâm Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, Hội nghị Trung ương 9, Hội nghị Trung ương 10 (khóa XIII). Triển khai có chất lượng kế hoạch giáo dục chính trị, phổ biến giáo dục pháp luật và giáo dục khoa học xã hội và nhân văn cho các đối tượng, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra, kết quả kiểm tra nhận thức chính trị 100% đạt yêu cầu, trong đó 89,75% đạt khá, giỏi. Thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả trong thực hiện khâu đột phá “Nắm, quản lí và giải quyết tư tưởng”. Đẩy mạnh công tác thi đua,

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.217.

tuyên truyền, trọng tâm là các ngày lễ, ngày kỉ niệm và sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, Quân đội, Binh chủng và Nhà trường; tổ chức tốt phong trào thi đua quyết thắng, các đợt thi đua cao điểm, các cuộc vận động, phong trào thi đua các cấp, các ngành, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cuộc vận động phát huy truyền thống, cống hiến tài năng xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kì mới. Từ đó, góp phần xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, niềm tin vững chắc cho cán bộ, chiến sĩ vào sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp xây dựng Quân đội, Binh chủng và Nhà trường, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Duy trì nền nếp, chất lượng chế độ sinh hoạt đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng. Chấp hành nghiêm nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; xây dựng mỗi đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ trì các cấp. Thực hiện nền nếp, có hiệu quả quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu. Kịp thời củng cố kiện toàn các cấp ủy, tổ chức đảng; có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bồi dưỡng cấp ủy viên; thực hiện tốt công tác quản lí, giáo dục, rèn luyện đảng viên, chú trọng công tác phát triển đảng cả về số lượng và chất lượng. Năm học 2023-2024 đã kiện toàn 25 cấp ủy, kết nạp 249 đảng viên, mở 02 lớp bồi dưỡng lí luận cho 262 đảng viên mới, 02 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 306 quân chủng ưu tú, trên 95% cấp ủy, tổ chức đảng,

đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công tác cán bộ được thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ. Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục đủ về số lượng, có chất lượng, cơ cấu hợp lí, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. Kịp thời xây dựng, bổ sung quy hoạch, kế hoạch giải quyết số lượng cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng các khâu, các bước theo đúng quy trình, từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm. Trong năm học đã tiến hành điều động 71 đồng chí, bổ nhiệm 53 đồng chí, thăng quân hàm, nâng lương 77 đồng chí, xếp loại chất lượng cán bộ có trên 95% hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát và kỉ luật của Đảng được quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hoàn thành 100% kế hoạch, kiểm tra 05 tổ chức đảng, giám sát 07 tổ chức đảng, kiểm tra 77 đảng viên, giám sát 96 đảng viên. Trong đó, tập trung kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương; việc phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, chống chủ nghĩa cá nhân và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Chủ động kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm với tinh thần công minh, chính xác, kịp thời, không có ngoại lệ, do đó hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát được giữ vững và tăng cường.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác dân vận, chính sách được cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, khoa, đơn vị quan tâm thực hiện, đạt kết quả tốt. Các tổ chức quần chúng bám sát nhiệm vụ chính trị, hoạt động sôi nổi, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, chất lượng tốt, kết quả xếp loại 100% tổ chức đoàn đạt trong sạch vững mạnh.

Với những chủ trương đúng và biện pháp quyết liệt, phù hợp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động CTĐ, CTCT của Nhà trường trong năm học 2023-2024 đã đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động của cán bộ, chiến sĩ. Qua đó, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Nhà trường vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”.

Năm học 2024-2025, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới. Tình hình trong nước cơ bản ổn định, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai thực hiện có hiệu quả góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Toàn quân tiếp tục điều chỉnh tổ chức lực lượng theo hướng “tinh, gọn, mạnh”. Nhà trường tiếp tục đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Bình chủng, Quân đội với các tiêu chí, yêu cầu cao, toàn diện hơn. Nghị quyết năm học 2024-

2025 xác định: “Tập trung lãnh đạo toàn diện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học theo phương châm: Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”¹⁶. Để tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi trong giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, đòi hỏi hoạt động CTĐ, CTCT cần phải có những nội dung, giải pháp đồng bộ, toàn diện hơn, cụ thể:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, đề cao trách nhiệm của cán bộ chủ trì, trước hết là đội ngũ cán bộ chính trị (bí thư cấp ủy) nhằm nâng cao hiệu lực CTĐ, CTCT

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Nhà trường cần nghiên cứu, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, nhất là quán triệt chủ trương xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”, tiến lên hiện đại từ năm 2030; Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới; yêu cầu nhiệm vụ công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay. Từ đó, xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đúng đắn, sáng tạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn đặt ra. Duy trì nghiêm nền nếp, chế độ, các nguyên tắc sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, quan tâm xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao, đủ sức lãnh đạo hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Đồng thời, phát huy vai trò, đề cao trách nhiệm của cán bộ chủ trì các cấp, trước hết là đội ngũ cán bộ

¹⁶ Đảng ủy Trường Sĩ quan Công binh, Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, tr.6.

chính trị (bí thư cấp ủy) trong đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động CTĐ, CTCT. Quán triệt nghiêm túc tinh thần “5 quyết tâm”, “5 chủ động” trong thực hiện nhiệm vụ, các quy định về trách nhiệm nêu gương, về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Khắc phục triệt để biểu hiện thiếu trách nhiệm, thiếu gương mẫu trong công tác, sinh hoạt của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì các cấp.

Hai là, tiếp tục nâng cao chất lượng nắm, quản lí, định hướng, giải quyết tư tưởng, tập trung vào đối tượng mới, nhiệm vụ khó khăn, sự kiện chính trị quan trọng, thời điểm nhạy cảm

Phát huy tốt vai trò cấp ủy, cán bộ chủ trì và cơ quan chức năng, nhất là cơ quan chính trị trong nắm, quản lí, định hướng tư tưởng, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của trên về công tác tư tưởng, trọng tâm là Quy chế 775/QC-CT, ngày 12/5/2022 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị về công tác quản lí tư tưởng quân nhân; nắm và định hướng dư luận trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Thực hiện tốt nguyên tắc, quy trình nắm, quản lí, dự báo, định hướng, giải quyết tư tưởng ngay từ cơ sở. Luôn bám sát thực tiễn, nguyên tắc, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các nội dung, hình thức tiến hành công tác tư tưởng, bảo đảm chủ động, thiết thực, kịp thời, hiệu quả, đồng bộ ở các cấp, phù hợp với từng đối tượng, từng nhiệm vụ, giai đoạn, chú trọng vào đối tượng mới, nhiệm vụ khó khăn, sự kiện chính trị quan trọng, thời điểm nhạy cảm. Chủ động bồi dưỡng nâng cao năng lực tiến hành công tác giáo dục, quản lí, tư vấn, trợ giúp tâm lí, pháp lí và phương pháp giải quyết những vấn đề tư tưởng nảy sinh cho đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chính trị, cán bộ ở đơn vị quản lí học viên. Thực hiện tốt Quy chế dân

chủ, ngày Đảng, ngày chính trị văn hóa tinh thần, tọa đàm, diễn đàn, đối thoại dân chủ để kịp thời nắm tình hình, định hướng tư tưởng, dư luận và giải quyết những vướng mắc, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của bộ đội.

Ba là, tập trung làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường lần thứ XXV

Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu rộng trong toàn Nhà trường, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động. Tập trung xây dựng chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn về tổ chức đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Nhà trường sát với đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ. Chủ động làm tốt công tác quy hoạch, kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp gắn với nhân sự cấp ủy ở từng cấp, bảo đảm đủ tiêu chí, tiêu chuẩn, năng lực theo yêu cầu của từng chức danh. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, khoa, đơn vị trong quá trình chuẩn bị nhân sự cấp ủy, xây dựng văn kiện bảo đảm đúng nguyên tắc, kế hoạch đề ra. Từng cấp ủy, tổ chức đảng phải đề cao trách nhiệm, chủ động xây dựng kế hoạch, đề án đại hội theo đúng quy định, hướng dẫn. Hệ thống văn kiện đại hội, nhất là báo cáo chính trị phải thể hiện được tầm nhìn, trí tuệ, khát vọng, định hướng phát triển của từng cơ quan, khoa, đơn vị và Nhà trường trong nhiệm kì mới. Làm tốt công tác rút kinh nghiệm đối với các đảng bộ, chi bộ tổ chức đại hội trước, để chỉ đạo tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn Nhà trường. Tiến hành tốt công tác thi đua, tuyên truyền cả trước, trong và sau đại hội ở từng cấp.

Bốn là, bám sát tình hình thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, thường xuyên

đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành CTĐ, CTCT

Hoạt động CTĐ, CTCT phải bám sát tình hình thực tiễn, đi sâu vào từng nhiệm vụ, từng đối tượng, cổ vũ, động viên, truyền cảm hứng, khơi dậy khát vọng cho bộ đội trong thực hiện nhiệm vụ. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp và các tổ chức, các lực lượng cần quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chính trị được giao, trọng tâm là nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường để xác định nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành hoạt động CTĐ, CTCT sát, đúng; kịp thời phát hiện nhân rộng nhân tố tích cực, hạn chế tác động tiêu cực ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, ý chí quyết tâm của bộ đội. Thường xuyên nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành CTĐ, CTCT sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, khoa, đơn vị và của Nhà trường. Phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần “7 dám” của cán bộ chủ trì các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ chính trị (bí thư cấp ủy) trong tiến hành hoạt động CTĐ, CTCT. Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết theo từng nhiệm vụ, từng giai đoạn, đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, chỉ ra nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân và rút ra bài học kinh nghiệm nhằm xác định đúng nội dung, đổi mới hình thức, phương pháp tiến hành hoạt động CTĐ, CTCT.

Năm là, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng trong tổ chức hoạt động CTĐ, CTCT

Hiệu lực, hiệu quả CTĐ, CTCT phụ thuộc vào sự tác động của nhiều yếu tố, nhiều tổ chức, lực lượng tiến hành. Vì vậy, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong tổ chức hoạt động CTĐ, CTCT. Trước hết, đối với Phòng Chính trị, là cơ quan tham mưu,

giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tiến hành các hoạt động CTĐ, CTCT cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, khoa, đơn vị xây dựng, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch CTĐ, CTCT. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan, khoa, đơn vị, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng kinh nghiệm, năng lực tiến hành CTĐ, CTCT cho đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ chính trị các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đối với các tổ chức quần chúng, đặc biệt là tổ chức đoàn cần tích cực, chủ động xây dựng các phong trào hành động cách mạng, quan tâm đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành sao cho mọi hoạt động, mọi phong trào ngày càng thiết thực, gắn gũi với đời sống của đoàn viên, thanh niên, thu hút đông đảo mọi người tham gia, qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động CTĐ, CTCT.

Có thể khẳng định, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động CTĐ, CTCT trực tiếp góp phần quan trọng xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, Nhà trường vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Năm học 2024-2025 là năm học có ý nghĩa rất quan trọng, là năm tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đòi hỏi, hoạt động CTĐ, CTCT phải không ngừng đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp, cùng với đó là sự vào cuộc, chủ động, nhạy bén, sáng tạo của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng, thi đua lập thành tích cao, thiết thực kỉ niệm 70 năm Ngày truyền thống Nhà trường./.

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ VÀ NÉT VĂN HOÁ TỐT ĐẸP CỦA NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11

*Thiếu tá Nguyễn Đình Anh - TL Phòng Chính trị
Thiếu tá, ThS Phan Hoàng Vũ - TB Phòng Đào tạo*

Cứ mỗi độ đến tháng 11 hàng năm, chúng ta lại được sống trong bầu trời xúc cảm của lòng biết ơn và sự kính trọng sâu sắc, muốn làm được một việc gì đó để làm món quà dành tặng cho các thầy giáo, cô giáo, qua đó tỏ lòng biết ơn những người đã từng dạy dỗ, truyền đạt cho mình những tri thức, kiến thức của nhân loại. Trong chúng ta chắc hẳn ai cũng đã từng ít nhiều một lần tự hỏi về nguồn gốc, lịch sử ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Ngược dòng lịch sử trở về những năm 40 của thế kỉ 20; vào tháng 01 năm 1946, một tổ chức Quốc tế gồm các nhà giáo tiên bộ được thành lập ở Paris (thủ đô nước Pháp) lấy tên tiếng Pháp là *Fédération Internationale Syndicale des Enseignants* viết tắt FISE (Liên hiệp Quốc tế các Công đoàn Giáo dục).

Năm 1949, tại Hội nghị Vacsava, tổ chức FISE đã xây dựng một bản "*Hiến chương các nhà giáo*" gồm 15 chương trong đó có một số nội dung chủ yếu là: Đấu tranh chống lại mọi quan điểm và phương pháp giáo dục lạc hậu phản động, phản dân chủ, phản khoa học của nền giáo dục phong kiến, tư sản, nhằm xây dựng nền giáo dục tiên bộ, dân chủ, khoa học; Đấu tranh thủ tiêu chế độ bạc đãi, coi thường nghề dạy học, bảo vệ những quyền lợi vật chất và tinh thần chính đáng của nhà giáo; Quy định một số điều đối với các nhà giáo, đặc biệt coi trọng tính chất nhân văn của nghề dạy học và phương pháp dạy học tiên tiến.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã liên hệ với tổ chức FISE

với mục đích nhằm tranh thủ các diễn đàn quốc tế, để tố cáo âm mưu và tội ác của bọn đế quốc xâm lược đối với nhân dân ta cũng như đối với giáo viên và học sinh. Đồng thời, giới thiệu những thành tích của nền giáo dục cách mạng, qua đó tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của toàn thể lực lượng giáo viên trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập (22/7/1951), Công đoàn giáo dục Việt Nam với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của mình đã được kết nạp là một thành viên của FISE.

Tháng 8/1954, tổ chức Công đoàn các Nhà giáo tiên bộ và Cách mạng trên thế giới đã nhất trí thông qua bản "*Hiến chương các nhà giáo*".

Từ ngày 26 đến ngày 30/8/1957, tại Thủ đô Vacsava, Hội nghị FISE có đến 57 nước tham dự, trong đó có Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Hội nghị quyết định lấy ngày 20/11 làm ngày Quốc tế Hiến chương các nhà giáo.

Còn ở nước ta ngày "*Quốc tế Hiến chương các nhà giáo*" được tổ chức lần đầu tiên trên toàn miền Bắc vào ngày 20/11/1958. Những năm sau đó, ngày lễ này được tổ chức ở các vùng ở miền Nam Việt Nam. Từ đó, việc tổ chức Ngày Quốc tế Hiến chương các nhà giáo 20/11 hằng năm đã sớm trở thành ngày hội truyền thống của giáo giới Việt Nam.

Hàng năm, vào dịp kỉ niệm 20/11, cơ quan Tiểu ban Giáo dục thường xuất bản, phát hành một số tập san đặc biệt để cổ vũ tinh thần đấu tranh của làm công tác giáo dục trong vùng tạm chiếm, động viên tinh thần giáo viên kháng chiến.

Ngày 28/9/1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 167-HĐBT thiết lập ngày 20/11 hằng năm là ngày lễ mang tên Ngày Nhà giáo Việt Nam. Quyết định nêu rõ: “*Để ngày 20/11 có ý nghĩa thiết thực, hàng năm, từ tháng 10 các cấp chính quyền và đoàn thể cần họp để xem xét tình hình công tác và hoạt động của đội ngũ giáo viên ở địa phương mình, kiểm điểm những việc đã làm và đề ra những việc cần tiếp tục làm động viên đội ngũ giáo viên phát huy truyền thống tốt đẹp của giáo giới Việt Nam, rèn luyện phẩm chất và năng lực, làm gương sáng cho học sinh noi theo. Về phía giáo viên, cần có những hoạt động phong phú nhằm nâng cao nhận thức về vinh dự và trách nhiệm của người giáo viên trong xã hội nước ta ngày nay, từ đó mà ra sức phấn đấu làm tốt nhiệm vụ cao cả của mình*”.

Ngày 20/11/1982 là ngày diễn ra lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam đầu tiên được tiến hành trọng thể trong cả nước ta. Từ đó đến nay, đây là ngày truyền thống của ngành giáo dục để tôn vinh những người làm công tác trồng người.

Trong bất kì thời điểm lịch sử nào, dù xã hội có phát triển và đổi thay, "tôn sư trọng đạo" vẫn là một truyền thống, một nét đẹp trong văn hóa của dân tộc Việt Nam. Vai trò của người thầy luôn được đề cao và coi trọng, hình ảnh người thầy giáo luôn tiêu biểu trong mọi tầng lớp của xã hội, và nghề giáo được thừa nhận như Cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã nói: “*Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo*”.

Trong Di chúc, Bác nhấn mạnh trách nhiệm của Đảng đối với việc chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ: “*Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ,*

đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên””. Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao sứ mệnh của người thầy giáo. Người nói: “*Nhiệm vụ thầy giáo rất vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục thì nói gì đến kinh tế, văn hóa*”. Suốt cuộc đời mình, Người đã dành biết bao tâm trí cho sự nghiệp giáo dục và Người không chỉ là một vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam mà Người còn là một người thầy mẫu mực, đầy tâm huyết của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng, lời huấn thị của Người vẫn mang giá trị thời sự trong giai đoạn hiện nay.

Nhiệm vụ của người thầy giáo không chỉ là sự truyền bá tri thức, phương pháp, tay nghề cho người học, mà thầy giáo cũng như học trò, tất cả đều phải tham gia vào các công việc xã hội một cách thật tích cực. Nhà trường phải gắn liền với thực tiễn xã hội, gắn liền với đời sống của nhân dân. Đồng thời, Bác Hồ còn chỉ ra bản chất ưu việt của nền giáo dục trong xã hội mới là hoàn toàn khác với giáo dục trong xã hội cũ: động cơ của người làm nghề thầy giáo không phải là mục đích kinh tế thuần túy mà động cơ giáo dục của người thầy giáo phải gắn liền với mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể theo nhu cầu của xã hội, phải đáp ứng được lợi ích của nhân dân, vì sự mưu cầu hạnh phúc cho con người. Để làm tròn sứ mệnh vẻ vang ấy, người thầy giáo phải có phẩm chất tốt. Bác nhắc nhở: “*Giáo viên phải chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hóa, chuyên môn, đức là chính trị*”. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con”.

Trong thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” là dịp để mỗi nhà giáo thấm nhuần hơn tư tưởng đạo đức của Người. Bồi cao quý thay sự nghiệp “trồng người” và vinh quang thay những cô giáo, thầy giáo đã và đang nhận thức và thực hành sứ mệnh cao đẹp, thiêng liêng đó!

Truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam đã trở thành một nét đẹp văn hóa đặc biệt, là những giá trị vĩnh hằng trong tâm thức, trong quan niệm, trong đạo lí của mọi thời đại và tôn sư trọng đạo là một trong các giá trị đó. Nhân văn là tư tưởng và lẽ sống được các thế hệ cha ông truyền dạy. Các thầy, cô giáo được nhân dân yêu quý và đặt trọn niềm tin.

Truyền thống tôn sư, trọng đạo không chỉ mới xuất hiện trong thế kỉ 20 như sự ra đời của ngày 20/11 mà trong thực tế nó đã tồn tại theo dòng lịch sử ngàn năm văn hiến của dân tộc ta. Trong xã hội xưa, vị trí người thầy đã được đặt rất cao. Thời phong kiến, trong bậc thang giá trị xét theo cấu trúc “quân - sư - phụ”, nhà giáo được xếp dưới vua nhưng trên cha mẹ. Trong chế độ mới, người thầy được tôn vinh là “kĩ sư tâm hồn”, nghề dạy học là “nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý...”. Ngày nay, có biết bao nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú và hàng triệu giáo viên khác, những người đang mang tâm huyết, trí tuệ, không quản ngại khó khăn, gian khổ cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”. Những người thầy ấy luôn được coi trọng, tôn vinh trở thành đạo lí, thành tình cảm tự nhiên của mỗi chúng ta.

Những tấm gương nhà giáo vì sống ân tình, gần gũi, đồng cảm và gieo được

ước mơ trong mỗi con người, nhất là đối với thế hệ trẻ. Nhiều thế hệ thầy, cô giáo xả thân khi Tổ quốc cần; nhiều thế hệ thầy, cô giáo dành trọn tuổi thanh xuân của mình cho vùng cao, nơi khó khăn nhất, nhiều người ở lại với bản làng xa xôi để gieo mầm con chữ, nhân văn trong thời bình là quên mình vì nghĩa cử cao đẹp.

Ngày 20/11 hàng năm giống như một ngày hội truyền thống của ngành giáo dục Việt Nam. Phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, với truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo. Là dịp để các thế hệ học trò bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với thầy cô giáo. Trong ngày này ngoài việc bày tỏ tình cảm bằng tinh thần thì những người học trò cũng mang đến bó qua tươi và món quà ý nghĩa để tri ân các thầy cô, với những người đã góp bao công sức và tâm huyết cho sự nghiệp trồng người cao cả, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Bên cạnh đó, ngày này cũng là dịp ngành giáo dục đánh giá lại hoạt động giáo dục và lập phương hướng nâng cao chất lượng giáo dục.

Tháng 11 lại về trong không khí hân hoan của cả nước hướng về ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày mà cả xã hội với tấm lòng trân trọng tôn vinh công lao cao cả đối với nhà giáo, trong chúng ta ai cũng có một niềm tin yêu của một thời thơ ấu, tuổi học trò, những tâm hồn trong trắng tuổi học trò cũng đang suy nghĩ về thầy cô kính mến của mình với lòng biết ơn sâu đậm với một niềm kính trọng.

Xin khép lại bài viết bằng câu danh ngôn nổi tiếng của nhà văn William A. Warrd (Hoa Kỳ) “Người thầy trung bình chỉ biết nói. Người thầy giỏi biết giải thích. Người thầy xuất chúng biết minh hoạ. Người thầy vĩ đại biết cách truyền cảm hứng...”.

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG LUÂN CHUYÊN THỰC TẾ,
HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN CỦA ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ
QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH HIỆN NAY**

*Trung tá, ThS Nguyễn Văn Ván - Trưởng ban Phòng Chính trị
Trung úy, CN Nguyễn Thế Huỳnh - Trợ lý Phòng Chính trị*

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong Quân đội là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các học viện, nhà trường quân đội. Đặc biệt trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh tiến lên hiện đại thì vấn đề này càng trở lên quan trọng và cấp bách.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã có nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thực hiện thống nhất trong toàn quân. Ngày 04/12/2020, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành Chỉ lệnh số 971/CT-TM về công tác quân sự, quốc phòng năm 2021 trong đó xác định phương châm chỉ đạo đối với công tác giáo dục, đào tạo trong quân đội là “*Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị*”. Ngày 20/12/2022, Quân ủy Trung ương ban hành nghị quyết số 1657-NQ/QUTW (sau đây gọi là Nghị quyết 1657) về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới. Nghị quyết 1657 đã được triển khai thực hiện ở tất cả các cơ quan, đơn vị, nhà trường trong toàn quân.

Quán triệt Nghị quyết 1657 của Quân ủy Trung ương, Phương châm chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu, Trường Sĩ quan Công binh đã ban hành nghị quyết số 680-NQ/ĐU ngày 28/4/2023 “về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng

yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới” xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường. Trọng tâm là xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo các đối tượng; xây dựng chuẩn đầu ra; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (QLGD) đạt chuẩn, có chất lượng ngày càng cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Trong đó, tăng cường luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn của đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD được xác định là giải pháp quan trọng, trực tiếp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường đáp ứng yêu cầu của đơn vị. Công tác luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị của cán bộ, giảng viên Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể:

1. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã quán triệt, thực hiện nghiêm Quy định số 336-QĐ/QU ngày 12/4/2018 của Quân ủy Trung ương về luân chuyển và điều động thực tế cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 1663-QĐ/QUTW ngày 21/12/2022 của Quân ủy Trung ương về luân chuyển cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Hướng dẫn số 70/HD-NT ngày 11/01/2024 của Cục Nhà trường hướng dẫn tổ chức hoạt động

học tập, nghiên cứu thực tiễn của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các nhà trường quân đội tại đơn vị; đã cụ thể hóa thành chủ trương, biện pháp lãnh đạo sát với đặc điểm, nhiệm vụ của Nhà trường và thực tế đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD. Xây dựng kế hoạch cán bộ đi luân chuyển thực tế nhiệm kì 2020 - 2025; hằng năm rà soát, bổ sung và triển khai thực hiện. Xây dựng kế hoạch cử cán bộ, giảng viên đi thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị báo cáo thủ trưởng Bộ Tư lệnh phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

2. Nhà trường đã tăng cường giáo dục, tuyên truyền đến mọi cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, giảng viên, học viên những quan điểm, chủ trương về đổi mới công tác giáo dục, đào tạo; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên; công tác luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 1657; Đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo; Quy định về luân chuyển cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Hướng dẫn tổ chức hoạt động học tập, nghiên cứu thực tiễn của nhà giáo, cán bộ QLGD; những quy định cụ thể về công tác luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Công binh và của Nhà trường.

3. Nhận thức của các cấp ủy, đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD và các tổ chức, lực lượng trong Nhà trường về luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị được nâng cao, có sự chuyển biến rõ nét: từ chỗ coi việc cán bộ đi thực tế chỉ giành cho cán bộ quy hoạch và phát

triển lên lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ chủ trì, đến nay các cấp đã nhận thức đây là nhiệm vụ thường xuyên, nội dung quan trọng trong xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD; luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn để bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ thực tiễn của cán bộ, giảng viên trước hết là để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý, sau là đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn chức vụ, khung năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của Nhà trường trong tình hình mới.

4. Công tác luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn của cán bộ, giảng viên Nhà trường từng bước được thực hiện thường xuyên, đi vào nền nếp; bám sát quy hoạch, quy chế lãnh đạo công tác cán bộ, quy định và kế hoạch công tác cán bộ của Nhà trường, gắn với công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đến nay, cơ bản cán bộ đi luân chuyển thực tế từ đủ 1 năm trở lên đều gắn với quy hoạch cán bộ chỉ huy, quản lý các cấp; cán bộ sau khi đi thực tế đơn vị về Nhà trường đều được bố trí, sử dụng, bổ nhiệm các vị trí tương đương và cao hơn; cán bộ đi thực tế đa số có trình độ sau đại học, nhiều đồng chí có học vị tiến sĩ, chức vụ từ chủ nhiệm bộ môn trở lên.

5. Nhà trường đã triển khai thực hiện luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị với nhiều hình thức, biện pháp nhằm tăng về số lượng, nâng cao chất lượng, hiệu quả: Đối với cán bộ, giảng viên trong quy hoạch, Nhà trường xây dựng kế hoạch đi thực tế đơn vị, báo cáo Thường vụ Đảng ủy Binh chủng xem xét, quyết định, thời gian đi thực tế từ 1 năm trở lên. Thực hiện hướng dẫn của

Cục Nhà trường/Bộ Tổng Tham mưu, hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch cử cán bộ đi thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh phê duyệt, phối hợp với các đơn vị để triển khai, thời gian từ 1 đến 3 tuần. Nhà trường tổ chức giao nhiệm vụ cho cán bộ, giảng viên là trưởng đoàn hướng dẫn học viên thực tập đồng thời học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị, thời gian từ 8 đến 10 tuần. Đặc biệt, từ năm 2023, Thường vụ Đảng ủy Binh chủng chủ trương cho học viên tốt nghiệp trước khi ở lại Trường công tác phải đi thực tế ở các lữ đoàn 1 năm, đây là chủ trương mới, phù hợp với phương châm “Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên cử các đoàn cán bộ, giảng viên, học viên tham gia các đoàn công tác của Bộ Quốc phòng, của Binh chủng đi thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn theo kế hoạch của trên.

6. Số lượng, chất lượng cán bộ luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị ngày càng được nâng cao. Cán bộ luân chuyển thực tế có điều kiện áp dụng kiến thức đã tích lũy vào nâng cao chất lượng huấn luyện của đơn vị, nắm bắt những nội dung đơn vị cần vào đổi mới nội dung, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của đơn vị đối với sĩ quan trẻ khi ra trường, từng bước Nhà trường đào tạo những nội dung đơn vị cần, sát với điều kiện thực tế của đơn vị. Qua khảo sát tại các lữ đoàn Công binh, đa số sĩ quan mới ra trường từ 3 đến 6 tháng đã tiếp cận và thuận thực với hoạt động và nhiệm vụ của đơn vị. Kết quả cụ thể: Từ năm 2000 đến năm 2020, Nhà

trường đã tổ chức cho 23 lượt cán bộ đi luân chuyển thực tế các đơn vị trong Binh chủng. Từ năm 2021 đến nay: Luân chuyển thực tế đơn vị: 16 đồng chí; thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị: 186 lượt cán bộ, giảng viên.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, từ khi thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” đến nay, công tác luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị của đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD của Nhà trường vẫn còn một số hạn chế:

Một là, số lượng cán bộ, giảng viên luân chuyển thực tế đơn vị những năm gần đây có tăng, nhưng còn ít so với yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường. Đối tượng đi luân chuyển thực tế còn chưa đa dạng, chủ yếu tập trung vào cán bộ, giảng viên trong nguồn quy hoạch cán bộ chỉ huy, quản lí.

Hai là, hoạt động luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị chưa đi vào nền nếp, chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy và chưa trở thành nhu cầu thực sự của cán bộ, giảng viên Nhà trường.

Ba là, việc phối hợp giữa Nhà trường và các lữ đoàn trong quản lí, bố trí, sử dụng, nhận xét, đánh giá cán bộ luân chuyển thực tế đơn vị chưa thương xuyên. Việc gặp gỡ, trao đổi, phối hợp giữa Nhà trường và đơn vị còn khó khăn, ít được thực hiện.

Những khuyết điểm, hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Cụ thể: (1) Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ chủ trì,

cán bộ, giảng viên về luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập nghiên cứu thực tiễn đơn vị còn chưa thật sâu sắc, còn cho rằng đó là nhiệm vụ của Ban Thường vụ, của cơ quan chính trị, của cán bộ trong nguồn quy hoạch. (2) Cấp ủy cơ sở chưa chủ động trong xây dựng kế hoạch, tạo nguồn cán bộ, đề xuất nhân sự cán bộ luân chuyển thực tế đơn vị và tham gia quản lý cán bộ khi đi luân chuyển thực tế đơn vị. (3) Chưa có quy chế, quy định cụ thể về việc phối hợp giữa Nhà trường với đơn vị trong công tác luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị. (4) Thời gian luân chuyển thực tế theo quy định còn dài (từ đủ 1 năm trở lên), ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị, không khuyến khích được cán bộ đi thực tiễn để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm phục vụ giảng dạy.

Thực hiện quan điểm của Quân ủy Trung ương tại Nghị quyết 1657 “Gắn Nhà trường với chiến trường và đơn vị; đào tạo, bồi dưỡng với sử dụng; coi trọng chất lượng giáo dục và đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục và đào tạo trong nhà trường với bồi dưỡng tại đơn vị và tự học, tự rèn trong quá trình công tác”, công tác luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị của đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD ngày càng giữ vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường; là giải pháp quan trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên Nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Để tăng cường luân chuyển thực tế, học tập, nghiên cứu thực tiễn của đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp, đội ngũ cán bộ, giảng viên và các đối tượng trong Nhà trường về luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị để tạo sự thống nhất đến triển khai thực hiện.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo của Thường vụ Đảng ủy Nhà trường, của cấp ủy các cấp, sự chỉ đạo của người chỉ huy, bí thư, vai trò, trách nhiệm của cơ quan chính trị trong thực hiện công tác luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và loại hình đơn vị thực tế để nâng cao về số lượng, chất lượng cán bộ đi luân chuyển thực tế, thăm quan, học tập, nghiên cứu thực tiễn, bảo đảm hàng năm tăng về số lượng và ngày càng thực chất, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện nghiêm kế hoạch luân chuyển thực tế, chú trọng xây dựng kế hoạch luân chuyển thực tế nhiệm kỳ 2025-2030; luân chuyển thực tế bám sát và gắn với quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thực tiễn đơn vị, và việc bố trí, sử dụng cán bộ.

Thứ năm, thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; công tác báo cáo kết quả sau luân chuyển thực tế,

học tập, nghiên cứu thực tiễn đơn vị; công tác chính sách để khuyến khích cán bộ đi luân chuyển thực tế đơn vị.

Luân chuyển thực tế cán bộ; tăng cường cán bộ, giảng viên các học viện, nhà trường Quân đội đi học tập, nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị là chủ trương đúng đắn, là biện pháp quan trọng thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, trực tiếp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của các nhà trường Quân đội, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng (2023), Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo”
2. Cục Nhà trường/Bộ Tổng Tham mưu (2024), Hướng dẫn số 70/HD-NT về tổ chức hoạt động học tập, nghiên cứu thực tiễn của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các nhà trường quân đội tại đơn vị.
3. Đảng ủy Trường Sĩ quan Công binh (2023), Nghị quyết số 680-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới.
4. Quân ủy Trung ương (2022), Quy định số 1663-QĐ/QUTW về luân chuyển cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.
5. Quân ủy Trung ương (2023), Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới.

KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ ĐỀ XUẤT YÊU CẦU, QUY TRÌNH XÂY DỰNG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC Ở NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

*Trung tá, ThS Nguyễn Phú Nguyễn;
Thượng tá ThS Nguyễn Đức Chính
Trợ lý - Ban KT và ĐBCL GD, ĐT*

Triết lý giáo dục (TLGD) có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục theo từng giai đoạn. Ở trường đại học, việc xác định một TLGD phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nội dung và phương pháp thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo (GD, ĐT) góp phần thúc đẩy hình thành văn hóa chất lượng ở nhà trường. Nội dung bài viết trên cơ sở luận giải những vấn đề chung về TLGD, tác giả đề xuất một số yêu cầu cơ bản và quy trình tổ chức xây dựng TLGD ở Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Trong tiếng Anh có cụm từ *philosophy of education* hoặc *education philosophy*, dịch sang tiếng Việt là: *Triết học giáo dục* hay *triết học về giáo dục* và *TLGD*. Phạm vi của bài viết tập trung bàn về thuật ngữ *TLGD*. Từ “triết lý” (*philosophy*) có nguồn gốc từ hai từ Hy Lạp cổ, một là “*philo*” có nghĩa là “yêu” và hai là “*sophy*” có nghĩa là “sự khôn ngoan thông thái”. Vì thế chiết tự mà xét, *triết lý* có nghĩa là “tình yêu đối với sự khôn ngoan thông thái”. Thực tế đã chỉ ra, đối với mỗi cá nhân, trong suy nghĩ cũng như trong hành động đều xử sự dựa trên niềm tin về những gì tốt đẹp, đúng đắn, hợp lý, nên làm, tức là những gì được gọi là “khôn ngoan, thông thái” theo cách nhìn nhận của bản thân. Những niềm tin đó hình thành từ trải nghiệm của cá nhân, từ cách gia đình, thầy cô và xã hội đối xử với chúng ta, đặc

biệt là cách chúng ta được giáo dục và tự giáo dục như thế nào. Vì thế, “triết lí” và “giáo dục” là hai khái niệm có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau.

Bàn về TLGD có hai cấp độ để xem xét. Ở cấp độ hệ thống, mỗi một quốc gia (tổ chức, cơ sở giáo dục) đều phải xác định mục tiêu mình muốn hướng tới trong việc giáo dục, tức là phải định nghĩa rõ về lí tưởng của mình là gì, dựa trên nền tảng nào và bằng cách nào đạt được lí tưởng ấy. Ở cấp độ cá nhân, mỗi nhà giáo dục đều cần hiểu rõ niềm tin và giá trị mà mình dựa vào đó để thực thi hoạt động giáo dục. Những niềm tin và giá trị ấy giải thích tại sao chúng ta làm như thế này mà không phải thế khác và khi làm điều đó, chúng ta đang hướng tới việc đạt được cái gì. Tựu chung của hai cấp độ trên đều hiểu, TLGD là nền tảng tư tưởng và nhận thức luận về giáo dục, trên cơ sở đó xác định mục tiêu của giáo dục, nội dung, phương pháp căn bản để sử dụng nhằm đạt được mục tiêu ấy.

Trên phạm vi thế giới, đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về TLGD như: Khổng Tử, Xôcrát, Platon, Arixtôt thời cổ đại; sau này có Rút-xô, Điuây, Anhxtanh,... Trong đó, nổi bật là tư tưởng của Wilhelm Humboldt nhà cải cách giáo dục người Đức và John Dewey triết gia người Mỹ với những đóng góp vào đầu thế kỉ XX.

Xuất phát từ tư tưởng nhân học, Wilhelm Humboldt (1767-1835) xây dựng TLGD khai phóng. Theo ông mục đích duy nhất của giáo dục là kiến tạo và hình thành chính con người cá nhân, tư tưởng này được thể hiện rõ nét ở mô hình giáo dục đại học khai phóng, đó là: Trường đại học chỉ là nơi thuần túy về khoa học, tức là không phải là nơi bị ảnh hưởng bởi các mục tiêu và sự cho phép từ bên ngoài; yêu cầu cơ bản nhất trong TLGD khai phóng của Humboldt là sự thống nhất giữa

nghiên cứu và giảng dạy; nguyên tắc cơ bản trong TLGD đại học khai phóng là: Tự do khoa học và quyền tự chủ dành cho đội ngũ giảng viên.

Theo John Dewey (1859-1952) cho rằng: TLGD không phải là sự áp dụng các tư tưởng có sẵn từ bên ngoài vào một hệ thống có nguồn gốc và mục đích khác biệt. Trên cơ sở phê phán các quan điểm phân loại trường học và phân biệt đối xử bất bình đẳng trong giáo dục truyền thống, ông đưa ra nguyên tắc về một nhà trường cởi mở, có thể tiếp cận đối với tất cả mọi người, không phụ thuộc vào tình trạng tài sản, giới tính, chủng tộc, dân tộc. Nhà trường đó thực hiện những thay đổi toàn bộ hoạt động miễn là bảo đảm được sự thống nhất chặt chẽ giữa học tập và vận dụng kiến thức; giữa lí luận và thực tiễn. Như vậy, khi nghiên cứu về TLGD, John Dewey cho rằng: Giáo dục không chỉ như là quá trình truyền đạt mà chính là bản thân cuộc sống, nhà trường không tách rời khỏi xã hội và học trò là trung tâm của quá trình giáo dục. Ngày nay, tư tưởng trên vẫn là ngọn đuốc soi đường cho TLGD của nhiều quốc gia trên thế giới.

Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu chỉ ra quan niệm về TLGD của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng có rất nhiều luận chứng bàn về giáo dục, về vị trí, vai trò của công tác giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội (gọi chung là Học thuyết giáo dục Mác-xít). Học thuyết do C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) xây dựng, hình thành, phát triển; được hoàn thiện dần bằng tư tưởng giáo dục vĩ đại của V.I.Lênin; công hiến xuất sắc của các nhà giáo dục Xôviết như N.K. Krúp-xcaia (1869-1939), A.S. Makarenkô (1888-1939)... Trên cơ sở xem xét, giáo dục là một hình thái ý thức xã hội, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng cho nên

Học thuyết giáo dục Mác-xít có liên quan đến tất cả các vấn đề của đời sống xã hội, cụ thể: Toàn bộ nội dung của học thuyết được hình thành và phát triển dựa trên đóng góp lớn lao nhất của C.Mác là đã phát hiện ra bản chất xã hội của con người. Từ đây, chỉ ra quy luật tất yếu của xã hội tương lai là đào tạo, giáo dục những con người phát triển toàn diện, đồng thời, vạch ra nguyên tắc, nội dung cơ bản để đạt được mục tiêu đó. C.Mác nhấn mạnh “Nền giáo dục tương lai, nó sẽ kết hợp lao động sản xuất với trí dục và thể dục đối với tất cả những trẻ em trên một lứa tuổi nào đấy, coi đó không chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội mà còn là một phương pháp duy nhất để sản xuất ra những con người phát triển toàn diện nữa”¹⁷. Sau này, kế thừa, vận dụng và phát triển những tư tưởng đó vào thực tiễn Cách mạng Nga năm 1917, V.I. Lênin đã làm sâu sắc hơn lí luận về mục đích, nội dung, nguyên tắc giáo dục trong nhà trường với khẩu hiệu nổi tiếng: “*Học, học nữa, học mãi*” đã trở thành câu châm ngôn của triệu, triệu các thế hệ không chỉ ở Nga mà còn rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Trong lịch sử nước ta, về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều thừa nhận đã có TLGD của một số nhà giáo dục, nổi bật có thể kể đến: Chu Văn An, Hồ Quý Ly, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Đình Chiểu... và đặc biệt là TLGD của Hồ Chí Minh.

Tháng 9 năm 1945, trong ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các học sinh và tự hào công bố: “Từ giờ phút này trở đi các

cháu bắt đầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam,... một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các cháu”¹⁸. Đây là bản tuyên ngôn của một nền giáo dục Việt Nam mới - mang tính dân tộc, dân chủ, nhân dân. Tư tưởng về “một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các cháu”, chính là cốt lõi của lí thuyết giáo dục theo năng lực, là một mục tiêu trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay ở nước ta và cũng là tư tưởng “*learning to be*” của UNESCO trong thế kỉ 21.

Năm 1958, nhân chuyến thăm lớp học chính trị của giáo viên cấp II, cấp III toàn miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” đây có thể xem là tư tưởng xuyên suốt của Người khi đề cập đến vai trò to lớn của công tác giáo dục. Bởi vì, con đường ngắn nhất thoát khỏi tình trạng kém phát triển chỉ có thể thông qua giáo dục “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹⁹. Nền giáo dục mới phải thực hiện dạy và học theo hướng “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”²⁰ đây chính là mục đích, lí tưởng sáng ngời trong TLGD của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về nội dung của giáo dục, Bác chú trọng đến giáo dục toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của con người.

¹⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, t. 23, tr.668

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, t. 4, tr.32

¹⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr.156

²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 208

Để truyền tải đầy đủ nội dung giáo dục, Người đưa ra những quan niệm mới, hiện đại về cách dạy và học “Trong một trường học, các thầy nên thi nhau tìm cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực... Phải dùng những lời lẽ giản đơn, những thí dụ thiết thực mà giải thích”²¹, không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, tìm kiếm, sáng tạo những cách dạy hay, hiệu quả, phải gắn lí thuyết với thực hành, quan tâm nhiều hơn tới việc dạy tri thức làm người, lấy người học làm trung tâm, phải tùy vào hoàn cảnh, tùy vào từng đối tượng mà có phương pháp giáo dục khác nhau. Người căn dặn khi dạy phải gắn chặt lí luận với thực tiễn, “phải thực hiện tốt phương châm giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, tránh lối dạy nhồi sọ. Chương trình dạy học hiện nay còn có chỗ quá nhiều, quá nặng”²². Như vậy, TLGD của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là sự kế thừa những tư tưởng giáo dục của nhân loại, trực tiếp là Học thuyết giáo dục Mác-xít, vừa là sự tiếp nối mạch nguồn TLGD Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, góp phần tạo nên TLGD riêng của dân tộc Việt Nam. Đây là cơ sở lí luận quan trọng, vững chắc cho Đảng và Nhà nước ta nghiên cứu, vận dụng sáng tạo vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện để giáo dục thực sự trở thành nền tảng và động lực phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Kế thừa và vận dụng sâu sắc tư tưởng của Người, trong tiến trình lãnh đạo thời kì đổi mới, Đảng ta đã sớm quan tâm đến giáo dục và xây dựng con người phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giai đoạn đầu của công cuộc đó còn xuất hiện nhiều tranh luận do chưa

đồng nhất một số quan điểm, đến Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế khẳng định mục tiêu tổng quát của nền giáo dục: “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lí tốt... Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”. Đến Đại hội XII, Đảng ta nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GD, ĐT theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”. Kế thừa tinh thần các kì đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Tiếp thu TLGD của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều công trình, tác phẩm nghiên cứu đã từng bước luận giải, phân tích thuật ngữ “TLGD” bằng các góc độ tiếp cận khác nhau. Trong Triết học giáo dục Việt Nam, Thái Duy Tuyên (2007) cho rằng: TLGD là những quan điểm phản ánh những vấn đề giáo dục thông qua con đường trải nghiệm từ cuộc sống để chỉ đạo sự suy nghĩ và hành động của con người về

²¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 120

²² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 746

các vấn đề giáo dục. Vai trò của TLGD có tầm quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục, vì nó là những tư tưởng cốt lõi tạo nên bản sắc cho sự phát triển bền vững của nền giáo dục; là công cụ định hướng cho nhận thức và hành động; là phương tiện, cách thức để tiến hành các hoạt động giáo dục của con người. Nguyễn Anh Tuấn (2012) trong Bàn về giáo dục “Tiên học lễ, hậu học văn”, cho rằng: TLGD là tư tưởng chỉ đạo giáo dục công dân của một đất nước trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể nhằm đạt được những kì vọng của đất nước với từng công dân và trách nhiệm của công dân đối với đất nước. Năm 2016, trong tác phẩm Quán triệt hơn nữa TLGD Hồ Chí Minh vào đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay, tác giả Song Thành, cho rằng: TLGD, hiểu theo nghĩa rộng, là những quan điểm, những nguyên lí nền tảng chỉ đạo việc xác lập mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy và học, hệ giá trị cần vươn tới, cách tổ chức và con đường xây dựng, phát triển nền giáo dục của một quốc gia.

Đặc biệt, Giáo sư, VS, NGND Phạm Minh Hạc với hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học, đã góp phần quan trọng cho sự phát triển của nền giáo dục nước nhà. Trong đó, tác phẩm “TLGD thế giới và Việt Nam” là một công trình có giá trị đặc biệt quan trọng cả về lí luận và thực tiễn. Tác phẩm đã đặt nền móng, giải quyết nhiều vấn đề được tranh luận trước đó về giáo dục và TLGD, nổi bật nhất chính là những luận giải xuất sắc của ông để phân định rõ ràng giữa thuật ngữ “triết học giáo dục” hay “TLGD”, giữa những quan điểm khác nhau về việc Việt Nam chúng ta có hay không có TLGD,... Nghiên cứu đã chỉ ra: TLGD là thực tế giáo dục đã được con người, cộng đồng, xã hội trải nghiệm - cái đã trải qua và nghiệm thấy, tức là đã cảm nhận, biết đến,

hiều ra, ý thức được - được đúc kết lại thành một giá trị được biểu đạt trong câu ngắn gọn, ca dao, tục ngữ, cụm từ... nhằm truyền đạt, tiếp thu và thể hiện trong cuộc sống, mang lại một giá trị nhất định cho con người, cộng đồng, xã hội, duy trì và làm nảy nở cái đúng, tốt đẹp, ngăn ngừa, sửa chữa, loại trừ cái sai, cái ác, cái xấu.

Từ những trình bày ở trên, có thể hiểu TLGD là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của quốc gia hoặc của đơn vị, tổ chức giáo dục cụ thể nào đó (thậm chí của cá nhân) đối với hoạt động GD, ĐT trong từng giai đoạn lịch sử nhất định nhằm đạt được mục tiêu, kì vọng của đất nước với từng công dân và trách nhiệm của họ đối với sự nghiệp phát triển đất nước và xã hội. Theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học khái lược “*TLGD là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục*”.

Như vậy, TLGD bao giờ cũng mang tính lịch sử cụ thể, trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau sẽ có mục tiêu, định hướng khác nhau đối với giáo dục nhằm phục vụ trực tiếp cho sự tiến bộ của người học và phát triển đất nước; TLGD phải được xây dựng từ chính thực tiễn của từng giai đoạn lịch sử, phù hợp với hoàn cảnh môi trường hợp thành của giai đoạn ấy. Đặc biệt, không thể áp dụng TLGD của dân tộc này cho dân tộc khác, hay của giai đoạn lịch sử này cho giai đoạn lịch sử khác hoặc ngay cả trong từng đơn vị, tổ chức GD, ĐT ở mỗi ngành, lĩnh vực khác nhau đều có sự khác nhau. Vì vậy, TLGD chỉ có thể đúng đắn và phát huy được tác dụng chỉ đạo GD, ĐT khi nó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, môi trường và điều

kiện, mục tiêu cụ thể của mỗi dân tộc hoặc đơn vị, tổ chức nhất định nào đó mà thôi. TLGD của một đất nước sẽ là định hướng căn bản cho TLGD của các đơn vị, tổ chức giáo dục cụ thể trong đất nước đó. Tuy nhiên, căn cứ vào mục tiêu GD, ĐT của từng đơn vị, tổ chức trong những giai đoạn lịch sử cụ thể để điều chỉnh TLGD của đơn vị mình cho phù hợp với thực tiễn, nhằm hướng đến những kì vọng, mong mỏi của đơn vị, tổ chức đối với người học trong việc đóng góp trí tuệ, sức lực, trách nhiệm bản thân cống hiến cho đơn vị, tổ chức và trên hết là đất nước mình.

Khoảng 20 năm trở lại đây, việc nghiên cứu và xây dựng TLGD cho Việt Nam nói chung và cho các trường đại học nói riêng đã được tiến hành một cách công phu, nghiêm túc với sự tham gia của nhiều cấp trong ngành giáo dục và các nhà khoa học, nhà giáo trên cả nước. Kết quả nghiên cứu là đóng góp không nhỏ vào việc định hình ngày càng rõ ràng hơn TLGD Việt Nam đương đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập. Điều này được minh định trong Luật Giáo dục 2019 của Quốc hội khóa XIV, thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Kỳ họp thứ 7. Đây chính là định hướng quan trọng cho các trường đại học xây dựng và thực hành TLGD của mình trong giai đoạn hiện nay.

Đó là ở tầm vĩ mô, quản lý giáo dục cấp quốc gia. Còn ở cấp độ cơ sở giáo dục, đối với các trường đại học khối dân sự, quá trình nghiên cứu, xây dựng và áp dụng TLGD đã được quan tâm từ nhiều năm trước, có trường đại học đã công bố TLGD từ cách đây hơn 15 năm, và có sự điều chỉnh trong quá trình áp dụng; ở nhiều trường việc xây dựng TLGD đã tiến hành đến cấp khoa, đồng thời, tất cả đều được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa. Điều đó cho thấy, đối

với họ việc xác định và xây dựng TLGD theo từng cấp độ đã trở thành yêu cầu tất yếu, được thực hiện một cách chủ động và công bố rộng rãi để người học và công chúng nắm được.

Đối với các học viện, trường đại học trong Quân đội, việc xây dựng và công bố TLGD của nhà trường được bắt đầu thực hiện gắn liền với công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Đã có nhiều học viện, nhà trường tổ chức xây dựng, công bố trên Website và triển khai các bước cụ thể hóa TLGD vào hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, một số trường chưa công bố trên các phương tiện truyền thông nhưng không có nghĩa là các trường đó không có hoặc không vận hành theo một TLGD nào, mà ít nhiều đã được thể hiện trong chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục theo từng giai đoạn của từng trường. Đứng trước yêu cầu ngày càng cao của công tác GD, ĐT việc xây dựng TLGD trở thành tiêu chí quan trọng, yêu cầu tất yếu của công tác kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo đối với các học viện, trường đại học trong Quân đội nói chung và Trường Sĩ quan Công binh trong giai đoạn hiện nay.

Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết đề xuất một số yêu cầu cần lưu ý khi triển khai xây dựng và công bố TLGD của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay, bao gồm:

Thứ nhất, phải thấy được vị trí, vai trò của TLGD trong chiến lược đảm bảo chất lượng GD, ĐT của nhà trường theo từng giai đoạn.

Như đã luận giải ở trên, đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học yêu cầu cần có chiến lược phát triển chất lượng GD, ĐT theo từng giai đoạn nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, quản lý của nhà trường đối với sự tiến bộ xã hội. Nội dung của chiến lược phải tuyên bố rõ sứ mạng,

tâm nhìn và văn hóa của nhà trường. Đây cũng chính là tiêu chuẩn đầu tiên trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong đó, “văn hóa của nhà trường” được hiện ngôn thông qua việc tuyên bố về TLGD, giá trị cốt lõi của nhà trường theo từng giai đoạn nhất định.

Đồng thời, việc xây dựng TLGD ở các cơ sở nói chung, hay ở trường đại học nói riêng không chỉ nhằm đáp ứng đầy đủ tiêu chí, tiêu chuẩn phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng nhà trường. Mà còn xuất phát từ tầm quan trọng của tuyên ngôn về TLGD đã được công bố. TLGD của nhà trường với vai trò là các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục của nhà trường, khi đã trở thành tuyên ngôn thì mọi hoạt động giáo dục, mọi chính sách, quy định đều phải soi mình vào nó để xem mình có nhất quán với nó không. Cho nên, muốn công tác triển khai xây dựng bảo đảm tính khoa học, hợp lý trước hết phải thấy được vị trí, vai trò của TLGD trong tổng thể các hoạt động GD, ĐT của Nhà trường.

Thứ hai, xây dựng TLGD phải căn cứ vào mục tiêu, chiến lược xây dựng của Quân đội, của Binh chủng; phù hợp với các đề án, phương châm đổi mới công tác GD, ĐT các cấp và sứ mạng, tầm nhìn, điều kiện hiện có của Nhà trường.

TLGD bao giờ cũng mang tính lịch sử cụ thể, vì vậy, khi xây dựng cần phải đặt trong điều kiện, hoàn cảnh, căn cứ nhất định. Nhà trường là một cơ sở GD, ĐT trong hệ thống nhà trường quân đội, trực thuộc Binh chủng Công binh, có nhiệm vụ chính trị trung tâm là GD, ĐT đội ngũ Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Công binh cấp phân đội - nguồn lực cán bộ cơ

bản, quan trọng trong binh chủng và toàn quân. Vì vậy, xác định TLGD, giá trị cốt lõi của Nhà trường phải căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Cục Nhà trường/BTTM, Binh chủng Công binh về công tác GD, ĐT và xây dựng chính quy, cụ thể là yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng Quân đội trong tình hình mới “đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu từ năm 2030 xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đặt ra những yêu cầu mới cao hơn đối với công tác giáo dục và đào tạo” và “Xây dựng văn hóa chất lượng, môi trường giáo dục và đào tạo chuẩn mực trong mỗi nhà trường”²³.

Bên cạnh đó, tuyên bố về TLGD của Nhà trường phải phù hợp với phương châm “Chất lượng GD, ĐT của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” và các Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội”... Đồng thời, phải dựa trên cơ sở tuyên bố về sứ mạng của Nhà trường “cung cấp nguồn nhân lực công binh chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng công binh toàn quân, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”²⁴.

²³ Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”, tr.2, tr.7.

²⁴ Quyết định số 219/QĐ-TSQ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Sĩ quan Công binh, tr.3

Thứ ba, xây dựng TLGD của Nhà trường phải mang tính tích hợp, kế thừa có chọn lọc các giá trị khác nhau của truyền thống và hiện đại.

Hiện nay, đa phần TLGD của các trường đại học có xu hướng tích hợp, kế thừa có chọn lọc nhiều giá trị khác nhau từ TLGD hiện đại trên thế giới cũng như truyền thống Việt Nam, chỉ một số trường tập trung vào một triết lý đơn nhất chủ đạo. Điều này hoàn toàn phù hợp với tính đa dạng, phong phú của xu hướng phát triển của giáo dục đại học đương đại, nhưng cũng nảy sinh vấn đề, nếu trường lựa chọn triết lý từ quá nhiều nguồn có thể dẫn đến sự phân tán, mất tính trọng điểm và khó thể hiện được “trực” phát triển của trường. Do đó, đây là vấn đề cần lưu ý khi lựa chọn xây dựng TLGD của trường. Ví dụ, dựa trên cơ sở loại hình đào tạo, việc lựa chọn tinh hoa hay đại chúng, toàn diện hay chuyên sâu, nghiên cứu hay phụng sự cộng đồng? Nếu chọn triết lý không phù hợp có thể dẫn đến chệch mục tiêu hoặc không đủ nguồn lực để thực hiện mục tiêu. Để giải quyết được yêu cầu này rất cần tư duy sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về giáo dục nói chung và TLGD nói riêng và sự tham gia của tổng thể các thành phần, lực lượng ở trong và ngoài nhà trường, nhất là đội ngũ cán bộ chủ trì, lãnh đạo cốt cán qua các thời kỳ của Nhà trường và các lãnh đạo, chỉ huy của các đơn vị công binh trong toàn quân.

Thứ tư, TLGD của Nhà trường phải được hiện ngôn thành các quan điểm cô đọng, súc tích, khả thi, dễ hiểu và được công bố đến các bên có liên quan.

Qua nghiên cứu có thể thấy, nhiều trường xác định TLGD dựa vào một số giá trị (tự do, dân chủ, bản lĩnh, sáng tạo, nhân văn,...) hoặc một số nguyên tắc giáo dục lớn (phát triển, học tập suốt đời, tự học, lấy

người học làm trung tâm, thực tiễn...) hoặc một số mục tiêu lớn (đại học nghiên cứu hàng đầu, khai sáng cho nhân loại)... để xây dựng nên TLGD của mình. Giá trị đó được trình bày khái quát, cô đọng, súc tích, khả thi, dễ nhớ, dễ hiểu nhằm truyền tải nhanh nhất đến các bên có liên quan. Ví dụ, TLGD của một số trường đại học trong và ngoài quân đội như: *Tư duy - Sáng tạo - Nhân ái* (ĐH Bách khoa Đà Nẵng); *Khai phóng - Tiên phong - Sáng tạo* (ĐH Bách khoa TP Hồ Chí Minh); *Toàn diện - Khai phóng - Đa văn hóa* (ĐH KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh); *Học - Hỏi - Hiểu - Hành* (ĐH Bình Dương); *Bản lĩnh - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Hợp tác* (Học viện Kỹ thuật Quân sự); *Kiên định - Sáng tạo - Kỷ cương - Chất lượng* (HV Chính trị); *Bản lĩnh - Trí tuệ - Đổi mới - Thực tiễn* (Học viện Hậu Cần); *Dạy phương pháp - Học sáng tạo - Chất lượng - Nhà trường gắn liền đơn vị* (Trường Sĩ quan Lục quân 2)...

Đồng thời, tất cả các quan điểm mang tính định hướng trên đều được ban hành thông qua các quyết định hành chính và chính thức tuyên bố trên website/cổng thông tin điện tử của trường. Việc tuyên bố chính thức và giải thích tường minh sẽ giúp định hướng các hoạt động của trường theo TLGD được xuyên suốt và thuận lợi hơn. Đây là xu hướng chung của giáo dục đại học hiện nay, thông qua đó thể hiện tính chuẩn mực, chuyên nghiệp và hội nhập sâu hơn nữa của Nhà trường đáp ứng yêu cầu, bộ tiêu chí kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục của quốc gia và khu vực.

Trên đây là những yêu cầu cơ bản, cần thiết trong việc xây dựng TLGD ở cơ sở giáo dục đại học nói chung và thời gian tới ở Nhà trường nói riêng. Kết hợp với nhiệm vụ định kỳ rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã công bố và xây dựng TLGD của Nhà trường đảm

bảo logic, khoa học và hiệu quả, bài viết đề xuất quy trình (các bước) triển khai rà soát, xây dựng, công bố như sau:

Bước 1: Sau khi nhận được chủ trương, chính sách của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường về triển khai xây dựng TLGD, cơ quan chuyên môn tham mưu, đề xuất thành lập Tổ nội dung, có nhiệm vụ: Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, xây dựng Dự thảo Sứ mạng - Tầm nhìn - TLGD - Giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Bước 2: Tổ chức khảo sát, phỏng vấn, xin ý kiến các bên liên quan. Trong đó, tập trung vào lãnh đạo, chỉ huy của Bình chủng, Nhà trường qua các thời kì; lãnh đạo, chỉ huy đơn vị công binh trong và ngoài binh chủng; đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện đang công tác ở Nhà trường từ cấp bộ môn, tiểu đoàn và tương đương trở lên. Tổng hợp ý kiến, điều chỉnh Dự thảo và giải trình ý kiến đóng góp.

Bước 3: Tham vấn chuyên gia có kinh nghiệm trong và ngoài quân đội; tổ chức hội thảo góp ý vào Dự thảo Sứ mạng - Tầm nhìn - TLGD - Giá trị cốt lõi của Nhà trường và tổng hợp, điều chỉnh Dự thảo.

Bước 4: Thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường và tổng hợp, điều chỉnh theo kết luận của Hội đồng; báo cáo Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường.

Bước 5: Trình Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành, công bố Sứ mạng - Tầm nhìn - TLGD - Giá trị cốt lõi của Nhà trường trên website; tổ chức tuyên truyền và triển khai các bước tiếp theo nhằm định hướng các hoạt động GD, ĐT.

Tóm lại, đứng trước yêu cầu, đòi hỏi vận động liên tục của công tác GD, ĐT đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Trong đó, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục bậc đại học hướng đến mục tiêu xây dựng giáo dục thực sự trở thành nền tảng, động lực phục vụ sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng được quan tâm, đầu tư thích đáng. Trong công cuộc đó, yêu cầu phải định hình sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và nhất là TLGD trở thành một trong những phạm trù được quan tâm nghiên cứu, xác định đầu tiên trong lộ trình phát triển hình ảnh của nhà trường, bởi vì, một TLGD đúng đắn sẽ là nền tảng, là kim chỉ nam để có chiến lược, kế hoạch hành động đúng, trúng và hiệu quả. Với ý nghĩa như vậy, việc triển khai rà soát, điều chỉnh Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi và xây dựng TLGD của Nhà trường hiện nay trở thành nhiệm vụ cần sớm triển khai, nhằm khẳng định vị thế, vai trò, trách nhiệm, truyền thống 70 năm xây dựng, trưởng thành, phát triển của Trường Sĩ quan Công binh anh hùng trong thời kì mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. John Dewey về giáo dục, Nxb Trẻ, Tp. HCM 2012, tr.65.
2. Bàn về giáo dục “Tiền học lễ, Hậu học văn”, Nxb Văn hoá - Thông tin, 2012, tr.215.
3. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tr.3
4. Phạm Minh Hạc (2013), *TLGD thế giới và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013, tr.36.
5. Thái Duy Tuyên (2007) *Triết học giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội 2007, tr.10-12.
6. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.115
7. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.136

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH HIỆN NAY

*Trung tá, ThS Huỳnh Dũ Cường - GV Khoa KHXH&NV
Thượng tá, ThS Trần Huy Hùng - Trưởng ban KHQS*

Chuyển đổi số (CĐS), xây dựng Chính phủ điện tử là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, nhằm đưa đất nước bứt phá, phát triển ngang tầm khu vực và thế giới. Trong giáo dục, đào tạo ở các học viện, nhà trường quân đội, CĐS đã trở thành xu thế tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng với kỹ năng số ngày càng phát triển trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0; góp phần quan trọng nâng cao sức mạnh chiến đấu, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Vì vậy, nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh CĐS trong giáo dục, đào tạo ở Trường Sĩ quan Công binh là vấn đề quan trọng, cấp thiết hiện nay.

Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và CĐS trong giáo dục, đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xác định mục tiêu đến năm 2025 là: “Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học”. Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo là quá trình thay đổi căn bản, toàn diện các yếu tố của hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học và quản lý giáo dục từ truyền thống sang hiện đại dựa trên nền tảng ứng dụng kỹ thuật và công nghệ số. Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo tập trung vào hai nội dung chính: Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và CĐS trong

dạy, học, kiểm tra, đánh giá. Chuyển đổi số trong quản lý là số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 để phân tích, tổng hợp, dự báo, hỗ trợ các cấp lãnh đạo, chỉ huy ra quyết định, điều hành. Chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá là số hóa tài liệu dạy học, thư viện số, phòng thí nghiệm ảo...; chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy.

Quán triệt, thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng về CĐS, những năm qua, Trường Sĩ quan Công binh đã tích cực xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình CĐS, xây dựng mô hình “Nhà trường thông minh, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” bước đầu đạt được kết quả quan trọng. Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên về CĐS đã chuyển biến tích cực; công tác đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực cho CĐS được quan tâm. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin và các yếu tố bảo đảm cho CĐS từng bước được đầu tư, mở rộng mạng quân sự; nâng cấp hạ tầng mạng. Quy trình, chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp dạy, học có sự đổi mới mạnh mẽ, ngày càng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đã xây dựng nhiều học liệu điện tử

như: Giáo trình điện tử, bài giảng điện tử, ngân hàng đề thi, video, phim huấn luyện, chương trình mô phỏng...

Bên cạnh kết quả đã đạt được, song tiến độ thực hiện CDS trong giáo dục, đào tạo của Nhà trường còn chậm, chưa có sự đột phá; nguồn lực đầu tư cho nhiệm vụ này còn hạn hẹp. Một bộ phận cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên nhận thức về CDS hạn chế, còn theo lối mòn, thói quen cũ; kiến thức, kỹ năng tiếp cận, khai thác, sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra và chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường. Cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ CDS còn thiếu và chưa đồng bộ; chưa có chung tâm dữ liệu của toàn trường; hệ thống các phần mềm phục vụ hoạt động của các ngành trong Nhà trường còn thiếu tính đồng bộ...

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, đòi hỏi Nhà trường cần nghiên cứu, đề xuất và triển khai đồng bộ các giải pháp về CDS, đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo trong tình hình mới; trong đó cần chú trọng, tập trung vào một số giải pháp sau:

Một là, tập trung nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên trong toàn trường về chuyển đổi số

Lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần thường xuyên làm tốt công tác phổ biến, giáo dục, quán triệt các chủ trương, chính sách, kế hoạch về CDS, đổi mới chương trình giáo dục, đào tạo của Đảng, Nhà nước và quân đội cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên trong toàn trường. Đa dạng các hình thức thông tin, tuyên truyền, tận dụng hiệu quả mạng Internet,

mạng truyền số liệu quân sự và hệ thống thông tin điện tử trong giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CDS trong Nhà trường. Qua đó, làm cho cấp ủy, chỉ huy các cấp, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên được trang bị kiến thức cơ bản về CDS, hiểu rõ sự cần thiết, cấp thiết, ý nghĩa, tầm quan trọng của CDS, tạo sự chuyển biến mang tính đột phá về nhận thức trong thực hiện các khâu, các bước trong quy trình, nội dung CDS.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, học viên trong quá trình thực hiện CDS. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục cần tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường về chương trình, kế hoạch CDS của Nhà trường. Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, khoa giáo viên, tiểu đoàn sử dụng công nghệ số hiệu quả trong quá trình giảng dạy và quản lý. Thường xuyên theo dõi và đánh giá việc triển khai CDS trong Nhà trường để điều chỉnh và cải thiện quy trình theo hướng hiệu quả hơn. Đối với đội ngũ giảng viên cần nắm vững công nghệ thông tin, liên tục học hỏi, cập nhật kiến thức mới để có thể áp dụng công nghệ số vào giảng dạy một cách hiệu quả. Giảng viên cần thiết kế nội dung học tập số phong phú, hấp dẫn và phản ánh đúng nhu cầu của học viên, hỗ trợ học viên trong quá trình học tập, giải đáp thắc mắc, tạo điều kiện cho học viên tương tác và học hỏi một cách tích cực. Với học viên cần tự chủ động tìm hiểu và học hỏi về các công nghệ mới, cập nhật kiến thức để có thể thích nghi tốt với môi trường số hóa. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng số hóa đã học vào thực tế học tập, công tác; đồng thời tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin,

đảm bảo an toàn cho dữ liệu cá nhân và thông tin của cơ quan, đơn vị.

Hai là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Để thành công CĐS trong giáo dục, đào tạo ở Nhà trường, cần phải đảm bảo cả cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và học viên đều có năng lực, kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ thông tin. Do đó, Nhà trường cần trang bị cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên những kiến thức cơ bản về CĐS và kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản, tiến tới bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng thành thạo và khai thác có hiệu quả các thiết bị công nghệ số, có kiến thức và tiếp cận với công nghệ mới để khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động giáo dục, đào tạo. Đa dạng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên như: đào tạo dài hạn, tham gia các lớp tập huấn về CĐS, khuyến khích tự học. Trong đó, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nòng cốt trong thực hiện CĐS ở các cơ quan, khoa, tiểu đoàn trong Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nội dung CĐS cho học viên. Trước hết, tập trung nâng cao kỹ năng sử dụng các thiết bị số, nhất là kỹ năng khai thác thông tin trên không gian mạng trong học tập và công tác sau này.

Ba là, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, quản lý hoạt động dạy và học phù hợp với tốc độ phát triển của công nghệ thông tin

Để nâng cao hiệu quả CĐS trong giáo dục, đào tạo đòi hỏi các tiêu chuẩn về nội dung chương trình đào tạo được xây dựng hiện đại, tăng các học phần thực hành, thực tế, chuẩn đầu ra phù hợp với

từng chuyên ngành. Đây chính là cơ sở giúp giảng viên, học viên có những định hướng đúng, tạo sự đồng thuận trong Nhà trường đối với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học. Bên cạnh đó, Nhà trường cần đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và xây dựng hệ thống các nền tảng chia sẻ tài nguyên, nền tảng dạy đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục, đào tạo hướng tới triển khai các giải pháp giảng dạy tiên tiến dựa trên công nghệ số; các nội dung thi, kiểm tra lý thuyết phải được tiến hành bằng hình thức trắc nghiệm và quản lý kết quả trên phần mềm. Đồng thời, xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu, liên thông về công tác quản lý đào tạo giữa Phòng Đào tạo, các cơ quan, đơn vị trong Nhà trường hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật... để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ tích cực cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp chỉ huy, điều hành, ra quyết định. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục, đào tạo. Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ giáo dục, đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trong giáo dục, đào tạo ở Nhà trường hiện nay.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống cơ chế, chính sách và từng bước đầu tư, xây dựng, củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong Nhà trường.

Cơ chế, chính sách là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện CĐS trong giáo dục, đào tạo ở Nhà trường, tạo thuận lợi và thúc đẩy mô hình quản lý điều hành trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo hướng bứt phá, đổi mới, sáng tạo, song vẫn chú trọng tới công tác đảm bảo an

ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu và quyền lợi người dạy, người học trong CDS hiện nay. Nhà trường tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ trong CDS. Trong đó, chú trọng xây dựng quy chế, quy định về quản trị (phân cấp, phân quyền cho người dùng), lưu trữ thông tin, dữ liệu quân sự trên môi trường số; quy định kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu và vấn đề an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, phòng, chống lộ, lọt bí mật quân sự, tài liệu quân sự trên môi trường số. Xây dựng văn hóa ứng xử, xử lý tình huống trên môi trường số để công tác CDS ở Nhà trường từng bước đi vào chiều sâu, đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

Cùng với đó, từng bước đầu tư, xây dựng, củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu CDS trong Nhà trường. Đổi mới trong giáo dục, đào tạo thời đại CDS đòi hỏi rất lớn ở cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ. Đây là điều kiện mang tính then chốt, là điều kiện bảo đảm cho việc CDS trong Nhà trường mang lại hiệu quả. Hiện nay, Nhà trường tuy đã được đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, nhưng tính hiện đại, đồng bộ chưa cao. Do đó, Nhà trường cần căn cứ vào điều kiện thực tế để đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của CDS trong giáo dục, đào tạo. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất cơ bản, đồng bộ bảo đảm cho công tác quản lý đào tạo, dạy, học và nghiên cứu khoa học. Trong đó, ưu tiên hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, mạng nội bộ; tích cực xây dựng chương trình huấn luyện mô phỏng, hệ thống phòng học đa năng, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện số, thư viện điện tử. Đẩy mạnh quá

trình mã hóa, số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhất là hệ thống giáo trình, tài liệu, sách tham khảo, ngân hàng câu hỏi, đề thi, đáp án; các đề tài, sáng kiến khoa học trong các kho quản lý dữ liệu; số hóa thông tin quản lý cán bộ, giảng viên, học viên. Đẩy mạnh tiếp cận các ứng dụng phần mềm để mọi hoạt động dạy, học và quản lý của các cấp bảo đảm tính tương thích và kết nối với nhau.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở các học viện, nhà trường quân đội nói chung, ở Trường Sĩ quan Công binh nói riêng là một nội dung của phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số trong Bộ Quốc phòng, đó cũng là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết hiện nay cần phải được quan tâm nghiên cứu triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường, yêu cầu xây dựng Bình chủng, Quân đội trong tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam (2022), Kế hoạch Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong các nhà trường quân đội giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng ủy Trường Sĩ quan Công binh (2024), Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025.
4. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÓNG QUÂN CANH PHÒNG Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH HIỆN NAY

*Thượng úy CN Trương Văn Hậu; Thượng úy CN Nguyễn Sĩ Thuận
Trợ lý - Phòng Tham mưu - Hành chính*

Công tác đóng quân canh phòng là một trong nhiều nhiệm vụ tác chiến sẵn sàng chiến đấu (SSCD), có vị trí hết sức quan trọng đối với các đơn vị Quân đội nói chung và Trường Sĩ quan Công binh nói riêng. Thực hiện tốt công tác đóng quân canh phòng không chỉ đảm bảo cho Nhà trường an toàn về mọi mặt mà còn rèn luyện cho mọi quân nhân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, trình độ SSCD, xây dựng nền nếp chính quy, giữ nghiêm kỉ luật; đồng thời, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên địa bàn đóng quân.

Quán triệt sâu sắc vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đóng quân canh phòng, trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, khoa và đơn vị tổ chức duy trì thực hiện nghiêm túc công tác đóng quân canh phòng; thường xuyên bám sát yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tiễn đơn vị và khu vực đóng quân, kịp thời xây dựng, bổ sung các phương án, kế hoạch sát đúng, hướng dẫn thực hiện chặt chẽ, phân công trách nhiệm đến từng cơ quan, đơn vị cụ thể, rõ ràng, duy trì tổ chức thực hiện nghiêm túc; vì vậy, Nhà trường và khu vực đóng quân luôn đảm bảo an toàn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đóng quân canh phòng thời gian qua còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, cụ thể: Về tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng canh phòng

có lúc còn thiếu; nhận thức của một số cấp ủy, chỉ huy, quân nhân chưa đầy đủ; nắm quy định về quản lí, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ còn hạn chế, thực hiện chính quy trong công tác canh phòng còn một số sai sót, tập trung vào chấp hành lễ tiết tác phong chưa nghiêm, còn ngồi, bỏ vũ khí trang bị ra khỏi người, làm việc riêng, giải quyết ra vào mục tiêu có lúc còn tùy tiện; còn có biểu hiện đơn giản, chủ quan, mất cảnh giác, thiếu tập trung, công tác kiểm tra, duy trì chấp hành kỉ luật và các quy định canh phòng như: dẫn đổi gác, bàn giao gác, kiểm tra gác có đơn vị chưa nghiêm; bàn giao gác không đầy đủ, tổ chức khám súng mỗi khi đổi gác chưa đúng do đó hiệu quả công tác canh phòng có lúc chưa toàn diện;

Hiện nay, tình hình ANCT trong nước nói chung và địa bàn đóng quân của Nhà trường nói riêng cơ bản ổn định, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ có thể xảy ra như: Lực lượng phản động, các đối tượng chống phá Đảng, Nhà nước lợi dụng các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước để kích động, lôi kéo những đối tượng, thành phần bất mãn với chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước để chống phá, gây rối khu vực xung quanh Nhà trường đóng quân, đột nhập vào Nhà trường lấy cắp VKTB; bên cạnh đó, yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, xây dựng nền nếp chính quy nói chung và yêu cầu về chất lượng công tác đóng quân canh phòng nói riêng đòi hỏi ngày càng cao; Nhà trường tiếp tục triển khai các hạng mục xây dựng cơ bản nên có nhiều

đối tượng ra, vào đơn vị hằng ngày, địa bàn đóng quân rộng, phân tán trên địa bàn phường Phú Cường thuộc thành phố Thủ Dầu Một và xã Tân Mỹ thuộc huyện Bắc Tân Uyên.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đóng quân canh phòng trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, cấp ủy, chỉ huy các cấp thường xuyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy; công tác giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cấp ủy, chỉ huy các cấp và mọi quân nhân thuộc quyền trong thực hiện tốt nhiệm vụ đóng quân, canh phòng.

Đây là nội dung quan trọng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác đóng quân canh phòng, đồng thời là tiền đề, cơ sở vững chắc để thực hiện các biện pháp khác, bởi vì: có nhận thức đúng, đầy đủ mới có hành động đúng. Chính vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, khoa, đơn vị cần tăng cường công tác giáo dục nhận thức, vị trí vai trò, tầm quan trọng của công tác canh phòng; là nhiệm vụ chiến đấu, bảo đảm an toàn,... kịp thời phối hợp và xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ, không dao động trước mọi khó khăn, luôn luôn cảnh giác để không bị mua chuộc lợi dụng, nảy sinh mâu thuẫn, mất đoàn kết. Trong tình hình hiện nay, cần xây dựng kế hoạch cụ thể, kết hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, bằng nhiều hình thức, biện pháp đa dạng phong phú để mọi đối tượng nhận thức đầy đủ vị trí, tầm quan trọng công tác đóng quân canh phòng. Tập trung đi sâu quán triệt, giáo dục làm chuyển biến nhận thức về điều lệnh quản lý bộ đội; các quyết định, chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Binh chủng, Nhà trường về

sẵn sàng chiến đấu, xây dựng nền nếp chính quy, chấp hành kỉ luật và bảo đảm an toàn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch và duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ SSCĐ, tổ chức trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, trực chuyên môn nghiệp vụ, tuần tra canh gác, kiểm soát quân sự (KSQS) chặt chẽ. Theo đó, các cơ quan, khoa và đơn vị phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và quán triệt hệ thống kế hoạch, văn kiện chuyển trạng thái SSCĐ, kế hoạch bảo vệ cơ quan, đơn vị, kế hoạch phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch phòng chống cháy nổ, cháy rừng... phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng cơ quan, khoa, đơn vị và tổ chức luyện tập thành thực các phương án.

Hai là, phát huy vai trò của cơ quan tham mưu, đội ngũ chỉ huy các cấp trong công tác đóng quân canh phòng.

Đây là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác đóng quân canh phòng. Phòng Tham mưu - Hành chính là cơ quan chủ trì, kịp thời tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xây dựng kế hoạch sát đúng; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phù hợp tình hình nhiệm vụ và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; đồng thời, có kế hoạch và tổ chức kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện trong toàn Trường; đưa nội dung tập huấn công tác đóng quân canh phòng vào chương trình huấn luyện chiến đấu, hàng năm tổ chức tập huấn để nâng cao nhận thức, hành động cho các đối tượng. Người chỉ huy, chính trị viên các cấp, nhất là các cơ quan, đơn vị tổ chức lực lượng canh phòng phải chịu trách nhiệm về mặt chỉ huy, quản lý chất lượng huấn luyện phân đội canh phòng; phải thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, tăng cường công tác kiểm tra của cán bộ các cấp; đôn đốc, chấn chỉnh và xử lý

kip thời các hiện tượng chấp hành không nghiêm quy định về đóng quân canh phòng. Duy trì nghiêm quy định kiểm tra, nhận xét, đánh giá, bàn giao chặt chẽ trong tổ chức hoạt động canh phòng.

Ba là, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, khoa, đơn vị trong Nhà trường với cấp ủy, chính quyền địa phương nắm tình hình và làm trong sạch địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng công tác đóng quân canh phòng.

Đây là biện pháp hết sức quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi thành phần, lực lượng, góp phần làm trong sạch địa bàn. Vì vậy, Nhà trường cần phải chú trọng công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương nắm chắc tình hình, kịp thời thông báo cho nhau tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để phối hợp giải quyết và chủ động trong mọi tình huống.

Công tác phối hợp cần phải được triển khai chặt chẽ, toàn diện đồng bộ trên tất cả các mặt. Trước hết, cần phát huy trách nhiệm của các cơ quan chức năng của Nhà trường; đồng thời, tuyên truyền, giáo dục để mọi quân nhân của Nhà trường và nhân dân trên địa bàn đóng quân hiểu sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ Quân đội, chính sách của địa phương; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Quân đội chung tay xây dựng nông thôn mới”, Luật giao thông đường bộ, Luật đất đai. Tích cực tuyên truyền, giáo dục nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch, nhận rõ âm mưu thủ

đoạn của kẻ thù. Bên cạnh đó, phải tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện các chương trình, mục tiêu xóa đói giảm nghèo, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, hoạt động gây rối công cộng, xây dựng cơ sở chính trị, địa bàn an toàn; tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng, công an ấp, xã vững mạnh, xử lý tốt các tình huống phức tạp ở địa phương; phối hợp giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ với nhân dân, nhất là tình trạng xâm canh, xâm cư, lấn chiếm trái phép đất quốc phòng do Nhà trường quản lý, lấn chiếm lòng, lề đường. Nhà trường cần chủ động chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng cùng với địa phương tham gia phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; phối hợp với các lực lượng công an, dân phòng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm an toàn địa bàn nhất là dịp lễ, tết...

Bốn là, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phương pháp tác phong công tác cho lực lượng làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra, kiểm soát quân sự.

Canh gác, tuần tra, kiểm soát quân sự là một nội dung trọng tâm của công tác canh phòng. Lực lượng trực tiếp thực thi nhiệm vụ này muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đòi hỏi phải có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỉ luật nghiêm, trình độ chuyên môn giỏi, tác phong, phương pháp công tác nghiêm túc, khoa học; nắm chắc điều lệnh, điều lệ, kỉ luật Quân đội, pháp luật Nhà nước; có kĩ năng xử trí chính xác các tình huống, nhất là tình huống phức tạp. Vì vậy, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp tác phong công tác cho lực lượng canh gác, tuần tra,

KSQS là đòi hỏi khách quan. Nội dung bồi dưỡng phải được triển khai toàn diện, đồng bộ ở nhiều cấp. Người chỉ huy phải căn cứ tình hình cụ thể, trình độ của từng đối tượng để xác định nội dung, phương pháp tiến hành cho phù hợp, trong đó cần tập trung vào 3 vấn đề chính sau:

Thứ nhất, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, nêu cao ý thức tự giác, lòng tự trọng, có khả năng tự bảo vệ, chống lại những tác động tiêu cực, lôi kéo cám dỗ, mua chuộc, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ và uy tín của cán bộ, đơn vị.

Thứ hai, tăng cường tập huấn, huấn luyện, luyện tập về chuyên môn nghiệp vụ để bộ đội nắm chắc chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của người gác, tuần tra, KSQS; nắm chắc quy định của điều lệnh Quân đội, pháp luật của Nhà nước, quy tắc trật tự xã hội liên quan đến nhiệm vụ canh phòng; nguyên tắc, trình tự giải quyết ra vào mục tiêu canh phòng; bồi dưỡng kỹ năng giải quyết các tình huống trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhất là các tình huống phức tạp. Đồng thời, rèn luyện cho bộ đội có tác phong, phương pháp làm việc nghiêm túc, khoa học, biết tổng hợp ghi chép, thống kê các vụ việc khách quan, chính xác, cụ thể rõ ràng vào hệ thống sổ sách, mẫu biểu theo quy định, tránh tùy tiện, giản đơn. Chiến sĩ mới sau khi hoàn thành 03 tháng huấn luyện, phải tuyển chọn và huấn luyện nghiệp vụ công tác canh phòng ít nhất 01 tháng mới tổ chức thực hiện nhiệm vụ canh phòng; các đối tượng học viên ngoài nội dung, chương trình giáo dục - đào tạo, cán bộ quản lý phải thường xuyên huấn luyện bổ sung nghiệp vụ công tác canh phòng, nhất

là trước mỗi nhiệm vụ canh phòng của đơn vị được giao.

Thứ ba, bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng thành thạo các loại vũ khí, đạn, phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nắm vững nguyên tắc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi cần thiết, nhất là các tình huống khẩn cấp, phức tạp phải hết sức bình tĩnh, khôn khéo, linh hoạt, thận trọng để hoàn thành nhiệm vụ, không để xảy ra mất an toàn. Có như vậy, chất lượng, hiệu quả công tác đóng quân canh phòng của Nhà trường mới được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục - đào tạo trong tình hình mới.

Trước yêu cầu ngày càng cao về xây dựng Quân đội, Binh chủng, Nhà trường và địa bàn đóng quân trong tình hình mới, công tác đóng quân canh phòng phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nhận thức, động cơ, thái độ trách nhiệm và hành động cho mọi đối tượng, chất lượng công tác tham mưu, hoạt động phối hợp giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, bảo vệ Nhà trường an toàn mọi mặt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, SSCĐ xây dựng Nhà trường chính quy, vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu”/.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng, Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb QĐND, Hà Nội - 2011.
2. Chỉ thị số 2124/CT-BCCB ngày 10/10/2009 của Tư lệnh Binh chủng về quản lý sử dụng vũ khí đạn SSCĐ.
3. Bộ Tổng Tham mưu, Quy định công tác đóng quân canh phòng, Hà Nội - 2013 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2482/QĐ-BTMM ngày 17/12/2012 của Tổng Tham mưu trưởng).

(Xem tiếp trang 65)

**PHÒNG CHỐNG UAV, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO CỦA
TIỂU ĐOÀN BỘ BINH VẬN ĐỘNG TIẾN CÔNG Ở ĐỊA HÌNH
MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC**

*Trung tá, ThS Trần Xuân Hòa
CNBM - Khoa Chiến thuật*

Hiện nay, các cường quốc quân sự trên thế giới đang tích cực nghiên cứu phát triển các loại vũ khí, trang bị công nghệ cao; qua đó tác động làm thay đổi hình thái, phương thức chiến tranh trong tương lai. Trong đó, vũ khí công nghệ cao (VKCNC) là kết quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quân sự. Nó được đánh giá bằng hàm lượng giá trị công nghệ chứa trong vũ khí đó. Theo UNIDO (Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc) thì VKCNC hiện nay gồm 8 loại chủ yếu, đó là: vũ khí điều khiển chính xác thể hệ mới, vũ khí tàng hình, vũ khí tác chiến điện tử, vũ khí năng lượng định hướng (vũ khí la-de, vũ khí chùm hạt...), vũ khí vi-ba, pháo điện tử, vũ khí thông minh và vũ khí vũ trụ. Về lý thuyết sản xuất cũng như thực tiễn sử dụng đều cho thấy, nhiều loại VKCNC có ưu điểm nổi bật là: khả năng tự điều khiển, tự nhận biết mục tiêu, khả năng điều chỉnh thích nghi với các yếu tố khí tượng, đặc biệt là khả năng tiến công từ xa, độ chính xác và khả năng sát thương “mềm”, sát thương “cứng”. Nói cách khác, VKCNC là vũ khí thể hệ mới, có sự vượt trội về tính năng kỹ thuật, chiến thuật so với hệ vũ khí thông thường.

UAV là thuật ngữ viết tắt của cụm từ "Unmanned Aerial Vehicle", có nghĩa là “Phương tiện hàng không không người lái”, gọi tắt là máy bay không người lái. Đây là thuật ngữ chỉ những loại máy bay không có phi công, như một robot có thể điều khiển từ xa bởi hệ thống công nghệ phức tạp. Máy bay này sẽ đi theo các

tuyến đường bay được lập trình sẵn, hoặc điều khiển từ trạm điều khiển trên mặt đất dựa trên cảm biến và hệ thống định vị GPS. UAV được biết đến đầu tiên là thiết bị gắn liền với quân sự, phòng không với thiết kế hình dạng và kích cỡ khác nhau tùy vào nhu cầu sử dụng. Ngày nay, máy bay không người lái UAV còn mang tính ứng dụng cao trong các lĩnh vực khác như nông nghiệp, công nghiệp, giao hàng hoặc trong công tác tìm kiếm cứu hộ, giám sát giao thông, thời tiết, ghi hình... Sau khi cải tiến về hình dạng, kích thước và hiệu suất động cơ, UAV còn có tên gọi là Drone có thể được thiết kế với sai cánh rộng như một máy bay phản lực thu nhỏ, được lắp nhiều cánh quạt để thuận tiện điều khiển các thao tác, thậm chí có kích thước gọn nhẹ chỉ như một máy bay mô hình. Khi Drone được gắn thêm camera vào thực hiện chức năng quay phim, chụp ảnh... nó còn có tên gọi là Flicam (Fliing camera) hay Drone with camera. Ở giai đoạn đầu, UAV được sử dụng phổ biến nhất trong quân sự khi được điều khiển để thực hiện do thám tình báo, theo dõi thông tin chiến thuật trên chiến trường. Với các UAV có gắn camera, hay Flicam, còn giúp thu trực tiếp hình ảnh hoặc video về căn cứ, phục vụ cho các hoạt động quân đội. Đây là thuật ngữ chỉ những loại máy bay không có phi công, như một robot có thể điều khiển từ xa bởi hệ thống công nghệ phức tạp. Nhưng hiện nay, UAV khi được kết hợp với hệ thống định vị GPS mới và thiết bị hồng ngoại cùng trí tuệ nhân tạo AI, nó đã thực sự trực tiếp tham

gia chiến đấu và trở thành vũ khí hết sức quan trọng đem lại hiệu quả cao mang tính quyết định chiến trường. Đặc biệt, với giá thành rẻ (loại rẻ nhất chỉ từ dưới 150-500USD), được điều khiển từ xa và có tính cơ động cao, UAV lại có thể phá hủy các mục tiêu có giá trị cao gấp hàng trăm nghìn lần giá trị của chính nó. Vì thế, sử dụng UAV trong các hoạt động quân sự được quân đội địch tập trung nghiên cứu, ứng dụng.

Miền Đông Nam Bộ là địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh của khu vực phía Nam và cả nước. Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra), khu vực Miền Đông Nam Bộ sẽ là trọng điểm địch tập trung đánh chiếm, làm bàn đạp để tiến công các mục tiêu tiếp theo, nơi đây sẽ diễn ra những trận chiến đấu với nhiều quy mô và hình thức chiến thuật khác nhau, trong đó có tiểu đoàn bộ binh vận động tiến công. Vận động tiến công là hình thức chiến thuật thuộc loại hình chiến đấu tiến công được thực hiện bằng cách bí mật cơ động lực lượng, triển khai đội hình chiến đấu hình thành thế bao vây chia cắt ở khu vực trục đường địch phải cơ động qua, bất ngờ nổ súng tiến công tiêu diệt một bộ phận, sát thương sinh lực và phá hủy phương tiện chiến đấu, đánh bại đối tượng địch cơ động khác nhau. Khi tiểu đoàn bộ binh vận động tiến công ở địa hình Miền Đông Nam Bộ, chỉ huy tiểu đoàn cần nghiên cứu nắm chắc tình hình mọi mặt có liên quan, tổ chức chuẩn bị và thực hành chiến đấu chu đáo, cụ thể, tỉ mỉ. Trong đó, nắm chắc vũ khí trang bị của địch và chuẩn bị được các biện pháp phòng, chống có ý nghĩa quan trọng, tạo sức mạnh tổng hợp để tiêu diệt địch, hiệu suất chiến đấu của trận đánh cao. Để phòng chống UAV, VKCNC của địch trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, tiểu đoàn bộ binh

vận động tiến công cần nghiên cứu, thực hiện một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, tạo lập thế trận; xác định mục tiêu, hướng đánh UAV, vũ khí công nghệ cao. Đây là cách thức tổ chức, bố trí lực lượng và các thiết bị chiến trường của tiểu đoàn để thực hiện nhiệm vụ trận chiến đấu trong đó có việc phòng, chống UAV, VKCNC của địch. Chú trọng tạo lập thế trận của lực lượng phòng không có trong biên chế của tiểu đoàn bộ binh và được cấp trên phối thuộc, chi viện.

Tiểu đoàn bộ binh chiến đấu vận động tiến công ở địa hình Miền Đông Nam Bộ cần tổ chức nhiều thành phần, lực lượng quan sát, trinh sát phát hiện UAV, VKCNC của địch. Đó là hệ thống đài quan sát của lực lượng phòng không các cấp, đài quan sát chỉ huy, đài quan sát các đơn vị hỏa lực và các đơn vị bộ binh. Kết hợp quan sát, trinh sát bằng các khí tài và quan sát bằng mắt của các đơn vị bộ binh để phát hiện UAV, vũ khí công nghệ cao. Thực tế, các thiết bị máy bay không người lái đều có diện tích nhỏ, bay thấp, khó phát hiện; do đó, nếu không tạo lập thế trận quan sát, trinh sát rộng khắp, nhiều tầng khác nhau thì khó có thể phát hiện UAV; các loại VKCNC được nguy trang, nghi binh tỉ mỉ và tự có khả năng phòng vệ, chế áp, đánh chặn khi bị đối phương uy hiếp. Tạo lập thế trận để đánh UAV, VKCNC phải được tiến hành một cách chặt chẽ, cơ bản ngay từ công tác chuẩn bị của trận chiến đấu, trong đó thế trận hỏa lực có vị trí rất quan trọng. Lập thế trận hỏa lực thực chất là thế trận của các lực lượng phòng không trong biên chế và phối thuộc của các đơn vị bộ binh và các phân đội phòng không chuyên trách. Trong điều kiện các thiết bị bay không người lái có diện tích nhỏ, tầm bay thấp, khả năng cơ động linh hoạt, hiệu quả cao thì việc lập thế trận hỏa lực phòng không

đánh UAV cần được tổ chức chặt chẽ, nhiều lực lượng cùng tham gia, bố trí linh hoạt trên các khu vực, mục tiêu trọng điểm, nơi UAV có thể trinh sát đánh phá như khu vực chặn đầu, khóa đuôi, khu vực bố trí chiến đấu... Lập thể trận hỏa lực đánh UAV, chế áp, tiêu diệt VKCNC phải bảo đảm có thể đánh độ cao từ độ cao trung bình trở xuống, phù hợp với điều kiện hỏa lực phòng không, hỏa lực bộ binh của phân đội bộ binh và các tầm bay của UAV cũng như cự li bố trí các loại VKCNC của địch.

Hiệu quả chiến đấu của các thiết bị bay không người lái phụ thuộc nhiều vào địa hình. Nơi địa hình phức tạp ở Miền Đông Nam Bộ, có khả năng che khuất, che đỡ tốt, thì khả năng phát huy hiệu quả của các thiết bị UAV, VKCNC của địch sẽ bị giảm. Vì vậy, khi tổ chức, bố trí lực lượng các đơn vị trong đội hình tiểu đoàn cần chú trọng chọn nơi địa hình có khả năng che khuất, che đỡ, hạn chế tầm quan sát phát hiện và đánh phá của UAV, vũ khí công nghệ cao. Xác định mục tiêu tiêu diệt của hỏa lực phòng không đối với UAV, VKCNC của địch là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa đến việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, đánh bại các đợt tiến công đường không và hỏa lực của địch. Tiểu đoàn bộ binh cần nhận định chính xác các thiết bị bay không người lái ở các độ cao, đường bay khác nhau để có biện pháp đối phó hiệu quả. Trong điều kiện địch có thể sử dụng đồng thời nhiều UAV, VKCNC để thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ khác nhau như trinh sát, đánh phá vào khu vực có giá trị chiến thuật (chặn đầu, khóa đuôi, bố trí chiến đấu, vị trí triển khai). Các đơn vị được phân công, các đơn vị phòng không các cấp cần xác định mục tiêu nguy hại, liên quan trực tiếp để có biện pháp đối phó. Xác định rõ hướng bay của các thiết bị bay không

người lái của địch để bố trí lực lượng bảo đảm đánh trúng địch ngay từ đầu; bảo đảm không bố trí dàn trải.

Hai là, nắm chắc phương thức tác chiến của UAV, VKCNC của địch. Thời gian gần đây, quân đội địch đã chế tạo và đưa vào sử dụng các loại UAV thế hệ mới, phương tiện mặt đất không người lái (UGV) tích hợp vũ khí như súng máy, rốc két, tên lửa, bom, đạn... có thể tiến công, tiêu diệt lực lượng, phá hủy mục tiêu, độ chính xác cao; hướng đến có thể trang bị cho cấp đại đội, tiểu đoàn. Đối phó với UAV khi xuất kích tiếp cận mục tiêu, chúng có thể xuất kích từ Biển Đông, các quốc gia lân cận, có thể xuất phát từ đường băng dã chiến, phóng di động từ trên không, bay theo đường không có độ cao thấp khác nhau. Các loại UAV chiến thuật có thể tiếp cận từ cửa sông, lợi dụng che khuất của địa hình để bay. UAV cấp trên có nhiệm vụ trinh sát, giám sát, tiến công thông qua chụp ảnh, đường truyền chất lượng cao cho trung tâm chỉ huy, giám sát và chỉ điểm cho các hoạt động đánh phá khác. Khi tiểu đoàn bộ binh chiến đấu vận động tiến công ở địa hình Miền Đông Nam Bộ, thời điểm địch sử dụng UAV, VKCNC cả trước, trong hoặc sau khi trận đánh kết thúc. Trước trận đánh, UAV được sử dụng nhằm mục đích trinh sát, chụp ảnh xác định mục tiêu, đội hình bố trí của ta. Trong trận đánh, nhằm phát hiện mục tiêu, tiến công hỏa lực, nhất là hệ thống phòng không của ta. Sau trận đánh, có thể đánh phá từ 10 hoặc 15 phút nhằm đánh giá tình hình, lập kế hoạch cho các hoạt động khác. UAV có thể liên kết với các trung tâm giám sát, hoạt động 24/24, có thể trinh sát phóng xạ, hóa học... Khi phát hiện có thể chỉ điểm đánh phá hoặc lao thẳng vào mục tiêu. Cũng có thể sử dụng làm mồi nhử phòng không, thu hút hoạt động chống trả của ta. Đối với

việc xác định cách đánh UAV, hiện nay có nhiều ý kiến cho rằng, với phương thức tác chiến mới, việc sử dụng UAV, VKCNC của địch để thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu, tác chiến ở các loại địa hình sẽ diễn ra phổ biến hơn nên trong tương lai, tiểu đoàn bộ binh cần phải nghiên cứu cách đánh riêng, cụ thể gắn với tiêu diệt UAV và vũ khí công nghệ cao. Tuy nhiên, hiện tại, công dụng của UAV có thể là tiến công bằng hỏa lực, trinh sát, giám sát; trong khi đó, vai trò chính lại là các hoạt động tác chiến của các lực lượng khác (pháo binh, xe tăng,...). Vì vậy, chúng ta chưa xây dựng cách đánh UAV, VKCNC riêng biệt mà gắn liền với cách đánh của tiểu đoàn bộ binh phục kích địa hình Miền Đông Nam Bộ.

Thực tiễn, để phát huy hết tính năng của UAV, VKCNC trong các cuộc tác chiến. Trong một số cuộc chiến tranh vừa qua, ngoài mục tiêu chính trị, mục tiêu quân sự, mục tiêu địa - chính trị, địch còn đặt ra mục tiêu kỹ thuật, đó là tiến hành thử nghiệm hệ thống vũ khí, trang bị kỹ thuật mới; đồng thời hoàn thiện các phương pháp tác chiến thông qua việc sử dụng hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật đó trong chiến đấu.

Ba là, nguy trang, nghi binh, giữ bí mật kết hợp với gây nhiễu điện tử với các thiết bị bay không người lái, hiệu quả sẽ phát huy cao nhất trong điều kiện mục tiêu bộc lộ, trạng thái hoạt động. Do đó, nếu tiểu đoàn bộ binh thực hiện tốt các biện pháp nguy trang sẽ hạn chế được tầm quan sát, phát hiện và đánh phá của địch. Vì nếu muốn quan sát được mục tiêu, UAV cần hạ độ cao thấp nhất để thu thập thông tin chính xác về đối phương. Đây là điều kiện thuận lợi để ta sử dụng hỏa lực, xung lực tiêu diệt. Nên để bảo đảm an toàn địch khó hạ độ cao của UAV xuống thấp nhất nếu các điều kiện không an

toàn. Việc nguy trang lực lượng, phương tiện của ta cần được tiến hành một cách toàn diện, bằng các phương tiện, khí tài ứng dụng hoặc tự chế và tận dụng triệt để sự che đậy, che khuất của địa hình, thảm thực vật ở khu vực chiến đấu để nguy trang đạt hiệu quả tốt nhất.

Cùng với thực hiện các biện pháp nguy trang, tiểu đoàn bộ binh cần làm tốt công tác nghi binh, giữ bí mật. Quá trình nghi binh, tiểu đoàn phối hợp chặt chẽ với cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương nghi binh bằng cách tạo màn khói, làm cho các thiết bị UAV, đài quan sát của VKCNC bị che khuất tầm nhìn, không phân biệt được thật giả. Có thể tổ chức nghi binh bằng tiếng nổ trên hướng khác; bố trí trận địa giả trên các khu vực để thu hút UAV, VKCNC của địch. Ngoài ra, tiểu đoàn bộ binh có thể tổ chức nghi binh thông tin như: phát tín hiệu giả, liên lạc giả. Giữ bí mật trong quá trình tổ chức và thực hành trận chiến đấu. Các đơn vị trong tiểu đoàn phải luôn nêu cao trách nhiệm trong việc phòng gian, giữ bí mật, tránh bị địch phát hiện, nhất là bị các thiết bị bay không người lái. Giữ bí mật có nghĩa là không để lộ đội hình bố trí và ý định chiến đấu; giữ bí mật trong các hoạt động thông tin liên lạc. Thực hiện tốt các biện pháp nguy trang, nghi binh là góp phần giữ được yếu tố bí mật, tạo nên tính bất ngờ trong chiến đấu.

Phương tiện máy bay không người lái, VKCNC về cơ bản là các loại vũ khí hiện đại, phương tiện điện tử. Do chủng loại và số lượng thiết bị điện tử trên máy bay lớn, mối liên hệ giữa chúng với bên ngoài thông qua các đường truyền tương đối rộng lớn, vì thế khả năng chống nhiễu không cao. Đặc biệt, thiết bị cảm biến điện tử trên UAV thường phức tạp và trong môi trường điện tử dễ bị vô hiệu hóa dẫn đến “mù, điếc” hoặc không nhạy như thiết kế

trong điều kiện lí tưởng. Khi bị nhiễu điện tử mạnh, các thiết bị này có thể không nhận được tín hiệu chỉ huy, số liệu đường truyền sai lệch dẫn đến mất phương hướng. Nhiều thiết bị gây nhiễu cùng lúc sẽ làm cho máy bay không người lái hoàn toàn mất phương hướng và mất tác dụng. Tiểu đoàn bộ binh chiến đấu phục kích ở Miền Đông Nam Bộ trong thế trận cấp trên và khu vực phòng thủ địa phương rộng khắp, các hoạt động gây nhiễu điện tử của cấp trên, địa phương sẽ làm giảm khả năng sử dụng UAV, VKCNC của địch, tạo điều kiện để phân đội bộ binh hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, để đối phó thắng lợi với cuộc chiến tranh xâm lược mà kẻ địch sử dụng UAV, VKCNC, tiểu đoàn bộ binh chiến đấu vận động tiến công ở Miền Đông Nam Bộ cần phải quan tâm đến rất nhiều vấn đề. Trước hết, về mặt nhận thức, cần thấy UAV, VKCNC không thể tự nó tác động vào các sự vật, hiện tượng, nhưng nó là tiền đề vật chất dẫn đến sự thay đổi các hoạt động tác chiến, các phương pháp tác chiến và tổ chức lực lượng. Máy bay không người lái, VKCNC không thay thế được con người, nhưng nó làm cho hiệu suất chiến đấu của người sử dụng nó tăng lên. VKCNC không làm thay đổi nguồn gốc, bản chất của chiến tranh xâm lược, cho dù gọi là “đòn trừng phạt” hay là gì đi nữa thì bản chất của nó vẫn là chiến tranh phi nghĩa. Thế nhưng, khi địch sử dụng VKCNC thì khả năng hủy diệt sẽ rất lớn trong một thời gian rất ngắn. Vì vậy, trong mọi tình huống chiến đấu địch sẽ tập trung tối đa sức mạnh VKCNC, UAV để giải quyết nhanh. Tuy nhiên, cần được hiểu rằng, mọi thứ vũ khí dù tinh vi và hiện đại đến đâu cũng đều là sản phẩm của con người và do con người điều khiển. Vũ khí mới,

theo như thông lệ, dù sớm hay muộn đều có thể tìm ra cách “khắc chế” và “thắng hay bại trên chiến trường đều phụ thuộc vào tâm trạng của người cầm súng”. Vì vậy, tiểu đoàn bộ binh vận động tiến công ở Miền Đông Nam Bộ cần xây dựng ý chí quyết tâm chiến đấu cao cho bộ đội, trong đó chú trọng huấn luyện cho bộ đội sát với điều kiện chiến đấu của chiến tranh hiện đại để ngày càng củng cố được lòng tin, niềm tin, dám đánh và chắc thắng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong trong điều kiện mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tổng tham mưu, Tiểu đoàn bộ binh vận động tiến công, Nxb QĐND, Hà Nội năm 2015.
2. Bài học rút ra từ cuộc chiến Nga - Ucraina. Nguồn TTXVN, ngày 25/2/2024.
3. Những vũ khí định hình trong 2 năm xung đột Nga - Ucraina. Nguồn: VOV. VN, Thứ 7 ngày 24/02/2024.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO....

(Tiếp theo trang 60)

4. Chỉ thị số 05/CT-BQP ngày 28/02/2012 của Tổng Tham mưu trưởng về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác canh phòng trong toàn quân.
5. Công văn số 252/TM-QH ngày 24/01/2022 của BTTM về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác canh phòng trong toàn quân.
6. Công văn số 780/TM-QH ngày 15/02/2023 của Bộ Tham mưu Binh chủng về việc tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả công tác canh phòng trong toàn Binh chủng.
7. Quy định số 464/QyĐ ngày 19/02/2024 của Trường Sĩ quan Công binh Quy định về việc tổ chức canh gác mục tiêu của Trường Sĩ quan Công binh./.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC “CHỦ TRÌ VỀ CHÍNH TRỊ” CỦA CHÍNH TRỊ VIÊN ĐẠI ĐỘI Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH

*Thượng tá, ThS Lu Sĩ Nguyên
CNBM - Khoa KHXH&NV*

Chủ trì về Chính trị là một vấn đề quan trọng được đề cập khi tổ chức triển khai Nghị quyết 51/NQ-TW ngày 20 tháng 7 năm 2005 của Bộ Chính trị về thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Vấn đề chủ trì về chính trị đã được nhiều tài liệu nhắc đến sau đó, trong đó, Điều lệnh quản lý bộ đội năm 2011 được Bộ Quốc phòng ban hành có nhấn mạnh: “Chính ủy, chính trị viên các cấp trong Quân đội là người chủ trì về chính trị; được Đảng, Nhà nước, Quân đội giao cho những quyền hạn trong phạm vi chức trách. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên cấp trên và cấp ủy cấp mình về toàn bộ hoạt động công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT) trong đơn vị theo phạm vi chức trách, nhiệm vụ...”, đây là cơ sở quan trọng nhằm tăng cường và nâng cao hơn nữa vị thế, vai trò của cán bộ chính trị các cấp nói riêng và vai trò của công tác đảng, công tác chính trị trong mọi hoạt động của bộ đội nói chung, góp phần làm cho các đơn vị ổn định và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đối với Trường Sĩ quan Công binh (SQCB), cán bộ chính trị các cấp, về cơ bản đã làm tốt chức trách, nhiệm vụ mà Đảng, Quân đội giao phó, đã phát huy được tinh thần của “Nghị quyết 51”, trong đó đội ngũ Chính trị viên đại đội đã có sự trưởng thành tương đối toàn diện, từng bước khẳng định sự ảnh hưởng to lớn đối

với chất lượng, hiệu quả chủ trì về chính trị ở đại đội bằng năng lực và uy tín trong tổ chức, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả CTĐ, CTCT ở đại đội, góp phần xây dựng đơn vị, Nhà trường vững mạnh về chính trị. Có thể khái quát những ưu điểm, hạn chế cơ bản sau:

Ưu điểm:

Một là, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã nhận thức đúng đắn và có những biện pháp phù hợp khi vừa triển khai đúng tinh thần Nghị quyết, vừa tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ năng lực, kỹ năng hoạt động CTĐ, CTCT cho cán bộ chính trị các cấp, trong đó có Chính trị viên đại đội, đây là cơ sở rất quan trọng để Chính trị viên đại đội khẳng định vị thế và uy tín trong tổ chức, đồng thời nâng cao năng lực chủ trì về chính trị, Không những vậy, qua các hội nghị, nhất là Hội nghị giao ban CTĐ, CTCT, Đảng ủy, Ban Giám hiệu cũng đều chú trọng nội dung xây dựng tâm thế cho cán bộ Chính trị viên với tư cách là người chủ trì về chính trị ở đơn vị, đồng thời, lưu ý cách giải quyết các mối quan hệ một cách đúng đắn trong ban chỉ huy, điều này cũng tạo những cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thay đổi một cách đúng đắn, đúng Điều lệnh trong các mối quan hệ công tác ở ban chỉ huy, nhất là giữa cấp trưởng và chính trị viên.

Hai là, Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB đã từng bước đáp ứng tốt yêu cầu về phẩm chất, năng lực chủ trì về

chính trị ở đơn vị. Trong những năm qua, đội ngũ này thực sự có bước chuyển mình, đáp ứng với cương vị là người chủ trì về chính trị ở đại đội. Các chính trị viên đại đội đều là Bí thư cấp ủy, chi bộ, là những hạt nhân đoàn kết trong tập thể cấp ủy, các đại đội đều là những tập thể đoàn kết, đủ sức lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt các nhiệm vụ được cấp trên phân công, giao phó.

Ba là, với tư cách là người chủ trì về chính trị ở đại đội, đồng thời là người chủ trì về công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, dân vận, bảo vệ, chỉ đạo các hoạt động của các tổ chức quần chúng ở đại đội, do vậy yêu cầu đối với chính trị viên (Bí thư chi bộ) phải là người có năng lực tương đối toàn diện trên tất cả các mặt, mặt khác, phải có tính chủ động, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm mới có thể hoàn thành vai trò là người chủ trì về chính trị. Trong những năm qua, đội ngũ Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB đã cơ bản đáp ứng tốt những tiêu chí này. Cán bộ chính trị đại đội đã từng bước tiệm cận và hoàn thành tốt vai trò của mình.

Trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của các mặt công tác, Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB đã có những chuyển biến, tiến bộ vượt bậc, từ vị trí được phân công phụ trách hoạt động công tác đảng, công tác chính trị (phó đại đội trưởng về chính trị) đến vị trí là người chủ trì về chính trị (Chính trị viên), Chính trị viên đại đội đã chủ động trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác, đáp ứng với đòi hỏi xây dựng tổ chức đảng TSVM, đơn vị VMTD “Mẫu mực, tiêu biểu”.

Khuyết điểm, hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định ở đội ngũ chính trị viên đại đội ở Trường SQCB:

Một là, tuy đại đa số Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao trình độ, phẩm chất, năng lực để đáp ứng với yêu cầu là người chủ trì về chính trị ở đại đội, nhưng vẫn còn có Chính trị viên ngại tìm hiểu, nghiên cứu, ngại rèn luyện phẩm chất, tác phong công tác dẫn đến không đáp ứng được đòi hỏi của cương vị công tác; việc nắm không chắc, không sâu các kỹ năng nghiệp vụ CTĐ, CTCT đã ảnh hưởng đến vị thế của người chủ trì về chính trị ở đơn vị, sự tôn trọng của người đồng cấp (Đại đội trưởng), thậm chí là của cấp dưới và học viên thuộc quyền.

Hai là, ngoài đội ngũ chính trị viên phát huy được vị thế, vai trò của mình, vẫn còn có đồng chí ngại va chạm, nể nang và tự hạ thấp vai trò của mình với đại đội trưởng, tự coi mình là “cấp phó” - một hành động mang tính chất “ám thị” có tính lịch sử; không dám quyết những chủ trương, công việc thuộc lĩnh vực mình chủ trì, khi xây dựng, đề ra những chủ trương, biện pháp công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị thì cứ “chăm chăm” hỏi ý kiến Đại đội trưởng và cấp trên, thậm chí trong cuộc họp do Chính trị viên (Bí thư) chủ trì cũng phải chờ ý kiến của Đại đội trưởng là người cuối cùng quyết định.

Ba là, vẫn còn có Chính trị viên nắm không sát tình hình thực tế của đơn vị, xuất phát từ việc ít gần gũi cán bộ, học viên thuộc quyền, không theo sát quá trình huấn luyện, đào tạo của bộ đội dẫn đến không nắm chắc tình hình cụ thể của đơn

vị mình, từ đó không đề ra được những hoạt động tư tưởng, tâm lí, phương thức tác động ra sao nhằm thúc đẩy học viên “vượt năng, thắng mưa”, khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bốn là, trong tiến hành hoạt động CTĐ, CTCT vẫn còn chính trị viên đơn giản, hời hợt trong duy trì nền nếp hoạt động của các tổ chức. Cá biệt, còn có Chính trị viên (Bí thư) đơn giản cả hội nghị ra nghị quyết lãnh đạo, báo cáo qua loa dự thảo sau đó cho hoàn thiện biên bản, coi ý kiến của Bí thư và Đại đội trưởng đã bao quát hết mọi mặt của đơn vị, không nhất thiết phải cần các ý kiến đóng góp của chi bộ, điều này, dẫn đến xuất hiện tâm lí coi thường nghị quyết, coi thường các hoạt động CTĐ, CTCT, hệ lụy là làm mất vai trò của Chính trị viên trong hệ thống chỉ huy của đơn vị.

Ngoài ra, một số Chính trị viên có kiến thức, kĩ năng hoạt động công tác đảng, công tác chính trị không rộng, không sâu, ảnh hưởng đến phong trào hoạt động chung trong đơn vị. Thực tế cho thấy, một số Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB kinh nghiệm, kĩ năng hoạt động công tác đảng, công tác chính trị còn thiếu, còn yếu, chưa thực sự “lăn xả”, trăn trở để xây dựng những sân chơi lành mạnh, bổ ích, phong phú cho bộ đội, đây cũng là một điểm yếu căn cơ ảnh hưởng đến uy tín, vị thế của người chủ trì về chính trị ở đại đội.

Trên cơ sở những ưu khuyết điểm trên, có thể rút ra một số nguyên nhân sau:

Nguyên nhân ưu điểm:

Trước hết, toàn bộ hoạt động công tác của Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB được sự chỉ đạo chặt chẽ, sự quan tâm đúng mức của Đảng ủy, Ban

Giám hiệu Nhà trường, của cấp ủy, chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp, điều này đã tác động to lớn đến việc nâng cao vị thế và vai trò của Chính trị viên với tư cách là người chủ trì về chính trị ở đại đội.

Hai là, bản thân mỗi chính trị viên đại đội ở Trường SQCB cơ bản đã nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của mình khi là người chủ trì về chính trị ở đại đội, từ đó xác định đúng trách nhiệm trong việc học tập, nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ, phẩm chất năng lực của mình đáp ứng với cương vị, chức trách được đảm nhiệm.

Ba là, môi trường tập thể ở Trường SQCB cũng là một nguyên nhân quan trọng trong việc khẳng định vị trí, vai trò chủ chốt về chính trị của người chính trị viên. Việc nhận thức đúng đắn của đại đa số đội ngũ cán bộ, học viên nói chung trong đó có các đại đội trưởng về tinh thần “Nghị quyết 51”, cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Chính trị viên phát huy được vị thế và vai trò của mình.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm:

Một là, một số cấp ủy, chỉ huy đơn vị có suy nghĩ giản đơn về “Nghị quyết 51”, còn có biểu hiện xem nhẹ hoạt động CTĐ, CTCT, làm cho việc triển khai các hoạt động CTĐ, CTCT gặp những vướng mắc, khó khăn nhất định, ảnh hưởng tới việc khẳng định vị thế và vai trò của Chính trị viên ở đại đội.

Hai là, vai trò chủ quan của một số Chính trị viên đại đội là nguyên nhân chủ yếu trong những hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại; trình độ, phẩm chất, năng lực của chính trị viên chưa tương xứng với vị thế và vai trò mà Đảng, Quân đội giao phó. Bản thân một số Chính trị viên cũng

chưa có tư duy đúng về vị trí, vai trò của mình trong tập thể cấp ủy, chi bộ và trong tập thể đại đội, từ những suy nghĩ lệch lạc đó đã làm “tự mình làm mất vai trò của mình” trong tập thể.

Ba là, do đặc điểm công tác tổ chức, cán bộ mà bố trí các Chính trị viên chưa qua trường lớp đào tạo chính quy, cơ bản chỉ qua lớp học bồi dưỡng kiến thức chuyển loại cán bộ chính trị, cá biệt còn có cán bộ được phân công phụ trách Chính trị viên đại đội chưa qua bồi dưỡng kiến thức chuyển loại cán bộ chính trị, trình độ năng lực chưa tương xứng với vị trí đảm nhiệm cũng ảnh hưởng to lớn đến vị thế và vai trò của người chủ trì về chính trị ở đại đội. Việc bố trí cán bộ Chính trị viên có tuổi đời, tuổi quân và cấp hàm chênh lệch (thường là thấp hơn) nhiều so với đại đội trưởng cũng là nguyên nhân không nhỏ ảnh hưởng tới việc xác lập vị thế và vai trò của Chính trị viên.

Kinh nghiệm trong nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của chính trị viên đại đội ở Trường SQCB

Từ việc đánh giá ưu, khuyết điểm và nguyên nhân, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong việc nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của Chính trị viên đại đội ở Trường SQCB như sau:

Trước hết, phải xây dựng nhận thức đúng đắn, đầy đủ về năng lực chủ trì về chính trị của Chính trị viên đại đội nói riêng cũng như vị trí, vai trò của Chính trị viên ở đại đội nói chung của các chủ thể, từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đến cấp ủy, chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp. Coi đây là vấn đề căn cơ, cốt lõi trong việc nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của Chính trị viên đại đội. Bởi, có nhận thức đúng thì mới có hành động

đúng, từ việc chỉ đạo của cấp trên đến việc thực hiện của cấp dưới, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để chính trị viên đại đội thể hiện được vai trò của mình; tạo ra hành lang pháp lý xác lập vị trí, vai trò chủ trì về chính trị của Chính trị viên đại đội ở đơn vị.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và cấp ủy, chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp phải quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ này thông qua các chương trình bồi dưỡng, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm và theo dõi, giúp đỡ trong quá trình công tác, thực hiện nhiệm vụ... Mặt khác, phải đặt các chính trị viên vào những “tình huống có vấn đề” vừa để rèn luyện bản lĩnh, khả năng xử lý nhanh nhạy, hợp lý, kịp thời với tình huống đặt ra, vừa nâng cao trình độ, kỹ năng công tác đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tính chất nhiệm vụ mà chính trị viên phải gánh vác trong giai đoạn mới.

Định kỳ tổ chức các hội thi, hội thao về những nội dung liên quan đến kỹ năng, nghiệp vụ công tác của bí thư cấp ủy, chính trị viên đại đội, bởi hội thi, hội thao là nơi bộc lộ thực chất nhất về năng lực, cách thức tổ chức, nhìn thấu tỏ được bản lĩnh, ưu điểm, khiếm khuyết của từng chính trị viên, qua đó là cơ sở cho Nhà trường và lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng của cán bộ thuộc cấp của mình.

Hai là, từng Chính trị viên phải nhận thức rõ vị thế, vai trò của mình, đây là vấn đề có tính chất quyết định đến việc nâng cao năng lực chủ trì về chính trị, bởi dù có hành lang pháp lý đủ rộng, môi trường thuận lợi mà bản thân từng chính trị viên không nhận thức được vị trí, vai

trò của mình thì cũng không có hướng đúng trong việc tự bồi đắp phẩm chất, nhân cách, năng lực của mình để đáp ứng với yêu cầu của cương vị công tác.

Để thực hiện được nội dung này, nhất thiết và là bước đầu tiên quan trọng nhất đối với mỗi chính trị viên là phải tự học hỏi, nghiên cứu nâng cao trình độ về mọi mặt, đáp ứng với yêu cầu của cương vị, chức trách mà từng chính trị viên đang gánh vác. Một chính trị viên không chắc về nghiệp vụ chuyên môn, không nắm được những kiến thức quân sự cơ bản, không hiểu được nhiệm vụ của đơn vị mình thì cũng không thể làm tròn trách nhiệm của người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đồng thời cũng sẽ tự đánh mất vai trò của mình. Chính trị viên phải hiểu và nắm chắc chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệnh, Điều lệ, đồng thời thể hiện rõ vai trò của mình theo đúng vị trí cương vị công tác; có sự phối hợp công tác chặt chẽ, thống nhất, hợp lý với đại đội trưởng trên cơ sở tôn trọng ý kiến của nhau và tỏ rõ chính kiến của mình, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trên các mặt công tác của đơn vị.

Ba là, chọn nguồn cán bộ đảm nhiệm cương vị Chính trị viên đại đội phải thật kỹ lưỡng, phải chọn những cán bộ có “thiên hướng”, phẩm chất, năng lực phù hợp, có “tâm trong, trí sáng”, có trách nhiệm, đồng thời, quan tâm đúng mức đến đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ Chính trị viên đại đội, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chính trị viên đại đội được rèn luyện về khả năng, năng lực chủ trì về chính trị của mình. Có như vậy mới xây dựng được đội ngũ Chính trị viên đại đội vững về bản lĩnh, giỏi về chuyên môn, tâm huyết với đơn vị, xứng đáng với vị

thế là người “nắm giữ phần hồn trong đơn vị”, góp phần xây dựng tổ chức đảng TSVM, đơn vị VMTD “Mẫu mực, tiêu biểu”, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được Đảng, Quân đội, cấp trên giao phó.

Bốn là, làm tốt công tác giám sát, đây là nội dung tổng thể, vừa giám sát trình độ, năng lực chủ trì về chính trị của đội ngũ chính trị viên đại đội, vừa giám sát các yếu tố tác động đến việc thực hiện cơ chế như: Các chỉ thị, nghị quyết có liên quan; ý thức, thái độ của các chủ thể, khách thể, nhất là của tập thể cấp ủy, chi bộ và ban chỉ huy đại đội; hiệu quả của việc thực hiện vai trò chủ trì về chính trị của Chính trị viên đại đội đến các mặt công tác khác... Từ đó có những giải pháp phù hợp góp phần tác động thuận chiều đến việc nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của Chính trị viên ở đại đội.

Có thể khẳng định, cùng với đội ngũ cán bộ nói chung, Chính trị viên đại đội có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta, việc xây dựng đội ngũ Chính trị viên đại đội vững mạnh là yêu cầu tất yếu trong xây dựng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; là bước quan trọng trong chuẩn bị về con người, lực lượng, tổ chức trong xây dựng Quân đội tinh - gọn - mạnh. Việc đánh giá đúng ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và kinh nghiệm về nâng cao năng lực chủ trì về chính trị của chính trị viên đại đội ở Trường SQCB là một nội dung vừa có tính cấp thiết, vừa có tính cơ bản, lâu dài, là một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng Nhà trường chính quy, mẫu mực, xứng đáng với vị thế là một nhà trường Anh hùng, kiểu mẫu trong hệ thống các học viện, nhà trường Quân đội./.

NHỮNG TIÊU CHÍ CƠ BẢN TRONG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN Ở TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH

*Trung tá, ThS Bùi Đình Uyên
GV - Khoa KHXH&NV*

*N*ăng lực giảng dạy của giảng viên Trường Sĩ quan Công binh là tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất sư phạm cần thiết, loại năng lực chuyên biệt, “năng lực cốt lõi”, có vai trò quan trọng đối với chất lượng giảng dạy và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của người giảng viên. Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên là một yêu cầu khách quan, rất cần thiết hiện nay ở Trường Sĩ quan Công binh. Trong đó, đánh giá đúng năng lực giảng dạy của giảng viên là một nội dung quan trọng nhằm cung cấp các luận cứ, cơ sở khoa học, đề ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên ở Nhà trường.

Giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh là chủ thể hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học và tổ chức hoạt động độc lập cho học viên theo mục đích, yêu cầu đào tạo của Nhà trường. Để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, người giảng viên cần có những phẩm chất và nhiều loại năng lực khác nhau, trong đó năng lực giảng dạy được coi là năng lực cốt lõi giữ vị trí quyết định đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh là hoạt động thường xuyên của các chủ thể đánh giá kết hợp với việc tự đánh giá của từng giảng viên nhằm xem xét, định lượng kết quả của giảng viên trong thực tiễn hoạt động giảng dạy theo những tiêu chí, tiêu chuẩn và khung đánh giá của Nhà trường hiện nay. Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên có vai trò rất quan trọng, làm cơ sở để bồi dưỡng, củng cố và phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên. Chính vì vậy, việc đánh giá chính xác năng lực giảng dạy của giảng viên ở Nhà trường là vấn đề thiết thực, mang tính khách quan và rất cần thiết.

Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên là một quá trình với sự tham gia của nhiều chủ thể trong Nhà trường, được tiến hành trên hai mặt hoạt động cơ bản đó là: (1) Về hoạt động của các chủ thể tham gia đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên. (2) Đánh giá mức độ năng lực giảng dạy của giảng viên theo những tiêu chuẩn và khung năng lực giảng dạy. Phạm vi bài viết, tập trung nghiên cứu làm rõ những tiêu chí cơ bản về hoạt động của các chủ thể trong đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay.

Tiêu chí được hiểu là “toàn bộ những đặc trưng, những dấu hiệu làm cơ sở căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, khái niệm” [4, tr.1640]. Chất lượng hiệu quả của bất kỳ một hoạt động nào cũng được biểu hiện thông qua các chỉ báo, thông số có thể quan sát và đánh giá được. Trong từng hoạt động cụ thể, tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất và mục đích yêu cầu của mỗi hoạt động mà xác định các tiêu chí đánh giá kết quả một cách phù hợp. Do vậy, việc xác định tiêu chí cho hoạt động đánh giá năng lực giảng

dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh là một yêu cầu quan trọng, thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên

Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay trách nhiệm trước hết thuộc về các chủ thể tiến hành đánh giá. Do vậy, chất lượng, hiệu quả của hoạt động này phụ thuộc vào nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình đánh giá năng lực giảng dạy.

Tiêu chí này chỉ rõ, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên phải căn cứ vào nhận thức, trách nhiệm của chủ thể tiến hành đánh giá về vị trí, vai trò của năng lực giảng dạy đối với hoạt động giảng dạy và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên; mức độ thực tại, xu hướng phát triển, hoàn thiện về năng lực giảng dạy của giảng viên; sự cần thiết phải bồi dưỡng, rèn luyện và nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên; nhận thức về trách nhiệm gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, trách nhiệm của từng cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức điều hành và trực tiếp tiến hành các hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên.

Nhận thức, trách nhiệm của chủ thể tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy được xem xét đánh giá dựa vào nhận thức của các chủ thể về sự cần thiết phải đánh giá chính xác mức độ năng lực giảng dạy của giảng viên hiện nay; ở việc xác định rõ vai trò trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, từng lực lượng đối với hoạt động này; ở mức độ quan tâm nhiều hay ít, thường xuyên, hay không thường xuyên. Sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng được xác định bằng việc đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy đã đúng và trúng hay chưa; vai trò trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, phân công, phân cấp quản lý theo phạm vi chức trách của người chỉ huy như thế nào; chức năng tham mưu của các cơ quan, khoa giáo viên về nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên đến đâu; việc tổ chức thực hiện, vai trò kiểm tra, đôn đốc, phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng ở Nhà trường và việc tổ chức rút kinh nghiệm về hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên như thế nào.

Nhận thức, trách nhiệm của chủ thể tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy còn được xem xét đánh giá bằng sự chuẩn mực, khách quan, công tâm và mẫu mực của mỗi chủ thể tham gia quá trình đánh giá. Điều này sẽ tạo nên sự tin tưởng, môi trường được học tập, rèn luyện, noi theo của đội ngũ giảng viên trong nâng cao năng lực giảng dạy cho bản thân. Đặc biệt là sự gương mẫu về phương pháp, tác phong công tác, ở việc thực hiện nguyên tắc làm việc công bằng, dân chủ, khoa học và gương mẫu về đạo đức lối sống của các chủ thể tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy.

Thứ hai, về sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy

Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay là một hoạt động có sự tham gia của nhiều tổ chức, nhiều lực lượng, các chủ thể đều có vị trí, vai trò và chức năng riêng, tuy không ngang bằng nhau, nhưng không thể xem nhẹ

vai trò của bất cứ một bộ phận. Sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng là cơ sở để đánh giá chính xác năng lực giảng dạy và nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Tiêu chí này cần xác định cần xem xét, đánh giá sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng trong tham mưu, đề xuất và xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên. Kế hoạch được xây dựng đã được tham khảo ý kiến của các chủ thể tiến hành đánh giá hay chưa; phù hợp điều kiện cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện và thực tiễn hoạt động giáo dục, đào tạo của giảng viên ở Nhà trường như thế nào; kế hoạch kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên đã bảo đảm tính khoa học, thể hiện rõ nội dung, hình thức, phương pháp, thời gian, thời điểm kiểm tra, đánh giá; kế hoạch đã bám sát hay chưa bám sát với mục tiêu kiểm tra, đánh giá, nâng cao năng lực giảng dạy và xây dựng đội ngũ giảng viên ở Nhà trường hiện nay.

Sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy còn thể hiện trong việc tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá đã được xây dựng. Ở nội dung này cần xác định tiêu chí về mức độ đầy đủ của các thành phần tham gia kiểm tra, đánh giá theo quy định của Nhà trường; đánh giá mức độ thường xuyên, việc duy trì nền nếp thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá năng lực giảng dạy và hiệu quả của sự kết hợp giữa hoạt động kiểm tra, đánh giá với hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trong Nhà trường.

Đánh giá sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng trong kết luận kết quả kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy đã bảo đảm tính khách quan, công tâm, dân chủ và chính xác hay chưa; sự phối hợp, hiệp đồng trong rút kinh nghiệm hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo giảng viên; kiến nghị việc bổ trí, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, xử phạt và thực hiện chính sách đối với giảng viên.

Thứ ba, về nội dung, hình thức, phương pháp đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên

Kết quả thực hiện các nội dung, hình thức, phương pháp đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên luôn mang tính thiết thực, quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động đánh giá. Do vậy, việc xác định tiêu chí này là cơ sở quan trọng giúp cho việc xem xét, phản ánh chính xác chất lượng, hiệu quả hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Nhà trường hiện nay.

Tiêu chí về nội dung đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên cần xem xét mức độ phù hợp của nội dung với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh của giảng viên, thực tế giảng dạy ở từng khoa giáo viên và Nhà trường. Xem xét nội dung đánh giá năng lực giảng dạy về tính toàn diện và có trọng tâm, trọng điểm; tính phong phú, thiết thực và sự cập nhật với sự phát triển về yêu cầu, nhiệm vụ trong giáo dục, đào tạo của Nhà trường hiện nay; tiêu chí về mức độ chính xác ở các chỉ báo trong nội dung kiểm tra, đánh giá, từ ngữ được dùng trong công cụ đánh giá cần dễ hiểu, chính xác về mặt khoa học và thể hiện rõ mục tiêu đánh giá hay chưa; tính chặt chẽ, chu đáo trong công tác chuẩn bị nội dung trước khi tiến hành kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên.

Đánh giá hình thức, phương pháp đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên cần xem xét tính hệ thống, toàn diện; mức độ phong phú, linh hoạt, sáng tạo của từng hình thức, phương pháp gắn với đặc điểm của giảng viên, từng chuyên ngành giảng dạy và từng thời điểm đánh giá. Nếu đánh giá thường xuyên thì được sử dụng hình thức, phương pháp nào; đánh giá định kì cần được phối hợp nhiều hình thức, phương pháp để thu được kết quả đánh giá một cách toàn diện, khách quan và chính xác; đánh giá đột suất thông qua dự giờ, kiểm tra giảng, giảng mẫu cần được phát huy dân chủ rộng rãi, lấy ý kiến của nhiều người, đưa ra góc nhìn đa chiều để chỉ rõ ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân và phương hướng củng cố, hoàn thiện, nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên.

Tiêu chí về nội dung, hình thức, phương pháp đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên còn được thể hiện ở sự phù hợp với trình độ, khả năng, nhu cầu, động cơ, mức độ tin tưởng và sự thoải mái, thu hút đối với giảng viên khi được đánh giá năng lực giảng dạy.

Thứ tư, kết quả về sự chuyển biến tiến bộ của giảng viên sau khi được đánh giá năng lực giảng dạy

Đây một tiêu chí rất quan trọng của hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay. Bởi vì, tiêu chí này vừa là hệ quả của các tiêu chí trên, vừa là kết quả, mục tiêu của hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy. Xét đến cùng các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bồi dưỡng, đào tạo đều hướng đến sự chuyển biến tiến bộ trong năng lực giảng dạy của giảng viên, xây dựng đội ngũ giảng viên và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Nhà trường. Kết quả sự chuyển biến tiến bộ của giảng viên sau khi được đánh giá năng lực giảng dạy sẽ phản ánh và là thước đo chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá năng lực giảng dạy ở Nhà trường, được thể hiện trên các nội dung sau:

Đánh giá sự chuyển biến, tiến bộ về phẩm chất đạo đức, chính trị tư tưởng, tinh thần, thái độ trong giảng dạy và công tác của giảng viên thông qua các biểu hiện về: Sự kiên định, vững vàng với mục tiêu, lý tưởng, nhiệm vụ cách mạng của Đảng, Quân đội, Nhà trường và Bình chủng; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống, tác phong, lễ lối làm việc chuẩn mực; duy trì và thực hiện tốt quy định ở khoa giáo viên và Nhà trường; có thái độ đúng mực và xử sự văn hóa trong giảng dạy và công tác; hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học; thể hiện ở ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao; ở sự phấn đấu vươn lên và tính mô phạm trong giảng dạy.

Đánh giá sự chuyển biến, tiến bộ về trình độ, kiến thức trong giảng dạy của giảng viên. Trình độ, kiến thức là yếu tố nền tảng có vai trò quan trọng đối với chất lượng giảng dạy và sự hình thành, phát triển năng lực giảng dạy của giảng viên. Đánh giá trình độ, kiến thức của giảng viên cần đánh giá tổng thể trình độ, kiến thức về khoa học cơ bản; khoa học liên ngành; tri thức khoa học chuyên ngành, chuyên môn nghiệp vụ và các tri thức khoa học sự phạm.

Đánh giá sự chuyên biến, tiến bộ trong kỹ năng giảng dạy của giảng viên trên các nội dung chủ yếu gồm: kỹ năng chuẩn bị bài giảng; kỹ năng tổ chức hoạt động thực tiễn giảng dạy; kỹ năng truyền thụ kiến thức; kỹ năng nắm bắt trình độ, tâm lý học viên; kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập... căn cứ vào mức độ thuần thục, nhuần nhuyễn, có tính chính xác cao và khả năng thu hút học viên trong quá trình giảng dạy.

Trên đây là những tiêu chí cơ bản trong đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên ở Trường Sĩ quan Công binh hiện nay. Các tiêu chí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vừa có tính thiết thực vừa mang tính nguyên tắc, đồng bộ, là cơ sở quan trọng để xây dựng và thực hiện hoạt động đánh giá và bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên ở Nhà trường./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Báo cáo nghiên cứu chuẩn năng lực giảng viên giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp*, Hà Nội
2. Đảng bộ Trường Sĩ quan Công binh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Nhà trường lần thứ XXIV*, Bình Dương
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1,2 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2019), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

MỘT SỐ NỘI DUNG CÂN NẮM VỮNG ĐỂ HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ ĐẠO DIỄN QUÂN SỰ TRONG DIỄN TẬP CHIẾN THUẬT VÒNG TỔNG HỢP CHO HỌC VIÊN SĨ QUAN CẤP PHÂN ĐỘI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH

*Thượng tá, ThS Hoàng Minh Hùng - GV Khoa Chiến thuật
Thượng tá, ThS Nguyễn Đại Phong - CNBM Khoa Chiến thuật*

Dẫn tập chiến thuật vòng tổng hợp là nhiệm vụ trọng tâm của huấn luyện chiến đấu, là hình thức huấn luyện cao nhất, được vận dụng phổ biến ở các đơn vị Công binh toàn quân. Hàng năm, Trường Sĩ quan Công binh tổ chức diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học với nhiều nội dung nhiệm vụ bảo đảm công binh khác nhau gắn với từng hình thức chiến thuật. Từ đó, nâng cao và hoàn thiện năng lực đạo diễn quân sự cho đội ngũ giảng viên cũng như khả năng tổ chức, chỉ huy, rèn luyện bản lĩnh, tác phong công tác của cán bộ, học viên. Trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp, người tập theo sự chỉ đạo, kiểm soát, điều hành của đạo diễn quân sự thực hiện các nhiệm vụ theo một tướng định chiến thuật cụ thể, hành động theo một kế hoạch điều hành thống nhất, vận dụng một hoặc một số hình thức chiến thuật kế tiếp nhau, liên tục ngày, đêm, trong mọi điều kiện địa hình, thời tiết. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ: “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả để hoàn thành tốt nhiệm vụ đạo diễn quân sự trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp tại Trường Sĩ quan Công binh” như sau:

Một là, nắm vững đề mục, mục đích, yêu cầu diễn tập

Đối với giảng viên trên cương vị đạo diễn quân sự phải hiểu được nội dung chiến thuật của đề mục diễn tập sẽ diễn tập gồm những hình thức chiến thuật nào. Mà nội dung đề mục lại thường xác định gồm: Chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu; hành quân, trú quân chiến đấu và tổ chức chuẩn bị bảo đảm công binh thực hiện các hình thức chiến thuật. Do vậy, việc nắm vững đề mục diễn tập làm cơ sở để đạo diễn quân sự xây dựng được đầu bài, đáp án diễn tập theo đúng hướng dẫn. Từ đó, đạo diễn quân sự tiến hành xây dựng Kế hoạch đạo diễn phù hợp với nội dung đề mục diễn tập. Trên cơ sở lấy người học làm trung tâm của cấp tập bài, để xác định phương pháp đạo diễn cho phù hợp với đề mục diễn tập thì đạo diễn quân sự phải nắm vững nội dung đề mục diễn tập.

Đạo diễn quân sự cần nắm vững mục đích diễn tập để xây dựng chi tiết kế hoạch đạo diễn phù hợp với đối tượng đào tạo là sĩ quan chỉ huy cấp phân đội trình độ đại học. Đạo diễn quân sự qua từng nội dung, vấn đề huấn luyện từng bước củng cố cho người tập hệ thống được những kiến thức đã học, nâng cao trình độ vận dụng lí luận vào công tác tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm công binh, tiến hành công tác đảng, công tác chính trị, công tác hậu cần, kĩ thuật trong các nhiệm vụ, hình thức chiến thuật; rèn luyện học viên sát thực tế chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, làm cơ sở huấn luyện và chiến đấu tại các đơn vị Công binh toàn quân sau này. Ngoài ra, khi đã nắm vững được mục đích diễn tập sẽ nâng cao năng lực tổ chức hiệp đồng, quy định bảo đảm giữa các đạo diễn quân sự trong suốt quá trình diễn tập; năng lực chỉ đạo, tổ chức và điều hành người tập diễn tập. Làm cơ sở rút kinh nghiệm cho từng nội dung, vấn đề huấn luyện bảo đảm cho người tập chấn chỉnh những thiếu sót hạn chế, kịp thời điều chỉnh những nội dung và vấn đề huấn luyện tiếp theo.

Nắm vững yêu cầu trong diễn tập, đối với đạo diễn quân sự cần làm tốt công tác tư quán triệt các chỉ thị, các kế hoạch của Ban Chỉ đạo, nắm chắc nhiệm vụ, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các bộ phận đạo diễn, khắc phục khó khăn, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nắm vững yêu cầu trong diễn tập để vận dụng linh hoạt phương pháp đạo diễn chặt chẽ, khoa học trong chỉ đạo, kiểm soát, điều hành khung tập, người tập sát thực tế chiến đấu; thực hành đúng nguyên tắc lí luận, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người, trang bị kĩ thuật, tài liệu, bảo đảm thông tin hiệp đồng giữa các đạo diễn và khung tập, người tập trong suốt quá trình diễn tập.

Hai là, nắm được ý định chiến thuật, nội dung và kế hoạch điều hành diễn tập

Việc nắm được ý định chiến thuật là cơ sở để đạo diễn quân sự chuẩn bị các kế hoạch công binh trong giai đoạn tổ chức chuẩn bị chiến đấu như: Kế hoạch công binh (kèm phụ lục); kế hoạch trình sát thực địa; kế hoạch hành quân; kế hoạch hiệp đồng và chỉ thị bảo đảm. Khi soạn thảo kế hoạch công binh phải thể hiện được ý định chiến thuật theo từng hình thức chiến đấu. Hình thức trình bày kế hoạch công binh được soạn thảo trên sơ đồ hoặc bản đồ tỉ lệ và bản thuyết minh kèm theo. Nội dung phần vẽ, viết trên sơ đồ, bản đồ, viết thuyết minh phải thể hiện được ý định tác chiến địch, ta theo hướng dẫn soạn thảo văn kiện cấp chiến thuật và hướng dẫn soạn thảo văn kiện tác chiến phân đội

công binh. Trên cơ sở đó, đạo diễn quân sự tiến hành huấn luyện, bồi dưỡng cho khung tập, người tập làm tốt công tác chuẩn bị diễn tập.

Về nội dung diễn tập gồm các giao đoạn: Chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu; hành quân, trú quân chiến đấu và tổ chức chuẩn bị bảo đảm công binh thực hiện các hình thức chiến thuật; thực hành bảo đảm công binh các hình thức chiến thuật (thực binh các nhiệm vụ bảo đảm công binh). Trong mỗi giai đoạn có các vấn đề huấn luyện, đạo diễn quân sự cần nắm vững đầy đủ, căn cứ vào kế hoạch điều hành tiến hành xây dựng đầu bài đáp án cho từng vấn đề huấn luyện đó. Đạo diễn quân sự làm tốt công tác chuẩn bị về đầu bài, đáp án để thông qua tổ nội dung, Khoa chuyên ngành, tiến hành điều chỉnh bổ sung, đến thời gia quy định thông qua Ban chỉ đạo diễn tập Nhà trường, làm cơ sở bồi dưỡng khung tập, người tập.



HV khóa 27 SQPD-TSQCB trên cương vị đại đội trưởng thực hiện nội dung “Hội nghị dân chủ quân sự” trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp năm học 2023-2024

Kế hoạch điều hành diễn tập là văn kiện quan trọng trong hệ thống văn kiện diễn tập, được soạn thảo cụ thể cho từng giai đoạn, vấn đề huấn luyện. Trên cơ sở nắm vững kế hoạch điều hành diễn tập, đạo diễn quân sự tiến hành xây dựng kế hoạch đạo diễn chi tiết, cụ thể cho từng giai đoạn, vấn đề huấn luyện. Kế hoạch điều hành không những giúp Ban chỉ đạo điều hành toàn bộ cuộc diễn tập còn đặc biệt giúp đạo diễn quân sự điều hành khung tập, người tập thực hiện các nội dung chặt chẽ, đầy đủ đúng trình tự các bước công tác tham mưu tác chiến công binh quy định.

Ba là, nắm vững phương pháp đạo diễn

Có 3 phương pháp đạo diễn đó là: Đạo theo diễn, diễn theo đạo, kết hợp 2 phương pháp trên.

Phương pháp đạo theo diễn: Đây là phương pháp mà người tập căn cứ vào đầu bài, các thông báo, phụ lục tiến hành các nội dung vấn đề huấn luyện theo trình tự các bước công tác tham mưu tác chiến công binh. Người chỉ đạo, đạo diễn tôn trọng và chỉ đạo theo phương án của người tập, khi phát hiện người tập có sai sót, vi phạm nguyên tắc lí luận thì phát tình huống bổ sung để người tập xử lí đưa nội dung của người tập vào đúng nguyên tắc lí luận. Phương pháp đạo theo diễn thường vận dụng khi người chỉ huy và phân đội tập có trình độ chỉ huy tham mưu khá trở lên.

Phương pháp diễn theo đạo: Là phương pháp mà người tập căn cứ vào đầu bài, các thông báo, phụ lục tiến hành các nội dung vấn đề huấn luyện theo trình tự các bước công tác tham mưu tác chiến công binh. Người chỉ đạo, đạo diễn chuẩn bị phương án trước. Khi theo dõi người tập nếu phát hiện có sai sót nhưng không vi phạm nguyên tắc

lí luận thì kêu gọi để người tập làm đúng ý định; trường hợp người tập làm sai nguyên tắc lí luận thì tiến hành ra tình huống bổ sung để người tập xử lí hoặc kết luận phương án buộc người tập phải thực hiện theo ý định của người chỉ đạo, đạo diễn. Phương pháp diễn theo đạo vận dụng khi người chỉ huy và phân đội tập có trình độ chỉ huy tham mưu còn hạn chế.

Kết hợp hai phương pháp trên: Người tập căn cứ vào đầu bài, các thông báo, phụ lục tiến hành các nội dung vấn đề huấn luyện theo trình tự các bước công tác tham mưu tác chiến công binh. Trong diễn tập có nội dung được chuẩn bị trước, có nội dung trong quá trình diễn tập, người chỉ đạo vừa xây dựng nội dung song thì triển khai cho người tập. Quá trình diễn tập người chỉ đạo, đạo diễn có nội dung áp dụng phương pháp “đạo theo diễn” có nội dung áp dụng phương pháp “diễn theo đạo” một cách linh hoạt sáng tạo để đạt kết quả cao hơn trong diễn tập. Phương pháp này vận dụng phổ biến, kết hợp được việc dạy của người chỉ đạo và khả năng độc lập tư duy của người tập.

Trong những năm qua, Trường Sĩ quan Công binh tổ chức diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cho học viên sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học thường vận dụng phương pháp kết hợp. Phương pháp này có thể vận dụng trong từng hình thức chiến thuật, trong giai đoạn tổ chức chuẩn bị bảo đảm công binh chiến đấu thường vận dụng phương pháp “đạo theo diễn”; giai đoạn thực hành bảo đảm công binh chiến đấu thường vận dụng phương pháp “diễn theo đạo”. Tuy nhiên khi thực hành bơi vượt sông trong hành quân, trú quân chiến đấu và khi thực binh các nhiệm vụ công binh trong giai đoạn thực hành bảo đảm công binh chiến đấu chỉ vận dụng phương pháp “diễn theo đạo”.

Bốn là, những biện pháp cần tiến hành trong quá trình diễn tập

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đạo diễn quân sự trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp ngoài việc nắm vững các nội dung về đề mục, mục đích, yêu cầu diễn tập, ý định chiến thuật, nội dung kế hoạch điều hành và phương pháp đạo diễn, đạo diễn quân sự cần tiến hành tốt các biện pháp trong từng giai đoạn vấn đề huấn luyện sau:

Giai đoạn làm công tác chuẩn bị diễn tập, sau khi nhận được Chỉ thị, Quyết định về việc thành lập Bộ phận đạo diễn trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cho học viên sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học, đạo diễn quân sự tự nghiên cứu, quán triệt về nhiệm vụ diễn tập, nắm vững khối lượng công việc phải làm, thời gian hoàn thành mọi công tác chuẩn bị. Điều chỉnh lịch



HV khóa 27 SQPD-TSQCB “Hành quân, vượt sông, trú quân chiến đấu” trong diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp năm học 2023-2024

công tác phù hợp với nhiệm vụ diễn tập: Để bảo đảm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, đạo diễn quân sự cùng với tổ bộ môn điều chỉnh lịch huấn luyện, lịch công tác chung của Tổ bộ môn, của Khoa để có thể song song thực hiện được mọi nội dung công việc trong đó, tập chung cho nhiệm vụ chuẩn bị diễn tập. Tiến hành chuẩn bị các văn kiện diễn tập: Đạo diễn quân sự tiến hành xây dựng đầu bài, đáp án diễn tập theo đúng đề mục diễn tập đã được Hiệu trưởng phê chuẩn. Theo thời gian hiệp đồng đạo diễn quân sự thông qua đầu bài, đáp án với tổ nội dung, Khoa và Ban (người) chỉ đạo. Đây là biện pháp quan trọng của Ban (người) chỉ đạo để đánh giá, nhận xét, điều chỉnh, bổ sung, kết luận, thông qua việc xây dựng đầu bài, đáp án của đạo diễn quân sự theo đúng đề mục diễn tập hay không, hoàn thành các công việc đúng thời gian hiệp đồng hay chưa. Trên cơ sở đó, đạo diễn quân sự tiến hành huấn luyện bổ sung cho khung tập, người tập các vấn đề huấn luyện đã được Ban (người) chỉ đạo thông qua. Nội dung huấn luyện bổ sung cho khung tập, người tập gồm các nội dung có liên quan như: Luyện tập vượt sông ứng dụng, thiết bị khu vực sơ tán, tập trung bí mật; bồi dưỡng, hướng dẫn đạo diễn trung đội hành quân, trú quân chiến đấu và hành trú quân trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm công binh; hướng dẫn về mặt kỹ thuật cho các đơn vị tổ chức thiết bị công sự trận địa, vật cản tại các khu vực diễn tập; bồi dưỡng tổ tượng trưng tạo giả; hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức, phương pháp triển khai, thu hồi trạm MRIV, xe phà GSP, phà PMP 60 tấn, cầu TMM-3M...

Giai đoạn chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, căn cứ vào kế hoạch điều hành diễn tập và kế hoạch riêng của đạo diễn (kế hoạch đạo diễn), đạo diễn quân sự phát lệnh chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu hoặc báo động chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Theo dõi quá trình chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu; tổ chức lực lượng đi trước chuẩn bị đường cơ động vào khu sơ tán, khu tập trung bí mật; quá trình cơ động lực lượng và tổ chức đơn vị tại khu vực sơ tán, khu vực tập trung bí mật.

Giai đoạn hành quân, vượt sông, trú quân chiến đấu. Đạo diễn quân sự phát mệnh lệnh hành quân, vượt sông, trú quân chiến đấu theo kế hoạch đạo diễn lần lượt từng nội dung vấn đề huấn luyện. Theo dõi quá trình tổ chức chuẩn bị hành quân; quá trình thực hành hành quân; quá trình tổ chức bơi vượt sông ứng dụng; tổ chức và thực hành trú quân, củng cố công sự trận địa, tuần tra, canh gác.

Giai đoạn tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm công binh cho các hình thức chiến thuật. Đạo diễn quân sự phát tình huống theo kế hoạch đạo diễn lần lượt từng nội dung vấn đề huấn luyện. Theo dõi quá trình tổ chức chuẩn bị bảo đảm công binh các hình thức chiến thuật từ khi nhận nhiệm vụ bảo đảm công binh, làm công tác chuẩn bị, quá trình xử trí các tình huống đến khi hoàn thành mọi công tác chuẩn bị sẵn sàng cơ động lực lượng thực hành bảo đảm công binh (thực binh các nhiệm vụ)

Giai đoạn kết thúc diễn tập, sau khi Ban (người) chỉ đạo kiểm tra đơn vị diễn tập hoàn thành nhiệm vụ, lệnh kết thúc diễn tập. Đạo diễn quân sự đôn đốc tổ chức bảo dưỡng vũ khí trang bị; rút kinh nghiệm các khung diễn tập; kiểm tra, bàn giao quân số, vũ khí, trang bị kỹ thuật cho đơn vị; tham gia rút kinh nghiệm diễn tập theo đội hình Nhà trường.

Năm là, tổng hợp, nghiên cứu nắm chắc các tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức diễn tập

Để cuộc diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp tại Trường Sĩ quan Công binh đạt hiệu quả, yêu cầu đặt ra đối với cán bộ, giảng viên khi tham gia đạo diễn quân sự trong diễn tập phải tích cực nghiên cứu, học tập nắm chắc đối tượng tác chiến, nguyên tắc chiến thuật bảo đảm công binh; tổ chức phương pháp diễn tập chiến thuật và các nội dung liên quan; nắm chắc chỉ thị, kế hoạch diễn tập của cấp trên, làm tốt công tác chuẩn bị các mặt; thực hiện nghiêm túc kế hoạch diễn tập, điều hành chặt chẽ, khoa học; thực hiện đúng quy định bảo đảm an toàn; vận dụng linh hoạt phương pháp đạo diễn.

Như vậy, để đạt được yêu cầu đặt ra đối với đạo diễn quân sự khi soạn thảo các loại văn kiện diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cấp phân đội công binh phải theo đúng hướng dẫn của Bộ Tham mưu - Binh chủng Công binh, Cục Nhà trường, Cục Quân huấn- Bộ Tổng tham mưu về kế hoạch, nội dung, phương pháp diễn tập và các văn kiện trong diễn tập; biên soạn nội dung các bước công tác tham mưu tác chiến của người chỉ huy phân đội công binh (xây dựng đầu bài, đáp án diễn tập) dựa vào tài liệu: Điều lệ Tham mưu tác chiến công binh năm 2016, Điều lệnh tác chiến công binh năm 2020, Công tác tham mưu tác chiến phân đội công binh năm 2023 và Hướng dẫn soạn thảo văn kiện tác chiến phân đội công binh năm 2023.

Diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp cho học viên sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học ở Trường Sĩ quan Công binh là hình thức huấn luyện toàn diện nhất. Nhằm từng bước rèn luyện, hoàn thiện kiến thức, nâng cao trình độ, năng lực cho học viên là người chỉ huy đơn vị công binh tương lai hoàn thành tốt các nhiệm vụ bảo đảm công binh được giao. Đối với đội ngũ giảng viên Nhà trường nâng cao năng lực chỉ đạo, kiểm soát, điều hành người tập phù hợp với từng phương pháp đạo diễn theo đúng nội dung các bước công tác tham mưu tác chiến công binh quy định./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội, 2009.
2. Bộ Quốc phòng, *Điều lệnh tác chiến công binh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.
3. Bộ Quốc phòng, Binh chủng Công binh, *Công tác tham mưu tác chiến phân đội công binh*, Hà nội, 2023
4. Bộ Quốc phòng, Binh chủng Công binh, *Hướng dẫn soạn thảo văn kiện tác chiến phân đội công binh*, Hà nội, 2023
5. Bộ Tổng Tham mưu, *Diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp phân đội công binh*, Hà nội, 2005

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT GIA CỐ NỀN ĐƯỜNG QUÂN SỰ

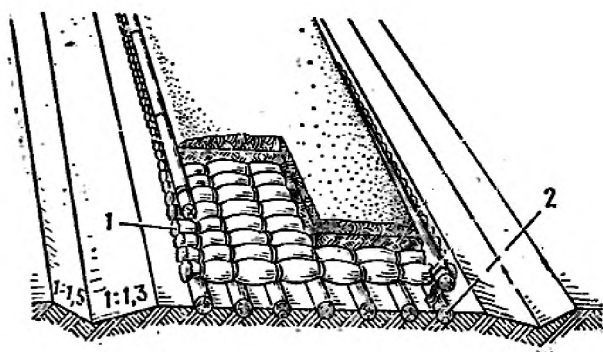
*Thiếu tá, TS Trần Đại Dũng, Trung tá, ThS Vũ Quang Huy
Trợ lý - Phòng Đào tạo*

Bài báo trình bày giải pháp sử dụng vật liệu lưới địa kỹ thuật dạng khối gia cố nền đường quân sự, bảo đảm cơ động cho binh khí kỹ thuật và các phương tiện chiến đấu đi qua địa hình nền đất không ổn định hoặc nền cát.

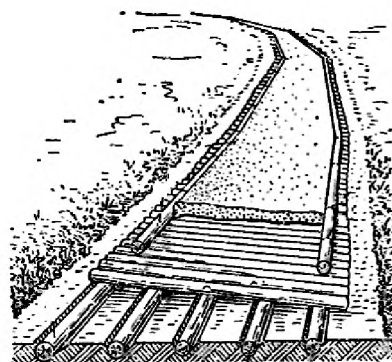
I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đường quân sự có vai trò hết sức quan trọng trong chiến đấu, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả trận đánh. Có đường mới triển khai cơ động được lực lượng, binh khí kỹ thuật và các phương tiện chiến đấu, có đường mới vận chuyển được khối lượng vô cùng lớn vật chất, hậu cần, vũ khí đạn dược từ hậu phương ra tiền tuyến. Đường làm kịp thời sẽ bảo đảm thời cơ chiến đấu và hiệp đồng quân binh chủng. Làm đường và bảo đảm cơ động là một trong những nhiệm vụ bảo đảm Công binh cho chiến đấu rất quan trọng của bộ đội Công binh.

Hiện nay, nhiệm vụ công binh làm đường để bảo đảm cơ động cho các phương tiện binh khí, khí tài đi qua địa hình nền đất không ổn định hoặc nền cát chủ yếu dựa vào các giải pháp gia cố nền truyền thống như: bó cành cây gia cố nền đất yếu (hình 1), dùng gỗ tròn đường kính 20cm (hình 2) [1, 2].



Hình 1: Gia cố nền bằng bó cành cây



Hình 2: Gia cố nền bằng gỗ tròn

1 - bó cành cây; 2 - gỗ tròn

Ngoài các giải pháp cơ bản trên, việc gia cố nền đường quân sự nơi địa chất yếu hoặc không ổn định còn sử dụng các phương pháp khác như thi công cọc cát, sử dụng bấc thấm, đóng cọc cừ - cọc tre... Các phương pháp này tồn tại một số hạn chế như sau:

- Vật liệu phải chuẩn bị với khối lượng lớn hoặc phải tự khai thác;
- Nhân lực sử dụng để thi công lớn;
- Thời gian khai thác đường ngắn...

Hiện nay, với sự phát triển công nghệ xây dựng, việc sử dụng vật liệu mới để thi công đường bộ mang lại nhiều hiệu quả kinh tế, đảm bảo được các yêu cầu về chất lượng kết cấu và khả năng chịu tải của nền đường. Một trong các vật liệu mới hiện nay được sử dụng rộng rãi trong thi công đường bộ là lưới địa kỹ thuật dạng khối [3].

Trong khuôn khổ bài báo này, nhóm tác giả trình bày công dụng, cấu tạo và đặc điểm làm việc của lưới địa kỹ thuật dạng khối, khả năng ứng dụng vật liệu này trong làm, sửa đường cơ động trên nền đất không ổn định hoặc nền cát.

II. CÔNG DỤNG, CẤU TẠO VÀ ĐẶC ĐIỂM LÀM VIỆC CỦA LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT DẠNG KHỐI

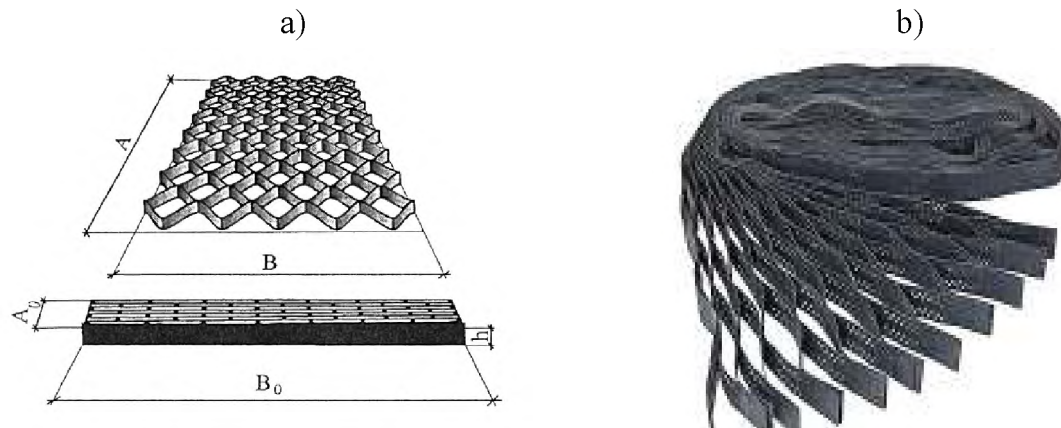
Lưới địa kỹ thuật dạng khối (tên tiếng Nga là объёмные георешетки, tiếng Anh - Geocells 3D) là vật liệu địa kỹ thuật được sử dụng rộng rãi trong thi công đường bộ để gia cố nền đường, đặc biệt là khu vực đất yếu, địa chất không ổn định.

Trong xây dựng đường bộ, lưới địa kỹ thuật dạng khối thường được sử dụng ở trong điều kiện kết cấu đường có khả năng xuất hiện biến dạng hoặc không đồng nhất như nơi có đất ngầm nước, độ dính cao hoặc nơi đất yếu... Vật liệu lấp bên trong lưới thường là sỏi, đá, cát có khả năng thoát nước cao. Mục đích chính của việc sử dụng lưới địa kỹ thuật dạng khối trong điều kiện đất yếu là nhằm gia cố phần đất nền phía dưới với việc tăng độ cứng và ổn định cho nền, tăng khả năng chịu tải lên nền đất yếu. Như vậy, ưu điểm của việc sử dụng vật liệu này là: Mở rộng khả năng xây dựng đường trên nền đất yếu mà không cần loại bỏ lớp đất yếu; giảm khối lượng công việc đào đất; phân tán tải trọng làm giảm độ lún không đồng đều; giảm thời gian chuẩn bị trước khi thi công lớp đất đắp phía trên.



Hình 3: Gia cố nền đất yếu bằng lưới địa kỹ thuật dạng khối

Lưới địa kỹ thuật dạng khối là một hệ thống ô lưới ba chiều được tạo thành từ các tấm vật liệu địa kỹ thuật, được hàn nhiệt với nhau bằng những khoảng cách nhất định theo thiết kế, các tấm này khi kéo ra sẽ tạo thành một hệ thống các ô tổ ong (hình 3, 4a). Những ô này sau khi được đổ đất, đá, sỏi, cát... sẽ tạo thành một kết cấu có khả năng gia cường nền đất, tăng khả năng chịu tải cho nền đường [4].



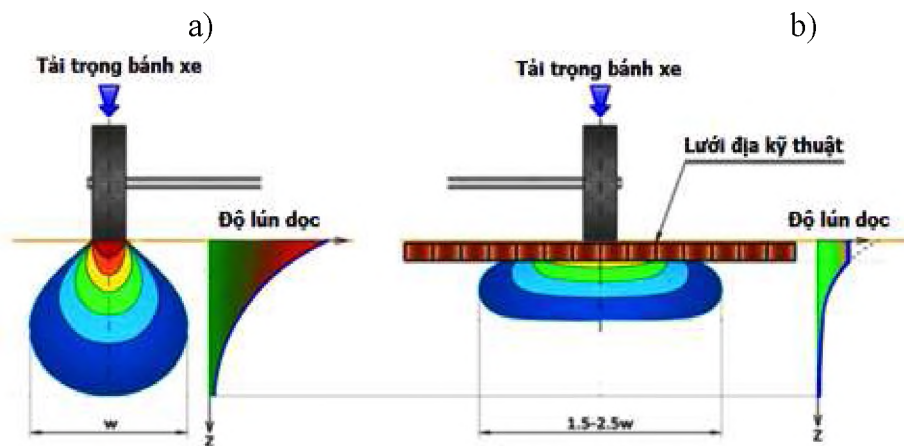
Hình 4: Cấu tạo của lưới

a - khi triển khai; b - khi thu gọn

A_0, B_0, h - kích thước lưới khi thu gọn; A, B - kích thước lưới khi triển khai

Cấu tạo của lưới có ưu điểm gọn, nhẹ, có thể buộc thành bó, kỹ thuật sử dụng đơn giản, dễ tiến hành triển khai để gia cố nền đất yếu bằng nhân lực hoặc bằng máy móc (hình 4b).

Đặc điểm làm việc của lưới địa kỹ thuật dạng khối: Lưới địa kỹ thuật kết hợp với vật liệu lấp bên trong như đất, cát, sỏi, đá... sẽ tạo thành vật liệu vừa có khả năng chịu kéo, vừa có khả năng chịu nén, trong đó lưới địa kỹ thuật đóng vai trò như cốt chịu kéo.

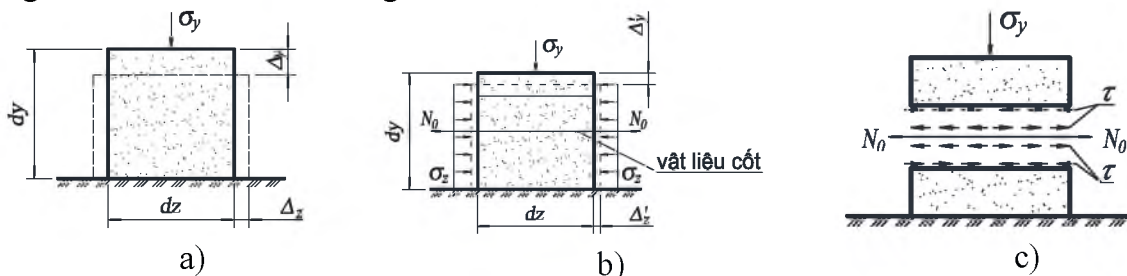


Hình 5: Đặc điểm làm việc của vật liệu

a - không có cốt gia cố; b - sử dụng cốt gia cố; w - độ mở rộng của vùng lún

Các ô lưới sẽ duy trì hình dạng và tính toàn vẹn của cấu trúc, cho phép tải trọng thẳng đứng trực nặng hơn tác động, không sợ sự tràn ngang của vật liệu lấp. Các ô lưới sẽ phân phối tải trọng lên một diện tích mở rộng, làm giảm ứng suất xuống nền (hình 5). Theo một nghiên cứu tại Liên bang Nga [5], khi sử dụng vật liệu địa kỹ thuật dạng khối gia cố nền thì độ lún nền đường giảm xuống chỉ bằng (0,2 ÷ 0,3) lần độ lún khi không sử dụng. Giải pháp này có thể áp dụng làm đường tạm qua vực đầm lầy, nền đất yếu, nền cát hoặc làm kết cấu giảm độ sụt lún cục bộ của nền đường kiên cố.

Việc nghiên cứu và ứng dụng lưới trong gia cố nền đất dựa trên nguyên lí cơ học của đất có cốt [3]. Gia cố đất bằng các phần tử gia cố (Cốt đất) là một loại vật liệu composite được kĩ sư người Pháp Vidal A. phát triển vào những năm 60 của thế kỉ trước. Đất có khả năng chịu ứng suất nén đáng kể, nhưng chúng không thể chịu ứng suất kéo hoặc có thể chịu một lượng nhỏ. Các phần tử gia cố có thể hoạt động tốt trong điều kiện căng thẳng (hình 6c). Bản chất của phương pháp này là sự kết hợp giữa các yếu tố gia cường và đất tạo ra một kết cấu hỗn hợp ổn định với các đặc tính mới có thể hoạt động trong điều kiện nén và kéo căng.



Hình 6: Ảnh hưởng của vật liệu gia cố lên biến dạng của khối đất
 a - biến dạng của khối đất không có cốt; b - biến dạng của khối đất có cốt;
 c - lực ma sát giữa đất và phần tử cốt.

Dựa trên thí nghiệm nén ba trục của khối đất, dưới tác động thẳng đứng σ_y thì khối đất co lại và nở ra theo các phương. Dưới tác dụng của σ_y một khối đất không gia cố có biến dạng dọc Δ_y và biến dạng bên Δ_z (hình 6a), một khối đất không gia cố có biến dạng dọc Δ'_y và biến dạng bên Δ'_z (hình 6b). Các giá trị Δ_y , Δ_z , Δ'_y , Δ'_z được xác định theo công thức sau:

$$\Delta_y = \frac{\sigma_y}{E} dy \quad \text{và} \quad \Delta_z = -\frac{\nu \cdot \sigma_y}{E} dz$$

$$\Delta'_y = \frac{\sigma_y}{E} dy - \frac{\nu \cdot \sigma_z}{E} dy \quad \text{và} \quad \Delta'_z = \frac{\sigma_z}{E} dz - \frac{\nu \cdot \sigma_y}{E} dz$$

Trong đó:

E - môđun biến dạng của đất;

ν - Hệ số Poisson;

Với sự trợ giúp của các yếu tố gia cố, sự kết hợp này có thể làm giảm biến dạng dọc và biến dạng bên của khối đất ($\Delta'_y < \Delta_y$ và $\Delta'_z < \Delta_z$), trong quá trình xây dựng đường đắp cho cầu, việc sử dụng các yếu tố gia cố để cải thiện tính chất của đất có thể làm giảm biến dạng của đoạn này.

III. ỨNG DỤNG VÀO GIA CỐ NỀN ĐƯỜNG QUÂN SỰ

Trong thực tiễn thi công đường bộ, vật liệu địa kĩ thuật dạng khối được sử dụng rộng rãi và được đánh giá là mang lại hiệu quả về kết cấu và kinh tế. Tại Liên bang Nga, các kĩ sư đã ứng dụng vật liệu lưới địa kĩ thuật dạng khối “Prudon 494” (Lưới địa kĩ thuật do LB Nga sản xuất) trong xây dựng đường dẫn đầu cầu nút giao thông Kutuzov

thuộc đường vành đai số 3 của thành phố Mátxcova. Ngoài ra, loại lưới này cũng được sử dụng tại một loạt dự án cầu đường khác tại Liên bang Nga như: gia cố nền đất yếu đầu cầu qua sông Lykova trên tuyến đường cao tốc Kievsky tại thành phố Mátxcova hoặc sử dụng trong xây dựng đường vành đai ở thành phố ở St. Petersburg [3].

Ngoài các ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng đường bộ, vật liệu lưới địa kỹ thuật dạng khối còn được sử dụng trong gia cố bảo vệ chống sạt lở mái dốc - taluy, tường chắn các công trình xây dựng hoặc trong chống xói mòn, xâm thực kênh mương thủy lợi, mái đê, bờ kè, hồ chứa nước.

Trong lĩnh vực quân sự, lưới địa kỹ thuật dạng khối có lịch sử phát triển gắn liền với hoạt động bảo đảm công binh. Lưới là sản phẩm nghiên cứu của Công binh Hoa Kỳ từ những năm 70 của thế kỷ trước nhằm giúp xây dựng những con đường cơ động nhanh qua địa hình nền đất yếu hoặc nền cát (hình 7).

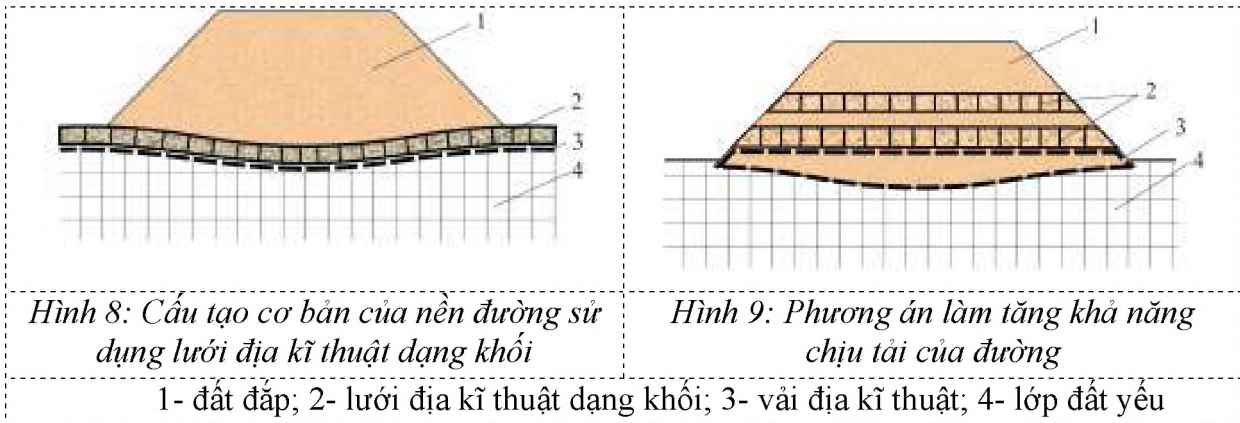


Hình 7: Sử dụng lưới địa kỹ thuật dạng khối tại cuộc tập trận quân sự JLOTS II năm 1983

Trong thực tiễn, Công binh Hoa Kỳ đã sử dụng lưới địa kỹ thuật dạng khối để gia cố khu vực nền cát tại cuộc tập trận quân sự JLOTS II năm 1983 [6]. Sau đó, loại lưới này còn được quân đội Hoa Kỳ sử dụng với các mục đích khác như xây dựng các bức tường kiên cố trong các khu vực chiến đấu ở Trung Đông, bắt đầu từ Chiến dịch Bão táp Sa mạc vào đầu những năm 1990.

Qua nghiên cứu công dụng, cấu tạo và đặc điểm làm việc của lưới địa kỹ thuật dạng khối có thể nhận thấy một số ưu điểm nổi bật của vật liệu lưới địa kỹ thuật dạng khối như sau: Về mặt kỹ thuật vật liệu giúp chống nở hông và tăng mô đun đàn hồi của vật liệu lấp bằng cát, sỏi, đá...; giảm lún cục bộ và tăng diện tích phân bố tải trọng lên nền đường. Về mặt thi công sẽ làm giảm thời gian thi công so với kết cấu thông thường; biện pháp thi công đơn giản, dễ tiến hành triển khai bằng nhân lực hoặc bằng máy móc. Về mặt kinh tế vật liệu giá thành rẻ, có thể mua hoặc tự sản xuất; lưới có cấu tạo từ vật liệu polymer có độ bền cao lên đến 50 năm. Về tính năng kỹ - chiến thuật bảo đảm được tính cơ động, mang vác gọn nhẹ, giữ được yếu tố bí mật so với việc phải khai thác vật liệu tại chỗ ảnh hưởng đến công tác ngụy trang.

Sơ đồ bố trí cơ bản sử dụng vật liệu địa kỹ thuật dạng khối khi thi công nền đường nơi địa chất không ổn định được thiết kế như (hình 8). Để tăng hiệu quả làm việc của vật liệu các kỹ sư thường bố trí lớp vải địa kỹ thuật phía dưới lớp lưới.



Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở tại Trường Sĩ quan Công binh với việc phân tích bằng phần mềm phân tích địa kỹ thuật Plaxis 2D cho thấy, việc sử dụng vật liệu địa kỹ thuật dạng khối trong làm, sửa đường qua khu vực có địa chất không ổn định, nền đất yếu hoặc nền cát đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật. Độ lún dọc khi sử dụng qua nền đất yếu nằm trong giới hạn cho phép, nền đường đảm bảo được khả năng chịu lực. Khi sử dụng trên nền cát, độ ổn định của nền đường được nâng cao, gấp từ 1,4 đến 2,1 lần so với quy định.

KẾT LUẬN

Vật liệu mới ứng dụng trong thi công đường bộ có nhiều ưu điểm nổi bật, phù hợp với nhiệm vụ làm - sửa đường bảo đảm cơ động của công binh cho các khí tài, phương tiện kỹ thuật đi qua địa hình nền đất yếu, không ổn định hoặc khu vực nền cát.

Kết quả phân tích bằng phần mềm phân tích địa kỹ thuật của nhóm tác giả cho thấy, việc sử dụng vật liệu địa kỹ thuật dạng khối trong làm, sửa đường qua khu vực có địa chất không ổn định, nền đất yếu hoặc nền cát đảm bảo được các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật đối với đường quân sự.

Ứng dụng vật liệu địa kỹ thuật nói chung, lưới địa kỹ thuật dạng khối nói riêng thay thế cho các giải pháp truyền thống gia cố nền đường quân sự là phương án có tính khả thi./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng Liên Xô. Sổ tay Công binh cho Quân đội Liên xô. Nxb Quân sự, Mátxcơva, 1984.
2. Nguyễn Văn Tứ. Đường quân sự - tập 1. Nxb Trường Sĩ quan Công binh, Bình Dương, 2021.
3. Соколов А.Д. Армoгpунтoвые системы автодорожных мостов и транспортных развязок. NXB Saint - Peterburg, 2013.
4. МАТВЕЕВ С.А., СИРОТЮК В.В. Использование геосинтетических материалов для армирования дорожных конструкций. Ханты-Мансийск, 2010, 476 с.
5. Дистрибьютор ООО «Юган Маркетинг». Новая ограничительная сетчатая система прокладывает путь к дорогам будущего. Website: www.prm-med.com
6. Greenfix Soil Stabilisation & Erosion Control. The History of Geocells. Website: www.greenfix.co.uk

BỘ ĐỘI CÔNG BINH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BIỂN ĐẢO

*Thượng tá, ThS Trần Hữu Chung - CNBM - Khoa Cầu đường, Vượt sông
Thiếu tá, ThS Lê Văn Hiếu GV - Khoa Cầu đường, Vượt sông*

Việt Nam là quốc gia có 3260 km bờ biển với trên 1 triệu km² thềm lục địa, có hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa cùng với trên 3000 đảo lớn nhỏ. Biển, đảo ngày càng có vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước. Để tăng cường khả năng phòng thủ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ Quốc, rất nhiều công trình trên biển, trên đảo đã và đang được Bộ Quốc phòng triển khai, trong đó Bộ đội Công binh là lực lượng xây dựng chủ yếu. Nội dung bài báo thông tin tới độc giả về công tác tổ chức thi công và những điểm khác biệt khi xây dựng các công trình trên quần đảo Trường Sa.

1/ Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội trên quần đảo Trường Sa

Tại quần đảo Trường Sa, Quân đội Nhân dân Việt Nam đang đóng quân trên 09 đảo nổi và 12 đảo chìm với 33 điểm đóng quân. Điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện kinh tế xã hội tại đây có những đặc điểm rất khác biệt với đất liền, cụ thể như sau:

a/ Điều kiện tự nhiên

Về địa hình: Các đảo nổi gồm 2 phần rõ rệt, phần nổi và phần thềm san hô; phần nổi có cao độ thay đổi từ 3.8m ÷ 5.8m so với mực nước biển tự nhiên; phần thềm san hô nhìn chung tương đối bằng phẳng và nghiêng dần về phía biển, địa hình từ mép xanh trở ra có độ sâu không đều. Các đảo chìm thực chất là phần thềm san hô thường xuyên ngập nước, chỉ nhô cao ngang mặt nước khi thủy triều rút cạn.

Về địa chất: Phần đảo nổi, bề mặt đảo được phủ lớp các sản phẩm gồm cát thô, cát vừa, san hô cành vỡ vụn màu vàng nhạt, xám trắng, trắng ngà, tất cả đều có nguồn gốc từ đá san hô vỡ ra, có rất ít mùn hữu cơ. Phần thềm san hô ngập nước, sản vật tạo thành bao gồm cát sạn lẫn san hô cành nhánh, đá tảng san hô chết và san hô sống đang phát triển có liên kết chắc chắn, dày khoảng 0,6 ÷ 1,0m nên hầu như không bị xói lở. Tỷ trọng đất đá tại các đảo $\Delta \sim 2.83\text{g/cm}^3$. Cường độ kháng nén R từ 2 ÷ 2,5kG/cm².

Về khí tượng: Nhiệt độ dao động từ 21,5⁰C ÷ 34,5⁰C. Gió có hai mùa gió chính là gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 và gió mùa Đông Bắc từ cuối tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Tốc độ gió trung bình toàn năm là 5,9 m/s (cấp 4), tháng 12 có tốc độ gió mạnh nhất, trung bình 21,8 m/s (cấp 9). Ngoài ra, hàng năm có 1 đến 2 cơn bão đi qua vùng quần đảo Trường Sa với tốc độ gió mạnh nhất 35 ÷ 38m/s, cá biệt có cơn bão sức gió giật đến cấp 16, 17 (>50m/s). Lượng mưa trung bình năm là 2395.8mm, vào loại cao.

Về hải văn: Vùng biển quần đảo Trường Sa có chế độ nhật triều không đều với biên độ triều lớn nhất là 2.2m, nước ròng nhỏ nhất là 0.0m. Tốc độ dòng chảy trung bình tháng lớn nhất vào các tháng 7, 8, 9 khoảng 0,3 ÷ 0,8 m/s. Chế độ sóng vùng biển quần đảo Trường Sa mang đặc trưng mùa, tần suất lạng sóng là 0,0%. Độ cao sóng trung bình từ 2.0 ÷ 2.8m, độ cao sóng cực đại có thể đạt tới 8.0m. Tần suất lạng sóng là 0,0%.

Về vật liệu: Một số vật liệu tại chỗ như san hô cục và san hô lẫn cát có thể tận dụng trong công tác san lấp; Nước ngọt trên các đảo chủ yếu là nước mưa (để ăn), một vài đảo

lớn có nước giếng nhưng kết quả thí nghiệm cho thấy thành phần nước giếng trên đảo bị nhiễm mặn với nồng độ khá cao, không phù hợp cho chế tạo bê tông. Nhìn chung, tất cả các vật liệu xây dựng và nước ngọt đều phải chở từ đất liền ra.

b/ Điều kiện kinh tế xã hội và hạ tầng kĩ thuật

Đa số các đảo không có dân, ngoại trừ một vài đảo lớn có một ít hộ dân sinh sống, riêng các đảo chìm thì chỉ có Bộ đội đóng quân trên đó. Điều kiện cung cấp nhu yếu phẩm và các loại hàng hóa hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào tàu Hải quân tiếp tế. Cung cấp điện trên đảo chủ yếu sử dụng máy phát điện chạy dầu hoặc điện gió, điện mặt trời với công suất nhỏ, chỉ đủ để sinh hoạt và chiếu sáng. Nhìn chung, điều kiện kinh tế xã hội, hạ tầng kĩ thuật, điện nước, cung cấp thực phẩm, vật liệu xây dựng, y tế,... rất khó khăn.

Do những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội mang tính đặc thù nên công tác xây dựng công trình biển đảo có rất nhiều khác biệt so với xây dựng công trình trên đất liền. Nội dung cụ thể sẽ được trình bày trong các phần tiếp theo của bài báo.

2/ Công tác chuẩn bị xây dựng

Bộ đội Công binh nói chung và cụ thể là Công binh Hải quân nói riêng là lực lượng chính đảm nhiệm xây dựng các công trình biển đảo. Các Lữ đoàn Công binh Hải quân như Lữ đoàn 131, Lữ đoàn 83, Tiểu đoàn Công binh của các Vùng Hải quân,... khi xây dựng công trình biển đảo thì thành lập các “Khung xây dựng”, đóng quân tại các đảo có công trình xây dựng. Quân số của “Khung xây dựng” tùy thuộc vào quy mô và tiến độ xây dựng công trình. Để xây dựng một công trình trên đảo, khi thực hiện công tác chuẩn bị thường phải tiến hành theo các bước như sau:

a/ Lập dự toán, tính toán nhu cầu vật liệu, nhiên liệu và máy móc

Trong bước này, phải tính toán thật đầy đủ và chính xác về chủng loại, khối lượng các loại vật liệu, kể cả nhu cầu nước ngọt phục vụ thi công. Không thừa (vì lãng phí) nhưng cũng không được thiếu (vì ra đảo không thể mua ở đâu, nếu chờ tàu ra tiếp thì vừa lãng phí công vận chuyển vừa tốn thời gian chờ đợi vật liệu để thi công).

Vì toàn bộ vật liệu, máy móc phải vận chuyển từ đất liền ra đảo bằng tàu nên khi tính toán đều phải tính theo trọng lượng. Mỗi một tàu vận tải Quân sự của Hải quân, thông thường chở được từ 500 đến 1000 tấn.

Sau khi lập dự toán xong, đơn vị tổ chức kí hợp đồng mua sắm, tập kết vật tư về bãi vật liệu tại cảng (đá, cát, xi măng, gạch, gỗ cốp pha,...). Phải căn cứ vào tiến độ thi công để thu mua vật tư cho hợp lí, vừa đảm bảo được tiến độ thi công vừa đồng bộ theo từng chuyến tàu để giảm bớt hao phí do tập kết lâu ngày trên bãi.

b/ Phân loại, đóng gói, gia công vật liệu

Do quá trình vận chuyển và thời gian thi công kéo dài, nên các loại vật liệu đều trực tiếp chịu ảnh hưởng của sóng gió, nước mặn,... Công tác phân loại vật liệu và đóng gói vật liệu giúp quá trình xếp dỡ cũng như bảo quản vật liệu sau này được thuận lợi.

Các vật liệu to như đá hộc, đá chẻ thường được tập kết sát cầu cảng, Bộ đội bốc vào các ben sắt loại 1m³ hoặc 2m³ và dùng cầu bờ để cầu xuống tàu, trong quá trình cầu có bộ phận giao và nhận hàng, có người xi nhan, có người tháo dây cầu. Các vật liệu nhỏ và rời như đá dăm, cát, gạch thì được đóng trong các bao xác rắn, mỗi bao đóng trung bình khoảng 30kg để vừa sức mang vác của Bộ đội. Riêng xi măng (phải dùng loại xi

măng bền sunfat) và các vật tư kỹ nước như bột đá, bột màu, vôi bột,... thì phải đóng gói 2 lớp bao, một lớp bao chống ướt bằng túi ni lông và một lớp bao xác rắn để chống rách.

Các vật tư công kênh như khung nhà tạm, gỗ cốp pha, cây chống, thép cây thì có thể bó thành từng bó hoặc để rời rời dùng cáp rút để cầu xuống tàu.

Để giảm bớt thời gian thi công trên đảo, các vật tư - vật liệu nếu cần phải gia công thì đặt gia công ở đất liền. Đặc biệt, các cấu kiện thép nên gia công ở trong bờ và tất cả đều phải được phải mạ kẽm để chống nước mặn ăn mòn.

Mỗi loại vật tư - vật liệu đều có kí hiệu riêng để tránh nhầm lẫn, ví dụ: bao cát đổ bê tông phải kí hiệu khác với bao cát trát, bao đá 1x2 phải kí hiệu khác với bao đá 3x4,...

c/ Bóc xếp vật liệu, dụng cụ, máy móc,... lên tàu vận tải

Trình tự bốc hàng xuống tàu phải tuân thủ theo sơ đồ và sự điều tiết của cán bộ chỉ huy tàu. Thông thường, nếu công trình trên đảo nổi thì các vật tư thô như đá hộc, đá chẻ xếp dưới, các loại vật tư đóng bao xếp trên. Nhưng nếu ra xây dựng công trình trên đảo chìm thì phải chia ô để xếp vì khi ra đảo sẽ bốc đá hộc vào trước để tạo bãi và sau đó xếp các vật tư khác lên trên. Ngoài ra, nếu tàu vận chuyển vật liệu cho nhiều đảo thì phải có biện pháp phân chia vật liệu cho từng đảo, có thể chia ra từng khoang.

Khi bốc vật liệu vào quang cầu (lưới bằng sợi ni lông) để cầu xuống tàu, phải thống nhất các mã cầu đều bằng nhau để tiện giao nhận và kiểm hàng.

Bốc xong các vật tư xuống tàu, tiến hành đóng nắp hầm hàng sau đó cầu xuống chuyển tải và tét nước phục vụ thi công lên mặt boong. Chuyển tải vận tải đầu tiên thường chở theo 2 xuống máy và 4 ÷ 6 xuống chuyển tải loại 7 ÷ 10 tấn.

Các vật tư công kênh và các thiết bị thi công nhỏ như máy trộn bê tông, đầm dùi, xe rùa, xe cải tiến, máy phát điện,... sẽ được tập kết tại cầu cảng, sau đó dùng cầu để chuyển lên tàu. Đối với các thiết bị cỡ lớn như ô tô, máy đào thì được tập kết ở bến nghiêng, rồi sử dụng tàu chuyên dụng (thường gọi là tàu há mồm) để đưa ra đảo.



Hình 1: Bóc xếp vật liệu lên tàu để vận chuyển ra đảo

d/ Chuyển tải vật liệu, dụng cụ, máy móc,... từ tàu vào đảo

Tại quần đảo Trường Sa chỉ có một vài đảo lớn có cầu tàu, còn các đảo nhỏ không có cầu tàu nên tàu vận tải bắt buộc phải neo đậu ở ngoài mép xanh (khu vực phía ngoài thêm san hô, chỗ nước sâu), cách đảo từ 1 ÷ 3km. Sau đó dùng xuống nhỏ để chuyển tải vật liệu vào mép đảo. Bộ đội tiến hành bốc xếp thủ công, đưa vật liệu từ xuống lên đảo. Đây là công việc hết sức nặng nhọc và nguy hiểm, đòi hỏi các chiến sĩ Công binh phải khỏe

manh, có khả năng bơi lội và có kĩ năng công việc tốt để đảm bảo an toàn, hiệu quả. Cán bộ chỉ huy bốc xếp phải bao quát, linh hoạt, điều khiển thành thạo phương tiện chuyên tải, xử lí tốt các tình huống sóng to gió lớn hay các cơn giông bất ngờ, đồng thời có khả năng bơi lội tốt và biết cứu người đuối nước,... nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công tác chuyên tải vật liệu. Chuyên tải vật liệu từ tàu vào đảo được thực hiện theo trình tự:

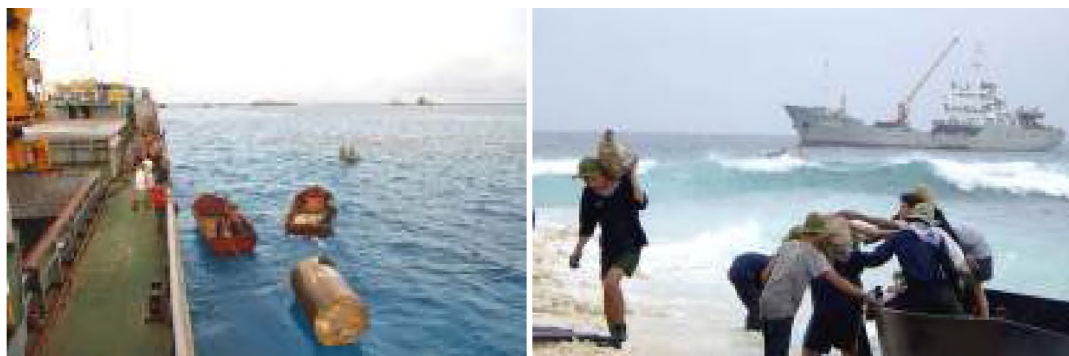
- Cầu vật liệu từ tàu xuống xuống chuyên tải.
- Dùng ca nô kéo xuống chuyên tải từ tàu vào mép đảo.
- Bốc xếp vật liệu từ xuống lên đảo.
- Kéo xuống chuyên tải ra lại tàu.

Với các loại trang bị, máy móc nhỏ, sau khi xuống chở vào đến mép đảo thì có thể dùng cầu ở trên đảo để đưa lên. Với các loại máy móc lớn thì phải dùng tàu chuyên dụng (tàu há mồm) chở đến gần đảo, sau đó kết hợp giữa cải tạo địa hình và lợi dụng thủy triều để đưa phương tiện lên đảo (Bộ đội Công binh chuẩn bị bãi cập tàu, vị trí neo tàu, phối hợp với thuyền trưởng để hướng dẫn điều khiển xe máy lên đảo).

Khi chuyên tải vật liệu để xây dựng ở đảo chìm thì phải bốc xếp đá học vào trước để tạo bãi và sau đó mới bốc xếp các vật tư khác lên trên, rồi dùng bạt che phủ lại.

Thông thường, việc chuyên tải vật liệu từ tàu vào đảo mất khoảng 6 đến 8 ngày là xong một tàu 1000T. Tất nhiên là còn phụ thuộc nhiều vào tính chất nhiệm vụ, thời tiết, thủy triều, cự li chuyên hàng và chủng loại vật liệu, hàng hóa.

Trong một số trường hợp, thời gian chuyên tải có thể kéo ra khoảng 10 đến 15 ngày để đơn vị thi công bốc vật liệu vào công trình theo một phần tiến độ xây dựng, tránh tình trạng vật liệu bị ùn ứ, ảnh hưởng đến mặt bằng thi công, đặc biệt là ở các đảo chìm.



Hình 2: Chuyên vật liệu từ tàu xuống xuống chuyên tải và bốc xếp vật liệu từ xuống chuyên tải lên đảo

Khi tổ chức neo đậu xuống chuyên tải qua đêm, các xuống phải nằm ở hướng khuất sóng gió, mỗi xuống có một cọc buộc dây mũi và neo đuôi riêng cách nhau một khoảng nhất định để các xuống không bị va đập vào nhau. Nhưng cũng có đảo sóng gió lớn (như đảo An Bang) thì ngày nào cũng phải đưa toàn bộ xuống lên bờ và lật úp xuống bãi cát ở vị trí mà sóng không thể đánh tới. Để đưa xuống lên bờ, đơn vị thi công phải cử rất nhiều cán bộ chiến sĩ tập trung kéo hoặc lật xuống lên, sáng hôm sau ngủ dậy thay vì tập thể dục buổi sáng thì Bộ đội lại tập trung ra lật hoặc đẩy xuống xuống, đẩy xuống chuyên tải nào xuống thì phải nhanh chóng dùng xuống máy kéo ra ngoài tàu buộc vào mạn chờ bốc hàng. Mỗi ngày việc đưa xuống lên bờ và đẩy xuống xuống nước mất rất nhiều thời gian

và tiêu tốn nhiều sức lực của Bộ đội. Công việc chuyển tải, bốc xếp vận chuyển hàng từ tàu ra đảo là công việc vất vả gian khổ và nguy hiểm của lực lượng Công binh Hải quân.

3/ Xây dựng công trình trên đảo

Sau khi đã có vật liệu và máy móc, đơn vị bắt đầu tiến hành tổ chức thi công. Công tác tổ chức thi công trên đảo gặp nhiều khó khăn, như: Mặt



Hình 3: Đưa máy móc xây dựng từ tàu vận tải lên đảo

bằng thi công chật hẹp, cung cấp điện nước hạn chế, sóng to gió lớn, môi trường nhiễm mặn, thủy triều dâng cao, điều kiện sinh hoạt của Bộ đội còn nhiều thiếu thốn. Với các đảo chìm thì điều kiện còn vất vả hơn, vì toàn bộ mặt đảo chìm dưới mặt nước. Nội dung của phần 3 tập trung nhiều vào những phần khác biệt (về kỹ thuật) khi thi công công trình trên đảo chìm (là điển hình của thi công công trình biển đảo) so với thi công công trình trên đất liền.

a/ Bố trí mặt bằng công trình và làm nhà tạm

Xác định vị trí xây dựng công trình. Đây chính là vị trí trung tâm, do cấp trên quyết định. Từ vị trí xây dựng công trình sẽ xác định vị trí xây dựng nhà tạm, vị trí tập kết vật liệu và các vị trí khác.

Căn cứ vào vị trí xây dựng công trình và điều kiện tự nhiên để chọn vị trí làm nhà tạm cho phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của Bộ đội, vừa đảm bảo thuận lợi nhất cho quá trình thi công. Về quy mô, nhà tạm của một Khung xây dựng thường đảm bảo sinh hoạt cho 60 đến 80 cán bộ chiến sĩ. Về kết cấu, nhà tạm được lắp ghép từ các khung gỗ, khung thép, tường nhà bằng cốt ép, gỗ hoặc tôn chế thức, mái lợp tôn.

Về nơi tập kết vật liệu, thông thường khi chuyển tải vật liệu lên đảo sẽ tập kết đá hộc làm móng ở tại luôn vị trí xây dựng công trình. Các vật liệu khác thường tận dụng không gian của nhà tạm và tận dụng ngay chính vị trí công trình đang thi công để tập kết.



Hình 4: Xây dựng nhà tạm

b/ Công tác đào móng công trình

Do bề mặt của đảo chìm thường xuyên chìm dưới mặt nước nên việc thi công hố móng phải lợi dụng lúc thủy triều xuống thấp nhất và tranh thủ lúc thời tiết tốt, có thể làm cả ban đêm để đảm bảo hiệu quả công việc và tiến độ xây dựng.

Bề mặt của các đảo chìm thực chất là bãi san hô được cấu tạo bởi nhiều mảnh dạng cành và dạng khối, tạo thành những khối vững chắc bám chặt vào nền đá gốc granit, có độ ổn định tốt. Do vậy, khi đào hồ móng chỉ cần đào đến độ sâu thiết kế rồi san gạt phẳng. San hô có độ cứng khá cao nên phải sử dụng chòng, xà beng, để đào. Vị trí nào cần đào sâu hoặc gặp san hô tầng quá cứng thì có thể dùng thuốc nổ Amonit và phải bọc kín nước để đảm bảo hiệu quả nổ. Đất đá đào móng có thể dùng để san lấp hoặc được đắp thành bờ be xung quanh móng để hạn chế sóng biển khi thi công các hạng mục công trình khác.

c/ Xây dựng các lớp móng

Các lớp móng được thi công theo trình tự:

Đổ đá học, đá xô bờ rồi đầm lèn chặt, sau đó rải lớp đá dăm tạo phẳng 10cm. Ví dụ công trình Nhà Bộ đội xây dựng tại đảo chìm Đá Tây rải hết 750m³ đá học trên diện tích 250m². Để khối đá ổn định, không bị xô dịch bởi tác động của sóng gió, đơn vị thi công phải đổ một lớp tường kè bằng bê tông cốt thép bao quanh chu vi khối đá. Sau khi rải đá xong, tiến hành trải một lớp bạt dứa rồi đổ lớp bê tông lót lên trên. Trường hợp cao độ của lớp bê tông lót nằm trên mặt nước biển thì tiến hành thi công bình thường. Trường hợp cao độ của lớp bê tông lót nằm dưới mặt nước biển thì phải tiến hành be bờ bằng các bao đá, bao cát để chắn sóng. Khi đó, bê tông được đổ theo phương pháp vữa dâng, phương pháp dồn nước hoặc phương pháp bao tải.

Sau khi đổ lớp bê tông lót, tiến hành ghép cốp pha, cốt thép móng. Trường hợp cao độ của cốp pha, cốt thép móng nằm trên mặt nước biển thì tiến hành ghép bình thường. Trường hợp cao độ của cốp pha, cốt thép móng nằm dưới mặt nước biển thì phải tiến hành be bờ bằng các bao đá, bao cát để chắn sóng. Khi ghép cốp pha, cốt thép dưới nước cần phải liên kết chặt chẽ, tránh để sóng làm xô lệch. Chú ý, cấu kiện nào ghép được ở trên cạn thì tận dụng ghép trước để giảm bớt thời gian thi công dưới nước.

Ghép cốp pha, cốt thép móng hoàn thành sẽ tiến hành đổ bê tông móng. Trường hợp cao độ bê tông móng nằm trên mặt nước biển thì tiến hành thi công bình thường. Trường hợp cao độ bê tông móng nằm dưới mặt nước biển thì phải be bờ bằng các bao đá, bao cát để chắn sóng. Sau đó đổ bê tông theo phương pháp dồn nước, nghĩa là lần đổ đầu tiên có khối lượng bê tông lớn, đổ tập trung vào một góc hố móng, sao cho mặt bê tông được lộ ra khỏi mặt nước. Và tập trung đổ bê tông liên tục ở vị trí đó để đùn những lớp đã tiếp xúc với nước tiến về phía trước. Cứ như vậy, đổ bê tông hết diện tích của móng.

Kết cấu móng của nhà trên đảo chìm thường dùng kết cấu dạng móng bè để đảm bảo tính toàn khối, tính ổn định và tính vững chắc.



Hình 5: Đào móng và xây dựng các tầng

d/ Xây dựng tầng ngầm, tầng 1 và các hạng mục khác

Thông thường, các nhà trên đảo chìm dùng toàn bộ tầng ngầm làm bể chứa nước và nơi trú ẩn khi có tình huống, do vậy tầng ngầm được cấu tạo hoàn toàn bằng bê tông cốt thép. Công tác thi công tầng ngầm gồm các nội dung sau:

Ghép cốt thép, cốp pha và đổ bê tông sàn tầng ngầm. Sàn tầng ngầm có chức năng tạo độ cứng và độ ổn định cho công trình, đồng thời là đáy bể chứa nước.

Ghép cốt thép, cốp pha và đổ bê tông tường tầng ngầm. Tường tầng ngầm bắt buộc phải đổ bê tông cốt thép để chống sự xâm thực của nước biển, tăng cường độ cứng, độ ổn định cho công trình, đồng thời tường tầng ngầm chính là thành bể chứa nước.

Sàn và tường tầng 1 được thi công tương tự như tầng ngầm, nhưng về mặt công năng, tầng 1 thường được kết cấu thành lô cốt với các lỗ châu mai bao quanh. Do vậy, tường tầng 1 cũng phải được cấu tạo bằng bê tông cốt thép có chiều dày lớn, ngoài việc hạn chế sự ăn mòn của nước biển thì còn phải chống khả năng xuyên thủng của các loại vũ khí khi có tình huống xảy ra.

Các hạng mục khác của công trình, về kỹ thuật thi công tương tự như trên đất liền.

4/ Những nội dung cần chú ý đối với sĩ quan Công binh khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng công trình biển đảo

Do điều kiện mặt bằng thi công chật hẹp, điều kiện thi công khó khăn, nguy hiểm, phụ thuộc vào thủy triều, thời tiết,... đòi hỏi chỉ huy thi công phải nắm vững nguyên tắc, sâu sát, chính xác nhưng sắp xếp, bố trí công việc cần hết sức linh hoạt, khoa học, đảm bảo an toàn và mang lại hiệu quả cao nhất.

Điều kiện bảo đảm sinh hoạt trên đảo còn nhiều hạn chế, nhiệm vụ vất vả, nên cán bộ chỉ huy cần quan tâm đặc biệt tới chiến sĩ cả về vật chất lẫn tinh thần. Nắm bắt tâm lý kịp thời và có giải pháp phù hợp, đảm bảo bộ đội yên tâm tư tưởng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng công trình biển đảo.

Kịp thời cập nhật kiến thức về xây dựng công trình biển đảo, rèn luyện các kỹ năng như bơi, cứu đuối, điều khiển cano trên biển.

Đề xuất được các giải pháp khi thực hiện nhiệm vụ, ví dụ: Biện pháp bảo đảm kỹ thuật cho xe máy hoạt động trong điều kiện nước mặn ăn mòn; Phương án cung cấp vật tư đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công; Biện pháp bảo đảm hậu cần trong điều kiện 3 đến 5 tháng mới có tàu tiếp tế, cách tổ chức cất trữ lương thực, thực phẩm ít bị hư hỏng nhất,...

Với Nhà trường, cần tổ chức huấn luyện đề học viên khi ra trường tiếp cận, hòa nhập và nhanh chóng nắm bắt công việc tại các đơn vị thực hiện nhiệm vụ xây dựng công trình biển đảo.

Có thể nói, nhiệm vụ xây dựng công trình quốc phòng nói chung và nhiệm vụ xây dựng công trình phòng thủ biển đảo nói riêng là nhiệm vụ nặng nề, nhiều khó khăn. Nhưng với bản lĩnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ Công binh luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang “Mở đường thắng lợi” của Binh chủng Công binh Anh hùng./.

Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu “Công nghệ xây dựng công trình biển”, Nxb Xây dựng, 2015.
- Hình ảnh, tư liệu cá nhân qua quá trình công tác tại quần đảo Trường Sa.
- Hình ảnh, tư liệu của một số Sĩ quan Công binh Lữ đoàn 131, Lữ đoàn 83.

SO SÁNH MÁY TOÀN ĐẠC ĐIỆN TỬ VÀ MÁY GNSS RTK TRONG CÔNG TÁC ĐO ĐẠC TRẮC ĐỊA

*Trung tá, ThS Hoàng Kỳ Nam; Trung tá, ThS Hoàng Việt Nam
GV - Khoa Cầu đường, Vượt sông*

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ nói chung và ngành Trắc địa - bản đồ nói riêng, đã có rất nhiều loại dụng cụ đo đạc Trắc địa hiện đại được nghiên cứu và phát triển (máy toàn đạc điện tử, thiết bị định vị vệ tinh, máy bay không người lái, ...). Sự ra đời của các loại dụng cụ này giúp tối ưu hơn về thời gian, chi phí và nâng cao độ chính xác trong quá trình đo đạc, phổ biến nhất hiện nay là máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK. Trong bài báo này, nhóm tác giả giới thiệu cụ thể hai loại máy trên, đi sâu phân tích nguyên lý hoạt động, ưu nhược điểm của chúng, đồng thời so sánh và đưa ra một số khuyến nghị khi sử dụng máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK sao cho đạt kết quả tốt nhất trong công tác đo đạc Trắc địa.

1. Tổng quan máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK

1.1. Máy toàn đạc điện tử

Máy toàn đạc điện tử (Total Station) là một thiết bị quang học điện tử đa năng được sử dụng phổ biến trong công tác đo đạc Trắc địa như: lập lưới khống chế, trắc địa công trình, đo đạc địa chính, giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng và công nghiệp, ... Máy toàn đạc điện tử được tích hợp nhiều chương trình đo ứng dụng: đo khảo sát, giao hội nghịch, đo khoảng cách gián tiếp, chuyển điểm thiết kế ra thực địa, đo cao gián tiếp, đo điểm ẩn, định vị công trình theo đường chuẩn, đo diện tích và thể tích, ...

Có nhiều loại máy toàn đạc điện tử khác nhau, chúng khác nhau về hình dạng, kích thước nhưng xét về cấu tạo đều có sơ đồ như hình 2:

Khối 1: máy đo xa điện tử (EDM), thực hiện việc tự động đo khoảng cách nghiêng từ điểm đặt máy đến gương hoặc các bề mặt phản xạ.

Khối 2: máy kinh vĩ điện tử (DT), thực hiện tự động đo góc bằng và góc đứng hoặc góc thiên đỉnh, kết quả đo góc hiển thị dưới dạng số trên màn hình của máy hoặc chuyển vào bộ phận xử lý (khối 3).

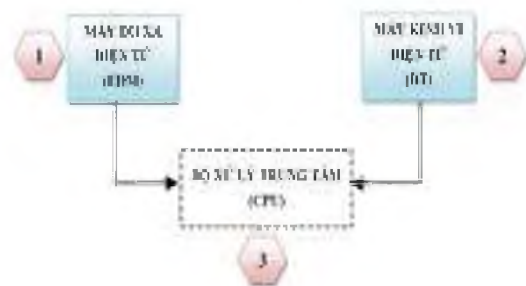
Khối 3: bộ xử lý trung tâm (CPU), thực hiện các bài toán trắc địa, xử lý số liệu đo góc, đo cạnh từ máy đo xa và máy kinh vĩ điện tử để tính ra các đại lượng cần thiết, thực hiện quản lý dữ liệu, ...

Thị trường máy toàn đạc điện tử tại Việt Nam hiện nay khá đa dạng với nhiều thương hiệu như: Leica, Nikon, Topcon, Sokkia, Hi-Target, Pentax, ...

1.2. Máy GNSS RTK



Hình 1. Máy toàn đạc điện tử Leica TS06 Plus



Hình 2. Sơ đồ cấu tạo máy toàn đạc điện tử

GNSS (*Global Navigation Satellite System - hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu*) là tên dùng chung cho các hệ thống định vị toàn cầu sử dụng vệ tinh. Chúng ta hay gọi chung hệ thống định vị toàn cầu là GPS nhưng thực ra trên thế giới hiện nay có nhiều hệ thống vệ tinh định vị: GPS (Mỹ), Glonass (Nga), Galileo (Châu Âu), Bắc Đẩu (Trung Quốc),...

RTK (*Real Time Kinematic - đo động thời gian thực*), là một kỹ thuật đo đạc dựa trên nguyên tắc sử dụng một trạm cơ sở (trạm Cors/trạm base), thông qua việc thu định vị vệ tinh nhân tạo tính toán ra một số nguyên đa trị N (số giả cải chính). Số giả cải chính này sẽ được phát ra tới vị trí đặt các máy di động (Rover), nhằm mục đích hiệu chỉnh vị trí các máy di động để xác định tọa độ, độ cao ngay tại thời điểm đo một cách chính xác.



Hình 3. Máy thu GNSS Leica

Như vậy có thể hiểu máy GNSS RTK là một thiết bị vừa thu tín hiệu định vị từ vệ tinh nhân tạo, vừa thu tín hiệu cải chính từ trạm cơ sở mà nó liên kết. Trên cơ sở đó, tính toán chính xác tọa độ của điểm đo trong thời gian thực. Có nhiều loại máy GNSS RTK đã được phát triển như: Trimble (Mỹ), E-Survey (Trung Quốc), South (Trung Quốc), Leica (Thụy Sĩ),...

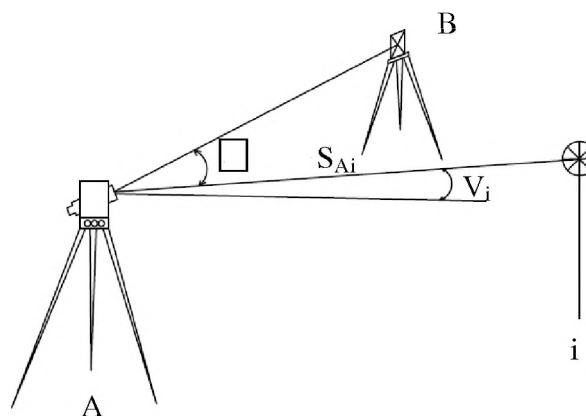
2. Nguyên lý hoạt động của máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK

2.1. Nguyên lý hoạt động máy toàn đạc điện tử

Giả sử máy đặt tại trạm đo A (hình 4), cần thực hiện các bước sau:

Tiến hành đặt máy tại trạm đo, cài đặt thông số trạm máy (định tâm chiếu điểm, cân máy, khai báo tên công việc, nhập tọa độ điểm trạm A, thiết lập định hướng,...)

Đưa ống kính ngắm chính xác điểm định hướng B, ấn phím đo, ghi (điểm định hướng B có thể là hướng Bắc hoặc nhập tọa độ điểm B để máy tính ra góc phương vị cạnh AB). Nếu đo điểm chi tiết theo phương pháp tọa độ cực thì đưa điểm định hướng về giá trị $0^{\circ}00'00''$.



Hình 4. Nguyên lý hoạt động máy TĐĐT

Dựng gương tại các điểm chi tiết i , lần lượt ngắm chính xác và ấn phím đo, ghi. Lúc này máy sẽ tự động đo và ghi dữ liệu vào CPU. Các dữ liệu đó là khoảng cách nghiêng S_{Ai} , góc ngang β_i (góc kẹp giữa hướng mở đầu AB và hướng điểm chi tiết A_i), góc đứng V_i (hoặc góc thiên đỉnh z_i) hoặc là tọa độ của điểm chi tiết (X_i, Y_i, H_i) .

Nguyên tắc xử lý số liệu trong CPU của máy toàn đạc điện tử như sau:

- Tính góc định hướng các cạnh A_i :
- + Tính số giả tọa độ cạnh AB theo công thức 2.1:

$$\begin{cases} \Delta X_{AB} = X_B - X_A \\ \Delta Y_{AB} = Y_B - Y_A \end{cases} \quad (2.1)$$

+ Tính góc định hướng cạnh mở đầu theo công thức 2.2:

$$\alpha_{AB} = \arctg \frac{\Delta Y_{AB}}{\Delta X_{AB}} \quad (2.2)$$

(Nếu định hướng cho máy theo hướng Bắc thì góc định hướng cạnh mở đầu bằng $0^{\circ}00'00''$)

+ Góc định hướng các cạnh A_i được tính theo công thức 2.3:

$$\alpha_{A_i} = \alpha_{AB} + \beta_i \quad (2.3)$$

(Thông thường người ta dùng phương pháp tọa độ cực để đo điểm chi tiết, khi đó phải đặt hướng mở đầu AB bằng $0^{\circ}00'00''$)

- Chuyển cạnh nghiêng S_{A_i} về trị số cạnh ngang D_{A_i} theo công thức 2.4:

$$D_{A_i} = S_{A_i} \cos V_i \text{ hoặc } D_{A_i} = S_{A_i} \sin z_i \quad (2.4)$$

- Tính tọa độ của điểm chi tiết i theo công thức 2.5:

$$\begin{cases} X_i = X_A + \Delta X_{A_i} \\ Y_i = Y_A + \Delta Y_{A_i} \end{cases} \quad (2.5)$$

Trong đó:

$$\begin{cases} \Delta X_{A_i} = D_{A_i} \cos \alpha_{A_i} \\ \Delta Y_{A_i} = D_{A_i} \sin \alpha_{A_i} \end{cases}$$

- Tính độ cao điểm chi tiết i theo công thức 2.6:

$$H_i = H_A + h_{A_i} \quad (2.6)$$

Trong đó: $h_{A_i} = D_{A_i} \operatorname{tg} V_i + i_m - i_g$ hoặc $h_{A_i} = D_{A_i} \operatorname{Cotg} z_i + i_m - i_g$ (i_m và i_g lần lượt là chiều cao của máy và gương)

Như vậy số liệu tọa độ điểm chi tiết i được tự động tính toán, số liệu này được thể hiện lên màn hình và lưu vào bộ nhớ của máy. Để xử lý số liệu đo đạc, dữ liệu đo ở dạng số được trút vào máy tính có phần mềm chuyên dụng để tiến hành các bước tiếp theo (biên vẽ bản đồ, thiết kế công trình, thiết kế đào đắp,...).

Sử dụng máy toàn đạc điện tử trong công tác đo đạc Trắc địa có ưu điểm là tiết kiệm rất nhiều thời gian (so với máy kinh vĩ, máy thủy bình); thao tác đo tại mỗi điểm chi tiết rất nhanh (chỉ dựng gương và ấn phím đo, không phải đọc và ghi các trị số); dữ liệu đo được thu trực tiếp tại thực địa và lưu vào bộ nhớ máy, tránh được sai sót do nhầm lẫn trong quá trình ghi chép gây ra. Tọa độ các điểm chi tiết được máy tự động tính, không cần phải tính toán nội nghiệp.

Tuy nhiên, quá trình tác nghiệp ngoài thực địa chịu ảnh hưởng nhiều bởi khí hậu, thời tiết và điều kiện địa lý của khu vực khảo sát. Khu vực hiểm trở, nhiều vật che khuất, che đờ phải tiến hành phát quang để thông hướng ngắm.

2.2. Nguyên lý hoạt động máy GNSS RTK

Trạm tĩnh (Base/Cors) được đặt tại điểm mốc đã có tọa độ VN-2000 và được cài đặt các tham số tính chuyển từ hệ tọa độ quốc tế WGS-84 về hệ tọa độ VN-2000, máy

động (Rover) đặt tại các điểm cần xác định tọa độ. Các trạm máy đồng thời thu tín hiệu từ vệ tinh, trạm tính liên tục phát ra tín hiệu cải chính giữa hệ tọa độ WGS-84 và hệ tọa độ VN-2000. Các máy động sẽ thu nhận tín hiệu cải chính này để cải chính tọa độ điểm cần xác định trên hệ VN-2000. Tọa độ các điểm chi tiết được hiển thị trên màn hình và lưu vào máy, sau đó dữ liệu đo được trút vào máy tính có cài phần mềm chuyên dụng để xử lý.

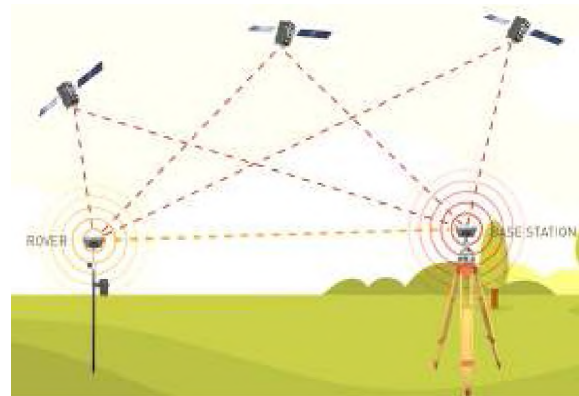
Có hai phương pháp đo RTK bằng máy thu GNSS phổ biến: đo bằng trạm Cors và đo bằng trạm Base:

Trạm Cors (*Continuously Operation Reference Station - trạm tham chiếu vận hành liên tục*), đây là các trạm được đặt cố định tại một vị trí, liên tục thu và xử lý các tín hiệu từ các hệ thống vệ tinh đang hoạt động, rồi dùng tín hiệu đó để làm tham chiếu, hiệu chỉnh cho các thiết bị thu tín hiệu vệ tinh khác nhằm mang lại khả năng định vị ở độ chính xác cao. Khi sử dụng trạm Cors, người ta dùng một máy thu GNSS đóng vai trò là trạm động, thực hiện kết nối với trạm Cors gần nhất bằng mạng internet.

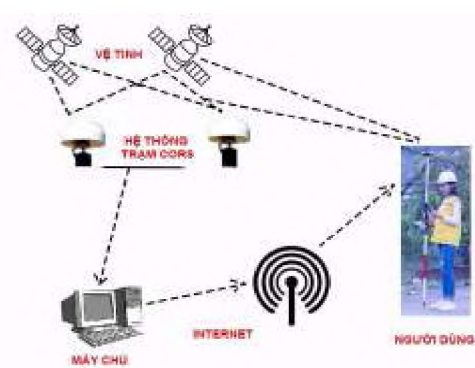
Trạm Cors được xây dựng bởi Cục Đo Đạc Bản Đồ, được lắp đặt ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, ngoài ra còn có các trạm Cors tư nhân. Tầm hoạt động hiệu quả của trạm Cors trong bán kính từ 0 - 40km. Các công tác đo đạc định vị không cần độ chính xác cao (> 3cm) thì tầm hoạt động có thể lên đến 70km hoặc hơn.

Nếu trong khu đo không có trạm Cors thì người ta sử dụng trạm tĩnh (Base) thay thế, vai trò của trạm tĩnh giống như trạm Cors. Tuy nhiên, trạm tĩnh và trạm động truyền tín hiệu cải chính cho nhau bằng sóng radio, phạm vi hoạt động của trạm động so với trạm tĩnh ổn định trong bán kính 12km. Trường hợp tín hiệu kém, chập chờn tại trạm tĩnh có thể có thêm thiết bị phát sóng radio ngoài công suất cao.

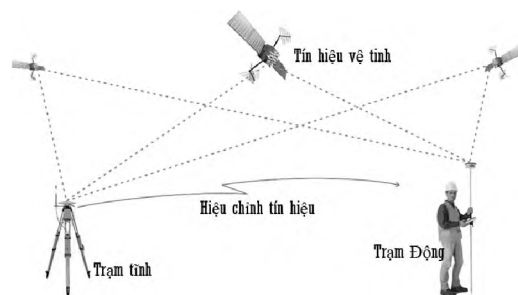
Sử dụng máy GNSS RTK trong đo đạc giúp tiết kiệm thời gian, có khả năng đo chi tiết ở khoảng cách lớn, trạm máy ít, tốc độ đo nhanh, thời gian đo một điểm chỉ vài giây; giá trị tọa độ của các điểm đo được thu trực tiếp tại thực địa, không cần phải tính toán nội nghiệp. Nhân lực cần thiết cho một tổ đo ít, chỉ cần một nhân sự cũng có thể độc lập thực hiện công việc, không cần người đi gương,



Hình 5. Nguyên lý hoạt động máy GNSS RTK



Hình 6. Đo RTK sử dụng trạm Cors



Hình 6. Đo RTK sử dụng trạm tĩnh

ghi số, vẽ sơ đồ và phát triển trạm máy; số liệu đo đạc thu được đều ở dạng số, dễ lưu trữ, có thể dùng nhiều phần mềm khác nhau để biên tập, dễ chuyển đổi sang cho các hệ bản đồ tự động.

So với các phương pháp đo khác, đo RTK có tính ổn định không cao do phụ thuộc vào tín hiệu vệ tinh. Tại các khu vực có nhiều vật cản như rừng rậm, đồi núi thì việc đo bằng máy GNSS RTK là rất khó khăn.

3. So sánh máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK

Nhìn chung máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK đều là dụng cụ Trắc địa hiện đại, được sử dụng phổ biến trong công tác đo đạc hiện nay. Độ chính xác rất đáng tin cậy, số liệu đo dạng số được lưu trữ vào bộ nhớ và có thể truyền, trút sang máy tính để xử lý bằng các phần mềm chuyên dụng khi cần thiết. Tuy nhiên giữa chúng vẫn có sự khác biệt rõ rệt, thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

Nội dung so sánh	Máy toàn đạc điện tử	Máy GNSS RTK
1. Cơ sở thiết lập trạm máy	Thiết lập trạm trên cơ sở của các mốc không chế có sẵn, không cần kết nối với thiết bị khác.	Thiết lập trạm trên cơ sở của mốc tọa độ cơ sở nhà nước kết hợp với tín hiệu GNSS. Cần có mạng internet hoặc sóng radio để kết nối giữa các thiết bị.
2. Thời gian thiết lập trạm máy và vận hành	Việc thiết lập và vận hành trạm máy đòi hỏi cao về tính chính xác, căn chỉnh cẩn thận, kĩ càng, mất nhiều thời gian hơn so với máy GNSS RTK. Thời gian đo đạc lâu hơn do phải di chuyển trạm máy.	Thiết lập trạm máy và vận hành đo đạc rất nhanh chóng (chỉ vài giây 1 điểm). Có thể đạt 600-700 điểm đo/ngày.
3. Yêu cầu về nhân lực	Cần ít nhất 02 người trở lên, một người đứng máy, một người đi gương (nếu địa hình phức tạp phải có thêm nhân lực để phát quang thông hướng ngắm)	Chỉ cần 01 nhân lực cũng có thể tiến hành tác nghiệp.
4. Độ chính xác kết quả đo	Độ chính xác rất cao, đến đơn vị mm (dưới 3mm)	Độ chính xác đến đơn vị cm (1-3cm)
5. Tính ổn định khi tác nghiệp	Tính ổn định trong quá trình đo đạc cao, ít bị ảnh hưởng bởi điều kiện ngoại cảnh hơn so với máy GNSS RTK, có thể sử dụng được trong nhiều môi trường. Không cần có sự liên lạc giữa các thiết bị khi đo đạc.	Tính ổn định không cao khi tác nghiệp trong điều kiện có nhiều vật cản (rừng rậm, đồi núi, ...) làm gián đoạn đường truyền giữa máy động và vệ tinh hoặc giữa máy động và trạm cơ sở.
6. Ảnh hưởng của điều kiện địa hình, địa vật (tầm nhìn)	Cần phải bảo đảm thông hướng ngắm giữa trạm máy và các điểm đo (điểm đặt gương), bắt buộc phải di chuyển trạm máy nhiều lần trong quá trình đo đạc.	Không cần thông hướng ngắm giữa trạm cơ sở và điểm đo, một trạm cơ sở có thể đo đạc được một khu vực rộng lớn.

Máy toàn đạc điện tử được sử dụng phổ biến cho các công tác sau:

- Đo đạc khảo sát địa hình ở những khu vực nhỏ, tuyến ngắn phục vụ công tác quy hoạch, thiết kế công trình;
- Chuyển đổi giữa tọa độ quốc gia về tọa độ công trình hoặc tọa độ giả định để thuận lợi nhất trong việc thi công;
- Định vị chính xác hệ trục công trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm giao cắt);
- Đưa chính xác điểm tọa độ đã được thiết kế trước đó ra ngoài thực tế;
- Bố trí góc, cạnh, độ cao điểm theo thiết kế bảo đảm có độ chính xác tin cậy;
- Đo đạc kiểm tra chiều dài cạnh, góc, độ cao điểm đã thi công một cách nhanh chóng, chính xác.

So với máy toàn đạc điện tử, máy GNSS RTK phù hợp hơn cho các công tác khảo sát bản đồ địa chính, địa hình, đo vẽ, thành lập bản đồ:

- Ứng dụng tốt trong công tác xác định tọa độ các điểm chi tiết nhanh chóng, thuận tiện với độ chính xác 1-3cm (chỉ vài giây 1 điểm chi tiết);
- Phù hợp với công việc thành lập bản đồ địa chính tỉ lệ 1/1000, đo vẽ khảo sát địa hình phục vụ công tác quy hoạch, thiết kế công trình, hoặc đo đạc để tính toán khối lượng san lấp, đào đắp trên phạm vi lớn (vài chục tới vài nghìn ha);
- Phục vụ công tác cắm mốc ranh giới, đặc biệt ở những khu vực khó khăn hiểm trở, khu vực phức tạp, có nhiều địa vật, địa hình che khuất làm giảm tầm nhìn giữa các điểm đo.

Đối với lĩnh vực Quốc phòng, máy toàn đạc điện tử đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong công tác đo đạc khảo sát phục vụ quy hoạch, thiết kế, thi công các công trình. Giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực, nâng cao độ chính xác công tác đo đạc, góp phần to lớn vào quá trình xây dựng các công trình Quốc phòng có chất lượng, đạt được yêu cầu đề ra. Tuy nhiên, máy toàn đạc điện tử cũng còn tồn tại một số hạn chế như đã đề cập ở trên. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để trang bị, đưa vào sử dụng máy GNSS RTK, kết hợp với máy toàn đạc điện tử trong công tác xây dựng công trình quân sự là một vấn đề đáng quan tâm, để có thể tối ưu hơn nữa, nâng cao hơn nữa chất lượng công trình Quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận

Máy toàn đạc điện tử và máy GNSS RTK là hai công nghệ hiện đại, đều được sử dụng cho công tác đo đạc Trắc địa hiện nay. Song giữa chúng vẫn có những điểm khác nhau cơ bản về nguyên lý hoạt động, ưu nhược điểm và trường hợp vận dụng. Qua bài viết, nhóm tác giả đã cung cấp cho bạn đọc cái nhìn tổng quát về hai thiết bị trên. Đồng thời chúng ta cũng phải nhận thức được rằng, trong công tác đo đạc còn căn cứ vào con người, trang thiết bị hiện có, căn cứ vào thời tiết khí hậu, điều kiện địa lý của khu vực tác nghiệp,... để linh hoạt lựa chọn dụng cụ, phương pháp đo phù hợp nhất. Có như vậy, công tác đo đạc mới thực sự đạt hiệu quả, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đề ra./.

Tài liệu tham khảo:

1. Phim huấn luyện “Hướng dẫn đo khảo sát tuyến bằng máy toàn đạc điện tử Leica TS06 plus”, Hoàng Kỳ Nam, Trường Sĩ quan Công binh, năm 2019;
2. Đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng phần mềm Topo xử lý số liệu từ máy toàn đạc điện tử trong đo đạc khảo sát địa hình”, Hoàng Kỳ Nam, Trường SQ Công binh, năm 2023.

PHÂN TÍCH ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG ĐẤT ĐẮP SAU MÓ CẦU

*Trung tá, ThS Nguyễn Huy Hiếu - GV Khoa Cầu đường, Vượt sông
Thiếu tá, ThS Phạm Xuân Hòa - Trợ lý Phòng Đào tạo*

Bài báo trình bày các phương pháp phân tích ổn định và ứng dụng phần mềm Plaxis 2D để xác định hệ số ổn định đường đất đắp sau mó cầu.

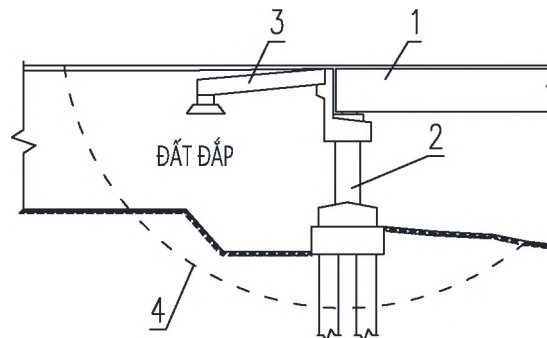
I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ỔN ĐỊNH ĐẤT ĐẮP SAU MÓ CẦU

Hiện tượng mất ổn định, sụt trượt đất đắp sau mó cầu xảy ra khi xuất hiện sự mất cân bằng về lực hay mô men do trọng lượng bản thân của khối đất đá và các tải trọng của phương tiện giao thông trên đất đắp sau mó cầu sinh ra. Hiện nay, trong thực tế xây dựng đường bộ, các phương pháp phổ biến nhất để tính toán ổn định của mái dốc nói chung, trong đó có ổn định đường đất đắp sau mó cầu thường áp dụng 3 phương pháp chính:

- Phương pháp cân bằng giới hạn;
- Phương pháp phân tử hữu hạn;
- Phương pháp kết hợp.

1.1. Phương pháp cân bằng giới hạn

Phương pháp đánh giá ổn định đất đắp nói chung dựa trên lý thuyết cân bằng giới hạn là phương pháp tính toán chỉ xét đến trạng thái ứng suất của khối đất ở trạng thái cân bằng giới hạn mà không xét đến biến dạng đất dốc [1]. Người ta tiến hành dựng một mặt trượt giả định, từ đó làm cơ sở để tính toán hệ số ổn định của đất đắp (hình 1)



Hình 1: Mặt trượt giả định của khối đất đắp sau mó cầu

1- Dầm cầu; 2 - Trụ cầu; 3 - Bản quá độ; 4 - Mặt trượt giả định của khối đất đắp

Theo phương pháp cân bằng giới hạn, hệ số ổn định được xác định bằng công thức sau:

$$K_{f(m)} = \frac{\sum R_{f(m)}}{\sum T_{f(m)}} \quad (1)$$

Trong đó: $K_{f(m)}$ - hệ số ổn định;

$\sum R_{f(m)}$ - tổng lực (momen) giữ trong khối đất chuyển dịch;

$\sum T_{f(m)}$ - tổng lực (momen) dịch chuyển.

1.2. Phương pháp phần tử hữu hạn

Với sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật tính toán, các phương pháp tính toán mới hơn như phương pháp phần tử hữu hạn đang trở nên phổ biến hơn trong lĩnh vực thiết kế và thi công các công trình cầu đường.

Phương pháp phần tử hữu hạn dùng để xem xét trạng thái ứng suất - biến dạng của khối đất đá có tính đến ứng xử đàn hồi và đàn hồi - dẻo của đất đá và sự hiện diện của các cấu trúc và công trình xây dựng trong khối đất đá đó. Vận dụng phương pháp này có thể xác định hệ số ổn định khối đất đắp sau mô cầu.

Hệ số ổn định theo phương pháp phần tử hữu hạn được xác định bằng công thức sau:

$$K = \frac{c_{bd}}{c_{gh}} = \frac{tg\varphi_{bd}}{tg\varphi_{gh}} \quad (2)$$

Trong đó: c_{bd} , φ_{bd} - đặc trưng cường độ ban đầu của đất;

c_{gh} , φ_{gh} - đặc trưng cường độ tới hạn ứng với tính chảy dẻo của đất tại khu vực đang xét.

Ưu điểm của phương pháp này so với phương pháp cân bằng giới hạn là quá trình tính toán có xét đến quan hệ ứng suất - biến dạng của đất và loại bỏ các giả định để thay đổi bài toán siêu tĩnh thành bài toán tĩnh định.

1.3. Phương pháp kết hợp

Phương pháp kết hợp để đánh giá mức độ ổn định của mái dốc bao gồm việc sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn và lý thuyết về trạng thái cân bằng giới hạn.

Hệ số ổn định của khối đất đắp sau mô cầu được xác định là tỉ lệ giữa tổng sức kháng cắt của đất dọc theo mặt trượt và tổng lực cắt trên mặt trượt.

$$K = \frac{\sum S_r}{\sum S_m} \quad (3)$$

Trong đó: $\sum S_r$ - tổng sức kháng cắt của đất dọc theo mặt trượt;

$\sum S_m$ - tổng lực cắt trên mặt trượt.

Như vậy, cả 3 phương pháp trên, căn cứ vào các sai số lý thuyết của các phương pháp tính toán được sử dụng và sai số thực tế trong việc thu thập dữ liệu ban đầu thông qua khảo sát kỹ thuật như trắc địa, địa chất..., các giá trị tính toán của hệ số ổn định và các hệ số ổn định cho phép đối với mái dốc nền đất đắp, trong đó có khối đất đắp sau mô cầu phải đáp ứng điều kiện sau:

$$K_f \geq [K_f] \quad (4)$$

Trong đó: K_f - hệ số ổn định tính toán được;

$[K_f]$ - hệ số ổn định cho phép.

II. ỨNG DỤNG PHẦN MỀM PLAXIS 2D XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ỔN ĐỊNH ĐẤT ĐẤP SAU MÔ CẦU

1. Xác định hệ số ổn định bằng phần mềm Plaxis 2D

Plaxis 2D là một trong các phần mềm phân tích địa kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở phương pháp phần tử hữu hạn.

Trong chương trình PLAXIS 2D, hệ số ổn định của kết cấu là tỉ lệ giữa cường độ khả năng lớn nhất của đất với giá trị tối thiểu cần thiết để đảm bảo trạng thái cân bằng:

$$SF = \frac{S_{\text{maximum available}}}{S_{\text{needed for equilibrium}}} \quad (5)$$

Với: SF - hệ số ổn định;

$S_{\text{maximum available}}$ - cường độ khả năng lớn nhất của đất;

$S_{\text{needed for equilibrium}}$ - giá trị tối thiểu cần thiết để đảm bảo trạng thái cân bằng.

Theo lý thuyết Mohr-Coulomb, hệ số ổn định của kết cấu được xác định theo công thức:

$$SF = \frac{\sigma_n \cdot \text{tg}\varphi + c}{\sigma_n \cdot \text{tg}\varphi_r + c_r} \quad (6)$$

Trong đó: c và φ - thông số cường độ đầu vào của đất;

σ_n - ứng suất tiêu chuẩn thực tế của đất;

c_r và φ_r - thông số cường độ giảm đi trong quá trình tính toán đến các giá trị tối thiểu đủ để duy trì trạng thái cân bằng của đất.

Nguyên tắc này được sử dụng làm cơ sở của phương pháp suy giảm si-phi ($c-\varphi$) trong chương trình PLAXIS 2D để tính toán hệ số an toàn tổng thể của kết cấu M_{sf} . Theo cách tiếp cận này, lực dính và tangen của góc ma sát giảm theo cùng một tỷ lệ:

$$\sum M_{sf} = \frac{c}{c_r} = \frac{\text{tg}\varphi}{\text{tg}\varphi_r} \quad (7)$$

Theo các tiêu chuẩn ngành của Việt Nam trong lĩnh vực cầu đường 22TCN272-05 [2] và 22TCN 262:2000 [3] thì hệ số an toàn M_{sf} đối với đất đắp sau mô cầu thường có giá trị lớn hơn 1,5, tức là:

$$\sum M_{sf} \geq 1,5$$

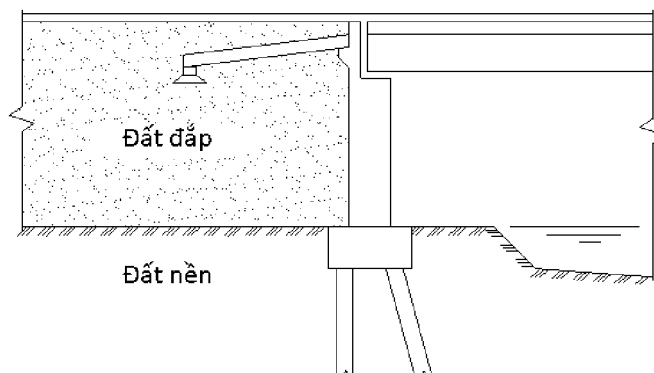
2. Ví dụ về bài toán phân tích ổn định đường đất đắp sau mô cầu

Phân tích ổn định đường đất đắp sau mô cầu với điều kiện địa chất của nền đất phía dưới có các thông số đặc trưng như bảng 1. Đất nền của vị trí xây dựng đường đất đắp sau mô cầu gồm 4 lớp: Lớp đất trên mặt có độ dày 2 m, tiếp theo là lớp bùn sét dày - 8 m, lớp thứ 3 là cát hạt nhỏ dày - 5,9 m và lớp thứ 4 là cát hạt lớn có chiều dày đến độ sâu 30 m.

Bảng 1: Thông số đặc trưng của đất nền

Thông số	Kí hiệu	Các lớp đất nền				Đơn vị
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	
Trọng lượng riêng	γ_{unsat}	16	15	17	17	kN/m ³
Trọng lượng riêng của đất khi ngập nước	γ_{sat}	18,6	16,3	18,8	21	kN/m ³
Mô đun biến dạng	E_{ref}	1000	350	12000	13000	kN/m ²
Hệ số Poision	ν	0,35	0,35	0,3	0,3	-
Độ dính	c_{ref}	20	8	26	1	kN/m ²
Góc ma sát trong	φ	7	5	19	31	Độ

Các thông số đặc trưng của đất đắp như sau: $\gamma_{unsat} = 17$, kN/m³; $E_{ref} = 30000$, kN/m²; $\nu = 0,3$; $c_{ref} = 0,05$, kN/m²; $\varphi = 30^\circ$.



Hình 2: Kết cấu móng cầu và đất đắp sau móng

Chiều cao của đất đắp sau móng cầu là 5 m. Móng cầu có kết cấu là bê tông cốt thép được bố trí như hình 2 và có các thông số đặc trưng vật liệu như trong bảng 2.

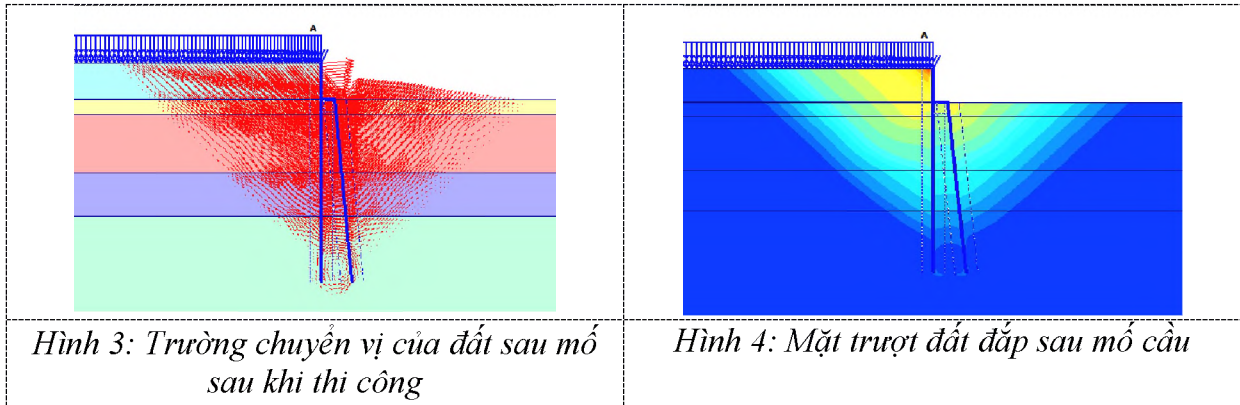
Bảng 2: Thông số đặc trưng của vật liệu móng cầu

Thông số	Ký hiệu	Thân móng	Móng	Cọc	Đơn vị
Độ cứng tiêu chuẩn	EA	39E+6	48,75E+6	5,7E+6	kN/m
Độ cứng khi uốn	EI	4,68E+6	9,14E+6	75,2E+3	kNm ² /m
Chiều dày quy đổi	d	1,2	1,5	-	m
Trọng lượng	w	9,6	9,6	1,10	kN/m/m
Hệ số Poision	ν	0,2	0,2	0,2	-

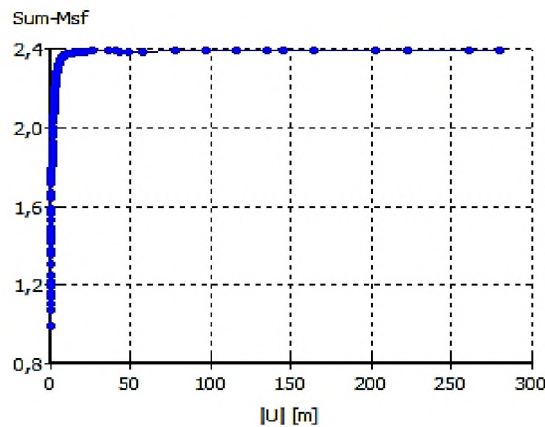
Tải trọng thường xuyên của xe theo tiêu chuẩn 22TCN 262:2000 chọn là $q = 15$ kN/m².

Để phân tích ổn định đường đất đắp sau móng cầu, tác giả sử dụng chương trình tính toán phần tử hữu hạn Plaxis 2D v.8.2.

Kết quả phân tích ổn định của đường đất đắp tiếp giáp với móng cầu sau khi hoàn thành công tác thi công: Hình 3 là kết quả trường chuyển vị của đất, hình 4 là mặt trượt đất đắp.



Hệ số ổn định đường đất đắp sau móng cầu là 2,4 (hình 5). Đối chiếu với Tiêu chuẩn Việt Nam 22TCN 262:2000 và 22TCN272-05 thì kết quả nhận được có giá trị lớn hơn giá trị cho phép, $M_{sf} = 2,4 > [M_{sf}] = 1,5$. Vì vậy, kết cấu đảm bảo ổn định.



Hình 5: Hệ số ổn định đường đất đắp sau móng cầu

KẾT LUẬN

- Hiện tượng mất ổn định, sụt trượt đất đắp sau móng cầu xảy ra khi xuất hiện sự mất cân bằng về lực hay mô men do trọng lượng bản thân của khối đất đá và các tải trọng của phương tiện giao thông trên đất đắp sau móng cầu sinh ra. Để đảm bảo sự ổn định của đường đất đắp sau móng thì phải tính được hệ số ổn định của kết cấu đường đất đắp sau móng cầu, nếu kết quả thu được lớn hơn giá trị cho phép thì kết cấu đảm bảo tính ổn định và ngược lại.

- Nội dung mang tính chất nghiên cứu, tham khảo, gợi mở vấn đề giúp học viên sĩ quan Công binh nói chung và học viên chuyên ngành Công trình, Cầu đường nói riêng có thể ứng dụng trong thực tế học tập - nghiên cứu tại trường cũng như vận dụng khi công tác tại đơn vị./.

Tài liệu tham khảo:

1. ОДМ 218.2.006-2010. Рекомендации по расчету устойчивости оползнеопасных склонов (откосов) и определению оползневых давлений на инженерных сооружения автомобильных дорог. - Москва, 2010. - 115 с.
2. Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN272-05. Hà Nội, 2005. - 672 tr.
3. Tiêu chuẩn ngành về Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu 22TCN 262:2000. Hà Nội, 2000. - 46 tr.

NGHIÊN CỨU, ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN CHIẾN THUẬT CHUYÊN NGÀNH XE MÁY CÔNG BINH

*Thượng tá, ThS Đặng Văn Long - CNBM Khoa Xe máy
Thượng tá, ThS Đào Ngọc Toàn - GV Khoa Xe máy*

Công tác huấn luyện chiến thuật chuyên ngành, phục vụ các hoạt động giáo dục - đào tạo, huấn luyện chiến đấu và chiến đấu được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của các khoa chuyên ngành trong Trường Sĩ quan Công binh. Vì vậy, tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện chiến thuật chuyên ngành là một trong những nội dung quan trọng, góp phần quyết định chất lượng đào tạo sĩ quan phân đội có trình độ đại học tại Nhà trường.

Huấn luyện chiến thuật chuyên ngành tại Khoa Xe máy, Trường Sĩ quan Công binh đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đào tạo sĩ quan công binh cấp phân đội có trình độ đại học, giúp người học nâng cao được bản lĩnh chỉ huy, rèn luyện kỹ năng hiệp đồng tác chiến, nâng cao khả năng tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật và xử trí các tình huống cả trong thời bình lẫn thời chiến. Hiện nay, các khoa chuyên ngành nói chung và Khoa Xe máy nói riêng, công tác huấn luyện chiến thuật chuyên ngành đang được quan tâm đúng mức, đặc biệt là trong đào tạo học viên chính quy, chất lượng huấn luyện ngày càng được nâng lên, sát với điều kiện thực tế chiến đấu và bảo đảm chiến đấu, đáp ứng tốt phương châm “chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” của Bộ Quốc phòng. Để làm được điều đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã cụ thể hóa bằng Nghị quyết lãnh đạo, chỉ huy Khoa Xe máy đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Binh chủng Công binh về công tác huấn luyện giáo dục - đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết 1659 - NQ/QUTW, ngày 20 tháng 12 năm 2022 về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết 1657 - NQ/QUTW về lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới; Chỉ lệnh công tác quân sự, quốc phòng của Tổng Tham mưu trưởng, tạo bước chuyển biến tích cực, toàn diện trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện chiến thuật chuyên ngành phục vụ công tác sẵn sàng chiến đấu. Trong huấn luyện, Khoa đã bám sát phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”; coi trọng huấn luyện đồng bộ và chuyên sâu, theo hướng hiện đại; kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện với giáo dục chính trị; giáo dục đào tạo gắn với huấn luyện chiến đấu; vận dụng tốt 3 quan điểm, 8 nguyên tắc, 6 mối kết hợp trong huấn luyện; chú trọng huấn luyện theo chuyên ngành, ngành học, đối tượng, hình thức chiến thuật và tình huống chiến đấu; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên và trợ giảng, phát huy cao độ vai trò của lãnh đạo chỉ huy khoa, bộ môn, hội đồng khoa học để hoạt động phương pháp sư phạm có hiệu quả từ đó chuẩn hóa các giáo án bài giảng chiến thuật chuyên ngành như: Hành động của phân đội xe máy Công trình thi công bằng cơ giới; Hành động của phân đội sửa chữa

ơ động bảo đảm binh khí kỹ thuật cho sư đoàn bộ binh đánh địch đổ bộ đường không; Hành động của phân đội xe máy vượt sông bảo đảm cho binh khí kỹ thuật vượt chướng ngại bằng cầu cứng TMM - 3M; Hành động của đội trinh sát công binh trinh sát khu vực vượt sông... Công tác chuẩn bị huấn luyện chu đáo, toàn diện nên giảng viên tổ chức buổi học một cách khoa học, bài bản: phân chia học viên thành các khung tập, trong khung tập có phân vai. Trong quá trình tập bài chú trọng đổi vai để học viên nào cũng được nhập vai. Tình huống đưa ra trong quá trình tập bài sát thực tiễn công tác tại đơn vị và thực tế chiến đấu, kích thích được tính tìm tòi, sáng tạo của học viên. Các vấn đề huấn luyện được sắp xếp có trình tự logic, phù hợp với từng nội dung bài học và hình thức chiến thuật cụ thể. Kết thúc các vấn đề huấn luyện (buổi tập), giảng viên đánh giá kết quả, nhận xét cho điểm từng học viên (kết hợp với điểm quá trình). Vì vậy học viên biết mình đóng vai tập đến mức độ nào, đúng, sai ở đâu, qua đó củng cố kiến thức đã được trang bị, nâng cao bản lĩnh, trình độ tổ chức chỉ huy của người cán bộ kỹ thuật Công binh.



Thực hành huấn luyện chiến thuật chuyên ngành Máy Vượt sông

Đối với huấn luyện diễn tập: thẩm nhuần quan điểm; “Diễn tập là hình thức huấn luyện cao nhất”, là cơ sở để đánh giá kết quả huấn luyện của một khóa học, đây là cơ hội để củng cố toàn bộ kiến thức đã được tiếp thu trong cả chương trình học. Chính vì thế huấn luyện diễn tập cuối khóa đóng vai trò hết sức quan trọng trong đào tạo sĩ quan cấp phân đội. Để huấn luyện diễn tập đạt hiệu quả, chất lượng đội ngũ giảng viên trong khoa đóng vai “đạo diễn” ở các khung tập của học viên luôn đặt ra yêu cầu cao trong xây dựng các phương án tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng kỹ thuật, đưa ra nhiều tình huống luyện tập để học viên đề xuất các phương án xử lý; phát huy tính dân chủ quân sự đồng thời hình thành tư duy sáng tạo cho người học. Khi tổ chức báo cáo tình hình kỹ thuật, ý định bảo đảm kỹ thuật, tổ chức sử dụng lực lượng kỹ thuật; xử lý các tình huống kỹ, chiến thuật giảng viên thường cho học viên luân phiên thực hiện. Bởi trong đào tạo mọi học viên đều bình đẳng và đều phải nắm được tất cả mọi công việc thuộc chức trách, nhiệm vụ của mình để sau khi tốt nghiệp, ra đơn vị có thể thực hiện được theo yêu cầu cương vị

công tác. Khi tổ chức cho học viên báo cáo từng phương án, tất cả khung tập nghe, quan sát, thảo luận để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau. Chính vì vậy, chất lượng diễn tập của khóa sau luôn cao hơn khóa trước.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác huấn luyện chiến thuật chuyên ngành còn một số hạn chế như: Điều kiện cơ sở vật chất, VKTBKT chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của tình huống chiến thuật, công tác chuẩn bị kế hoạch, tiến trình biểu huấn luyện trong từng nội dung huấn luyện cụ thể chưa thực sự chu đáo. Nội dung, chương trình, kịch bản, tình huống chiến thuật, tình huống kỹ thuật, phương pháp huấn luyện tuy đã có sự đổi mới nhưng chưa toàn diện; việc ứng dụng công nghệ mô phỏng thực tế ảo mặc dù đã được đưa vào huấn luyện nhưng còn đơn giản, chưa sâu, việc khai thác, sử dụng các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật đôi lúc hiệu quả chưa cao. Đội ngũ giảng viên được đào tạo cơ bản, nhưng kinh nghiệm, kỹ năng thực hành còn hạn chế, có mặt chưa theo kịp sự đổi mới, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật. Đối tượng tác chiến luôn có sự phát triển cả về vũ khí, trang bị và nghệ thuật quân sự,... Trước tình hình đó, để nâng cao hơn nữa chất lượng huấn luyện kỹ thuật chuyên ngành, tạo bước đột phá nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của Nhà trường. Phạm vi bài báo xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên, trợ giảng về nhiệm vụ huấn luyện chiến thuật chuyên ngành: Cấp ủy, chỉ huy Khoa cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Binh chủng Công binh về công tác giáo dục - đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết 765-NQ/QUTW, Nghị quyết 1659 - NQ/QUTW, ngày 20 tháng 12 năm 2022 về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết 1657 - NQ/QUTW về lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới; từ đó xây dựng ý thức trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong việc tìm tòi, sáng tạo, chủ động học tập, nghiên cứu lí luận về “chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”; Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược Quân sự, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; nghiên cứu điều kiện thực tiễn của Binh chủng, Nhà trường, đơn vị, làm cơ sở để chuẩn bị kế hoạch, tiến trình biểu, giáo án, bài giảng, vật chất trang bị huấn luyện; thao trường, bãi tập; huấn luyện đội mẫu; xây dựng các phương án tập bài để khi bước vào các nội dung huấn luyện, người giảng viên ngoài thực hiện nhiệm vụ chuyên môn còn là người cán bộ truyền cảm hứng, định hướng, quán triệt tư duy mới của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, từ đó xây dựng động cơ, xác định trách nhiệm, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ huấn luyện chiến thuật chuyên ngành.

Hai là, làm tốt mọi công tác chuẩn bị huấn luyện chiến thuật chuyên ngành: Trước hết là chuẩn bị đội ngũ giảng viên, trợ giảng có chất lượng. Giảng viên huấn luyện chiến thuật chuyên ngành được lựa chọn phải là những đồng chí có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, hiểu biết về chiến thuật và binh chủng bạn, có khả năng vận dụng linh hoạt các tình huống kỹ, chiến thuật trong từng buổi giảng, từng nội dung giảng (từng vấn đề huấn

luyện). Đội ngũ trợ giảng phải là những người hiểu biết sâu sắc và làm chủ thuần thục trang bị huấn luyện, có sức khỏe, có năng lực sư phạm, yêu nghề và được bồi dưỡng cơ bản về kỹ, chiến thuật chuyên ngành để họ thực sự là hạt nhân cho công tác thị phạm của giảng viên. Kế hoạch giảng bài, giáo án, bài giảng, tiến trình biểu được xây dựng một cách khoa học, đúng nội dung, phù hợp với đối tượng, điều kiện tác chiến cụ thể, đồng thời đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu của công tác giáo dục đào tạo của Nhà trường, Binh chủng Công binh; Phát huy cao độ vai trò của hội đồng khoa học, hoạt động phương pháp sư phạm trong công tác phương pháp và bồi dưỡng giảng viên mới. Sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, vật chất huấn luyện, chuẩn bị thao trường, bãi tập phù hợp với từng nội dung giảng bài, tập bài theo hướng ưu tiên sử dụng trang bị điển hình, hiện đại và phổ biến trong Binh chủng, được trang bị tại Nhà trường.

Ba là, đẩy mạnh đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Trên cơ sở quán triệt, thực hiện tốt phương châm, quan điểm và mối kết hợp trong huấn luyện, cán bộ, giảng viên cần tăng cường nghiên cứu, nắm chắc tình hình, nhất là những phát triển của đối tượng tác chiến, đặc điểm địa bàn, tổ chức biên chế, vũ khí, trang bị của ta, nội dung đầu bài diễn tập cuối khóa để xác định nội dung đổi mới cho phù hợp. Trong đó, chú trọng bổ sung nội dung, chương trình huấn luyện cho các lực lượng làm nhiệm vụ diễn tập thực binh: Tập trung đổi mới nội dung, chương trình theo hướng tăng thời gian huấn luyện thực hành, huấn luyện đêm, huấn luyện cơ động; chú trọng huấn luyện tinh huống nâng cao, huấn luyện làm chủ vũ khí, trang bị mới phục vụ chiến thuật chuyên ngành. Đồng thời, đổi mới phương pháp hội thi, hội thao, kiểm tra đánh giá kết quả, bảo đảm khách quan, minh bạch, thực chất, kiên quyết chống bệnh thành tích trong huấn luyện đào tạo; Thực hiện “3 thực chất” trong huấn luyện là: dạy thực chất, học thực chất, kiểm tra, đánh giá thực chất. Trong quá trình huấn luyện, chú trọng nâng cao chất lượng hợp luyện, luyện tập bảo đảm sát thực tế chiến đấu và phù hợp với đặc điểm của nội dung huấn luyện. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện; coi trọng yếu tố động viên tinh thần, cổ vũ thao trường, biểu dương nhân tố tích cực, mô hình huấn luyện an toàn, hiệu quả. Quá trình thực hiện, cần tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định, quy tắc bảo đảm an toàn trong huấn luyện, diễn tập của học viên để vừa bảo đảm an toàn cho người, vũ khí, trang bị kỹ thuật, vừa nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng nhiệm vụ ngày càng cao của Nhà trường, Binh chủng, Quân đội.

Bốn là, đổi mới công tác bảo đảm huấn luyện theo hướng đồng bộ, kịp thời, toàn diện, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới công tác bảo đảm huấn luyện theo hướng kịp thời, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; coi trọng bảo đảm kinh phí xăng dầu, phương tiện, vật chất, thao trường huấn luyện; thực hiện có hiệu quả khả năng sử dụng các phương tiện, vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại, Khai thác có hiệu quả các phần mềm mô phỏng trong trình sát thực địa; phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Đào tạo, cơ quan Hậu cần - Kỹ thuật, đơn vị và Khoa để xây dựng phương án bảo đảm huấn luyện đạt hiệu quả cao,

tránh lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích. Tổ chức đảm bảo đầy đủ, đồng bộ vũ khí, trang bị kỹ thuật, vật chất kỹ thuật, mô hình trực quan, các học liệu điện tử được số hóa... phục vụ huấn luyện chiến thuật theo từng chuyên ngành; đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu cải tiến mô hình học cụ, phần mềm mô phỏng, trang bị huấn luyện, đào tạo theo hướng hiện đại, bền, đẹp, tiện sử dụng.

Năm là, cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mô phỏng vào huấn luyện chiến thuật chuyên ngành. Tập trung vào ứng dụng được công nghệ thông tin trong tính toán bảo đảm sửa chữa, cứu kéo vũ khí trang bị kỹ thuật; xây dựng phương án tổ chức sử dụng lực lượng kỹ thuật... ứng dụng công nghệ mô phỏng trong trình sát thực địa, xây dựng và báo cáo kế hoạch bảo đảm kỹ thuật trong các hình thức chiến thuật, điều chỉnh kế hoạch bảo đảm kỹ thuật, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo đảm kỹ thuật... trên bản đồ số.



Ứng dụng công nghệ mô phỏng thực tế ảo vào nhiệm vụ huấn luyện chuyên ngành tại Khoa Xe máy - Trường Sĩ quan Công binh

Trong những năm tiếp theo, nhiệm vụ của Nhà trường có sự phát triển mới, công tác giáo dục - đào tạo; nghiên cứu khoa học và sẵn sàng chiến đấu đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao. Chính vì vậy công tác huấn luyện nói chung và công tác huấn luyện chiến thuật chuyên ngành nói riêng cần được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tốt hơn để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo theo hướng “chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường”, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xây dựng Nhà trường “Chính quy, tiên tiến, mẫu mực” xứng đáng là một trong những nhà trường điển hình trong Quân đội, góp phần xây dựng Quân đội “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao./.

KẾT NỐI TOÀN CẦU VÀ ỨNG DỤNG TRONG QUÂN SỰ

*Trung tá, ThS Nguyễn Hải Yến - GV Khoa Xe máy
Thượng tá, ThS Nguyễn Lại Bê - CNBM Khoa Xe máy*

Starlink, dự án của SpaceX, cung cấp Internet tốc độ cao toàn cầu qua hơn 4.000 vệ tinh. Starlink không chỉ phục vụ nhu cầu dân sự mà còn hỗ trợ quân sự trong liên lạc và giám sát và điều khiển từ xa, tạo tiền đề cho một mạng lưới an ninh không gian trong tương lai.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh công nghệ 4.0, Internet là động lực của nền kinh tế số. Dù mạng lưới Internet đã phổ biến tại nhiều nơi, hàng tỉ người vẫn sống trong khu vực chưa được tiếp cận do điều kiện địa lí và hạ tầng yếu kém. Trước yêu cầu tăng cường khả năng kết nối Internet trên toàn cầu và đảm bảo tính sẵn sàng trong các tình huống khẩn cấp, Starlink đã ra đời, đóng vai trò quan trọng trong cả dân sự và quân sự. Starlink được Elon Musk và SpaceX triển khai đã giải quyết vấn đề này, giúp kết nối từ vùng sâu, vùng xa đến các đại dương rộng lớn, đóng góp tích cực vào cả dân sự lẫn quốc phòng.

2. Tính năng chính

Mạng lưới vệ tinh quỹ đạo thấp và khả năng kết nối toàn cầu, hiện tại, Starlink đã triển khai hơn 4.000 vệ tinh quỹ đạo thấp, chỉ từ 340-1.200km (LEO), khác biệt so với các vệ tinh truyền thống ở quỹ đạo địa tĩnh (GEO) cách Trái Đất 35.000 km, bước đầu đạt được những thành tựu đáng kể. Trong khi các dịch vụ Internet vệ tinh truyền thống thường gặp phải độ trễ từ vài giây đến hàng chục giây, Starlink cung cấp tốc độ từ 50



Mbps đến 500 Mbps với độ trễ chỉ từ 20 đến 40 mili giây. Đặc biệt, đĩa vệ tinh của Starlink có khả năng tự động định vị và điều chỉnh hướng, giúp người dùng dễ dàng cài đặt mà không cần điều chỉnh thủ công, khác hẳn so với các hệ thống vệ tinh truyền thống.

Sự kết nối này không chỉ mở ra cơ hội trong lĩnh vực kinh tế và giáo dục, mà còn nâng cao khả năng ứng phó trong các tình huống khẩn cấp và quốc phòng như điều khiển UAV quân sự chẳng hạn.

3. Cấu tạo và nguyên lý vận hành

Cấu tạo hệ thống Starlink bao gồm ba thành phần chính:

+ Vệ tinh: Các vệ tinh Starlink có kích thước nhỏ (nặng khoảng 260 kg) với tấm năng lượng mặt trời để cung cấp điện, một hệ thống truyền thông sử dụng dải tần Ku, Ka, và hệ thống laser liên vệ tinh (inter-satellite links).

+ Đĩa vệ tinh Starlink: Được thiết kế có khả năng tự động điều chỉnh hướng, đĩa vệ tinh có thể quay theo chuyển động của vệ tinh trong không gian, giúp người dùng dễ dàng lắp đặt mà không cần điều chỉnh phức tạp.

+ Trạm điều khiển mặt đất: Mặc dù các vệ tinh có khả năng truyền tín hiệu trực tiếp với nhau qua laser, các trạm điều khiển mặt đất vẫn cần thiết để duy trì tính ổn định của toàn bộ hệ thống và xử lý các tín hiệu truyền tải giữa mạng vệ tinh và mạng mặt đất truyền thống.

Nguyên lý vận hành: Khi người dùng yêu cầu truy cập Internet, tín hiệu từ thiết bị sẽ đi qua đĩa vệ tinh, lên vệ tinh Starlink gần nhất. Từ đó, tín hiệu sẽ được chuyển đến các vệ tinh khác qua kết nối laser, sau đó về lại trạm điều khiển mặt đất gần nhất trước khi đến đích cuối cùng.



4. Ứng dụng thực tế

Starlink đã mở ra nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục và y tế từ xa cho các khu vực hẻo lánh trên thế giới. Tại Brazil, hệ thống này giúp các trường học trong rừng Amazon kết nối Internet, cho phép học sinh tiếp cận tài liệu học tập trực tuyến và tham gia lớp học từ xa, điều trước đây rất khó khăn. Trong lĩnh vực y tế, Starlink hỗ trợ các trạm y tế ở Greenland và Canada, giúp bác sĩ từ xa có thể hội chẩn và giám sát bệnh nhân, đặc biệt hữu ích tại các vùng thường xuyên đối mặt với thiên tai và dịch bệnh.

Starlink đóng vai trò quan trọng trong quân sự, đặc biệt ở những khu vực tác chiến thiếu kết nối Internet. Trong xung đột Ukraine năm 2022, mạng lưới này duy trì liên lạc cho quân đội Ukraine khi cơ sở hạ tầng bị phá hoại, giúp chỉ huy kịp thời, điều khiển UAV, và giám sát chiến trường. Ngoài ra, Starlink hỗ trợ các hệ thống liên lạc chiến thuật, phòng thủ tên lửa, và trinh sát chiến lược, mang đến một kỉ nguyên mới trong tích hợp công nghệ không gian vào chiến dịch quân sự.

Starlink có tiềm năng ứng dụng tại Việt Nam ở các vùng hải đảo, biên giới và khu vực xa bờ, nơi mạng cáp quang chưa tới. Mạng này có thể hỗ trợ giám sát vùng biển, thông tin tình báo, và liên lạc cho lực lượng tuần tra biên giới hoặc Hải quân ở Hoàng Sa, Trường Sa, giúp duy trì kết nối liên tục, nâng cao khả năng phòng thủ. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, dịch vụ này hiện có chi phí cao, tốc độ và độ ổn định chưa bằng Internet cáp quang trong nước, và vẫn chưa được cấp phép hoạt động tại Việt Nam.

5. Hạn chế và thách thức

Chi phí ban đầu và duy trì: Chi phí cho thiết bị đầu cuối và phí dịch vụ vẫn là một trở ngại với nhiều người dùng, đặc biệt tại các nước đang phát triển. Về chi phí, Starlink có mức phí tương đối linh hoạt và thay đổi tùy theo khu vực. Hiện tại, người dùng phải trả khoảng 499 USD cho bộ thiết bị và 99 USD mỗi tháng cho dịch vụ. Dù đây là một mức chi phí cao so với dịch vụ cáp quang, nhưng đối với các khu vực không có hạ tầng mạng, Starlink trở thành lựa chọn duy nhất. Ví dụ, tại một ngôi làng nhỏ ở Sierra Nevada, cư dân đã giảm đáng kể chi phí so với việc xây dựng đường dây cáp quang nhờ

vào dịch vụ của Starlink. Ví dụ, tại Kenya, nhiều người dân phải chi trả khoảng 50 USD mỗi tháng cho Starlink, mức giá cao so với thu nhập bình quân đầu người.

Vấn đề về rác thải không gian: Với kế hoạch triển khai hơn 12,000 vệ tinh vào năm 2030, Starlink đối mặt với thách thức lớn về rác thải không gian. Tại quỹ đạo thấp, nguy cơ va chạm giữa các vệ tinh tăng cao và có thể gây ảnh hưởng đến các sứ mệnh không gian khác. Đây cũng là một vấn đề mà các dự án như Kuiper của Amazon và OneWeb sẽ gặp phải, dẫn đến nhu cầu phát triển giải pháp thu hồi vệ tinh đã hỏng. SpaceX đã đề cập đến khả năng trang bị cho các vệ tinh tính năng tự tiêu hủy khi kết thúc vòng đời hoặc các công nghệ kéo vệ tinh hỏng ra khỏi quỹ đạo, nhằm giảm nguy cơ va chạm và tác động đến môi trường không gian.

Tương lai và phát triển: SpaceX dự kiến sẽ cải tiến cấu trúc vệ tinh để giảm chi phí và tăng độ bền. Việc phát triển hệ thống trạm mặt đất tự động cũng sẽ giúp giảm chi phí vận hành, đồng thời nâng cao chất lượng kết nối cho người dùng. Các công nghệ mới trong xử lý tín hiệu và giám độ trễ có thể giúp Starlink cạnh tranh tốt hơn, đặc biệt khi các đối thủ như Kuiper và OneWeb đang đầu tư mạnh mẽ vào mạng lưới của mình.

5. Kết luận

Starlink, dự án mang tầm nhìn toàn cầu của SpaceX, đã không ngừng mở rộng và cải thiện khả năng kết nối Internet trên toàn thế giới. Với mạng lưới hơn 4,000 vệ tinh, Starlink không chỉ cung cấp tốc độ Internet vượt trội từ 50 Mbps đến 500 Mbps với độ trễ thấp mà còn phủ sóng toàn cầu, bao gồm cả những khu vực hẻo lánh và khó tiếp cận. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống cho hàng triệu người ở các khu vực thiếu hạ tầng mạng mà còn mở ra cơ hội mới trong các lĩnh vực giáo dục, y tế và kinh doanh.

Trong lĩnh vực quân sự, Starlink đã chứng minh khả năng cung cấp các giải pháp liên lạc và giám sát đáng tin cậy, hỗ trợ các hoạt động tác chiến và chiến lược quan trọng. Dự án không chỉ giải quyết vấn đề kết nối toàn cầu mà còn làm tăng khả năng ứng phó và tích hợp công nghệ không gian trong các nhiệm vụ quốc phòng.

Nhìn về tương lai, SpaceX dự kiến sẽ phóng thêm hàng ngàn vệ tinh, nâng tổng số lên hơn 12.000 chiếc vào năm 2030. Mục tiêu là cung cấp kết nối toàn cầu với tốc độ cao hơn và chi phí thấp hơn, đồng thời mở rộng thị trường ra các lĩnh vực doanh nghiệp và IoT. Tuy nhiên, Starlink cũng đối mặt với thách thức lớn như xử lý rác thải không gian và cạnh tranh từ các dự án tương tự như Kuiper của Amazon và OneWeb. Dù vậy, với tầm nhìn dài hạn của Elon Musk, Starlink vẫn đang dẫn đầu trong cuộc cách mạng kết nối toàn cầu và ứng dụng quân sự./.

Tài liệu tham khảo:

1. <https://www.starlink.com> - Trang chính thức của SpaceX về dự án Starlink, cung cấp thông tin chi tiết về dịch vụ, công nghệ và các cập nhật mới.
2. "Starlink and the Future of Satellite Internet" - by Forbes, 2022 - Bài viết phân tích tác động và tương lai của Starlink trong ngành công nghệ và viễn thông.
3. "How Starlink Works: A Comprehensive Overview" - by TechCrunch, 2023 - Bài viết chi tiết về cách Starlink hoạt động, các công nghệ sử dụng và ảnh hưởng của nó đối với người dùng.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM DẠY HỌC TỐT CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH TẠI TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH HIỆN NAY

*Trung tá, ThS Lê Sỹ Hà
GV - Khoa Kỹ thuật cơ sở*

Khoa Kỹ thuật cơ sở là một trong tám khoa của Trường Sĩ quan Công binh, đảm nhiệm giảng dạy mười ba môn học cơ sở ngành. Quá trình giảng dạy trong những năm qua chúng tôi thấy rằng, học viên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận các kiến thức cơ sở làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành. Do đó, với mong muốn chia sẻ một số kinh nghiệm học tốt các môn cơ sở để giúp học viên có thể nắm bắt các kiến thức của các môn học này một cách nhanh chóng.

I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH

Các môn cơ sở ngành ở Trường Sĩ quan Công binh là những môn học có vai trò nền tảng, trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết giúp học viên nâng cao khả năng tư duy logic, phân tích, tổng hợp và kỹ năng nghiên cứu khoa học của người Học viên sĩ quan chỉ huy phân đội trình độ đại học. Các môn học này cung cấp kiến thức liên quan chặt chẽ đến các môn học chuyên ngành được giảng dạy trong giai đoạn năm thứ nhất và năm thứ hai của toàn khóa học. Việc học tốt các môn cơ sở ngành sẽ tạo nên nền tảng vững chắc, là điều kiện tiên quyết để học viên có thể học tốt các môn học tiếp theo và áp dụng những kiến thức này vào thực hiện nhiệm vụ sau khi ra trường trên cương vị công tác mới.

Các môn học cơ sở ngành có các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, các môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng cần thiết cho học viên của các ngành học cụ thể. Đây là nền tảng giúp học viên hiểu sâu về nguyên lý, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành của học viên như: Công trình, xe máy, vượt sông và cầu đường.

Thứ hai, các môn cơ sở mang tính ứng dụng và định hướng. Dù là kiến thức nền tảng, các môn học cơ sở ngành thường có tính định hướng để học các môn chuyên ngành sau này, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về chuyên ngành được học, đồng thời nhận ra những vấn đề cụ thể để có thể định hướng nghiên cứu những kiến thức chuyên sâu hơn.

Thứ ba, các môn cơ sở giúp học viên phát triển tư duy và những kỹ năng cần thiết. Các môn cơ sở ngành thường yêu cầu học viên phát triển tư duy logic và khả năng phân tích, tổng hợp các kiến thức từ nhiều nguồn, giúp học viên chuẩn bị những kỹ năng để giải quyết các vấn đề thuộc về chuyên môn mang tính phức tạp, đặc biệt là chuyên môn của các ngành công binh.

Thứ tư, học các môn cơ sở sẽ làm tiền đề cho các nghiên cứu khoa học chuyên sâu. Đây là các môn học hỗ trợ học viên tiếp cận và làm quen với các phương pháp nghiên cứu khoa học, cung cấp kiến thức nền tảng để học viên có thể tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu, thực hiện đồ án, khóa luận hay các đề tài nghiên cứu khoa học.

Thứ năm, các môn cơ sở được thiết kế với tính liên kết và logic, các nội dung được xây dựng liên kết chặt chẽ với nhau và được giảng dạy theo một trình tự logic, từ dễ đến

khó, từ cơ bản đến phức tạp, đảm bảo cho học viên nắm vững kiến thức cơ bản trước khi học các môn tiếp theo.

II. THỰC TRẠNG VIỆC HỌC CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH CỦA HỌC VIÊN Ở NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

Trong môi trường giáo dục quân sự hiện đại, việc học các môn cơ sở ngành tại Nhà trường là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi học viên. Trong thời gian qua, chất lượng học các môn này của học viên còn tồn tại nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục đào tạo, cụ thể:

Sự thiếu tự giác và tinh thần chủ động trong học tập: Một trong những thực trạng hiện nay đó là nhiều học viên chưa phát huy được tinh thần tự giác và chủ động trong học tập, khả năng tự học cũng như ý thức học tập của một bộ phận học viên chưa cao. Việc học tập vẫn mang tính thụ động, phụ thuộc vào giảng viên mà chưa có động lực tự nghiên cứu, tìm hiểu sâu các kiến thức nền tảng. Nhiều học viên chỉ tập trung ôn luyện khi sắp đến kì thi, ngày thi thay vì thường xuyên bổ sung kiến thức trong suốt quá trình học.

Kỹ năng tự học và nghiên cứu chưa hoàn thiện: Quan sát của chúng tôi nhận thấy rằng, kỹ năng tự học và nghiên cứu của học viên còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu các môn cơ sở ngành. Nhiều học viên chưa nắm vững phương pháp tự học hiệu quả, chưa biết cách tìm kiếm và sử dụng tài liệu tham khảo ngoài giáo trình chính. Điều này dẫn đến việc kiến thức của học viên thường chỉ dừng ở mức độ cơ bản, thiếu chiều sâu và khả năng áp dụng vào thực tiễn.

Thiếu nhận thức về tầm quan trọng của các môn cơ sở ngành: Một bộ phận học viên chưa có cái nhìn đúng đắn và đầy đủ về vai trò của các môn cơ sở ngành đối với quá trình học tập tại Nhà trường cũng như công tác sau này. Sự thiếu nhận thức này khiến học viên không thực sự quan tâm và đầu tư đủ thời gian, nỗ lực vào việc học. Việc coi các môn cơ sở ngành chỉ là các môn học lí thuyết hoặc chỉ nhằm đạt yêu cầu thi cử đã làm giảm đi động lực học tập của học viên.

Khả năng tư duy logic và phân tích còn hạn chế: Các môn cơ sở ngành thường yêu cầu khả năng tư duy logic và phân tích cao để có thể hiểu sâu từ đó áp dụng kiến thức vào các ngành học, các tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, nhiều học viên chưa phát triển đầy đủ kỹ năng này, dẫn đến việc học các môn cơ sở ngành chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận kiến thức lí thuyết mà chưa thể vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào ngành học và thực tiễn công tác.

Thói quen học tập chưa phù hợp với môi trường quân sự: Môi trường đào tạo quân sự yêu cầu học viên có thái độ học tập nghiêm túc, tập trung và có phương pháp học phù hợp với tính chất đặc thù của ngành. Tuy nhiên, một số học viên vẫn duy trì những thói quen học tập từ môi trường học phổ thông, thiếu kỹ năng ghi nhớ và nắm bắt nhanh các kiến thức trọng tâm. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả học tập, đặc biệt là khi các môn cơ sở ngành yêu cầu học viên có khả năng tư duy hệ thống và kiến thức chuyên sâu.

Khả năng quản lí thời gian và áp lực từ hoạt động ngoài giờ học: Do tính chất đào tạo quân sự, học viên phải tham gia nhiều hoạt động ngoài giờ học như huấn luyện quân sự, rèn luyện thể chất và các nhiệm vụ khác. Áp lực này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng quản lí thời gian và tinh thần học tập của học viên. Một số học viên gặp khó

khẩn trong việc cân đối giữa các nhiệm vụ của đơn vị và việc học tập, dẫn đến tình trạng thiếu tập trung và không duy trì được nhịp độ học tập ổn định.

Trên đây là thực trạng trong việc học các môn cơ sở ngành của học viên tại Nhà trường. Để nâng cao hiệu quả học tập, thiết nghĩ cần phải có những biện pháp giúp học viên phát huy tinh thần tự giác, cải thiện kỹ năng tự học và nhận thức được tầm quan trọng của các môn học này trong quá trình đào tạo.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐỂ HỌC TỐT CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH

Để học tốt các môn cơ sở ngành, làm cơ sở để nâng cao chất lượng chuyên ngành học viên cần có những phương pháp học tập hiệu quả và phù hợp với tính đặc thù ở một nhà trường quân sự. Với mong muốn học viên có kết quả tốt khi học các môn cơ sở ngành, chúng tôi đề xuất và chia sẻ một số kinh nghiệm học tập như sau:

Một là, học viên cần xác định mục tiêu học tập rõ ràng, tạo thói quen học tập chủ động và quản lý thời gian hiệu quả

Học viên nên xác định tầm quan trọng của các môn cơ sở ngành đối với quá trình đào tạo và với sự nghiệp quân sự của mình. Khi có mục tiêu rõ ràng, học viên sẽ có động lực lớn hơn trong việc học tập, từ đó tập trung cao độ vào việc tích lũy kiến thức cơ sở, tạo nền tảng vững chắc cho tương lai.

Học viên nên dành thời gian học mỗi ngày, tích tiểu thành đại, có công mài sắt có ngày nên kim, phải có mức độ thường xuyên nhất định. Nếu muốn đạt được kết quả tốt thì nên bỏ ngay suy nghĩ “khi nào thi mới bắt đầu học”. Càng gần đến ngày thi, càng dành nhiều thời gian nhất cho việc ôn tập, đừng cho rằng cơ sở ngành là không quan trọng, chỉ cần đạt 5 điểm “qua môn” là được. Việc học các môn cơ sở ngành là tích lũy kiến thức, giúp học viên có tư duy logic, là kiến thức nền tảng, có phương pháp học tốt những môn chuyên ngành, không phải để học qua môn hay đối phó. Nhiều học viên có những quan niệm sai lầm cho rằng chỉ cần chú tâm vào môn chuyên ngành, còn môn cơ sở là không quan trọng.

Trong môi trường quân đội, tinh thần tự giác và chủ động học tập rất quan trọng. Bất kỳ môn học nào cũng đều cần học viên tập trung, chăm chỉ từ buổi học đầu tiên cho tới tận khi thi kết thúc môn, chỉ cần một vài sự mất tập trung, lơ đãng vào một thời điểm nào đó, mất mạch tư duy, bị gián đoạn cũng đều có thể khiến học viên không hiểu bài dẫn tới kết quả học tập sa sút, không vững kiến thức cơ sở ngành. Thậm chí, kiến thức các môn cơ sở ngành có sự liên quan chặt chẽ với nhau, môn này sẽ là nền tảng kiến thức của môn kia, nên chỉ cần lơ là một đến hai môn căn bản, thì học viên có khả năng sẽ không hiểu bài trong các môn tiếp theo và các môn chuyên ngành.

Học viên cần rèn luyện thói quen tự nghiên cứu, tìm tòi kiến thức mới để làm phong phú thêm hiểu biết của mình. Tìm các tài liệu tham khảo ngoài giáo trình chính, đồng thời cập nhật kiến thức từ các nguồn uy tín.

Đối với người học là những học viên quân sự, thường phải tham gia nhiều hoạt động khác ngoài giờ học, do đó quản lý thời gian là kỹ năng thiết yếu. Hãy lập kế hoạch học tập hàng tuần, sắp xếp các khoảng thời gian học cho từng môn và phân bổ hợp lý giữa việc học lý thuyết và ôn luyện thực hành. Đặc biệt với học viên đào tạo là sĩ quan chỉ huy kỹ thuật thì đi hỏi phải có sự chính xác trong tính toán nên việc lập kế hoạch học tập một cách khoa học là điều rất cần thiết. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp học viên

học tốt các môn cơ sở ngành nói riêng và các môn học khác nói chung.

Hai là, thiết lập các nhóm học, tham gia các buổi thảo luận và hỏi đáp với giảng viên

Học nhóm với đồng đội là cách hiệu quả để chia sẻ và củng cố các kiến thức đã được giảng viên lên lớp. Học viên có thể giải đáp thắc mắc cho nhau, thảo luận và cùng nhau tìm hiểu sâu hơn các chủ đề khó. Phương pháp này cũng giúp nâng cao tinh thần đồng đội và kỹ năng làm việc nhóm. Mỗi tiểu đội, trung đội nên chọn ra hai đến ba đồng chí học tốt nhất để làm tổ phương pháp. Tổ phương pháp sẽ giải đáp những nội dung mà các thành viên còn chưa nắm chắc. Theo chúng tôi, đây là phương pháp học rất có hiệu quả, nhất là đối với các môn cơ sở. Việc tích cực trao đổi giữa các học viên với nhau sẽ làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của vấn đề, các nội dung đã hiểu và những nội dung chưa hiểu, để từ đó nắm vững hơn những kiến thức được giảng viên truyền thụ.

Những đồng chí học viên khóa trước chính là nguồn tài liệu tham khảo vô cùng quý báu cho học viên khóa sau. Học viên nên giao lưu với các đồng chí khóa trước để học hỏi kinh nghiệm nghe giảng, kinh nghiệm ghi chép, kinh nghiệm học thuộc bài, kinh nghiệm thi để đạt kết quả tốt nhất.

Nếu có điều kiện các đơn vị nên tổ chức cho học viên đi ngoại khóa, đi thực tế nhiều hơn, chắc chắn sẽ giúp việc học đạt hiệu quả hơn.

Với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, học viên cũng có thể tìm kiếm thông tin thông qua các trang mạng xã hội, diễn đàn hay các tài liệu bài giảng online. Ngoài ra không ngừng tìm hiểu các tài liệu của các nước trên thế giới liên quan về các môn cơ sở ngành, chuyên ngành đang học để nâng cao kiến thức.

Bên cạnh đó, đừng ngần ngại hỏi giảng viên khi có bất kì thắc mắc nào. Các buổi thảo luận hoặc hỏi đáp giúp học viên hiểu rõ hơn những điểm khó trong môn học, đồng thời nắm vững các khái niệm, nguyên lí và những công thức quan trọng. Điều này đặc biệt có lợi cho những môn học đòi hỏi sự tư duy, phân tích và tổng hợp cao như các môn cơ sở ngành.

Ba là, luyện tập kỹ năng ghi chép, ghi nhớ, sử dụng sơ đồ tư duy và ghi chú hiệu quả

Việc ghi chép trong các buổi học là rất quan trọng. Học viên nên học cách ghi chép tóm tắt, nắm bắt các ý chính, các điểm quan trọng mà giảng viên nhấn mạnh. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng ghi nhớ thông qua các phương pháp như: Chép bài lặp lại nhiều lần, nhẩm lại, lặp lại hoặc dạy lại cho người khác.

Sơ đồ tư duy là công cụ hữu ích để hệ thống hóa và ghi nhớ kiến thức. Học viên có thể vẽ sơ đồ tóm tắt các bài học hoặc các nội dung chính của từng môn. Phương pháp này giúp dễ dàng ôn tập và nhớ lâu, đặc biệt hữu ích khi cần học các môn cơ sở có khối lượng kiến thức lớn.

Trước khi lên lớp nghe giảng bài, học viên cần giành thời gian ở nhà để đọc trước bài đó, ghi chú hoặc đánh dấu lại những phần đọc mà chưa hiểu rõ. Đối với hầu hết các môn học, nếu học viên thực hiện được điều này sẽ phát huy được khả năng tư duy, phân tích, ghi nhớ sâu bài học. Đặc biệt đối với môn học cơ sở ngành thì đọc bài trước khi lên lớp là không thể bỏ qua.

Sau giờ học chính khóa học viên nên đọc lại ngay nội dung phần vừa học và tóm tắt lại các ý chính của bài vừa nghe giảng, làm các bài tập đầy đủ, đây luôn là cách vận dụng và ghi nhớ sâu kiến thức vừa học. Khi làm bài tập phải chú ý đến ý nghĩa vật lí của

các công thức chứ không phải là chỉ thay số rồi tính ra kết quả. Học viên cần hoàn thành các bài tập do giảng viên cho sau khi kết thúc mỗi buổi học, điều này giúp học viên hiểu kiến thức một cách sâu nhất đồng thời vận dụng kiến thức vào xử lý vấn đề.

Bốn là, tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp học

Học viên cần thường xuyên tự đánh giá tiến bộ học tập, từ đó điều chỉnh phương pháp học nếu cần. Học viên nên nhận xét về những phần mình chưa hiểu rõ, điểm yếu cần cải thiện và tìm ra cách thức học hiệu quả hơn. Việc điều chỉnh kịp thời sẽ giúp nâng cao chất lượng học tập trong thời gian ngắn hơn.

Năm là, tăng cường ý thức tự giác trong rèn luyện sức khỏe để duy trì tinh thần học tập

Môi trường quân đội đi hỏi học viên có thể lực tốt để duy trì sự tập trung cao độ và tinh thần bền bỉ trong học tập. Việc rèn luyện thể lực không chỉ giúp tăng cường sức khỏe mà còn tạo động lực học tập tích cực, giúp giảm căng thẳng và duy trì sự minh mẫn. Vì vậy học viên cần có thói quen rèn luyện sức khỏe tạo nên sự cân bằng giữa học tập và rèn luyện.

Những kinh nghiệm được chia sẻ trên đây, chúng tôi hi vọng sẽ giúp học viên học tốt hơn các môn cơ sở ngành, đồng thời chuẩn bị tốt hơn cho việc thực hiện nhiệm vụ sau này trên cương vị công tác mới. Để đạt hiệu quả cao nhất, học viên cần kiên trì, có kế hoạch học tập cụ thể và luôn duy trì tinh thần học tập tích cực./.

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP MỚI VỀ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ

*Thiếu tá, ThS Nguyễn Trường Sơn; Thượng tá, ThS Nguyễn Tất Hồng
GV - Khoa Kỹ thuật cơ sở*

1. Giới thiệu

Trong xây dựng đường Ô tô hỏi các yêu cầu kỹ thuật cao, đảm bảo khả năng chịu tải trọng nặng từ các dòng xe tải hạng nặng. Đặc biệt, khi xây dựng đường trong điều kiện địa hình và khí hậu khắc nghiệt, từ các khu vực rừng núi, sông suối đến đồng bằng ngập nước. Để đảm bảo chất lượng, an toàn và hiệu quả lâu dài, khảo sát địa chất công trình là bước khởi đầu quan trọng. Mục tiêu của khảo sát địa chất là thu thập dữ liệu về tình trạng đất, đá và các yếu tố môi trường của khu vực xây dựng, từ đó giúp đưa ra giải pháp thiết kế và thi công phù hợp.

Trong xây dựng đường, khảo sát địa chất không chỉ giúp đánh giá tính chất của nền móng đất mà còn giúp phát hiện các rủi ro tiềm ẩn như sự xuất hiện của nước ngầm, lớp đất yếu, hay hiện tượng sụt lún. Những thông tin này là cơ sở để các kỹ sư đưa ra các quyết định chính xác về cách thức thi công và phương án gia cố địa chất, đặc biệt trong điều kiện khẩn cấp hoặc địa hình phức tạp. Đối với xây dựng đường, các yêu cầu về tính ổn định, chịu lực càng trở nên quan trọng hơn, đặc biệt khi phải đảm bảo hoạt động liên tục của các lực lượng quân sự trong thời gian chiến sự hoặc di chuyển quy mô lớn.

Địa hình thường gặp trong xây dựng đường rất đa dạng, bao gồm rừng rậm, đồi núi dốc đứng và những vùng đất yếu như đầm lầy và sông suối. Ở những khu vực này, việc khảo sát kỹ lưỡng tính chất cơ học của đất và đá giúp đảm bảo rằng thiết kế công trình đáp ứng được yêu cầu về chịu tải, ổn định, cũng như giảm thiểu rủi ro thi công. Với tính chất quan trọng này, khảo sát địa chất được coi là yếu tố không thể thiếu, giúp tối ưu hóa hiệu quả thi công, giảm thiểu chi phí phát sinh và tăng cường độ an toàn cho công trình đường quân sự trong các điều kiện địa hình khó khăn.

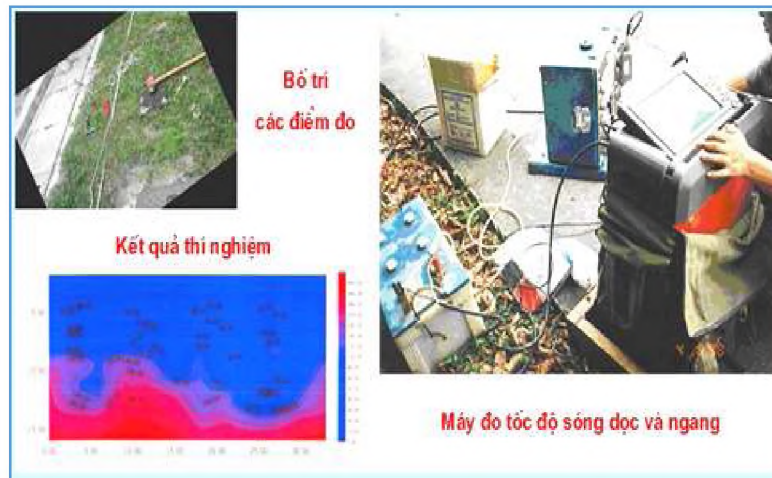
2. Các biện pháp khảo sát địa chất công trình phổ biến

2.1 Khảo sát địa vật lí

Khảo sát địa vật lí là một phương pháp hiện đại và hiệu quả trong lĩnh vực khảo sát địa chất, sử dụng các loại sóng như sóng địa chấn, điện trường hoặc từ trường để thu thập thông tin về cấu trúc địa chất dưới bề mặt mà không cần thực hiện các thao tác khoan hay đào trực tiếp. Đây là một phương pháp không xâm lấn, cho phép nghiên cứu sâu bên dưới mặt đất mà không gây ảnh hưởng đến môi trường bề mặt, đặc biệt hữu ích trong các khu vực có địa hình khó tiếp cận hoặc nhạy cảm về môi trường.

Với cơ chế hoạt động sử dụng máy đo địa chấn được gắn chắc chắn trên bề mặt trái đất rung chuyển thì toàn bộ thiết bị cũng rung chuyển theo nó ngoại trừ khối lượng của lò xo có quán tính và giữ nguyên một chỗ. Khi máy đo địa chấn rung chuyển dưới vật nặng, thiết bị ghi trên vật nặng, thiết bị ghi trên vật nặng sẽ ghi lại chuyển động tương đối giữa nó và phần còn lại của thiết bị, do đó ghi lại chuyển động của mặt đất. Trên thực tế, các cơ chế này không còn thủ công nữa mà thay vào đó hoạt động bằng các đo các thay đổi điện tử hay các cảm biến đo được bởi chuyển động của mặt đất đối với khối lượng đặt trên máy. Ưu điểm lớn của phương pháp này là khả năng bao phủ phạm vi khảo sát rộng lớn, từ đó giúp thu thập được nhiều thông tin về toàn bộ khu vực khảo sát trong thời gian ngắn. Điều này rất có lợi khi áp dụng trong việc xây dựng đường quân sự, nơi các tuyến đường thường kéo dài qua nhiều địa hình phức tạp như đồi núi hoặc rừng rậm. Ngoài ra, vì phương pháp không làm thay đổi hoặc xâm phạm đến cấu trúc bề mặt địa hình, nó phù hợp để sử dụng tại các khu vực có địa hình dốc đứng, núi đá, hoặc trong các khu rừng rậm nơi việc khoan thăm dò sẽ khó khăn và tốn kém.

Một lợi thế khác của khảo sát địa vật lí là khả năng thực hiện nhanh chóng, đáp ứng được nhu cầu cấp bách của các dự án xây dựng quân sự. Điều này giúp rút ngắn thời gian khảo sát và lập kế hoạch, cho phép bắt đầu công trình sớm hơn và giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa các giai đoạn. Với những ưu điểm như vậy, khảo sát địa vật lí đã và đang trở thành một công cụ quan trọng trong quá trình khảo sát địa chất cho xây dựng đường quân sự, đặc biệt ở những khu vực có điều kiện địa hình khó khăn hoặc yêu cầu thời gian thi công nhanh chóng.

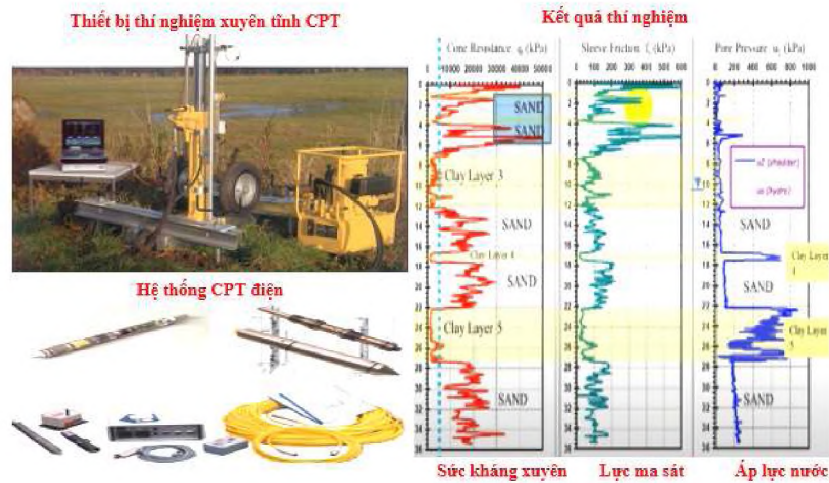


Hình 1: Khảo sát địa chất bằng phương pháp địa vật lý

2.2 Phương pháp xuyên tĩnh (CPT)

Phương pháp xuyên tĩnh (CPT) là một kỹ thuật tiên tiến trong khảo sát địa chất, sử dụng một thiết bị có đầu hình nón để xuyên vào đất và đo lực cản khi thiết bị di chuyển qua các lớp đất. Quá trình này cho phép thu thập dữ liệu về tính chất cơ học của đất một cách chi tiết và liên tục. Phương pháp CPT không yêu cầu đào hay khoan, do đó nó cung cấp thông tin trực tiếp và nhanh chóng về khả năng chịu tải và độ ổn định của đất, rất hữu ích trong các dự án xây dựng cần thông tin kịp thời và chính xác. Ưu điểm nổi bật của CPT là khả năng cung cấp dữ liệu nhanh chóng. Ngay trong quá trình thí nghiệm, các thông số liên quan đến độ cứng và sức chịu tải của đất được ghi nhận tự động, giúp kỹ sư có thể đưa ra nhận định ngay lập tức mà không cần chờ đợi phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Điều này rất quan trọng trong các dự án yêu cầu thời gian khảo sát và thi công nhanh, đặc biệt là các công trình quân sự. Với tính linh hoạt và hiệu quả, CPT là lựa chọn lý tưởng cho việc khảo sát địa chất ở những khu vực có nền đất phức tạp, cần đảm bảo tính chính xác cao trong quá trình thiết kế và thi công, đặc biệt là trong các dự án xây dựng đường quân sự.

Quy trình xuyên tĩnh CPT như sau: Bộ thí nghiệm xuyên tĩnh CPT gồm các bộ phận chủ yếu sau: trước tiên bố trí mũi xuyên tĩnh CPT đây là bộ phận trực tiếp xuyên vào đất được cấu tạo với phần đầu là mũi côn có góc đỉnh 60° . đường kính đáy mũi là 35.7 mm, diện tích tiết diện ngang là 10 cm^2 . Mũi xuyên được ấn vào trong đất cùng với cần xuyên. Việc đo sức kháng xuyên đầu mũi và ma sát bên được tiến hành liên tục và đồng thời. Mũi xuyên thường được gắn cảm biến, các thông tin về sức kháng xuyên, ma sát thành, lực ấn được chuyển thành tín hiệu điện và truyền qua cáp đặt trong cần xuyên về bộ phận đo ghi. Mũi xuyên với đá thấm đo áp lực nước lỗ rỗng cần xuyên là bộ phận truyền lực đến mũi xuyên để đưa mũi xuyên vào đất. Cần xuyên thường có đường kính bằng đường kính mũi xuyên, dài 1000 mm, được cấu tạo bằng thép đặc biệt, bên trong rỗng để luôn dây cáp tín hiệu quả. Hệ thống truyền lực dùng bơm thủy lực, pittong để ấn mũi xuyên và cần xuyên xuống đất. Hệ thống truyền lực ấn CPT hệ thống interface gồm có các module điều khiển, màn hình hiển thị, chất đổi tải cho hệ thống xuyên tĩnh CPT.



Hình 2: Khảo sát địa chất bằng phương pháp xuyên tĩnh

Trước khi tiến hành thí nghiệm, cần kiểm tra toàn bộ thiết bị, xác định chính xác vị trí xuyên đúng thiết kế và neo chắc chắn vào đất, tránh để nhô neo trong quá trình xuyên. Tiến hành xuyên bằng cách tăng áp lực xuyên lên đầu cần xuyên. Tốc độ hạ xuyên 2cm/s. Độ sâu xuyên được hiển thị trực tiếp trên Interface. Quá trình xuyên phải thực hiện liên tục, chỉ được phép dừng xuyên để nối cần. Khi xuyên phải thẳng, tránh xuyên chéo gây cong cần, kết quả xuyên sẽ không chính xác.

Các thông số cần xác định khi xuyên tĩnh:

- Sức kháng xuyên đầu mũi (Cone Resistance) q_c : Là sức kháng xuyên của đất tác dụng lên mũi xuyên, được xác định bằng tỉ số giữa lực tác dụng lên mũi côn và diện tích tiết diện đáy mũi: $q_c = Q_c/F_c$

Trong đó:

q_c : Sức kháng xuyên đơn vị, kG/cm^2

Q_c : Lực tác dụng lên đáy mũi xuyên, kG

F_c : Diện tích tiết diện đáy mũi xuyên, cm^2

- Ma sát thành đơn vị (Sleeve Friction) f_s : Là sức kháng của đất tác dụng lên bề mặt của ống đo ma sát, được xác định bằng tỉ số giữa lực tác dụng lên bề mặt ống đo ma sát Q_s và diện tích bề mặt ống đo F_s : $f_s = Q_s/F_s$

Trong đó:

f_s : Ma sát thành đơn vị, kG/cm^2

Q_s : Lực tác dụng lên ống đo ma sát, kG

F_s : Diện tích bề mặt ống đo ma sát, cm^2

- Sức kháng xuyên tổng: Là tổng lực tác dụng lên mũi côn và lực tác dụng lên ống đo ma sát: $Q_t = Q_c + Q_s$

Trong đó:

Q_t : Sức kháng xuyên tổng, kG

Q_c : Lực tác dụng lên đáy mũi xuyên, kG

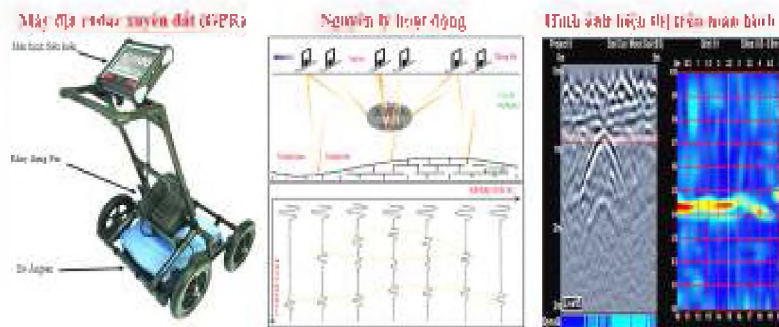
Q_s : Lực tác dụng lên ống đo ma sát, kG

- Tỉ sức kháng xuyên F_r : Là tỉ số giữa ma sát thành đơn vị f_s và sức kháng xuyên đầu mũi q_c : $F_r = f_s/q_c$

- Ngoài ra còn có thêm thông số đo áp lực nước lỗ rỗng u (kPa), đo mức độ tiêu tán áp lực nước lỗ rỗng.

2.3 Phương pháp địa radar xuyên đất (GPR)

Phương pháp địa radar xuyên đất (GPR) sử dụng sóng điện từ để khảo sát và lập bản đồ các cấu trúc dưới bề mặt mà không cần thực hiện các hoạt động xâm lấn. GPR hoạt động bằng cách phát sóng điện từ xuống lòng đất, sau đó thu thập tín hiệu phản hồi từ các lớp đất và vật thể ngầm, từ đó tạo ra hình ảnh chi tiết về cấu trúc dưới lòng đất. Đây là một phương pháp tiên tiến, cho phép nghiên cứu địa chất và phát hiện các cấu trúc ngầm mà không làm thay đổi hiện trạng bề mặt đất, công trình hiện có.

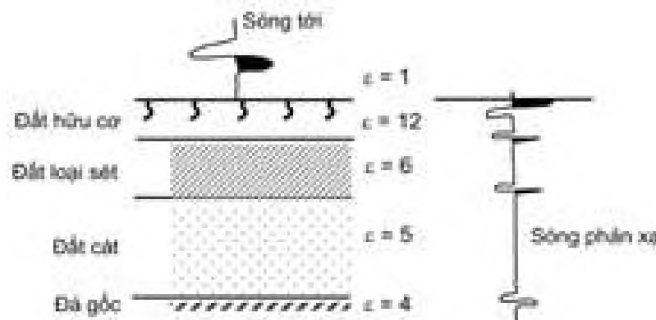


Hình 3: Khảo sát địa chất bằng phương pháp xuyên tĩnh

Công nghệ Radar xuyên đất GPR hoạt động như thế nào?

GPR sử dụng sóng năng lượng, có tần số từ 1 đến 3.000 MHz. GPR yêu cầu hai phần thiết bị chính - một máy phát và một ăng-ten thu. Máy phát gửi năng lượng điện từ vào đất và vật liệu khác. Radar xuyên đất (GPR) hoạt động bằng cách phát xung vào mặt đất và ghi lại tiếng vọng phát ra từ các vật thể dưới bề mặt. Các thiết bị hình ảnh GPR cũng phát hiện sự thay đổi trong thành phần của vật liệu nền.

Nếu xung điện từ chạm vào một vật thể, mật độ của vật thể đó sẽ phản xạ, khúc xạ và tán xạ tín hiệu. Máy thu phát hiện các tín hiệu trả về và ghi lại các biến thể bên trong chúng. Hệ thống GPR có phần mềm chuyển các tín hiệu này thành hình ảnh của các đối tượng trong bề mặt. Đây là cách nó được sử dụng để lập bản đồ các cấu trúc và tiện ích được chôn trong đất hoặc trong các cấu trúc nhân tạo.



Hình 4: Dạng sóng Radar trên vật liệu trầm tích

Ưu điểm lớn nhất của GPR là không xâm lấn, có nghĩa là quá trình khảo sát không gây ảnh hưởng đến môi trường bề mặt, đặc biệt quan trọng trong các khu vực có giá trị môi trường hoặc địa hình phức tạp. GPR có thể được sử dụng để khảo sát một diện tích

rộng lớn mà không cần khoan hoặc đào, giúp giảm thiểu thời gian và chi phí trong quá trình khảo sát. Giúp nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến quá trình thi công. Phương pháp GPR thường được ứng dụng trong việc kiểm tra nhanh các khu vực xây dựng đường quân sự để tránh va chạm với các công trình ngầm hoặc các vật thể dưới lòng đất không mong muốn. GPR cũng hữu ích trong việc khảo sát địa tầng và đánh giá chất lượng nền móng trước khi thi công, giúp đảm bảo an toàn và độ chính xác cao cho các dự án xây dựng trong môi trường phức tạp và khắc nghiệt.

3. So sánh các biện pháp

Sự khác biệt giữa Địa radar xuyên đất với khảo sát địa vật lí :

Các nguyên tắc của GPR tương tự như các nguyên tắc của địa chấn học. Sự khác biệt chính là radar xuyên đất sử dụng năng lượng điện từ, chứ không phải năng lượng âm thanh của sóng địa chấn, để phát hiện các cấu trúc dưới bề mặt.

Các cuộc khảo sát khúc xạ địa chấn học ghi lại các tín hiệu uốn cong trong lòng đất và quay trở lại bề mặt. Việc gia tăng vận tốc địa chấn trong lòng đất, liên quan đến đặc tính đàn hồi và mật độ của mặt đất, bề cong các tín hiệu âm thanh này trở lại bề mặt. Chụp ảnh địa chấn phổ biến để lập bản đồ các cấu trúc nằm ngang bên dưới mặt đất, nhưng không hiệu quả lắm để xác định các đặc điểm dọc.

GPR sử dụng năng lượng điện từ dưới dạng sóng vô tuyến tần số cao, giúp phát hiện hiệu quả những thay đổi về đặc tính điện bên dưới bề mặt. Mặt khác, năng lượng địa chấn phát hiện những thay đổi trong các đặc tính cơ học dưới bề mặt.

TT	Phương pháp	Ưu điểm nổi bật	Ứng dụng phù hợp
1	Khảo sát địa vật lí	Nhanh chóng, không xâm lấn	Khu vực rộng lớn, đồi núi, rừng rậm
2	Phương pháp xuyên tĩnh	Kết quả nhanh, độ chính xác cao	Đất mềm, vùng đồng bằng, đất ngập nước
3	Địa radar xuyên đất	Không xâm lấn, phát hiện vật thể	Kiểm tra khu vực ngầm, kiểm tra nền đất trước thi công

4. Kết luận

Mỗi biện pháp khảo sát địa chất công trình đều có những ưu điểm riêng, phù hợp với các điều kiện địa hình khác nhau trong quá trình xây dựng đường. Việc lựa chọn phương pháp khảo sát phù hợp giúp tối ưu hóa chi phí, đảm bảo chất lượng công trình và giảm thiểu các rủi ro trong thi công. Khảo sát địa chất chính xác là cơ sở vững chắc cho việc xây dựng các công trình hạ tầng, đặc biệt là đường bộ, phục vụ mục đích chiến lược và khai thác lâu dài. Đối với các công trình quân sự và đường dân sinh, việc nắm vững đặc điểm địa chất không chỉ giúp nâng cao độ bền vững, ổn định của công trình mà còn đảm bảo an toàn, đáp ứng được các yêu cầu vận hành và bảo trì trong suốt quá trình sử dụng./.

Tài liệu tham khảo:

1. TCVN 9353:2012. "Địa chất công trình - Phương pháp thăm dò địa vật lí." Bộ Khoa học và Công nghệ, Việt Nam.
2. ASTM D5778-12. "Standard Test Method for Electronic Friction Cone and Piezocone Penetration Testing of Soils." ASTM International, USA.

**TIẾN HÀNH CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG ĐỐI VỚI HỌC VIÊN
ĐÀO TẠO SĨ QUAN CHỈ HUY CẤP PHÂN ĐỘI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH:
KINH NGHIỆM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

*Trung tá, ThS Trần Quang Kiên - CTV Tiểu đoàn 2
Thiếu úy, CN Đặng Trung Tuấn - CTV Phó đại đội, Tiểu đoàn 2*

*T*iến hành công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng, nhằm giáo dục, định hướng, dẫn dắt học viên để có nhận thức, tình cảm đúng đắn, rõ ràng ngay từ đầu về mục tiêu, yêu cầu khóa học, xác định rõ mục đích, yêu cầu của việc học tập, rèn luyện trong môi trường quân đội và là điều kiện tiên quyết giúp học viên từng bước trưởng thành trên con đường binh nghiệp đã lựa chọn. Từ đó, nâng cao nhận thức về các chuẩn mực, giá trị chính trị, văn hoá, xã hội, con người và văn hóa quân sự, ý thức tự giác, tính tổ chức kỉ luật; xác định rõ động cơ phấn đấu, ý thức, thái độ học tập, rèn luyện; hình thành, phát triển các hành vi, thói quen trong sinh hoạt tập thể, trong ứng xử, giải quyết các mối quan hệ quân nhân theo đúng chuẩn mực của quân đội. Tiến hành tốt công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất cũng giúp cấp ủy, chỉ huy, đơn vị quản lí học viên nhanh chóng ổn định, triển khai hiệu quả công tác quản lí, giáo dục, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất là những học sinh, quân nhân vừa trúng tuyển kì thi tuyển sinh quân sự, một số được cử tuyển theo tiêu chí của Nhà nước và Bộ Quốc phòng vào nhập học tại các học viện, nhà trường trong Quân đội, trong đó lực lượng chủ yếu là học sinh trúng tuyển. Do vừa chuyển từ môi trường dân sự, ít ràng buộc vào môi trường quân đội có tính tổ chức chặt chẽ, kỉ luật nghiêm minh, nên đại đa số còn nhiều bỡ ngỡ, khó khăn trong việc thích nghi, một số ít tỏ ra bị “sốc” về mặt tư tưởng, tình cảm, nhận thức. Mặt khác, do đặc điểm tâm lí lứa tuổi, còn bông bột, dễ biến động, hay so sánh và bị tác động bởi môi trường xã hội, gia đình, bạn bè nên rất dễ nảy sinh tư tưởng tiêu cực. Một số còn mang nặng thói quen hưởng thụ, ỷ lại, thiếu cố gắng nên nảy sinh tư tưởng ngại học tập, rèn luyện, không hòa mình vào tập thể, tìm mọi lí do để xin thôi học. Năm học 2024 -2025, Trường Sĩ quan Công binh tuyển sinh và đào tạo học viên sĩ quan phân đội trình độ đại học khóa 31, được giao cho Tiểu đoàn 2 quản lí. Tổng số đầu khóa có 254 đồng chí trúng tuyển và nhập học, trong đó 247 đồng chí là học sinh trúng tuyển, 07 đồng chí là quân nhân trúng tuyển và cử tuyển; được biên chế thành 08 trung đội thuộc 02 đại đội của Tiểu đoàn 2. Tuổi đời của học viên đa phần sinh năm 2005 và năm 2006, 15 đồng chí sinh từ năm 2001 đến năm 2004; 16 đồng chí đã được kết nạp vào Đảng (02 chính thức 02 và 14 dự bị); 27 đồng chí là con cán bộ, công nhân viên chức nhà nước, quân đội, công an; địa bàn cư trú phía Bắc 155 đồng chí, phía Nam 85 đồng chí; 23 đồng chí thuộc dân tộc thiểu số: Tày (5), Nùng (5), Thái (6), Mường (2), Dao (1), H'Mông (1), Drai (1), Khme (1), Mạ (1); 07 đồng chí có hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; 06 đồng chí có bố hoặc mẹ đã chết, hoàn cảnh gia đình, kinh tế khó khăn... Qua hơn 02 tháng quản lí, giáo dục tại Nhà trường, đơn vị đã đề nghị giải quyết cho 08 đồng chí được thôi học, trong đó có 07 đồng

chí không đạt yêu cầu về sức khỏe theo quy định của Bộ Quốc phòng, 01 đồng chí có đơn xin thôi học, một vài đồng chí còn có diễn biến tư tưởng chưa rõ ràng, đơn vị đang tiếp tục giáo dục, động viên. Hiện nay, học viên khoá 31 đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học đang bước vào huấn luyện học kì I, đây là giai đoạn đầu tiên học viên làm quen với môi trường huấn luyện quân sự, nên gặp nhiều khó khăn nếu không có sự cố gắng, quyết tâm phấn đấu, thích nghi của mỗi học viên và cũng dễ nảy sinh các vấn đề về tư tưởng. Năm bắt được đặc điểm trên, cấp ủy, chỉ huy các cấp của đơn vị quản lí học viên đã tăng cường công tác động viên, giáo dục, hướng dẫn, giúp đỡ; từng bước duy trì, đưa các chế độ sinh hoạt, học tập, rèn luyện vào nề nếp theo đúng quy định. Tình hình đơn vị nhìn chung ổn định; tuyệt đại đa số học viên yên tâm học tập, rèn luyện; nhiều học viên có cố gắng, xác định quyết tâm cao ngay từ đầu khóa học, đạt được điểm giỏi, điểm xuất sắc trong các lần kiểm tra. Đặc biệt, tư tưởng, tâm lí, tình cảm, nhất là thể lực của học viên đã từng bước được cải thiện tốt so với thời gian đầu mới nhập học; nề nếp chính quy, các chế độ quy định từng bước đi vào ổn định, thống nhất với toàn Nhà trường. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Việc tiếp cận, làm quen và thích nghi của học viên đối với môi trường học tập, rèn luyện trong quân đội còn chậm, còn nảy sinh nhiều vấn đề tư tưởng phải giải quyết; một số học viên chưa xác định rõ động cơ nghề nghiệp, động cơ phấn đấu cầm chừng, chưa an tâm tư tưởng học tập, công tác, vào quân đội là để đáp ứng mong muốn của cha mẹ, gia đình chứ không phải là ý định của bản thân, nên tính tích cực, tự giác trong học tập, rèn luyện chưa cao, chưa thực sự cố gắng, tâm lí, thể lực còn yếu. Hiệu quả công tác quản lí, giáo dục, định hướng tư tưởng của đơn vị có thời điểm còn hạn chế, chưa linh hoạt, kịp thời. Đội ngũ cán bộ các cấp ở đơn vị quản lí học viên, nhất là cán bộ trung đội, đại đội phương pháp, tác phong, kinh nghiệm quản lí, giáo dục, chỉ huy hiệu quả chưa cao; còn lúng túng, chưa linh hoạt trong việc quan tâm, động viên, hướng dẫn học viên; còn có biểu hiện nóng vội trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chức trách; ứng xử còn khô cứng, thiên về mệnh lệnh hành chính, chưa thực sự phù hợp với tâm lí đối tượng nên hiệu quả chưa cao. ...

Từ những vấn đề trên, rút ra một số kinh nghiệm trong tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội đại học năm thứ nhất, đó là:

Thứ nhất, cấp ủy, tổ chức đảng, chính trị viên, người chỉ huy các cấp đơn vị quản lí học viên phải thường xuyên làm tốt công tác quản lí, giáo dục, định hướng tư tưởng đúng đắn cho học viên ngay từ ngày đầu nhập học. Phải nắm chắc số lượng, chất lượng học viên; kịp thời dự báo, phân tích, đánh giá, phân loại để có biện pháp tư tưởng phù hợp với từng trường hợp, nhất là những đồng chí tư tưởng còn đang có biểu hiện dao động, chưa thực sự yên tâm học tập, rèn luyện. Giáo dục cho học viên truyền thống và nét tiêu biểu của văn hóa quân sự, truyền thống đơn vị để học viên yên tâm, gắn bó với đơn vị, Nhà trường. Tăng cường công tác định hướng tư tưởng, lí tưởng, định hướng nghề nghiệp cho học viên nắm chắc mục tiêu, yêu cầu đào tạo; quá trình rèn luyện, phấn đấu trưởng thành người sĩ quan quân đội, cán bộ của Đảng.

Thứ hai, công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, tích cực, chủ động, bám sát mục tiêu, yêu cầu đào tạo của khóa học, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học

viên. Tư tưởng của học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất luôn biến động, chịu sự tác động, chi phối của môi trường học tập, rèn luyện, mục tiêu, yêu cầu đào tạo, kết quả học tập, rèn luyện tại đơn vị. Vì vậy, tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên phải làm thường xuyên, liên tục, tích cực, chủ động, hiệu quả; phải xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu đào tạo của khóa học, nhiệm vụ chính trị của đơn vị, Nhà trường. Đồng thời phải phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học viên; nắm chắc tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, tâm lí của học viên để xác định kế hoạch, nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành công tác tư tưởng phù hợp, hiệu quả.

Thứ ba, tạo môi trường thuận lợi, không khí vui tươi, tích cực, lành mạnh để học viên yên tâm tư tưởng, phát huy tính tích cực, tự giác, tự chủ, tự phấn đấu khắc phục khó khăn, dỡ gánh ban đầu để học tập, rèn luyện đạt kết quả tốt nhất. Cấp ủy, chỉ huy các cấp phải tạo môi trường thuận lợi, không khí vui vẻ, cởi mở, đoàn kết để khuyến khích học viên tích cực, chủ động hòa nhập, tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, huấn luyện, rèn luyện, công tác tại đơn vị; kết hợp nhiều biện pháp nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác tư tưởng đối với học viên. Đặc biệt chú trọng các biện pháp động viên, khơi dậy, phát huy ý thức tự giác, ý chí phấn đấu, tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn ban đầu, khơi dậy tinh thần ham học hỏi, cầu tiến bộ của tuổi trẻ, đồng thời quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ, hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi để học viên tự giác trong học tập, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống mới của người quân nhân cách mạng, người học viên sĩ quan, biết ghép mình vào tập thể; giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân, gia đình, đồng chí, đồng đội và cấp trên.

Thứ tư, mỗi học viên phải thực sự có tinh thần cố gắng, ý chí quyết tâm cao; phải xác định rõ mục đích, động cơ, lí tưởng nghề nghiệp ngay từ đầu khi nhập học. Suy cho cùng, tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất có đạt được hiệu quả hay không là do chính học viên nhận thức, tiếp thu, tiếp nhận sự giáo dục, định hướng của các chủ thể và sự tự tiến hành, tự làm công tác tư tưởng đối với bản thân của mỗi học viên. Do đó, mỗi học viên trước khi đăng kí thi vào quân đội cần xác định rõ động cơ, mục đích rõ ràng; không vì lí do gia đình hay bất kì lí do không chính đáng nào khác để đăng kí xét tuyển. Khi đã vào nhập học, phải thực sự cố gắng, xác định động cơ phấn đấu, quyết tâm cao; phải nêu cao tinh thần tự giác, kiên quyết loại bỏ thói quen cũ, lối sống hưởng thụ, cá nhân, trông chờ, ỷ lại; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và tập thể, lấy kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ, trưởng thành làm thước đo hiệu quả công tác tư tưởng.

Do đó, phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất. Trước hết, cần tập trung vào một số biện pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy tốt vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ các cấp đơn vị quản lí học viên trong lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên. Cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ các cấp đơn vị quản lí học viên là chủ thể trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên tại đơn vị. Nhận thức, trách nhiệm, trình độ, năng lực, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác tư tưởng của các chủ thể là nhân tố quyết định toàn bộ quá trình, kết quả và chất lượng công tác tư tưởng ở đơn vị. Do đó, các chủ thể phải có nhận thức

thống nhất, đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác tư tưởng, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên. Mỗi chủ thể phải căn cứ vào vị trí, vai trò, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để phát huy trách nhiệm, tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên đạt chất lượng toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, giáo dục của đơn vị và Nhà trường; nghiên cứu, quán triệt rõ yêu cầu, nhiệm vụ được giao; có giải pháp phù hợp, hiệu quả trong tiến hành công tác tư tưởng, đảm bảo đơn vị luôn ổn định, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Thường xuyên nghiên cứu, quán triệt, phổ biến, giáo dục, thực hiện tốt đường lối, quan điểm, nguyên tắc, quy chế công tác tư tưởng của Đảng, Quân đội; quán triệt, cụ thể hóa, thực hiện tốt Quy chế số 775/QC-CT ngày 12/5/2022 của Tổng cục Chính trị “Quy chế công tác quản lý tư tưởng quân nhân, năm và định hướng dư luận trong Quân đội nhân dân Việt Nam”. Cấp ủy, đội ngũ cán bộ các cấp, trước hết là chính trị viên tiểu đoàn, đại đội phải chủ động, nhạy bén trong công tác tư tưởng; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp phù hợp với nhiệm vụ chính trị, đối tượng học viên. Nắm chắc đặc điểm nhiệm vụ, thuận lợi, khó khăn, yếu tố tác động đến tư tưởng học viên để đưa ra những nhận định đúng, đánh giá sát, dự báo chính xác diễn biến tư tưởng học viên; từ đó xác định biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sát đúng, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp từng đối tượng, thời điểm và tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ, đồng bộ, đạt hiệu quả cao. Cán bộ các cấp phải sâu sát, gần gũi, quan tâm động viên, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, uốn nắn nhận thức, hành động cho học viên, giúp học viên tin, yêu, cảm phục cán bộ, coi cán bộ như người anh, người bạn thân thiết, gần gũi, là tấm gương để học tập và noi theo. Kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục, tuyên truyền cổ động, thi đua, khen thưởng, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động vui chơi giải trí của tuổi trẻ, tổ chức sinh nhật đồng đội, giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong đơn vị. Bồi dưỡng tình cảm, khơi dậy niềm tin, lòng tự hào, ý chí quyết tâm, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác cho học viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hai là, phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng tạo sức mạnh tổng hợp trong quản lý, giáo dục, định hướng cho học viên.

Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cấp cần có những chủ trương, biện pháp lãnh đạo sát đúng với tình hình thực tiễn của đơn vị, phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, đoàn thanh niên và hội đồng quân nhân trong quản lý, giáo dục, định hướng học viên, phải gắn trách nhiệm của cán bộ chủ trì với chất lượng công tác quản lý, giáo dục, khắc phục tình trạng dựa giẫm, đùn đẩy trách nhiệm, tranh công đổ lỗi, thiếu tích cực, chủ động trong quá trình giáo dục, quản lý, rèn luyện học viên. Thường xuyên quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định của trên về phổ biến, giáo dục, chấp hành pháp luật, kỉ luật, nhất là Chỉ thị số 79/CT-BQP ngày 22/7/2022 của Bộ Quốc phòng về xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”; Chỉ thị số 103/CT-BQP ngày 28/11/2019 của Bộ Quốc phòng về “Tiếp tục tăng cường quản lý, giáo dục chấp hành kỉ luật và bảo đảm an toàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam”; Thông tư 143/2023/TT-BQP ngày 27/12/2023 của Bộ Quốc phòng về “Quy định xử lí kỉ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam”; Quy chế quản lý học viên quân sự của Trường Sĩ quan Công binh;...

Đoàn thanh niên phải quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động một cách bài bản, toàn diện, tập trung vào công tuyên truyền, giáo dục, định hướng hành động cho đoàn viên; tổ chức tốt các hoạt động xung kích vào những khâu yếu, mặt yếu; xây dựng tinh thần đoàn kết, sáng tạo, bồi dưỡng, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng, tinh thần tập thể cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên; phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, thống nhất và hiệu quả với các tổ chức trong đơn vị. Hội đồng quân nhân xây dựng, thực hiện nghiêm quy chế hoạt động, quy chế phối hợp công tác; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của quân nhân; kịp thời tổng hợp, tiếp thu, phản ánh ý kiến của quân nhân. Thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp; phối hợp với các tổ chức, lực lượng thực hiện tốt các nội dung và hình thức phát huy dân chủ, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Ba là, quan tâm chăm lo mọi mặt cho học viên, coi học viên là trung tâm của quá trình quản lý, giáo dục; chủ động giải quyết kịp thời mọi vấn đề để học viên yên tâm học tập, rèn luyện. Các chủ thể quản lý, giáo dục học viên phải quán triệt sâu sắc nhiệm vụ được giao, trước hết là mục tiêu, yêu cầu đào tạo, mục đích, kết quả đạt được của công tác quản lý, giáo dục ở đơn vị; nhạy bén, tích cực, chủ động nắm tư tưởng, dư luận, diễn biến tâm lý, tình cảm, hành động của học viên để nhận định, đánh giá, phân loại chính xác và xác định nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành phù hợp, hiệu quả. Phải tạo được niềm say mê, hứng thú cho học viên tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, rèn luyện, công tác; động viên, khích lệ, xây dựng, bồi dưỡng tính độc lập, tự chủ, tích cực, tự giác của học viên, biến quá trình quản lý, rèn luyện của tổ chức thành tự quản lý, rèn luyện của cá nhân, quá trình đào tạo của Nhà trường thành tự đào tạo của mỗi học viên. Coi trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, sức khỏe và đạo đức cho đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn theo quy định; luôn đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình quản lý, giáo dục và là thước đo đánh giá năng lực, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của cán bộ; quán triệt, thực hiện tốt 3 trụ cột “*Nhà trường là nền tảng; học viên là trung tâm; cán bộ, giảng viên là người dẫn dắt và truyền cảm hứng*”. Thường xuyên làm tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là giai đoạn đầu khóa; quan tâm, bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp, kinh nghiệm quản lý, giáo dục cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là những đồng chí trẻ, ít kinh nghiệm, mới ra trường...

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị và gia đình trong quản lý, giáo dục, định hướng cho học viên. Cấp ủy, chỉ huy các cấp trong đơn vị cần chủ động liên hệ, phối hợp chặt chẽ với gia đình học viên để trao đổi, nắm tình hình, thông báo kết quả học tập, rèn luyện, quá trình phấn đấu tại đơn vị, đồng thời nắm được đặc điểm tâm lý, tư tưởng, tình cảm, các mối quan hệ của học viên với gia đình, người thân, bạn bè, từ đó có biện pháp giáo dục, định hướng hiệu quả. Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý tình hình tư tưởng với phát hiện, điều chỉnh, định hướng hành vi học viên; kịp thời ngăn ngừa, xử lý, giải quyết những biểu hiện, diễn biến tư tưởng tiêu cực, sai trái, lệch chuẩn. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhu cầu chính đáng của học viên; động viên, tạo điều kiện cho thân nhân thăm hỏi, động viên học viên; chủ động nắm tình hình, thăm hỏi gia đình học viên những lúc khó khăn, hoạn nạn, tình huống đột xuất, nhất là những gia đình chính

sách, hoàn cảnh khó khăn, kịp thời tổng hợp, đề nghị cấp trên trợ cấp khó khăn theo quy định của Đảng, Nhà nước, Quân đội, tạo điều kiện để học viên yên tâm học tập, công tác. Mặt khác, mỗi học viên phải phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, hạn chế, không ngừng phấn đấu vươn lên hoàn thiện bản thân về mọi mặt; có năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, mức độ trưởng thành của bản thân so với mục tiêu, yêu cầu quản lý, giáo dục, đào tạo; thực sự là cầu nối giữa đơn vị và gia đình trong quá trình học tập, rèn luyện, công tác tại đơn vị và Nhà trường.

Hiệu quả tiến hành công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo sĩ quan phân đội trình độ đại học năm thứ nhất trực tiếp quyết định kết quả học tập, rèn luyện, phấn đấu của học viên; giúp hình thành phương pháp, tác phong chỉ huy, định hướng, xây dựng động cơ học tập, phấn đấu rõ ràng, đúng đắn, tạo cơ sở, tiền đề cho học viên trong suốt quá trình học tập, rèn luyện tại Nhà trường; là cơ sở, nền móng, động lực to lớn để học viên phấn đấu trở thành người sĩ quan quân đội, người cán bộ, đảng viên của Đảng. Tiến hành tốt công tác tư tưởng đối với học viên cũng là mục tiêu, yêu cầu, mục đích cao nhất cần đạt được của cấp ủy, chỉ huy đơn vị quản lý, giúp đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do đó, cấp ủy, chỉ huy, đội ngũ cán bộ các cấp đơn vị quản lý học viên và từng học viên phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ; phát huy cao nhất trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác tư tưởng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện, tự rèn luyện của học viên đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu./

DỰ BÁO ĐỐI TƯỢNG TÁC CHIẾN TRONG PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

*Thượng tá, ThS Lương Trung Kiên
GV - Khoa Quân Sự chung*

Dự báo chiến lược nói chung và dự báo chiến lược trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự có vai trò ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đặc biệt, dự báo đúng đối tượng tác chiến trong các loại hình tác chiến chiến lược (TCCL) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ tạo được thế chủ động trong chuẩn bị lực lượng, trong huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu từ đó tạo thế chủ động, hạn chế bị động trong TCCL.

Phản công chiến lược (PCCL) là loại hình TCCL, được tiến hành trên một hoặc vài chiến trường, hướng chiến lược, nhằm đánh bại lực lượng chiến lược của địch đang trong quá trình tiến công, giành thế chủ động chiến lược, tạo điều kiện để chuyển sang tiến công chiến lược. Phản công chiến lược có thể được tiến hành ngay tiếp sau phòng ngự chiến lược, rút lui chiến lược hoặc ngay trong thời kì đầu chiến tranh. Để bảo đảm thắng lợi cho PCCL phải dự báo, xác định đúng đối tượng tác chiến trên chiến trường.

Dựa vào học thuyết quân sự, điều lệnh tác chiến, thực tiễn một số cuộc chiến tranh trong thời gian gần đây thì có thể khẳng định môi trường tác chiến chiến lược có liên quan, có thể dự báo. Nếu có chiến tranh địch tấn công vào chiến trường miền Đông Nam Bộ với mục đích: làm tê liệt, hoặc tiêu diệt cơ quan đầu não, làm tan rã lực lượng vũ

trang (LLVT), phá hủy tiềm lực kinh tế, chính trị, xã hội, chiếm giữ địa bàn chiến lược quan trọng trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, kết hợp với biện pháp phi vũ trang, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa...

Tùy theo bối cảnh quốc tế, khu vực, khả năng tập hợp lực lượng, tình hình, địa bàn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, địch sẽ lựa chọn thủ đoạn, biện pháp tiến công cụ thể. Chúng có thể tiến công vào một số quân khu với lực lượng quy mô khác nhau.

Nếu phát động tiến công quy mô lớn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, địch có thể huy động lực lượng hỗn hợp, quân số đông, vũ khí trang bị hiện đại gồm: các sư đoàn, lữ đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới, đổ bộ đường không (ĐBĐK), hải quân đánh bộ; lực lượng xe tăng thiết giáp, máy bay tên lửa hành trình, các hạm đội, quân đồng minh, bọn phản động người Việt lưu vong. Nhìn chung lực lượng huy động tiến công có xu hướng tinh gọn, nhưng sức mạnh tăng lên do sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao (VKCNC) và vận dụng phương thức tác chiến mới.

Để phát động chiến tranh, địch sẽ sử dụng các thủ đoạn tạo cơ, đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, gây sức ép, tập hợp lực lượng, bao vây, cấm vận, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, mua chuộc, chia rẽ làm suy yếu ta. Sử dụng các đòn hỏa lực, tác chiến điện tử (TCĐT) cường độ cao, liên tục, tập trung tiêu diệt các cơ quan đầu não, đánh vào các trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa, thành phố lớn, căn cứ hậu phương chiến dịch, chiến lược của các quân khu, hệ thống phòng không, vị trí bố trí các binh đoàn cơ động chiến lược, đầu mối giao thông, phá hủy tiềm lực chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự, buộc ta phải chấp nhận điều kiện do chúng áp đặt. Nếu không khuất phục được địch tiến hành tiến công trên bộ, kết hợp ĐBĐK chiến lược, đồng thời nếu có điều kiện sẽ tổ chức bạo loạn lật đổ (BLLĐ) cướp chính quyền trên các địa bàn trọng điểm.

Từ những phân tích trên có thể dự báo đối tượng tác chiến trong phản công chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) bao gồm: lực lượng tiến công trên bộ, lực lượng ĐBĐK chiến lược và lực lượng phản động BLLĐ bên trong.

Lực lượng tiến công trên bộ trong phản công chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ

Các lữ đoàn, sư đoàn bộ binh cơ giới, lực lượng đặc biệt, BLLĐ có vũ trang, được sự chi viện của lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa. Các lực lượng này đang tiến công hoặc có thể đã đánh chiếm được một số địa bàn trọng yếu, mục tiêu quan trọng trên các hướng của các quân khu trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, có bộ phận có thể vào sâu trong nội địa, đã bị các lực lượng khu vực phòng thủ các quân khu ngăn chặn, sát thương tiêu hao, tiêu diệt, tốc độ tiến công bị suy giảm, có hướng tiến công trong đó hướng tiến công chủ yếu bị chặn lại, lực lượng suy yếu phải tạm dừng nhưng chưa chuyển vào phòng ngự.

Khi buộc phải dừng lại, bổ sung lực lượng, phương tiện để tiếp tục tiến công, đội hình có thể hình thành các lực lượng, trong đó có lực lượng dự bị chiến lược. Bố trí đội hình lực lượng rất cơ động, không cố định mà tổ chức theo tính chất, nhiệm vụ tiến công trên các hướng. Lực lượng tiến công trên hướng chủ yếu có thể sử dụng 2 - 3 sư đoàn bộ binh và một số lữ đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới, lực lượng ĐBĐK chiến dịch. Trên hướng thứ yếu có thể sử dụng từ 1 - 2 sư đoàn; hướng phối hợp có thể có khoảng cỡ sư

đoàn hoặc một lữ đoàn. Các lực lượng tiến công, tùy tình hình nhiệm vụ, địa bàn tác chiến, tình hình cụ thể có thể tổ chức thành các lực lượng tác chiến như: Lực lượng bảo vệ, lực lượng chính, lực lượng dự bị, lực lượng bảo đảm. Lực lượng bảo vệ có thể là các đơn vị đang làm nhiệm vụ tác chiến phía trước hoặc một bộ phận lực lượng bảo vệ hai bên sườn phía sau. Lực lượng chính là các đơn vị thực hiện các trận đánh quyết định trên các hướng, bao gồm phần lớn lực lượng tham gia tiến công, được tổ chức thành các đơn vị chiến đấu theo nhiệm vụ, ý định tác chiến. Lực lượng dự bị chiến lược có thể là các sư đoàn, lữ đoàn bộ binh cơ giới, các đơn vị tác chiến đặc biệt, lực lượng đổ bộ hàng không, được tổ chức tùy theo điều kiện địa hình, thời tiết, hệ thống đường cơ động, khả năng đối phó của ta, nhiệm vụ của lực lượng dự bị để phát triển chiến đấu, đánh lại đối phương khi phản công, khôi phục sức đột kích có thể mở rộng hướng tiến công mới.

Quá trình tiến công, các cụm lực lượng địch tiến công phía trước bị các quân khu, khu vực phòng ngự của ta ngăn chặn sát thương, lực lượng bị thương vong tổn thất, tư tưởng hoang mang, khủng hoảng. Để đối phó với các hoạt động tác chiến của ta, địch nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, thế trận tiếp tục tiến công. Khi tiến công, địch có thể sử dụng các biện pháp, thủ đoạn chiến đấu, đó là: Tổ chức chiến dịch tiến công hỏa lực trực tiếp với mật độ cao, chi viện cho các cụm lực lượng cơ động triển khai, điều chỉnh đội hình, tiếp tục tiến công trên các hướng. Thực hiện các thủ đoạn nghi binh, đánh lừa phân tán, hạn chế đối phó của ta, đưa các cụm lực lượng phía sau vào tiến công. Lực lượng này có thể đột phá trên hướng chính diện hoặc vu hồi, thọc sâu. Lực lượng đặc nhiệm, chiến lược đây nhanh tốc độ tiến công.

Lực lượng địch đổ bộ đường không chiến lược trong phản công chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ

Để tạo bất ngờ, thực hiện bao vây, chia cắt chiến lược, tiến hành đánh đòn tiến công sâu, hiểm vào bên sườn phía sau đối phương, địch rất coi trọng hoạt động ĐBĐK chiến lược để tiến công nhanh vào mục tiêu chủ yếu, cùng lực lượng BLLĐ nhanh chóng tiêu diệt cơ quan đầu não, đánh chiếm địa bàn chiến lược phía sau, phá vỡ thế trận của ta, phối hợp với các hướng tiến công khác, nhanh chóng đạt được mục đích. Qui mô lực lượng ĐBĐK chiến lược trên chiến trường miền Đông Nam Bộ có thể là một số lữ đoàn đến sư đoàn thuộc lực lượng ĐBĐK hoặc kị binh đường không. Thời cơ đổ bộ có thể trước, cùng lúc hoặc trong quá trình tiến công trên bộ. Lực lượng ĐBĐK chiến lược được địch tập kết trên các hạm đội, các căn cứ thuộc các nước đồng minh, tập kết ở phía sau đội hình tiến công trên các hướng, nhất là hướng chủ yếu. Trước khi đổ bộ địch tập trung trinh sát, theo dõi các hoạt động của ta nhất là của các binh đoàn cơ động, triển khai lực lượng bảo vệ, thực hành nghi binh, tiến hành hỏa lực trực đánh phá dọn bãi đổ bộ. Tiến hành ĐBĐK chiến lược, địch thường lập cầu hàng không để vận chuyển vũ khí trang bị nặng. Hành động ĐBĐK thường bí mật, bất ngờ, sau khi đổ bộ nhanh chóng chuyển sang tiến công ngay, quá trình tiến công có sự chi viện của không quân, pháo binh, kết hợp với lực lượng BLLĐ bên trong và lực lượng tiến công trên bộ.

Lực lượng phản động bạo loạn lật đổ bên trong

Lực lượng phản động có thể gây ra các cuộc bạo loạn vũ trang qui mô lớn nhằm phối hợp với các hướng tiến công từ bên ngoài, nhanh chóng thực hiện mục đích cướp chính quyền, đánh chiếm một số mục tiêu quan trọng trong các địa bàn.

Lực lượng bao gồm: bọn phản động trong nước, bọn phản động lưu vong xâm nhập từ bên ngoài vào, cùng với các phần tử bất mãn chống đối chế độ, có sự chỉ đạo chặt chẽ của các thế lực từ bên ngoài, phối hợp với bọn tình báo, được hỏa lực chi viện. Bạo loạn lật đổ trên phạm vi rộng hoặc trên một số tỉnh, thành phố tập trung ở những nơi kinh tế, chính trị, xã hội phức tạp, cơ sở chính quyền địa phương yếu kém, dân tộc, tôn giáo không kiểm soát được. Thời cơ bạo loạn có thể diễn ra trước hoặc đồng thời với tiến công hỏa lực, trong quá trình tiến công trên bộ. Đây là đối tượng rất nguy hiểm nếu không ngăn chặn kịp thời có thể phát triển thành một hướng tiến công phối hợp ngay từ bên trong thế trận phản công chiến lược của ta.

Đối phó của địch khi ta phản công chiến lược

Quá trình tiến công phát hiện ta có khả năng phản công, địch sử dụng hỏa lực đánh phá vào sâu hậu phương chiến lược, tập trung vào những khu vực, địa bàn nghi ngờ các binh đoàn chủ lực của ta tập kết, căn cứ hỏa lực, căn cứ hậu cần kỹ thuật. Trên một số khu vực trọng điểm địch có thể nhanh chóng chuyển vào phòng ngự nhằm khống chế giao thông, bảo vệ bên sườn, thiết lập nhanh chóng một số hệ thống vật cản trên một số hướng trọng điểm. Dựa vào khả năng cơ động, sức đột kích của xe tăng, xe thiết giáp, hỏa lực pháo binh, không quân, ĐBĐK chiến dịch, bộ binh cơ giới, tiến hành tiến công vượt điểm đánh sâu vào hậu phương, mục tiêu đầu não của ta, thực hiện bao vây, chia cắt, ngăn chặn, làm suy yếu, đánh bại phản công của ta từ xa. Khi bị ta phản công, địch sử dụng sức mạnh hỏa lực pháo binh, không quân, tên lửa trực tiếp, sát thương, tiêu hao, ngăn chặn, đẩy lùi ta phản công. Sử dụng lực lượng dự bị chiến lược tiến hành vu hồi vào bên sườn phía sau đội hình ta, thực hiện bao vây chia cắt chiến lược, kết hợp với tiến công chính diện, để giành quyền chủ động, làm thay đổi cục diện chiến trường. Khi sức tiến công bị suy giảm, để bảo toàn lực lượng, địch nhanh chóng chiếm địa hình có lợi tổ chức phòng ngự chiến thuật, chiến dịch để bảo toàn, củng cố lực lượng, chuyển hướng tiến công.

Từ vấn đề nêu trên có thể rút ra một số nhận xét về địch.

Manh: Địch ở thế tiến công luôn chủ động, sử dụng VKCNC, vận dụng hình thức tác chiến linh hoạt, chuyển hóa thế trận nhanh. Tiến công, phòng ngự và chuyển hướng tiến công nhanh, tiến công mãnh liệt, liên tục, có khả năng tạo ra đột biến lớn, nhất là khả năng tác chiến trong chiều sâu. Tổ chức biên chế của địch gọn, trang bị vũ khí hiện đại, số lượng lớn, độc lập tổ chức các chiến dịch, các hướng tiến công phối hợp nhanh chóng, kịp thời có hiệu quả. Có thể đã lập được căn cứ trên bộ từ những địa bàn đã chiếm được. Lực lượng tuy bị tổn thất nhưng có khả năng bổ sung kịp thời, nhanh chóng giành lại quyền chủ động để tiếp tục tiến công, có kinh nghiệm tác chiến trên chiến trường qui mô lớn...

Hạn chế: Tiến công trong điều kiện thời tiết, khí hậu, địa hình phức tạp, đặc biệt là địa hình đặc thù của chiến trường miền Đông Nam Bộ (sông, suối nhiều, địa hình chia cắt...), sẽ hạn chế sức mạnh hiệu quả vũ khí công nghệ cao. Hoạt động tác chiến qui mô lớn phụ thuộc điều kiện địa hình, giảm tính bất ngờ, dễ bị lộ, sơ hở. Công tác bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật lớn, phức tạp, chi phí cho chiến tranh tốn kém, hoạt động tác chiến xa hậu phương của địch. Khi ta ngăn chặn, tiêu hao, tiêu diệt, lực lượng thương vong lớn, lực lượng bạo loạn bị dập tắt. tốc độ tiến công giảm, mất thế chủ

động trên chiến trường sẽ lâm vào khủng hoảng, hoang mang. Hoạt động tác chiến trong thế chiến tranh nhân dân các khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố và phòng thủ quân khu tạo ra thế đánh rộng khắp bị bao vây, chia cắt, buộc phải phân tán để đối phó. Chi viện vật chất bảo đảm cho tác chiến khó khăn khi ta ngăn chặn, khi ta đánh phá vào lực lượng tiếp tế hậu cần. Tiến hành chiến tranh phi nghĩa gặp phải sự phản đối dư luận trong nước, quốc tế...

Nghiên cứu, dự báo và xác định đúng đối tượng tác chiến có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của tác chiến chiến lược nói chung và phản công chiến lược nói riêng. Đây là vấn đề mang tính chiến lược, thực tiễn và cấp thiết, cần được tiếp tục đầu tư, nghiên cứu trên mọi chiến trường, tạo cơ sở nắm chắc địch, đối tượng tác chiến từ trước khi chúng thực hành tiến công xâm lược nước ta, bảo đảm cho ta phản công thắng lợi ở cả cấp chiến lược, chiến dịch và chiến thuật./.

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhân kỉ niệm 80 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024); 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2024); 69 năm Ngày truyền thống Trường Sĩ quan Công binh (26/12/1955 - 26/12/2024), Ban Biên tập Nội san "Thông tin Dạy và Học" đã nhận được bài viết của các đồng chí:

Trần Thanh Khôi (BGH). Nguyễn Đức Sứ (UBKT). Trần Đại Dũng, Vũ Quang Huy, Lê Thị Thuỳ, Phạm Xuân Hòa, Phan Hoàng Vũ (P1). Phạm Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Đình Anh, Nguyễn Văn Ván, Nguyễn Thế Huỳnh, Nguyễn Đức Thuận (P2). Trương Văn Hậu, Nguyễn Sĩ Thuận, Trần Kim Dung, Hoàng Hải Đăng, Đặng Văn Hợi (P5). Trần Huy Hùng (B.KHQ). Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phú Nguyên (B.KT). Huỳnh Đức Thành, Nguyễn Đại Phong, Trần Xuân Hòa, Đinh Văn Tính, Hoàng Minh Hùng, Nguyễn Đại Phong (K1). Phạm Đình Phô, Phan Hải Linh, Lư Sỹ Nguyên, Nguyễn Chí Cường, Huỳnh Dũ Cường, Lê Minh Sáng, Lê Văn Hải, Thân Thế Anh, Trần Thanh Hữu, Ninh Văn Dân, Tạ Văn Quyết, Phạm Văn Duy, Bùi Đình Uyên (K2). Trần Hữu Chung, Lê Văn Hiếu, Hoàng Kỳ Nam, Hoàng Viết Nam, Nguyễn Văn Tứ, Hoàng Viết Cường, Nguyễn Huy Hiếu (K4). Hà Văn Khang, Mai Văn Toán, Nguyễn Hải Yên, Nguyễn Lại Bê, Đặng Văn Long, Đào Ngọc Toàn, Nguyễn Văn Dũng, Trần Đức Long, Lê Thị Lý, Trần Trung (K5). Lê Sỹ Hà, Đinh Văn Long, Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Tất Hồng (K6). Nguyễn Ngọc Thịnh, Phan Văn Hiệp, Võ Hoàng Anh, Phạm Phi Long, Nguyễn Hiệp Hòa (K7). Lương Trung Kiên (K8). Ngô Thị Chiêu (D1). Trần Quang Kiên, Đặng Trung Tuấn (D2). Lê Đình Minh (D8).

Ban Biên tập Nội san xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của các đồng chí./.